

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH, NGHỀ: ĐIỀU DƯỠNG**

**MÃ NGÀNH, NGHỀ: 6720301**

**TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG (CHẤT LƯỢNG CAO)**

*Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-CDKT ngày 18 tháng 7 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum*

**Quảng Ngãi, năm 2025**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Ngành, nghề:** Điều dưỡng      Tiếng Anh: Nursing

**Mã ngành, nghề:** 6720301

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng (chất lượng cao)

**Đối tượng tuyển sinh:**

- + Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương trở lên.
- + Có kết quả học tập ở bậc trung học phổ thông đạt từ trung bình khá trở lên.
- + Có trình độ ngoại ngữ đầu vào tối thiểu đạt bậc 1/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

**Thời gian đào tạo:** 2,5 năm.

**Danh hiệu được công nhận:** Cử nhân thực hành.

### **A. GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH/MÔ TẢ NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO**

Điều dưỡng trình độ cao đẳng là ngành, nghề về chăm sóc sức khỏe người bệnh, có nhiệm vụ chăm sóc và đáp ứng những nhu cầu cơ bản của người bệnh cả về thể chất và tinh thần, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề Điều dưỡng là người đảm nhận việc chăm sóc, kiểm tra tình trạng sức khỏe của người bệnh; trực tiếp theo dõi và hỗ trợ cho bệnh nhân trong suốt quá trình trị liệu. Phạm vi công việc của điều dưỡng khác nhau tùy theo các cơ sở y tế, vị trí việc làm. Tuy nhiên, công việc chủ yếu chung nhất của nghề điều dưỡng là: Điều dưỡng tiếp đón, điều dưỡng hành chính, điều dưỡng chăm sóc, điều dưỡng phục hồi chức năng, điều dưỡng dinh dưỡng, điều dưỡng cộng đồng.

Để hành nghề, người điều dưỡng phải có sức khỏe tốt, có ý đức, có đủ kiến thức về chính trị, pháp luật, kiến thức về chuyên môn và kỹ năng giao tiếp đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao

trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) khuyến cáo trình độ điều dưỡng tối thiểu phải là cao đẳng. Theo thỏa thuận giữa các quốc gia khu vực ASEAN chỉ công nhận điều dưỡng cao đẳng trở lên. Vì vậy, trường Cao đẳng Kon Tum đã xây dựng Chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng, hệ chính quy (chất lượng cao) bao gồm 91 tín chỉ, trong đó có 19 tín chỉ thuộc các môn học chung, 72 tín chỉ thuộc các môn học, mô đun chuyên môn, 02 tín chỉ là các môn học tự chọn.

## **B. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

### **I. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng, hệ chính quy (chất lượng cao) được xây dựng và phát triển từ chương trình cao đẳng cùng chuyên ngành, với mục tiêu: Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng để thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân; có khả năng tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động điều dưỡng, nghiên cứu khoa học.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo đúng pháp luật nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân và hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, chân thành hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng người bệnh và người nhà người bệnh. Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học để cải thiện trình độ bản thân và hội nhập quốc tế.

### **II. Mục tiêu cụ thể**

#### **1. Yêu cầu về kiến thức**

1.1. Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh.

1.2. Phân tích được cơ chế sinh lý bệnh, các biến đổi về cấu trúc, chức năng, các rối loạn hệ thống các cơ quan trong cơ thể người.

1.3. Trình bày được những kiến thức cơ bản về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh.

1.4. Trình bày được kiến thức về vi sinh vật, ký sinh trùng để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh.

1.5. Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp.

1.6. Trình bày được các kiến thức về chăm sóc sức khỏe ban đầu, sức khỏe môi trường, tâm lý y học và truyền thông giáo dục sức khỏe để tham gia vào công tác tuyên truyền và phòng chống dịch bệnh trong cộng đồng.

1.7. Trình bày được các nội dung y đức, quản lý điều dưỡng, các quy định của luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ nâng cao sức khỏe nhân dân để thực hiện các quy chế, chức trách nhiệm vụ của người điều dưỡng.

1.8. Trình bày được vai trò, mục tiêu, phạm vi và nội dung nghiên cứu khoa học đối với ngành điều dưỡng.

1.9. Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.10. Trình bày được cách sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.

## **2. Yêu cầu về kỹ năng**

2.1. Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh.

2.2. Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp.

2.3. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người bệnh tại bệnh viện và cộng đồng theo quy trình điều dưỡng, bảo đảm chất lượng chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục.

2.4. Phối hợp với Bác sĩ và các nhân viên y tế khác trong việc xây dựng kế hoạch chăm sóc, điều trị người bệnh toàn diện và thực hiện tốt y lệnh của Bác sĩ.

2.5. Thực hiện khẩn trương, chính xác và có hiệu quả các quy trình sơ cấp cứu ban đầu các nạn nhân và các trường hợp bệnh nặng.

2.6. Quản lý và bảo quản được các trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách trong khoa, phòng, đơn vị.

2.7. Phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp nhằm phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe.

2.8. Thể hiện được tính chuyên nghiệp, hiệu quả trong giao tiếp và giáo dục sức khỏe, tôn trọng văn hóa, tín ngưỡng để thiết lập được mối quan hệ thân thiện, hợp tác với người bệnh, gia đình, đồng nghiệp và cộng đồng.

2.9. Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực chăm sóc, hợp tác liên ngành, quản lý môi trường chăm sóc để bảo đảm chăm sóc an toàn, toàn diện, liên tục, hiệu quả cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

2.10. Tham gia thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học và áp dụng thực hành dựa vào bằng chứng trong chăm sóc người bệnh; đề xuất sáng kiến, cải tiến chất lượng trong chăm sóc người bệnh.

2.11. Sử dụng được ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.12. Ứng dụng các kỹ năng tin học vào công việc một cách hiệu quả và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ban hành ngày 11/03/2014.

2.13. Sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.

### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

3.1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

3.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

3.3. Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

3.4. Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

3.5. Thực hiện thành thạo và an toàn các quy trình kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành.

### **C. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP**

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều dưỡng phòng khám;
- Điều dưỡng chăm sóc;
- Điều dưỡng cộng đồng.

### **D. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN HỌC TẬP**

1. Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2600 giờ/90 tín chỉ.
2. Số lượng môn học, mô đun: 40.
3. Khối lượng học tập các môn học chung: 19 tín chỉ/447 giờ.
4. Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 71 tín chỉ/2153 giờ.
5. Khối lượng lý thuyết: 807 giờ (31,04%)/47 tín chỉ; thực hành, thực tập: 1793 giờ (68,96%)/43 tín chỉ.

### **E. TỔNG HỢP CÁC NĂNG LỰC CỦA NGÀNH, NGHỀ**

| <b>TT</b> | <b>Mã năng lực</b>                      | <b>Tên năng lực</b>                                                             |
|-----------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Năng lực cơ bản (năng lực chung)</b> |                                                                                 |
| 1         | NLCB-01                                 | Rèn luyện thể chất                                                              |
| 2         | NLCB-02                                 | Khả năng hiểu biết chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh                    |
| 3         | NLCB-03                                 | Sử dụng Tiếng Anh nâng cao                                                      |
| 4         | NLCB-04                                 | Sử dụng Tin học cơ bản                                                          |
| 5         | NLCB-05                                 | Giao tiếp phù hợp với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng |

| <b>TT</b> | <b>Mã năng lực</b>                            | <b>Tên năng lực</b>                                                                                                                  |
|-----------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6         | NLCB-06                                       | Phối hợp làm việc theo nhóm hiệu quả                                                                                                 |
| 7         | NLCB-07                                       | Hành nghề theo quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp                                                                         |
| 8         | NLCB-08                                       | Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng ngành điều dưỡng trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân                          |
| 9         | NLCB-09                                       | Quản lý và sử dụng máy móc, trang thiết bị tại bệnh viện, cơ sở y tế                                                                 |
| 10        | NLCB-10                                       | Lập kế hoạch tìm kiếm việc làm                                                                                                       |
| 11        | NLCB-11                                       | Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở trong thực hành chăm sóc người bệnh                                                  |
| 12        | NLCB-12                                       | Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả                                                                         |
| <b>II</b> | <b>Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)</b> |                                                                                                                                      |
| 13        | NLCL-01                                       | Giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng hiệu quả                                                                        |
| 14        | NLCL-02                                       | Vận dụng các kiến thức về dịch tễ, môi trường và hành vi sức khỏe để nhận định, chăm sóc sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng |
| 15        | NLCL-03                                       | Vận dụng kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn để thiết lập môi trường làm việc an toàn                                                 |
| 16        | NLCL-04                                       | Đón tiếp, hướng dẫn cho người bệnh khám, nhập viện, chuyển viện, ra viện, chuyển khoa tại bệnh viện, cơ sở y tế và cộng đồng         |

| <b>TT</b> | <b>Mã năng lực</b> | <b>Tên năng lực</b>                                                              |
|-----------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 17        | NLCL-05            | Nhận định tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc của người bệnh                 |
| 18        | NLCL-06            | Phổ biến nội quy, quy định của bệnh viện                                         |
| 19        | NLCL-07            | Chuẩn bị, người bệnh dụng cụ và trợ giúp Bác sĩ khám bệnh, làm thủ thuật         |
| 20        | NLCL-08            | Theo dõi, phát hiện, phối hợp xử lý cấp cứu người bệnh                           |
| 21        | NLCL-09            | Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, kỹ thuật chuyên khoa        |
| 22        | NLCL-10            | Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe người bệnh theo chuyên khoa nội                   |
| 23        | NLCL-11            | Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe người bệnh theo chuyên khoa ngoại                 |
| 24        | NLCL-12            | Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe người bệnh theo chuyên khoa sản                   |
| 25        | NLCL-13            | Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe người bệnh theo chuyên khoa nhi                   |
| 26        | NLCL-14            | Chuẩn bị người bệnh trước và chăm sóc người bệnh sau mổ                          |
| 27        | NLCL-15            | Hỗ trợ phục hồi chức năng cho người bệnh                                         |
| 28        | NLCL-16            | Hướng dẫn sử dụng thuốc                                                          |
| 29        | NLCL-17            | Quản lý thuốc và bảo đảm dùng thuốc an toàn cho người bệnh                       |
| 30        | NLCL-18            | Nhận định nhu cầu dinh dưỡng và thực hiện các chỉ định dinh dưỡng cho người bệnh |



| <b>TT</b>  | <b>Mã năng lực</b>       | <b>Tên năng lực</b>                                                                                     |
|------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 31         | NLCL-19                  | Tham gia chăm sóc giảm nhẹ, hỗ trợ tâm lý cho người bệnh ở giai đoạn cuối                               |
| 32         | NLCL-20                  | Tham gia trực khoa phòng theo quy định                                                                  |
| 33         | NLCL-21                  | Xác định nhu cầu sức khỏe cộng đồng, lựa chọn ưu tiên để đề xuất biện pháp giải pháp                    |
| 34         | NLCL-22                  | Phân loại người bệnh, xác định các trường hợp ưu tiên                                                   |
| 35         | NLCL-23                  | Xử lý tốt sơ cứu, cấp cứu, thảm họa tại cộng đồng                                                       |
| 36         | NLCL-24                  | Lập kế hoạch điều dưỡng cá nhân, gia đình và cộng đồng                                                  |
| 37         | NLCL-25                  | Tham gia huy động cộng đồng vào chăm sóc sức khỏe, nâng cao sức khỏe                                    |
| 38         | NLCL-26                  | Tham gia lập kế hoạch hành động, tiến hành, giám sát lượng giá trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng        |
| <b>III</b> | <b>Năng lực nâng cao</b> |                                                                                                         |
| 39         | NLNC-01                  | Vận dụng các kỹ năng mềm trong công việc chuyên môn và giao tiếp                                        |
| 40         | NLNC-02                  | Sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp với đồng nghiệp nước ngoài về chuyên môn                              |
| 41         | NLNC-03                  | Tham gia nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng                                            |
| 42         | NLNC-04                  | Ứng dụng nguyên tắc quản lý và lãnh đạo trong thực hành chăm sóc cho các cá nhân, gia đình và cộng đồng |
| 43         | NLNC-05                  | Tự học tập nâng cao trình độ                                                                            |

**F. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

| <b>Mã MH,<br/>MĐ</b> | <b>Tên môn học, mô đun</b>            | <b>Số tín chỉ<br/>(LT, TH, TT)</b> | <b>Thời gian học tập (giờ)</b> |                      |                                       |                                          |                     |                                            |
|----------------------|---------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|----------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------|
|                      |                                       |                                    | <b>Tổng<br/>số giờ</b>         | <b>Trong đó</b>      |                                       |                                          |                     |                                            |
|                      |                                       |                                    |                                | <b>Lý<br/>thuyết</b> | <b>Bài<br/>tập,<br/>thảo<br/>luận</b> | <b>Thực<br/>hành,<br/>thí<br/>nghiệm</b> | <b>Thực<br/>tập</b> | <b>Thi (LT, TH)/<br/>Kiểm tra (LT, TH)</b> |
| <b>I</b>             | <b>Các môn học chung</b>              | <b>19 (14, 5, 0)</b>               | <b>447</b>                     | <b>159</b>           | <b>111</b>                            | <b>145</b>                               | <b>0</b>            | <b>12(5,7)/20(13,7)</b>                    |
| 650150012            | Giáo dục Chính trị                    | 5 (5, 0, 0)                        | 77                             | 41                   | 29                                    |                                          |                     | 2(2,0)/5(5,0)                              |
| 651720022            | Pháp luật                             | 2 (2, 0, 0)                        | 31                             | 18                   | 10                                    |                                          |                     | 1(1,0)/2(2,0)                              |
| 650420012            | Giáo dục thể chất                     | 2 (0, 2, 0)                        | 62                             | 5                    |                                       | 51                                       |                     | 2(0,2)/4(0,4)                              |
| 650430032            | Giáo dục Quốc phòng và An ninh        | 3 (2, 1, 0)                        | 78                             | 36                   |                                       | 36                                       |                     | 3(0,3)/3(2,1)                              |
| 652730012            | Tin học                               | 3 (1, 2, 0)                        | 77                             | 15                   |                                       | 58                                       |                     | 2(0,2)/ 2(0,2)                             |
| 652840082            | Tiếng Anh                             | 4 (4, 0, 0)                        | 122                            | 44                   | 72                                    |                                          |                     | 2(2,0)/4(4,0)                              |
| <b>II</b>            | <b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b> | <b>71 (33, 13, 25)</b>             | <b>2153</b>                    | <b>438</b>           | <b>38</b>                             | <b>504</b>                               | <b>1102</b>         | <b>38(20,18)<br/>/33(23,10)</b>            |
| <b>1</b>             | <b>Môn học, mô đun cơ sở</b>          | <b>17 (15, 2, 0)</b>               | <b>365</b>                     | <b>175</b>           | <b>30</b>                             | <b>140</b>                               | <b>0</b>            | <b>10(10,0)/10(10,0)</b>                   |
| 650216102            | Sinh học và di truyền                 | 1 (1, 0, 0)                        | 29                             | 9                    | 4                                     | 14                                       |                     | 1(1,0)/1(1,0)                              |

| Mã MH,<br>MĐ | Tên môn học, mô đun                                                                       | Số tín chỉ<br>(LT, TH, TT) | Thời gian học tập (giờ) |              |                             |                                |             |                                    |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|--------------|-----------------------------|--------------------------------|-------------|------------------------------------|
|              |                                                                                           |                            | Tổng<br>số giờ          | Trong đó     |                             |                                |             |                                    |
|              |                                                                                           |                            |                         | Lý<br>thuyết | Bài<br>tập,<br>thảo<br>luận | Thực<br>hành,<br>thí<br>nghiệm | Thực<br>tập | Thi (LT, TH)/<br>Kiểm tra (LT, TH) |
| 651320012    | Giải phẫu - Sinh lý                                                                       | 2 (1, 1, 0)                | 55                      | 13           |                             | 40                             |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 651320452    | Hóa sinh lâm sàng                                                                         | 2 (1, 1, 0)                | 45                      | 13           |                             | 30                             |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 651310512    | Vi sinh vật - Ký sinh trùng                                                               | 1 (1, 0, 0)                | 29                      | 13           |                             | 14                             |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 651020022    | Dược lý                                                                                   | 2 (2, 0, 0)                | 30                      | 28           |                             |                                |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 651320412    | Dịch tễ - Sức khỏe môi trường                                                             | 2 (2, 0, 0)                | 30                      | 20           | 8                           |                                |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 652820982    | Tiếng Anh nâng cao 1                                                                      | 2 (2, 0, 0)                | 44                      | 28           |                             | 14                             |             | 1(1,0)/1(1,0,)                     |
| 652820992    | Tiếng Anh nâng cao 2                                                                      | 2 (2, 0, 0)                | 44                      | 28           |                             | 14                             |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 650221182    | Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường | 2 (2, 0, 0)                | 30                      | 10           | 18                          |                                |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 651310402    | Tâm lý - Giao tiếp và giáo dục sức khỏe                                                   | 1 (1, 0, 0)                | 29                      | 13           |                             | 14                             |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 2            | <b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>                                                         | <b>52 (17, 10, 25)</b>     | <b>1743</b>             | <b>250</b>   | <b>8</b>                    | <b>334</b>                     | <b>1102</b> | <b>22(12,10)/27(9,18)</b>          |

| Mã MH,<br>MĐ | Tên môn học, mô đun                                            | Số tín chỉ<br>(LT, TH, TT) | Thời gian học tập (giờ) |              |                             |                                |             |                                    |
|--------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|--------------|-----------------------------|--------------------------------|-------------|------------------------------------|
|              |                                                                |                            | Tổng<br>số giờ          | Trong đó     |                             |                                |             |                                    |
|              |                                                                |                            |                         | Lý<br>thuyết | Bài<br>tập,<br>thảo<br>luận | Thực<br>hành,<br>thí<br>nghiệm | Thực<br>tập | Thi (LT, TH)/<br>Kiểm tra (LT, TH) |
| 652820972    | Tiếng Anh chuyên ngành điều dưỡng                              | 2 (2, 0, 0)                | 44                      | 28           |                             | 14                             |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 651430703    | Điều dưỡng cơ sở 1                                             | 3 (1, 2, 0)                | 85                      | 19           |                             | 64                             |             | 1(1,0)/1(0,1)                      |
| 651420093    | Điều dưỡng cơ sở 2                                             | 2 (1, 1, 0)                | 55                      | 14           |                             | 39                             |             | 1(1,0)/1(0,1)                      |
| 651120073    | Kiểm soát nhiễm khuẩn                                          | 2 (1, 1, 0)                | 45                      | 14           |                             | 29                             |             | 1(1,0)/1(0,1)                      |
| 651420903    | Thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở                            | 2 (0, 0, 2)                | 90                      |              |                             |                                | 88          | 1(0,1)/1(0,1)                      |
| 651430172    | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1                    | 3 (3, 0, 0)                | 52                      | 49           |                             |                                |             | 1(1,0)/2(2,0)                      |
| 651420913    | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1 | 2 (0, 0, 2)                | 90                      |              |                             |                                | 88          | 1(0,1)/1(0,1)                      |
| 651430712    | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2                    | 3 (2, 1, 0)                | 70                      | 27           |                             | 40                             |             | 1(1,0)/2(2,0)                      |

| Mã MH,<br>MĐ | Tên môn học, mô đun                                              | Số tín chỉ<br>(LT, TH, TT) | Thời gian học tập (giờ) |              |                             |                                |             |                                    |
|--------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|--------------|-----------------------------|--------------------------------|-------------|------------------------------------|
|              |                                                                  |                            | Tổng<br>số giờ          | Trong đó     |                             |                                |             |                                    |
|              |                                                                  |                            |                         | Lý<br>thuyết | Bài<br>tập,<br>thảo<br>luận | Thực<br>hành,<br>thí<br>nghiệm | Thực<br>tập | Thi (LT, TH)/<br>Kiểm tra (LT, TH) |
| 651430923    | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2   | 3 (0, 0, 3)                | 135                     |              |                             |                                | 132         | 1(0,1)/2(0,2)                      |
| 651420933    | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3   | 2 (0, 0, 2)                | 90                      |              |                             |                                | 88          | 1(0,1)/1(0,1)                      |
| 651420722    | Chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa                          | 2 (1, 1, 0)                | 52                      | 20           |                             | 30                             |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 651420943    | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa 1     | 2 (0, 0, 2)                | 90                      |              |                             |                                | 88          | 1(0,1)/1(0,1)                      |
| 651420953    | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa 2     | 2 (0, 0, 2)                | 90                      |              |                             |                                | 88          | 1(0,1)/1(0,1)                      |
| 651420733    | Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình                      | 2 (1, 1, 0)                | 50                      | 19           |                             | 29                             |             | 1(1,0)/1(0,1)                      |
| 651420963    | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1 | 2 (0, 0, 2)                | 90                      |              |                             |                                | 88          | 1(0,1)/1(0,1)                      |

| Mã MH,<br>MĐ | Tên môn học, mô đun                                              | Số tín chỉ<br>(LT, TH, TT) | Thời gian học tập (giờ) |              |                             |                                |             |                                    |
|--------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|--------------|-----------------------------|--------------------------------|-------------|------------------------------------|
|              |                                                                  |                            | Tổng<br>số giờ          | Trong đó     |                             |                                |             |                                    |
|              |                                                                  |                            |                         | Lý<br>thuyết | Bài<br>tập,<br>thảo<br>luận | Thực<br>hành,<br>thí<br>nghiệm | Thực<br>tập | Thi (LT, TH)/<br>Kiểm tra (LT, TH) |
| 651420973    | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2 | 2 (0, 0, 2)                | 90                      |              |                             |                                | 88          | 1(0,1)/1(0,1)                      |
| 651420742    | Chăm sóc sức khỏe trẻ em                                         | 2 (1, 1, 0)                | 45                      | 13           |                             | 30                             |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 651420983    | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em 1                    | 2 (0, 0, 2)                | 90                      |              |                             |                                | 88          | 1(0,1)/1(0,1)                      |
| 651420993    | Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em 2                    | 2 (0, 0, 2)                | 90                      |              |                             |                                | 88          | 1(0,1)/1(0,1)                      |
| 651420753    | Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực                 | 2 (1, 1, 0)                | 45                      | 14           |                             | 29                             |             | 1(1,0)/1(0,1)                      |
| 651320472    | Nghiên cứu khoa học y học                                        | 2 (1, 1, 0)                | 45                      | 13           |                             | 30                             |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 651420862    | Quản lý điều dưỡng                                               | 2 (2, 0, 0)                | 30                      | 20           | 8                           |                                |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 651440303    | Thực tập tốt nghiệp                                              | 4 (0, 0, 4)                | 180                     |              |                             |                                | 178         | 0(0,0)/2(0,2)                      |
| <b>3</b>     | <b>Mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn học)</b>                   | <b>2 (1, 1, 0)</b>         | <b>45</b>               | <b>13</b>    |                             | <b>30</b>                      |             | <b>1(1,0)/1(1,0)</b>               |

| Mã MH,<br>MĐ            | Tên môn học, mô đun                                 | Số tín chỉ<br>(LT, TH, TT) | Thời gian học tập (giờ) |              |                             |                                |             |                                    |
|-------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|--------------|-----------------------------|--------------------------------|-------------|------------------------------------|
|                         |                                                     |                            | Tổng<br>số giờ          | Trong đó     |                             |                                |             |                                    |
|                         |                                                     |                            |                         | Lý<br>thuyết | Bài<br>tập,<br>thảo<br>luận | Thực<br>hành,<br>thí<br>nghiệm | Thực<br>tập | Thi (LT, TH)/<br>Kiểm tra (LT, TH) |
| 651120122               | Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình   | 2 (1, 1, 0)                | 45                      | 13           |                             | 30                             |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 651420100               | Chăm sóc giảm nhẹ                                   | 2 (1, 1, 0)                | 45                      | 13           |                             | 30                             |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| 651120132               | An toàn người bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện | 2 (1, 1, 0)                | 45                      | 13           |                             | 30                             |             | 1(1,0)/1(1,0)                      |
| <b>Tổng cộng (giờ):</b> |                                                     | <b>90 (47, 18, 25)</b>     | <b>2600</b>             | <b>597</b>   | <b>149</b>                  | <b>649</b>                     | <b>1102</b> | <b>45(28,17)/58(33/25)</b>         |

**Ghi chú:**

- Các môn học, mô đun thực hành, thực tập tại cơ sở bao gồm: Thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở; Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1; Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2; Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 3; Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa 1; Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa 2; Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1; Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 2; Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em 1; Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em 2; Thực tập tốt nghiệp.

- Tổng khối lượng kiến thức các môn học, mô đun thực hành, thực tập tại cơ sở là 1125 giờ (tỷ lệ 1125 giờ/2600 giờ = 43,27%).

## **G. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH**

### **I. CÁC MÔN HỌC CHUNG THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Môn học Giáo dục chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Môn học Tiếng Anh thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.



## II. HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN CHO CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA

| Số TT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                               | Thời gian                                                                                                      |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1     | Thể dục, thể thao.                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tổ chức vào các dịp lễ, kỷ niệm trong năm.                                                                     |
| 2     | Văn hoá, văn nghệ.                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tổ chức vào các dịp lễ, kỷ niệm trong năm.                                                                     |
| 3     | Thăm quan, dã ngoại.                                                                                                                                                                                                                                                                   | Tổ chức vào các kỳ nghỉ hè trong khóa học, hoặc theo thời gian bố trí của nhà giáo và theo yêu cầu của môn học |
| 4     | Tham quan học tập thực tế.                                                                                                                                                                                                                                                             | Theo thời gian bố trí của nhà giáo và yêu cầu của môn học.                                                     |
| 5     | Kiến thức cơ bản về an toàn giao thông.                                                                                                                                                                                                                                                | 1 buổi (kết hợp vào chương trình công tác của Liên chi đoàn).                                                  |
| 6     | Kiến thức cơ bản về bình đẳng giới.                                                                                                                                                                                                                                                    | 1 buổi (kết hợp vào chương trình công tác của Liên chi đoàn).                                                  |
| 7     | Kiến thức cơ bản về phòng, chống tệ nạn xã hội; HIV/AIDS; tác hại thuốc lá.                                                                                                                                                                                                            | 1 buổi (Tích hợp, lồng ghép trong chương trình “Tuần sinh hoạt công dân - người học đầu khoá” hàng năm)        |
| 8     | Tổ chức các buổi ngoại khóa về: Kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đàm phán; kỹ năng định hướng và phát triển nghề nghiệp; kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng quản lý điều hành; kỹ năng xây dựng đội ngũ vững mạnh; kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột; kỹ năng nghiên cứu khoa học, công nghệ; | 1 buổi (kết hợp vào chương trình công tác của Liên chi đoàn).                                                  |

| <b>Số TT</b> | <b>Nội dung</b>                           | <b>Thời gian</b> |
|--------------|-------------------------------------------|------------------|
|              | kỹ năng làm việc trong môi trường áp lực. |                  |

- Nhằm giúp cho người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường sẽ tổ chức cho người học tham quan, học tập tại các cơ quan đơn vị tại địa phương;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho người học tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Với mục tiêu tạo cho người học tự tin trong giao tiếp, ứng xử; làm việc nhóm; thuyết trình; phỏng vấn xin việc khi ra trường nhà trường sẽ tổ chức một số buổi ngoại khóa về một số kỹ năng mềm;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

### **III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC KIỂM TRA, THI KẾT THÚC MÔN HỌC, MÔ ĐUN**

#### **1. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ**

- Nhà giáo giảng dạy môn học, mô đun chủ động thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ (ban hành theo Quyết định số 1229/QĐ-CDKT ngày 22/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum); Quy định kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo năng lực (ban hành theo Quyết định 963/QĐ-CDKT ngày 25/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum); Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ (Quyết định số 701/QĐ-CDKT ngày 18/4/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum).

- Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học theo năng lực phải được thể hiện trong kế hoạch bài giảng.

- Đề kiểm tra định kỳ được thể hiện trong kế hoạch bài giảng lý thuyết, thực hành, tích hợp (tùy tính chất bài kiểm tra). Nội dung bao gồm: Câu hỏi kiểm tra, đáp án chấm điểm và bảng tổng hợp thể hiện các mục tiêu của chương trình môn học, chương trình mô đun được kiểm tra, đánh giá qua bài kiểm tra.

## **2. Thi kết thúc môn học, mô đun**

- Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng chủ trì, tổ chức theo kế hoạch Khảo thí hàng năm; thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, môn học, mô đun (ban hành theo Quyết định số 287/QĐ-CDKT ngày 08/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum); khoản 2 Điều 12 Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ (ban hành theo Quyết định số 1229/QĐ-CDKT ngày 22/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum).

- Đề thi, kiểm tra kết thúc môn học/mô đun được nhà giáo giảng dạy xây dựng theo Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hiện hành (ban hành theo Quyết định số 897/QĐ-CDKT ngày 12/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum) và phải thể hiện rõ nội dung đề thi, kiểm tra nhằm kiểm tra, đánh giá mục tiêu/chuẩn đầu ra nào trong chương trình môn học/chương trình mô đun.

- Đối với các môn học, mô đun do tính chất, điều kiện triển khai thực hiện, cần tổ chức thi ngay sau giảng dạy; bộ môn chủ trì, phối hợp với khoa có tờ trình đề xuất thi sau khi hoàn thành việc giảng dạy, trình Hiệu trưởng phê duyệt; phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng triển khai thực hiện.

- Đối với các môn học, mô đun thực hành, thực tập tại cơ sở, không tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun; khoa, bộ môn, nhà giáo hướng dẫn triển khai thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Quy định thực hành và thực tập trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng Giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 945/QĐ-CDKT ngày 23/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum (mô đun thực tập tốt nghiệp) và theo Quy định thực hành và thực tập trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng khối ngành sức khỏe (mô đun thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở; thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1,2,3; thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại

khoa 1,2; thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1,2; thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em 1,2).

#### **IV. HƯỚNG DẪN XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

Thực hiện theo Quyết định số 1229/QĐ-CĐKT ngày 22/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum về việc ban hành Quy chế đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quyết định số 701/QĐ-CĐKT ngày 18/4/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp các ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ. Cụ thể:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và các điều kiện khác theo quy chế đào tạo để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Căn cứ vào kết quả xét tốt nghiệp của Hội đồng xét tốt nghiệp nhà trường, Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành, nghề điều dưỡng.

#### **V. CÁC CHÚ Ý KHÁC**

1. Về địa điểm đào tạo: Được thực hiện tại Trường đối với các nội dung lý thuyết, thực hành theo kế hoạch đào tạo. Đối với các mô đun chuyên môn ngành, nghề thực hành lâm sàng tại cơ sở, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hành lâm sàng tại Bệnh viện Đa khoa, Trung tâm Y tế, qua đó giúp người học từng bước tiếp cận với thực tế ngành, nghề, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

2. Trong chương trình đào tạo các môn học, mô đun được thiết kế nhằm tạo điều kiện cho người học có thể tiếp tục theo học liên thông để nâng cao trình độ sau khi ra trường và tiếp cận hướng phát triển của khoa học và công nghệ hiện nay.

3. Có thể tổ chức hình thức đào tạo trực tuyến hoặc đào tạo kết hợp (trực tuyến và trực tiếp) đối với các môn học, mô đun sau nếu người học có đủ điều kiện cần thiết cho học tập trực tuyến:

- Đào tạo trực tuyến đối với các môn học: Giáo dục Chính trị; Pháp luật; Tin học; Tiếng Anh, Sinh học và di truyền; Hoá sinh lâm sàng; Vi sinh vật – Ký sinh trùng; Dược lý; Dịch tễ - Sức khỏe môi trường; Tiếng Anh chuyên ngành điều dưỡng; Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường; Tâm lý – Giao tiếp và giáo dục sức khỏe; Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1 và 2; Chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa; Chăm sóc sức khỏe trẻ em; Quản lý điều dưỡng; Nghiên cứu khoa học y học; Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình; An toàn người bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện.

- Đào tạo kết hợp đối với các môn học, mô đun: Giải phẫu - Sinh lý; Điều dưỡng cơ sở 1 và 2; Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình; Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực.

Đầu mỗi học kỳ, khoa tổ chức khảo sát về điều kiện học tập trực tuyến của người học để lập kế hoạch đào tạo trực tuyến hoặc đào tạo kết hợp cho phù hợp.

#### **H. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH (tại Phụ lục kèm theo)**

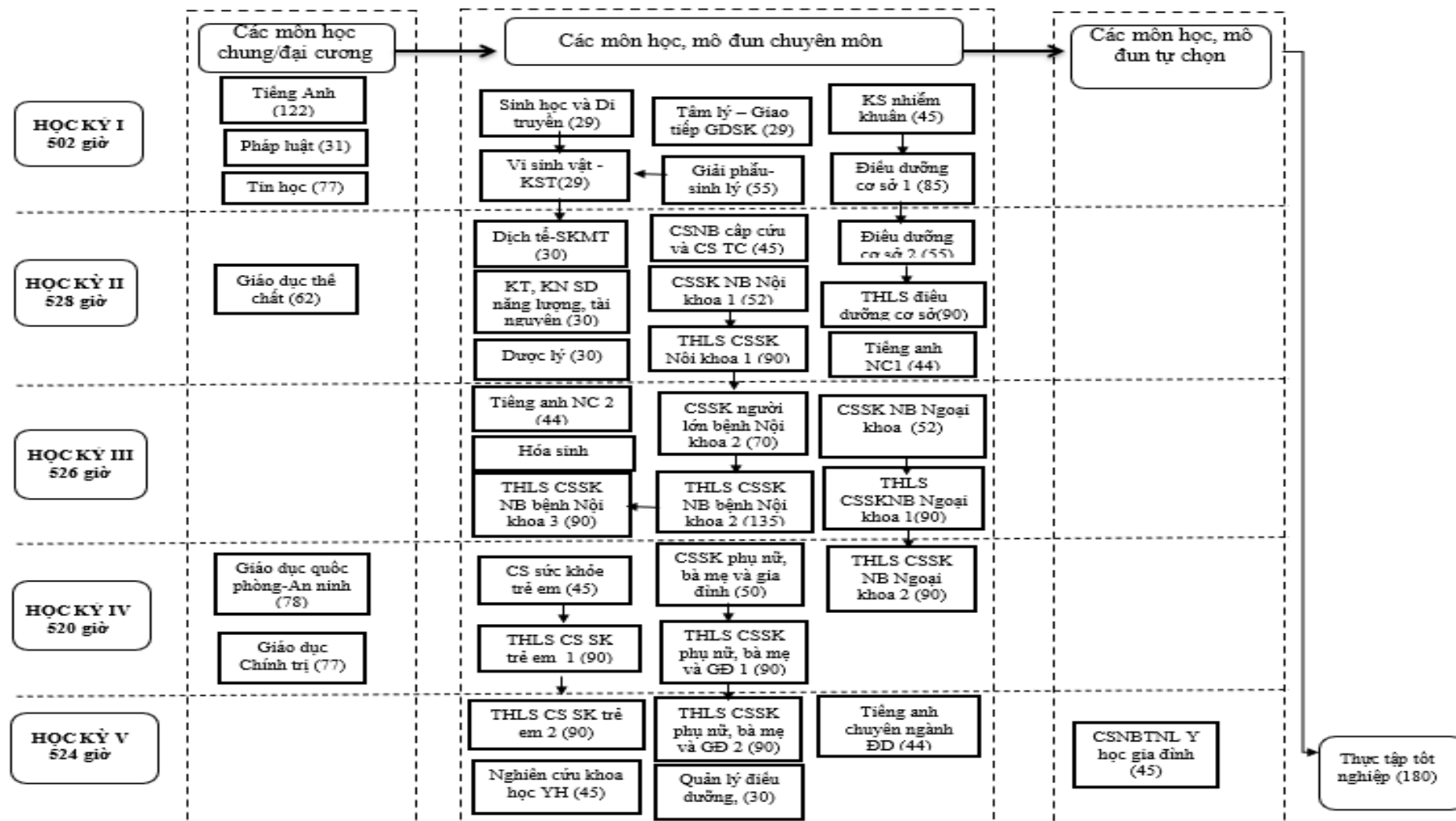
- 1. Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy**
- 2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**
- 3. Thư viện và học liệu**
- 4. Các điều kiện khác**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Trí Khải**

# SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Điều dưỡng Mã ngành, nghề: 6720301



**Phụ lục****ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH****1. Nhà giáo****a) Nhà giáo cơ hữu**

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên nhà giáo</b> | <b>Trình độ chuyên môn được đào tạo</b> | <b>Trình độ nghiệp vụ sư phạm</b> | <b>Trình độ kỹ năng nghề</b> | <b>Môn học, mô đun được phân công giảng dạy</b>                                                                                                                                             |
|-----------|---------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Lê Trí Khải               | Tiến sĩ Y tế công cộng                  | x                                 |                              | Giải phẫu – Sinh lý, Dịch tễ - Sức khỏe môi trường, Nghiên cứu khoa học y học                                                                                                               |
| 2         | Lê Thành Vinh             | BSCKI Truyền nhiễm                      | x                                 | x                            | Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình, Chăm sóc sức khỏe trẻ em                                                                                                                 |
| 3         | Đinh Quang Thuận          | BSCKI Ngoại                             | x                                 | x                            | Giải phẫu – Sinh lý, Chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa                                                                                                                                |
| 4         | Nguyễn Cảnh Toàn          | CKI Dược                                | x                                 | x                            | Dược lý                                                                                                                                                                                     |
| 5         | Vũ Thị Thu Hà             | Ths Điều dưỡng                          | x                                 | x                            | Điều dưỡng cơ sở 1, Điều dưỡng cơ sở 2, Thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở, Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa 1&2, Thực tập tốt nghiệp, Nghiên cứu khoa học y học |
| 6         | Nguyễn Thị                | CN Điều                                 | x                                 | x                            | Điều dưỡng cơ sở 1,                                                                                                                                                                         |

|    |                        |                            |   |   |                                                                                                                                                                                                                         |
|----|------------------------|----------------------------|---|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Hoài Anh               | đưỡng                      |   |   | Điều dưỡng cơ sở 2, Thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở, Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1 & 2, Thực tập tốt nghiệp, Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình, Quản lý điều dưỡng |
| 7  | Hoàng Thị Chúc         | CN Điều dưỡng              | x | x | Điều dưỡng cơ sở 1, Điều dưỡng cơ sở 2, Thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở, Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe trẻ em 1&2 , Thực tập tốt nghiệp                                                                      |
| 8  | Đặng Thị Thanh Hà      | CN ĐD chuyên ngành Phụ sản | x | x | Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình, Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1&2                                                                                                         |
| 9  | Lê Thị Ý               | CKI Sản phụ khoa           | x | x | Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình, Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình 1&2, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1&2                                                          |
| 10 | Nguyễn Thị Thảo Nguyên | CN Xét nghiệm              | x | x | Hoá sinh lâm sàng, Vi sinh vật – Ký sinh trùng, Tâm lý - Giao tiếp và giáo dục sức                                                                                                                                      |



|    |                           |                                           |   |   |                                                                                                                                                                      |
|----|---------------------------|-------------------------------------------|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                           |                                           |   |   | khỏe                                                                                                                                                                 |
| 11 | Nguyễn Thị<br>Ngân Thương | ThS Y tế<br>công cộng                     | x | x | An toàn người bệnh và<br>chăm sóc người bệnh<br>toàn diện, Dịch tễ - Sức<br>khỏe môi trường, Thực<br>hành lâm sàng chăm<br>sóc sức khỏe người<br>bệnh ngoại khoa 1&2 |
| 12 | Trần Hồng<br>Đỉnh         | ThS sinh<br>học                           | x | x | Sinh học và di truyền                                                                                                                                                |
| 13 | Lê Thị Hoan               | ThS chuyên<br>ngành Hồ<br>Chí Minh<br>học | x | x | Giáo dục chính trị                                                                                                                                                   |
| 14 | Hồ Trịnh Nhất<br>Gia      | ThS Luật                                  | x |   | Pháp luật                                                                                                                                                            |
| 15 | Hoàng Văn Vỹ              | Cử nhân sư<br>phạm giáo<br>dục thể chất   | x |   | Giáo dục thể chất                                                                                                                                                    |
| 16 | Nghiêm Thị<br>Thu Hoài    | ThS Ngôn<br>ngữ Anh                       | x | x | Tiếng Anh, Tiếng Anh<br>chuyên ngành Điều<br>dưỡng, Tiếng Anh<br>nâng cao 1&2                                                                                        |
| 17 | Trần Hồng<br>Đỉnh         | ThS Sinh<br>học                           | x | x | Sinh học và di truyền                                                                                                                                                |
| 18 | Ngô Thị<br>Phương Dung    | ThS khoa<br>học máy<br>tính               | x | x | Tin học                                                                                                                                                              |

b) Nhà giáo thỉnh giảng

| TT | Họ và tên nhà giáo | Trình độ chuyên môn được đào tạo | Trình độ nghiệp vụ sư phạm | Trình độ kỹ năng nghề | Môn học, mô đun được phân công giảng dạy                                                                                      | Ghi chú |
|----|--------------------|----------------------------------|----------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | Tô Hiền Vinh       | BSCKI Ngoại nội                  | x                          | x                     | Giải phẫu, sinh lý, Vi sinh vật - Ký sinh trùng, Chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa                                      |         |
| 2  | Nguyễn Duy Khánh   | BSCKI Sản                        | x                          | x                     | CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình                                                                                                |         |
| 3  | Huỳnh Thị Thu Thủy | Ths Điều dưỡng                   | x                          | x                     | Kiểm soát nhiễm khuẩn; An toàn người bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện                                                    |         |
| 4  | Tô Minh Tuấn       | BSCKII Nội                       | x                          | x                     | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa                                                                                     |         |
| 5  | Võ Khắc Tuấn       | BSCKI Nội                        | x                          | x                     | Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực                                                                              |         |
| 6  | Trần Thái Hải      | CKI Điều dưỡng                   | x                          | x                     | Thực hành lâm sàng điều dưỡng cơ sở, Thực hành lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1 & 2, Thực tập tốt nghiệp, |         |
| 7  | Võ Thị Ánh Loan    | BSCKI Y tế                       | x                          | x                     | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1,                                                                                  |         |

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên nhà giáo</b> | <b>Trình độ chuyên môn được đào tạo</b> | <b>Trình độ nghiệp vụ sư phạm</b> | <b>Trình độ kỹ năng nghề</b> | <b>Môn học, mô đun được phân công giảng dạy</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|
|           |                           | công cộng                               |                                   |                              | Dịch tễ - Sức khỏe môi trường                   |                |

## **2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**

a) Phòng học, thực hành và các loại thiết bị, máy móc hiện có:

| <b>TT</b>  | <b>Tên loại</b>                   | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|-----------------------------------|--------------------|-----------------|----------------|
| <b>I</b>   | <b>Phòng học lý thuyết</b>        | <b>Phòng</b>       | <b>03</b>       |                |
|            | - Tivi thông minh                 | Chiếc              | 03              |                |
| <b>II</b>  | <b>Phòng máy vi tính</b>          | <b>Phòng</b>       | <b>01</b>       |                |
|            | Máy vi tính                       | Bộ                 | 33              |                |
|            | Máy chiếu (Projector)             | Bộ                 | 01              |                |
|            | Máy Scanner                       | Chiếc              | 01              |                |
|            | Thiết bị lưu trữ dữ liệu          | Chiếc              | 01              |                |
|            | Máy in                            | Chiếc              | 01              |                |
| <b>III</b> | <b>Phòng thực hành ngoại ngữ</b>  | <b>Phòng</b>       | <b>01</b>       |                |
|            | Bàn điều khiển                    | Chiếc              | 01              |                |
|            | Khối điều khiển trung tâm         | Chiếc              | 01              |                |
|            | Phần mềm điều khiển (LAB)         | Bộ                 | 01              |                |
|            | Khối điều khiển thiết bị ngoại vi | Bộ                 | 01              |                |
|            | Máy chiếu (Projector)             | Bộ                 | 02              |                |
|            | Máy vi tính                       | Bộ                 | 19              |                |

| <b>TT</b> | <b>Tên loại</b>                                | <b>Đơn vị<br/>tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|------------------------------------------------|------------------------|-----------------|----------------|
|           | Loa                                            | Bộ                     | 02              |                |
|           | Tai nghe                                       | Bộ                     | 30              |                |
|           | Máy scanner                                    | Chiếc                  | 01              |                |
|           | Thiết bị lưu trữ dữ liệu                       | Chiếc                  | 01              |                |
| <b>IV</b> | <b>Phòng thực hành kỹ thuật điều<br/>dưỡng</b> | <b>Phòng</b>           | <b>01</b>       |                |
| 1         | Đồng hồ bấm giây                               | Chiếc                  | 03              |                |
| 2         | Máy vi tính                                    | Bộ                     | 01              |                |
| 3         | Máy chiếu (Projector)                          | Bộ                     | 01              |                |
| 4         | Giường người bệnh                              | Chiếc                  | 03              |                |
| 5         | Chăn                                           | Chiếc                  | 03              |                |
| 6         | Đệm                                            | Chiếc                  | 03              |                |
| 7         | Đệm hơi, nước                                  | Chiếc                  | 03              |                |
| 8         | Ga trải giường                                 | Chiếc                  | 06              |                |
| 9         | Gối                                            | Chiếc                  | 03              |                |
| 10        | Săng trải giường                               | Chiếc                  | 06              |                |
| 11        | Tấm lót                                        | Chiếc                  | 06              |                |
| 12        | Tủ đầu giường                                  | Chiếc                  | 02              |                |
| 13        | Cáng                                           | Chiếc                  | 02              |                |
| 14        | Xe cáng người bệnh                             | Chiếc                  | 02              |                |
| 15        | Xe đẩy dùng cho người bệnh                     | Chiếc                  | 01              |                |
| 16        | Xe đẩy dụng cụ, thuốc                          | Chiếc                  | 03              |                |

| <b>TT</b> | <b>Tên loại</b>                         | <b>Đơn vị<br/>tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|-----------------------------------------|------------------------|-----------------|----------------|
| 17        | Nhiệt kế thủy ngân                      | Bộ                     | 03              |                |
| 18        | Nhiệt kế điện tử                        | Chiếc                  | 10              |                |
| 19        | Huyết áp kế cột thủy ngân + ống<br>nghe | Bộ                     | 1               |                |
| 20        | Huyết áp kế điện tử                     | Chiếc                  | 3               |                |
| 21        | Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe          | Bộ                     | 12              |                |
| 22        | Máy cạo râu                             | Chiếc                  | 03              |                |
| 23        | Máy hút dịch 2 bình                     | Chiếc                  | 06              |                |
| 24        | Máy khí rung                            | Chiếc                  | 01              |                |
| 25        | Máy sấy tóc                             | Chiếc                  | 01              |                |
| 26        | Bàn chải                                | Chiếc                  | 03              |                |
| 27        | Bàn chải mềm                            | Chiếc                  | 10              |                |
| 28        | Băng buộc                               | Chiếc                  | 18              |                |
| 29        | Băng chun                               | Cuộn                   | 25              |                |
| 30        | Băng cuộn                               | Cuộn                   | 20              |                |
| 31        | Băng Esmarch                            | Cuộn                   | 1               |                |
| 32        | Băng phooc                              | Chiếc                  | 1               |                |
| 33        | Băng tam giác                           | Chiếc                  | 10              |                |
| 34        | Bát và 2 thìa                           | Bộ                     | 05              |                |
| 35        | Bình làm ấm                             | Chiếc                  | 02              |                |
| 36        | Bình oxy                                | Chiếc                  | 01              |                |
| 37        | Bình phong                              | Chiếc                  | 02              |                |

| <b>TT</b> | <b>Tên loại</b>                        | <b>Đơn vị<br/>tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|----------------------------------------|------------------------|-----------------|----------------|
| 38        | Bô                                     | Chiếc                  | 05              |                |
| 39        | Bô dệt                                 | Chiếc                  | 06              |                |
| 40        | Bô vệt                                 | Chiếc                  | 06              |                |
| 41        | Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm   | Bộ                     | 10              |                |
| 42        | Bộ nẹp gỗ sơ cứu (10 thanh)            | Bộ                     | 15              |                |
| 43        | Bộ thử test đầu giường                 | Bộ                     | 05              |                |
| 44        | Bốc thụt                               | Chiếc                  | 10              |                |
| 45        | Bơm tiêm                               | Bộ                     | 100             |                |
|           | Mỗi bộ bao gồm                         |                        |                 |                |
|           | Loại 20 ml                             | Chiếc                  | 50              |                |
|           | Loại 50 ml                             | Chiếc                  | 50              |                |
| 46        | Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt | Chiếc                  | 03              |                |
| 47        | Bóng ambu                              | Chiếc                  | 10              |                |
| 48        | Ca                                     | Chiếc                  | 10              |                |
| 49        | Cốc chia vạch                          | Chiếc                  | 08              |                |
| 50        | Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin          | Chiếc                  | 05              |                |
| 51        | Cốc đựng thức ăn                       | Chiếc                  | 05              |                |
| 52        | Cốc đựng thuốc                         | Chiếc                  | 05              |                |
| 53        | Cốc                                    | Chiếc                  | 10              |                |
| 54        | Bình đựng nước nguội                   | Chiếc                  | 05              |                |
| 55        | Phích đựng nước nóng                   | Chiếc                  | 05              |                |

| <b>TT</b> | <b>Tên loại</b>                | <b>Đơn vị<br/>tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|--------------------------------|------------------------|-----------------|----------------|
| 56        | Canuyn và khóa van             | Bộ                     | 08              |                |
| 57        | Chậu                           | Chiếc                  | 10              |                |
| 58        | Chậu inox                      | Chiếc                  | 03              |                |
| 59        | Cọc truyền inox 2 tai treo     | Chiếc                  | 05              |                |
| 60        | Dao mổ + cán dao               | Chiếc                  | 10              |                |
| 61        | Dây cao su mềm                 | Chiếc                  | 05              |                |
| 62        | Dây dẫn đo áp lực dịch não tủy | Chiếc                  | 03              |                |
| 63        | Dây dẫn lưu màng phổi          | Chiếc                  | 03              |                |
| 64        | Dây dẫn lưu màng tim           | Chiếc                  | 03              |                |
| 65        | Dây dẫn lưu ổ bụng             | Chiếc                  | 03              |                |
| 66        | Dây garo và gối nhỏ            | Bộ                     | 06              |                |
| 67        | Dây thở o y 2 nhánh            | Chiếc                  | 07              |                |
| 68        | Dây truyền                     | Chiếc                  | 10              |                |
| 69        | Đè lưỡi                        | Chiếc                  | 10              |                |
| 70        | Đèn cồn                        | Chiếc                  | 03              |                |
| 71        | Đèn soi thanh quản             | Chiếc                  | 10              |                |
| 72        | Hộp inox chữ nhật              | Chiếc                  | 10              |                |
| 73        | Hộp đựng bông gạc              | Chiếc                  | 10              |                |
| 74        | Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn      | Chiếc                  | 10              |                |
| 75        | Hộp đựng dung dịch khử khuẩn   | Chiếc                  | 10              |                |
| 76        | Hộp đựng khăn vô khuẩn         | Chiếc                  | 10              |                |
| 77        | Hộp thuốc cấp cứu phản vệ      | Bộ                     | 10              |                |

| <b>TT</b> | <b>Tên loại</b>        | <b>Đơn vị<br/>tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|------------------------|------------------------|-----------------|----------------|
| 78        | Hộp tròn inox          | Chiếc                  | 10              |                |
| 79        | Hộp inox đựng bông cầu | Chiếc                  | 10              |                |
| 80        | Hộp tròn đựng bông cùn | Chiếc                  | 10              |                |
| 81        | Kéo                    | Bộ                     | 50              |                |
|           | Mỗi bộ bao gồm         |                        |                 |                |
|           | Kéo cong               | Chiếc                  | 10              |                |
|           | Kéo thẳng              | Chiếc                  | 10              |                |
|           | Kéo cắt chỉ            | Chiếc                  | 10              |                |
|           | Kéo đầu tù             | Chiếc                  | 10              |                |
| 82        | Kẹp phẫu tích          | Chiếc                  | 30              |                |
| 83        | Kẹp phẫu tích có mẫu   | Chiếc                  | 30              |                |
| 84        | Khăn tắm               | Chiếc                  | 05              |                |
| 85        | Khăn rửa mặt           | Chiếc                  | 06              |                |
| 86        | Máng gội đầu           | Chiếc                  | 05              |                |
| 87        | Khay chữ nhật          | Chiếc                  | 16              |                |
| 88        | Khay hạt đậu           | Chiếc                  | 09              |                |
| 89        | Kim chọc dò            | Chiếc                  | 10              |                |
| 90        | Kim chọc dò Terumo     | Chiếc                  | 05              |                |
| 91        | Kim chọc dò tủy sống   | Chiếc                  | 10              |                |
| 92        | Kim khâu da            | Chiếc                  | 10              |                |
| 93        | Kim khâu da + chỉ line | Chiếc                  | 10              |                |
| 94        | Kim mang kim           | Chiếc                  | 10              |                |



| TT  | Tên loại                             | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|----------------|----------|---------|
| 95  | Kìm mở miệng                         | Chiếc          | 10       |         |
| 96  | Lọ đựng phân                         | Chiếc          | 05       |         |
| 97  | Lược                                 | Chiếc          | 05       |         |
| 98  | Mask thở oxy                         | Chiếc          | 10       |         |
| 99  | Mô hình đa năng                      | Bộ             | 03       |         |
| 100 | Mô hình đặt ống thông dạ dày         | Chiếc          | 10       |         |
| 101 | Mô hình hồi sinh tim phổi            | Bộ             | 08       |         |
| 102 | Mô hình thông tiểu nam               | Chiếc          | 10       |         |
| 103 | Mô hình thông tiểu nữ                | Chiếc          | 10       |         |
| 104 | Mô hình thắt tháo                    | Bộ             | 11       |         |
| 105 | Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch cánh tay | Bộ             | 10       |         |
| 106 | Mô hình tiêm mông                    | Bộ             | 08       |         |
| 107 | Ống đong có chia vạch                | Chiếc          | 03       |         |
| 108 | Ống faucher                          | Chiếc          | 15       |         |
| 109 | Ống nghe tim phổi                    | Chiếc          | 08       |         |
| 110 | Ống nghiệm                           | Bộ             | 17       |         |
|     | Mỗi bộ gồm                           |                |          |         |
|     | Loại 20ml                            | Chiếc          | 05       |         |
|     | Giá đỡ ống nghiệm                    | Chiếc          | 05       |         |
|     | Giá kẹp ống nghiệm                   | Chiếc          | 05       |         |
| 111 | Ống nội khí quản                     | Chiếc          | 30       |         |

| TT  | Tên loại                        | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú              |
|-----|---------------------------------|----------------|----------|----------------------|
| 112 | Ống sonde Clini                 | Chiếc          | 20       |                      |
| 113 | Ống sonde Levin                 | Chiếc          | 20       |                      |
| 114 | Ống sonde Nelaton các cỡ        | Chiếc          | 30       | (số 6, 8,<br>10, 12) |
| 115 | Bộ panh                         | Bộ             | 40       |                      |
|     | Mỗi bộ bao gồm                  |                |          |                      |
|     | Loại cong có máu                | Chiếc          | 10       |                      |
|     | Loại cong không máu             | Chiếc          | 10       |                      |
|     | Loại thẳng có máu               | Chiếc          | 10       |                      |
|     | Loại thẳng không máu            | Chiếc          | 10       |                      |
| 116 | Panh Farabeuf                   | Chiếc          | 06       |                      |
| 117 | Quả bóp cao su và sonde Nelaton | Bộ             | 06       |                      |
| 118 | Que bệt                         | Chiếc          | 03       |                      |
| 119 | Săng 50 50 cm                   | Chiếc          | 10       |                      |
| 120 | Săng có lỗ                      | Chiếc          | 06       |                      |
| 121 | Săng mở                         | Chiếc          | 10       |                      |
| 122 | Sonde Catheter                  | Chiếc          | 10       |                      |
| 123 | Tạp dề                          | Chiếc          | 03       |                      |
| 124 | Thìa gạt                        | Chiếc          | 03       |                      |
| 125 | Trụ cắm panh inox               | Chiếc          | 10       |                      |
| 126 | Túi chườm                       | Chiếc          | 33       |                      |
| 127 | Túi đựng dụng cụ cấp cứu        | Túi            | 03       |                      |

| TT       | Tên loại                                                                                                                            | Đơn vị<br>tính | Số lượng  | Ghi chú |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|---------|
| 128      | Vò đập đá                                                                                                                           | Chiếc          | 03        |         |
| 129      | Xô                                                                                                                                  | Chiếc          | 10        |         |
| 130      | Thùng rác y tế                                                                                                                      | Chiếc          | 01        |         |
| 131      | Bộ tranh vẽ: Tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, cơ quan tạo máu, xử trí ngộ độc cấp, say nắng, say nóng, ngạt nước, rắn cắn,... | Bộ             | 01        |         |
| 132      | Bộ tranh quy trình kỹ thuật điều dưỡng                                                                                              | Bộ             | 01        |         |
| <b>V</b> | <b>Phòng thực hành cấp cứu và chăm sóc tích cực</b>                                                                                 | <b>Phòng</b>   | <b>01</b> |         |
| 1        | Máy vi tính                                                                                                                         | Bộ             | 01        |         |
| 2        | Máy chiếu (Projector)                                                                                                               | Bộ             | 01        |         |
| 3        | Giường người bệnh                                                                                                                   | Chiếc          | 03        |         |
| 4        | Chăn                                                                                                                                | Chiếc          | 05        |         |
| 5        | Đệm                                                                                                                                 | Chiếc          | 03        |         |
| 6        | Đệm hơi, nước                                                                                                                       | Chiếc          | 03        |         |
| 7        | Ga trải giường                                                                                                                      | Chiếc          | 03        |         |
| 8        | Gối                                                                                                                                 | Chiếc          | 03        |         |
| 9        | Sắc trải giường                                                                                                                     | Chiếc          | 03        |         |
| 10       | Tấm lót                                                                                                                             | Chiếc          | 03        |         |
| 11       | Tủ đầu giường                                                                                                                       | Chiếc          | 03        |         |
| 12       | Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe                                                                                                      | Bộ             | 33        |         |

| TT        | Tên loại                                                                                                     | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---------|
| 13        | Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe                                                                         | Bộ             | 15       |         |
| 14        | Huyết áp kế điện tử                                                                                          | Chiếc          | 03       |         |
| <b>VI</b> | <b>Phòng thực hành chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh</b>                                                    |                |          |         |
| 1         | Máy vi tính                                                                                                  | Bộ             | 01       |         |
| 2         | Máy chiếu (Projector)                                                                                        | Bộ             | 03       |         |
| 3         | Giường người bệnh                                                                                            | Chiếc          | 02       |         |
| 4         | Chăn                                                                                                         | Chiếc          | 02       |         |
| 5         | Đệm                                                                                                          | Chiếc          | 02       |         |
| 6         | Đệm hơi, nước                                                                                                | Chiếc          | 03       |         |
| 7         | Ga trải giường                                                                                               | Chiếc          | 04       |         |
| 8         | Gối                                                                                                          | Chiếc          | 02       |         |
| 9         | Săng trải giường                                                                                             | Chiếc          | 02       |         |
| 10        | Tấm lót                                                                                                      | Chiếc          | 06       |         |
| 11        | Tủ đầu giường                                                                                                | Chiếc          | 02       |         |
| 12        | Xe đẩy dụng cụ, thuốc                                                                                        | Chiếc          | 05       |         |
| 13        | Đèn Clar                                                                                                     | Chiếc          | 01       |         |
| 14        | Loa soi tai                                                                                                  | Chiếc          | 01       |         |
| 15        | Đèn soi đáy mắt                                                                                              | Chiếc          | 01       |         |
| 16        | Bàn khám và điều trị tai mũi họng đa năng (thực hành lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) | Chiếc          | 01       |         |

| <b>TT</b> | <b>Tên loại</b>                                                                                                                             | <b>Đơn vị<br/>tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|----------------|
| 17        | Bộ gối đỡ đầu cho người bệnh xạ trị thực hành lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                                       | Bộ                     | 01              |                |
| 18        | Bộ khám nội soi tai mũi họng (thực hành lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                                             | Bộ                     | 01              |                |
| 19        | Đèn đọc phim cộng hưởng từ 2 cửa (thực hành lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                                         | Chiếc                  | 01              |                |
| 20        | Máy đo nồng độ bão hòa O <sub>2</sub> trong máu SpO <sub>2</sub> cầm tay (thực hành lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) | Chiếc                  | 01              |                |
| 21        | Máy kiểm soát nhiệt độ người bệnh (thực hành lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                                        | Chiếc                  | 02              |                |
| 22        | Máy theo dõi người bệnh 5 thông số (thực hành lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                                       | Chiếc                  | 02              |                |
| 23        | Máy cạo râu                                                                                                                                 | Chiếc                  | 01              |                |
| 24        | Máy hút dịch 2 bình                                                                                                                         | Chiếc                  | 01              |                |
| 25        | Máy khí dung                                                                                                                                | Chiếc                  | 01              |                |
| 26        | Máy sấy tóc                                                                                                                                 | Chiếc                  | 01              |                |
| 27        | Bàn chải                                                                                                                                    | Chiếc                  | 12              |                |
| 28        | Băng chun                                                                                                                                   | Cuộn                   | 15              |                |
| 29        | Băng cuộn                                                                                                                                   | Cuộn                   | 20              |                |
| 30        | Bảng đo thị lực                                                                                                                             | Chiếc                  | 06              |                |

| <b>TT</b> | <b>Tên loại</b>               | <b>Đơn vị<br/>tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|-------------------------------|------------------------|-----------------|----------------|
| 31        | Băng Esmarch                  | Cuộn                   | 03              |                |
| 32        | Bát và 2 thìa                 | Bộ                     | 03              |                |
| 33        | Bình phong                    | Chiếc                  | 01              |                |
| 34        | Bô                            | Chiếc                  | 02              |                |
| 35        | Bô dẹt                        | Chiếc                  | 02              |                |
| 36        | Bô vệt                        | Chiếc                  | 02              |                |
| 37        | Bốc thụt                      | Chiếc                  | 02              |                |
| 38        | Bộ thử test đầu giường        | Bộ                     | 02              |                |
| 39        | Bơm tiêm                      | Bộ                     | 20              |                |
|           | Trong đó:                     |                        |                 |                |
|           | Loại 20 ml                    | Chiếc                  | 10              |                |
|           | Loại 50 ml                    | Chiếc                  | 10              |                |
| 40        | Ca                            | Chiếc                  | 03              |                |
| 41        | Bình đựng nước nguội          | Chiếc                  | 01              |                |
| 42        | Canuyn và khóa van            | Chiếc                  | 03              |                |
| 43        | Chậu                          | Chiếc                  | 03              |                |
| 44        | Chậu inox                     | Chiếc                  | 01              |                |
| 45        | Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin | Chiếc                  | 06              |                |
| 46        | Cốc                           | Chiếc                  | 03              |                |
| 47        | Cốc đựng thức ăn              | Chiếc                  | 06              |                |
| 48        | Cọc truyền inox 2 tai treo    | Chiếc                  | 05              |                |
| 49        | Dây cao su mềm                | Chiếc                  | 03              |                |

| TT | Tên loại                  | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|----|---------------------------|----------------|----------|---------|
| 50 | Dây garo và gổì nhỏ       | Bộ             | 05       |         |
| 51 | Dây truyền                | Chiếc          | 20       |         |
| 52 | Đề lưỡi                   | Chiếc          | 06       |         |
| 53 | Dụng cụ đo nhãn áp        | Chiếc          | 06       |         |
| 54 | Hộp đựng bông gạc         | Chiếc          | 06       |         |
| 55 | Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn | Chiếc          | 06       |         |
| 56 | Hộp thuốc cấp cứu phản vệ | Bộ             | 06       |         |
| 57 | Hộp inox đựng bông cầu    | Chiếc          | 06       |         |
| 58 | Hộp tròn đựng bông cồn    | Chiếc          | 06       |         |
| 59 | Hộp tròn inox             | Chiếc          | 06       |         |
| 60 | Kéo                       | Bộ             | 20       |         |
|    | Trong đó:                 |                |          |         |
|    | Kéo cong                  | Chiếc          | 05       |         |
|    | Kéo thẳng                 | Chiếc          | 05       |         |
|    | Kéo cắt chỉ               | Chiếc          | 05       |         |
|    | Kéo đầu tù                | Chiếc          | 05       |         |
| 61 | Kẹp gấp                   | Chiếc          | 03       |         |
| 62 | Kẹp phẫu tích             | Chiếc          | 10       |         |
| 63 | Kẹp phẫu tích có máu      | Chiếc          | 10       |         |
| 64 | Khăn rửa mặt              | Chiếc          | 06       |         |
| 65 | Gương + cán gương         | Chiếc          | 06       |         |
| 66 | Lược                      | Chiếc          | 06       |         |

| <b>TT</b> | <b>Tên loại</b>                 | <b>Đơn vị<br/>tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---------------------------------|------------------------|-----------------|----------------|
| 67        | Máng gội đầu                    | Chiếc                  | 06              |                |
| 68        | Khay chữ nhật                   | Chiếc                  | 15              |                |
| 69        | Khay hạt đậu                    | Chiếc                  | 15              |                |
| 70        | Kìm mở miệng                    | Chiếc                  | 09              |                |
| 71        | Ống nghe tim phổi               | Chiếc                  | 30              |                |
| 72        | Ống sonde Clini                 | Chiếc                  | 03              |                |
| 73        | Ống sonde Levin                 | Chiếc                  | 15              |                |
| 74        | Bộ panh                         | Bộ                     | 20              |                |
|           | Trong đó:                       |                        |                 |                |
|           | Loại cong có máu                | Chiếc                  | 05              |                |
|           | Loại cong không máu             | Chiếc                  | 05              |                |
|           | Loại thẳng có máu               | Chiếc                  | 05              |                |
|           | Loại thẳng không máu            | Chiếc                  | 05              |                |
| 75        | Panh mở mũi                     | Chiếc                  | 01              |                |
| 76        | Trụ cắm panh inox               | Chiếc                  | 06              |                |
| 77        | Quả bóp cao su và sonde Nelaton | Bộ                     | 06              |                |
| 78        | Que bệt                         | Chiếc                  | 01              |                |
| 79        | Săng 50 50 cm                   | Chiếc                  | 06              |                |
| 80        | Săng có lỗ                      | Chiếc                  | 06              |                |
| 81        | Săng mở                         | Chiếc                  | 06              |                |
| 82        | Thám châm                       | Chiếc                  | 06              |                |
| 83        | Xô                              | Chiếc                  | 09              |                |



| TT         | Tên loại                                                                                      | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---------|
| <b>VII</b> | <b>Phòng thực hành sản, nhi, kế<br/>hoạch hóa gia đình</b>                                    |                |          |         |
| 1          | Máy vi tính                                                                                   | Bộ             | 01       |         |
| 2          | Máy chiếu (Projector)                                                                         | Bộ             | 01       |         |
| 3          | Giường người bệnh                                                                             | Chiếc          | 01       |         |
| 4          | Chăn                                                                                          | Chiếc          | 01       |         |
| 5          | Ga trải giường                                                                                | Chiếc          | 01       |         |
| 6          | Gối                                                                                           | Chiếc          | 01       |         |
| 7          | Đệm                                                                                           | Chiếc          | 01       |         |
| 8          | Tủ đầu giường                                                                                 | Chiếc          | 02       |         |
| 9          | Xe đẩy dụng cụ, thuốc                                                                         | Chiếc          | 07       |         |
| 10         | Cân, thước đo chiều cao người lớn                                                             | Chiếc          | 01       |         |
| 11         | Bàn khám phụ khoa                                                                             | Bộ             | 02       |         |
| 12         | Đèn khám phụ khoa                                                                             | Chiếc          | 06       |         |
| 13         | Bàn để                                                                                        | Chiếc          | 04       |         |
| 14         | Máy Monitor sản khoa (Thực hành<br>lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh,<br>cơ sở y tế dự phòng) | Chiếc          | 01       |         |
| 15         | Cân trẻ em sơ sinh                                                                            | Chiếc          | 02       |         |
| 16         | Lồng ấp sơ sinh (thực hành lâm sàng<br>tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế<br>dự phòng)      | Chiếc          | 01       |         |
| 17         | Máy đo huyết áp trẻ em                                                                        | Chiếc          | 01       |         |
| 18         | Đồng hồ bấm giây                                                                              | Chiếc          | 01       |         |

| <b>TT</b> | <b>Tên loại</b>                                                                                               | <b>Đơn vị<br/>tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|----------------|
| 19        | Nhiệt kế điện tử                                                                                              | Chiếc                  | 01              |                |
| 20        | Thiết bị hút thai chân không (1 van,<br>2 van)                                                                | Bộ                     | 01              |                |
| 21        | Bồn rửa tay tiết trùng (thực hành lâm<br>sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở<br>y tế dự phòng)               | Chiếc                  | 01              |                |
| 22        | Dàn đèn điều trị vàng da trẻ sơ sinh<br>(thực hành lâm sàng tại cơ sở khám<br>chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) | Chiếc                  |                 |                |
| 23        | Máy thở trẻ em (thực hành lâm sàng<br>tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế<br>dự phòng)                       | Chiếc                  |                 |                |
| 24        | Bếp từ đơn                                                                                                    | Chiếc                  | 03              |                |
| 25        | Máy hút dịch 2 bình                                                                                           | Chiếc                  | 01              |                |
| 26        | Máy thử nước tiểu 10 thông số                                                                                 | Chiếc                  | 01              |                |
| 27        | Máy ay sinh tố                                                                                                | Chiếc                  | 01              |                |
| 28        | Bình oxy                                                                                                      | Chiếc                  | 01              |                |
| 29        | Bốc + dây cao su                                                                                              | Bộ                     | 03              |                |
| 30        | Chậu tắm trẻ sơ sinh                                                                                          | Chiếc                  | 02              |                |
| 31        | Cốc                                                                                                           | Chiếc                  | 03              |                |
| 32        | Cốc chia vạch                                                                                                 | Chiếc                  | 03              |                |
| 33        | Cốc đựng dung dịch sát khuẩn                                                                                  | Chiếc                  | 03              |                |
| 34        | Dao mổ + cán dao                                                                                              | Chiếc                  | 03              |                |
| 35        | Dây nối hồi sức sơ sinh                                                                                       | Chiếc                  | 03              |                |
| 36        | Đèn sưởi ấm                                                                                                   | Chiếc                  | 03              |                |

| TT | Tên loại                       | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|----|--------------------------------|----------------|----------|---------|
| 37 | Đũa, thìa                      | Chiếc          | 03       |         |
| 38 | Dụng cụ tử cung Mirena         | Chiếc          | 03       |         |
| 39 | Dụng cụ tử cung Multiload      | Chiếc          | 03       |         |
| 40 | Dụng cụ tử cung TCU 380A       | Chiếc          | 03       |         |
| 41 | Hộp đựng dụng cụ               | Chiếc          | 03       |         |
| 42 | Hộp đựng dung dịch sát khuẩn   | Chiếc          | 03       |         |
| 43 | Hộp đựng kim loại có nắp kín   | Chiếc          | 03       |         |
| 44 | Hộp inox chữ nhật              | Chiếc          | 07       |         |
| 45 | Kéo                            | Bộ             | 03       |         |
|    | Mỗi bộ bao gồm                 |                |          |         |
|    | Kéo cong                       | Chiếc          | 01       |         |
|    | Kéo thẳng                      | Chiếc          | 01       |         |
|    | Kéo cắt chỉ                    | Chiếc          | 01       |         |
|    | Kéo đầu tù                     | Chiếc          | 01       |         |
| 46 | Kéo cắt móng tay có nắp bảo vệ | Chiếc          | 03       |         |
| 47 | Bộ Kẹp                         | Bộ             | 03       |         |
|    | Mỗi bộ gồm                     |                |          |         |
|    | Kẹp cố định thùng tinh         | Chiếc          | 01       |         |
|    | Kẹp cổ tử cung                 | Chiếc          | 01       |         |
|    | Kẹp hình tim                   | Chiếc          | 15       |         |
|    | Kẹp kim                        | Chiếc          | 06       |         |
|    | Kẹp sãng                       | Chiếc          | 01       |         |

| TT | Tên loại                                     | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|----|----------------------------------------------|----------------|----------|---------|
|    | Kẹp sát khuẩn                                | Chiếc          | 16       |         |
|    | Kẹp thẳng                                    | Chiếc          | 01       |         |
|    | Kẹp tròn                                     | Chiếc          | 01       |         |
| 48 | Kẹp phẫu tích                                | Chiếc          | 25       |         |
| 49 | Kẹp phẫu tích có máu                         | Chiếc          | 03       |         |
| 50 | Khay chữ nhật                                | Chiếc          | 04       |         |
| 51 | Khay hạt đậu                                 | Chiếc          | 12       |         |
| 52 | Kim 3 cạnh                                   | Chiếc          | 03       |         |
| 53 | Kim khâu (tròn, 3 cạnh)                      | Chiếc          | 03       |         |
| 54 | Kim mang kim                                 | Chiếc          | 03       |         |
| 55 | Lược mềm                                     | Chiếc          | 04       |         |
| 56 | Mặt nạ, bóp bóng                             | Bộ             | 03       |         |
| 57 | Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ    | Bộ             | 01       |         |
| 58 | Mô hình cơ quan sinh dục nam                 | Bộ             | 01       |         |
| 59 | Mô hình khung chậu nữ                        | Bộ             | 01       |         |
| 60 | Mô hình phát triển của trứng và bào thai     | Bộ             | 01       |         |
| 61 | Mô hình phôi thai từ tháng 1 đến tháng thứ 9 | Bộ             | 01       |         |
| 62 | Mô hình thai nhi đủ tháng                    | Bộ             | 01       |         |
| 63 | Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng      | Bộ             | 01       |         |

| TT | Tên loại                 | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|----|--------------------------|----------------|----------|---------|
| 64 | Mỏ vệt                   | Chiếc          | 20       |         |
| 65 | Móc dụng cụ tử cung      | Chiếc          | 03       |         |
| 66 | Móc vòi trứng            | Chiếc          | 03       |         |
| 67 | Nĩa (không máu + có máu) | Chiếc          | 03       |         |
| 68 | Nồi                      | Chiếc          | 03       |         |
| 69 | Nong cổ tử cung các số   | Bộ             | 03       |         |
| 70 | Ống hút nhót             | Chiếc          | 03       |         |
| 71 | Ống nghe tim thai        | Chiếc          | 10       |         |
| 72 | Bộ panh                  | Bộ             | 03       |         |
|    | Mỗi bộ bao gồm           |                |          |         |
|    | Loại cong có máu         | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại cong không máu      | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại thẳng có máu        | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại thẳng không máu     | Chiếc          | 01       |         |
| 73 | Panh Farabeuf            | Chiếc          | 03       |         |
| 74 | Trụ cắm panh inox        | Chiếc          | 09       |         |
| 75 | Quả hút mũi              | Chiếc          | 03       |         |
| 76 | Thìa                     | Chiếc          | 03       |         |
| 77 | Thìa gạt                 | Chiếc          | 03       |         |
| 78 | Thìa nạo (đặc + rộng)    | Chiếc          | 03       |         |
| 79 | Thước đo buồng tử cung   | Chiếc          | 03       |         |
| 80 | Thước đo khung chậu      | Chiếc          | 10       |         |

| TT          | Tên loại                                                                                                                | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---------|
| 81          | Van âm đạo                                                                                                              | Chiếc          | 21       |         |
| 82          | Bộ tranh về giải phẫu, sinh lý sinh dục nam, nữ, quá trình thai nghén, vệ sinh phụ nữ, dân số kế hoạch hóa gia đình,... | Bộ             | Bộ       |         |
| 83          | Bộ tranh quy trình chuyên môn, bảng quản lý thai nghén, túi đựng phiếu khám thai                                        | Bộ             | 01       |         |
| 49          | Kẹp phẫu tích có mẫu                                                                                                    | Chiếc          | 03       |         |
| <b>VIII</b> | <b>Phòng thực hành y học cổ truyền – phục hồi chức năng – dược</b>                                                      |                |          |         |
| 1           | Máy vi tính                                                                                                             | Bộ             | 01       |         |
| 2           | Máy chiếu (Projector)                                                                                                   | Bộ             | 01       |         |
| 3           | Giường người bệnh                                                                                                       | Chiếc          | 01       |         |
| 4           | Gối                                                                                                                     | Chiếc          | 04       |         |
| 5           | Tủ thuốc đông y                                                                                                         | Chiếc          | 01       |         |
| 6           | Xe đẩy dụng cụ, thuốc                                                                                                   | Chiếc          | 04       |         |
| 7           | Máy điện châm                                                                                                           | Chiếc          | 06       |         |
| 8           | Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe                                                                                          | Bộ             | 01       |         |
| 9           | Tủ đựng thuốc tây y                                                                                                     | Chiếc          | 01       |         |
| 10          | Tủ lạnh                                                                                                                 | Chiếc          | 01       |         |
| 11          | Máy xoa bóp                                                                                                             | Chiếc          | 10       |         |
| 12          | Ấm sắc thuốc đông y                                                                                                     | Bộ             | 02       |         |

| TT | Tên loại                                                                                              | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---------|
| 13 | Máy kéo cột sống (thực hành lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                   | Chiếc          | 02       |         |
| 14 | Máy sóng ngắn (thực hành lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                      | Chiếc          | 01       |         |
| 15 | Máy điện phân (thực hành lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                      | Chiếc          | 02       |         |
| 16 | Máy tập đi bộ (thực hành lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                      | Chiếc          | 01       |         |
| 17 | Xe đạp tập chân (thực hành lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                    | Chiếc          | 01       |         |
| 18 | Đèn hồng ngoại                                                                                        | Chiếc          | 01       |         |
| 19 | Bàn vận động (thực hành lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)                       | Chiếc          | 02       |         |
| 20 | Xe lăn                                                                                                | Chiếc          | 01       |         |
| 21 | Khung tập đi                                                                                          | Bộ             | 01       |         |
| 22 | Tạ tay                                                                                                | Bộ             | 03       |         |
| 23 | Đệm vận động cột sống lưng                                                                            | Chiếc          | 01       |         |
| 24 | Giường chăm sóc người bệnh đa năng (thực hành lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) | Chiếc          | 01       |         |

| TT | Tên loại                                                                                       | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---------|
| 25 | Máy điện châm đa năng (thực hành<br>lâm sàng tại cơ sở khám chữa bệnh,<br>cơ sở y tế dự phòng) | Chiếc          | 02       |         |
| 26 | Tượng các huyệt                                                                                | Chiếc          | 01       |         |
| 27 | Bộ vị thuốc mẫu y học cổ truyền                                                                | Bộ             | 02       |         |
| 28 | Kim châm cứu                                                                                   | Bộ             | 01       |         |
| 29 | Dụng cụ chia thuốc, gói thuốc                                                                  | Chiếc          | 01       |         |
| 30 | Chậu                                                                                           | Chiếc          | 01       |         |
| 31 | Cốc                                                                                            | Chiếc          | 01       |         |
| 32 | Hộp đựng bông gạc                                                                              | Chiếc          | 09       |         |
| 33 | Khăn tắm                                                                                       | Chiếc          | 02       |         |
| 34 | Khay chữ nhật                                                                                  | Chiếc          | 01       |         |
| 35 | Bộ panh                                                                                        | Bộ             | 02       |         |
|    | Mỗi bộ bao gồm                                                                                 |                |          |         |
|    | Loại cong có máu                                                                               | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại cong không máu                                                                            | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại thẳng có máu                                                                              | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại thẳng không máu                                                                           | Chiếc          | 01       |         |
| 36 | Phích đựng nước nóng                                                                           | Chiếc          | 01       |         |
| 37 | Trụ cắm panh inox                                                                              | Chiếc          | 02       |         |
| 38 | Túi chườm                                                                                      | Chiếc          | 01       |         |
| 39 | Vò đập đá                                                                                      | Chiếc          | 01       |         |
| 40 | Bộ tranh các huyệt đông y                                                                      | Bộ             | 02       |         |



| TT        | Tên loại                                      | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------|----------------|----------|---------|
| 41        | Dược thư và sách hướng dẫn sử dụng thuốc      | Bộ             | 01       |         |
| <b>IX</b> | <b>Phòng thực hành giải phẫu</b>              |                |          |         |
| 1         | Máy vi tính                                   | Bộ             | 01       |         |
| 2         | Máy chiếu (Projector)                         | Bộ             | 02       |         |
| 3         | Bảng phooc                                    | Chiếc          | 02       |         |
| 4         | Mô hình bộ ương người tháo rời                | Bộ             | 04       |         |
| 5         | Mô hình hộp sọ                                | Bộ             | 04       |         |
| 6         | Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng            | Bộ             | 04       |         |
| 7         | Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ                 | Bộ             | 02       |         |
| 8         | Mô hình hệ cơ bán thân có đầu                 | Bộ             | 02       |         |
| 9         | Mô hình hệ cơ toàn thân                       | Bộ             | 04       |         |
| 10        | Mô hình cơ cánh tay                           | Bộ             | 04       |         |
| 11        | Mô hình giải phẫu toàn thân                   | Bộ             | 04       |         |
| 12        | Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên | Bộ             | 01       |         |
| 13        | Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới | Bộ             | 04       |         |
| 14        | Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu - mặt - cổ | Bộ             | 04       |         |
| 15        | Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn                | Bộ             | 06       |         |
| 16        | Mô hình tim                                   | Chiếc          | 05       |         |
| 17        | Mô hình giải phẫu hệ hô hấp                   | Bộ             | 02       |         |

| <b>TT</b> | <b>Tên loại</b>                                | <b>Đơn vị<br/>tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|------------------------------------------------|------------------------|-----------------|----------------|
| 18        | Mô hình phổi                                   | Chiếc                  | 06              |                |
| 19        | Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá                  | Bộ                     | 04              |                |
| 20        | Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu                 | Bộ                     | 03              |                |
| 21        | Mô hình giải phẫu hệ thần kinh                 | Bộ                     | 05              |                |
| 22        | Mô hình cơ quan sinh dục nam                   | Bộ                     | 03              |                |
| 23        | Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ      | Bộ                     | 03              |                |
| 24        | Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng        | Bộ                     | 01              |                |
| 25        | Mô hình giải phẫu tai mũi họng                 | Bộ                     | 03              |                |
| 26        | Mô hình mắt                                    | Bộ                     | 04              |                |
| 27        | Mô hình da phóng đại                           | Chiếc                  | 03              |                |
| 28        | Mô hình tai phóng đại                          | Chiếc                  | 04              |                |
| 29        | Mô hình não                                    | Chiếc                  | 05              |                |
| 30        | Mô hình cắt ngang tuỷ sống                     | Chiếc                  | 05              |                |
| 31        | Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu            | Chiếc                  | 04              |                |
| 32        | Mô hình cắt đứng qua hông chậu nữ              | Chiếc                  | 04              |                |
| 33        | Mô hình chi trên/chi dưới cắt lớp              | Bộ                     | 04              |                |
| 34        | Mô hình cắt lớp đầu, mặt                       | Chiếc                  | 03              |                |
| 35        | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý máu và tế bào máu | Bộ                     | 01              |                |
| 36        | Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên | Bộ                     | 01              |                |

| <b>TT</b> | <b>Tên loại</b>                                                           | <b>Đơn vị<br/>tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|----------------|
| 37        | Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, ương, khớp<br>chỉ dưới                          | Bộ                     | 01              |                |
| 38        | Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, ương đầu,<br>mặt, cổ                            | Bộ                     | 01              |                |
| 39        | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tuần<br>hoàn                              | Bộ                     | 04              |                |
| 40        | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ hô hấp                                    | Bộ                     | 04              |                |
| 41        | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiết<br>niệu                              | Bộ                     | 04              |                |
| 42        | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thần<br>kinh                              | Bộ                     | 01              |                |
| 43        | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh<br>dục nam                           | Bộ                     | 04              |                |
| 44        | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh<br>dục nữ                            | Bộ                     | 04              |                |
| 45        | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý răng<br>miệng                                | Bộ                     | 04              |                |
| 46        | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý da                                           | Bộ                     | 01              |                |
| 47        | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thị<br>giác                               | Bộ                     | 04              |                |
| 48        | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thính<br>giác                             | Bộ                     | 04              |                |
| 49        | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ khứu<br>giác                              | Bộ                     | 04              |                |
| 50        | Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ vị giác                                   | Bộ                     | 01              |                |
| <b>X</b>  | <b>Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh,<br/>Vi sinh vật – Ký sinh trùng</b> |                        |                 |                |

| TT | Tên loại                                                                              | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---------|
| 1  | Máy vi tính                                                                           | Bộ             | 01       |         |
| 2  | Máy chiếu (Projector)                                                                 | Bộ             | 01       |         |
| 3  | Kính hiển vi quang học                                                                | Chiếc          | 06       |         |
| 4  | Máy li tâm                                                                            | Chiếc          | 01       |         |
| 5  | Máy điện tim (thực hành lâm sàng tại<br>cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự<br>phòng) | Bộ             | 01       |         |
| 6  | Huyết áp kế cột thủy ngân + ống<br>nghe                                               | Bộ             | 01       |         |
| 7  | Đồng hồ bấm giây                                                                      | Chiếc          | 01       |         |
| 8  | Nhiệt kế thủy ngân                                                                    | Bộ             | 01       |         |
| 9  | Tủ an toàn sinh học                                                                   | Chiếc          | 01       |         |
| 10 | Nồi hấp                                                                               | Chiếc          | 01       |         |
| 11 | Cân kỹ thuật                                                                          | Chiếc          | 01       |         |
| 12 | Nồi cách thủy                                                                         | Chiếc          | 01       |         |
| 13 | Tủ ấm                                                                                 | Chiếc          | 01       |         |
| 14 | Bộ bình cầu                                                                           | Bộ             | 01       |         |
|    | Mỗi bộ bao gồm                                                                        |                |          |         |
|    | Loại 100ml                                                                            | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại 250ml                                                                            | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại 500ml                                                                            | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại 1000ml                                                                           | Chiếc          | 01       |         |
| 15 | Bộ bình nón                                                                           | Bộ             | 01       |         |

| TT | Tên loại                                        | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------|----------------|----------|---------|
|    | Mỗi bộ bao gồm                                  |                |          |         |
|    | Loại 100ml                                      | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại 250ml                                      | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại 500ml                                      | Chiếc          | 01       |         |
| 16 | Bô                                              | Chiếc          | 01       |         |
| 17 | Cốc                                             | Chiếc          | 01       |         |
| 18 | Cốc có mỏ                                       | Bộ             | 01       |         |
|    | Mỗi bộ bao gồm                                  |                |          |         |
|    | Loại 50ml                                       | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại 100ml                                      | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại 250ml                                      | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại 500ml                                      | Chiếc          | 01       |         |
| 19 | Dây garo và gói nhỏ                             | Bộ             | 01       |         |
| 20 | Dụng cụ xét nghiệm thời gian máu chảy, máu đông | Chiếc          | 01       |         |
| 21 | Giá để dụng cụ thủy tinh                        | Chiếc          | 01       |         |
| 22 | Giá để tiêu bản                                 | Chiếc          | 01       |         |
| 23 | Gối                                             | Chiếc          | 01       |         |
| 24 | Hộp tròn đựng bông cotton                       | Chiếc          | 01       |         |
| 25 | Hộp thuốc cấp cứu phản vệ                       | Bộ             | 01       |         |
| 26 | Khay chữ nhật                                   | Chiếc          | 01       |         |
| 27 | Khay chứa máu                                   | Chiếc          | 01       |         |

| TT | Tên loại                                      | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------------|----------------|----------|---------|
| 28 | Khay hạt đậu                                  | Chiếc          | 01       |         |
| 29 | Kim lấy máu                                   | Chiếc          | 01       |         |
| 30 | Lá kính (lamen)                               | Chiếc          | 01       |         |
| 31 | Lọ đựng phân                                  | Chiếc          | 01       |         |
| 32 | Ống đong có chia vạch                         | Chiếc          | 01       |         |
| 33 | Ống nghiệm                                    | Bộ             | 01       |         |
|    | Mỗi bộ gồm                                    |                |          |         |
|    | Loại 20ml                                     | Chiếc          | 03       |         |
|    | Giá đỡ ống nghiệm                             | Chiếc          | 01       |         |
|    | Giá kẹp ống nghiệm                            | Chiếc          | 01       |         |
| 34 | Bộ panh                                       | Bộ             | 01       |         |
|    | Mỗi bộ bao gồm                                |                |          |         |
|    | Loại cong có mẫu                              | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại cong không mẫu                           | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại thẳng có mẫu                             | Chiếc          | 01       |         |
|    | Loại thẳng không mẫu                          | Chiếc          | 01       |         |
| 35 | Trụ cắm panh inox                             | Chiếc          | 01       |         |
| 36 | Pipet                                         | Chiếc          | 01       |         |
| 37 | Ống sonde Nelaton các cỡ                      | Chiếc          | 01       |         |
| 38 | Bộ tiêu bản mẫu ký sinh trùng sốt rét,<br>... | Bộ             | 01       |         |

| TT        | Tên loại                                                                                                                                                                            | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---------|
| 39        | Bộ tiêu bản mẫu các loại trùng, ấu trùng giun, sán, đơn bào, trùng roi, trùng lông, a míp, nấm                                                                                      | Bộ             | 01       |         |
| 40        | Bộ tiêu bản mẫu vi khuẩn, virus thường gặp: lao, lậu, tụ cầu, tụ khuẩn, nhiễm sắc thể, tế bào, ...                                                                                  | Bộ             | 01       |         |
| 41        | Bộ tranh/đĩa CD-ROM về các loại vi khuẩn, virus, vi sinh vật, phân bào, tế bào thần kinh, tế bào cơ,... và các loại giun, sán lá, ký sinh trùng sốt rét, côn trùng truyền bệnh, ... |                |          |         |
| <b>XI</b> | <b>Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng</b>                                                                                                                                           |                |          |         |
| 1         | Máy vi tính                                                                                                                                                                         | Bộ             | 01       |         |
| 2         | Máy chiếu (Projector)                                                                                                                                                               | Bộ             | 01       |         |
| 3         | Máy quay camera                                                                                                                                                                     | Bộ             | 01       |         |
| 4         | Tủ lạnh                                                                                                                                                                             | Chiếc          | 01       |         |
| 5         | Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe                                                                                                                                                | Bộ             | 01       |         |
| 6         | Nhiệt kế thủy ngân                                                                                                                                                                  | Bộ             | 01       |         |
| 7         | Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe                                                                                                                                                      | Bộ             | 01       |         |
| 8         | Huyết áp kế điện tử                                                                                                                                                                 | Chiếc          | 01       |         |
| 9         | Nhiệt kế điện tử                                                                                                                                                                    | Chiếc          | 01       |         |
| 10        | Thiết bị nghe nhìn và đĩa hình phục vụ truyền thông giáo dục sức khỏe                                                                                                               | Bộ             | 01       |         |
| 11        | Cân, thước đo chiều cao người lớn                                                                                                                                                   | Chiếc          | 01       |         |

| TT | Tên loại                                                                                                                                            | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---------|
| 12 | Đồng hồ bấm giây                                                                                                                                    | Chiếc          | 01       |         |
| 13 | Giường người bệnh                                                                                                                                   | Chiếc          | 01       |         |
| 14 | Chăn                                                                                                                                                | Chiếc          | 01       |         |
| 15 | Đệm                                                                                                                                                 | Chiếc          | 01       |         |
| 16 | Ga trải giường                                                                                                                                      | Chiếc          | 01       |         |
| 17 | Gối                                                                                                                                                 | Chiếc          | 01       |         |
| 18 | Túi thuốc sơ cứu cho tuyến cơ sở                                                                                                                    | Túi            | 01       |         |
| 19 | Bộ tranh về nước sạch, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống tai nạn thương tích                              | Bộ             | 01       |         |
| 20 | Bộ tranh về các côn trùng truyền bệnh, vệ sinh lao động, vệ sinh bệnh viện, trường học, trạm y tế, cá nhân, vệ sinh phòng dịch, xử lý chất thải,... | Bộ             | 01       |         |
| 21 | Bộ tranh về truyền thông giáo dục sức khỏe, các tranh, áp phích, tờ rơi về giáo dục sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm,...                         | Bộ             | 01       |         |
| 22 | Bộ tranh hướng dẫn bữa ăn đủ dinh dưỡng theo chế độ bệnh lý và trẻ em.                                                                              | Bộ             | 01       |         |
| 23 | Bộ tranh mô hình cung cấp nước sạch ở nông thôn, thành thị,...                                                                                      | Bộ             | 01       |         |
| 24 | Bộ tranh mô hình hố xí sạch ở nông thôn, hố xí tự hoại, hố xí hai ngăn,...                                                                          | Bộ             | 01       |         |
| 25 | Bộ tranh mô phỏng trạm y tế xã và các thiết bị trang bị cơ bản cho trạm y tế đạt chuẩn quốc gia                                                     | Bộ             | 01       |         |



b) Cơ sở thực hành, thực hành lâm sàng (*đơn vị tính là: Xưởng, vườn, trạm, trại, sân bãi..*)

| <b>TT</b> | <b>Cơ sở thực hành, thực hành lâm sàng</b> | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|--------------------------------------------|--------------------|-----------------|----------------|
| <b>1</b>  | <b>Bệnh viện Đa khoa</b>                   |                    | <b>01</b>       |                |
|           | Khoa lâm sàng                              | Khoa               | 17              |                |
|           | Khoa cận lâm sàng                          | Khoa               | 4               |                |
| <b>2</b>  | <b>Trạm y tế xã, phường</b>                |                    |                 |                |
|           | Khoa chuyên môn                            | Khoa               | 04              |                |
|           | Trạm y tế                                  | Trạm               | 21              |                |

**3. Thư viện và học liệu** (*giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, phần mềm máy tính...*).

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Sinh học và di truyền (Biology and genetics).

**Mã môn học:** 650216102.

**Thời gian thực hiện môn học:** 29 giờ (lý thuyết: 9 giờ; bài tập: 4 giờ; thực hành: 14 giờ; kiểm tra định kỳ: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí:**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn cơ sở trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ I.

#### **II. Tính chất:**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được cấu trúc và chức năng của tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực; hình thái và cấu trúc nhiễm sắc thể (NST); diễn biến quá trình nguyên phân và giảm phân.

2. Trình bày được cấu trúc, chức năng của ADN, ARN, protein; giải thích quá trình nhân đôi ADN, phiên mã, dịch mã; vận dụng giải bài tập liên quan.

3. Trình bày và giải thích được các quy luật di truyền của Mendel; hiện tượng liên kết gen, hoán vị gen, di truyền liên kết giới tính; giải được bài tập.

4. Phân tích được nguyên nhân, cơ chế, hậu quả và vai trò của đột biến gen, đột biến NST; nhận dạng được một số bệnh, tật liên quan đến đột biến.

5. Vận dụng kiến thức di truyền để tư vấn, chẩn đoán sơ bộ, đề xuất biện pháp phòng ngừa một số bệnh di truyền.

## II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện được các bài thực hành và giải được bài tập di truyền cơ bản.
2. Thu thập, xử lý và trình bày thông tin về các chủ đề sinh học và di truyền qua báo cáo ngắn trước nhóm hoặc lớp.

## III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Thể hiện sự chủ động, nghiêm túc trong học tập và thực hành.
2. Tuân thủ các quy định an toàn và hợp tác hiệu quả trong các buổi thực hành và giải bài tập di truyền.
3. Chủ động bảo vệ cơ thể, phòng chống bệnh tật nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả học tập và lao động.

## C. NỘI DUNG MÔN HỌC

### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                     | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                     | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Sinh học tế bào                                                                                                                           | 10              | 2         |                    | 8                     |              |
|    | 1. Khái quát về tế bào<br>1.1. Học thuyết tế bào<br>1.2. Tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống<br>2. Thành phần hóa học của tế bào | 1               | 1         |                    |                       |              |

|   |                                                                                                                                                                                                                     |   |   |   |   |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|--|
|   | 2.1. Các nguyên tố hóa học trong tế bào<br>2.2. Nước trong tế bào<br>2.3. Các phân tử sinh học trong tế bào<br>3. Cấu trúc tế bào<br>3.1. Tế bào nhân sơ<br>3.2. Tế bào nhân thực                                   |   |   |   |   |  |
|   | 4. Hình thái và cấu trúc NST<br>4.1. Hình thái NST<br>4.2. Cấu trúc siêu hiển vi của NST<br>4.3. Chức năng của NST<br>5. Chu kì tế bào và phân bào<br>5.1. Chu kì tế bào và nguyên phân<br>5.2. Quá trình giảm phân | 1 | 1 |   |   |  |
|   | Bài thực hành số 1:<br>- Kính hiển vi quang học và cách sử dụng.<br>- Làm tiêu bản và quan sát tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực.<br>- Quan sát các kì phân bào nguyên phân và giảm phân trên tiêu bản cố định.      | 8 |   |   | 8 |  |
| 2 | Chương 2: Sinh học phân tử                                                                                                                                                                                          | 4 | 2 | 2 |   |  |
|   | 1. Axit nuclêic                                                                                                                                                                                                     | 1 | 1 |   |   |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                |   |   |   |  |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|--|--|
|   | 1.1. ADN (Axit đêôxiribônuclêic)<br>1.1.1. Cấu trúc và chức năng ADN<br>1.1.2. Gen và cấu trúc gen<br>1.1.3. Mã di truyền<br>1.1.4. Quá trình nhân đôi ADN (tái bản).                                          |   |   |   |  |  |
|   | 1.2. ARN (Axit ribônuclêic)<br>1.2.1. Cấu trúc và chức năng của ARN<br>1.2.2. Quá trình tổng hợp ARN (phiên mã)<br>2. Protein<br>2.1. Cấu trúc<br>2.2. Chức năng<br>2.3. Quá trình tổng hợp protein (dịch mã). | 1 | 1 |   |  |  |
|   | Bài tập: Giải bài tập về ADN và ARN                                                                                                                                                                            | 2 |   | 2 |  |  |
| 3 | Chương 3: Các quy luật di truyền                                                                                                                                                                               | 4 | 2 | 2 |  |  |
|   | 1. Một số khái niệm<br>2. Các quy luật di truyền của Mendel.<br>2.1. Quy luật phân li<br>2.2. Quy luật phân li độc lập                                                                                         | 1 | 1 |   |  |  |

|   |                                                                                                                                                                                              |   |   |   |   |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|--|
|   | 2.3. Ý nghĩa của các quy luật Mendel                                                                                                                                                         |   |   |   |   |  |
|   | 3. Liên kết gen<br>4. Hoán vị gen<br>5. Di truyền liên kết với giới tính                                                                                                                     | 1 | 1 |   |   |  |
|   | Bài tập: Giải bài tập về quy luật di truyền                                                                                                                                                  | 2 |   | 2 |   |  |
| 4 | Chương 4: Đột biến gen và đột biến nhiễm sắc thể                                                                                                                                             | 4 | 2 |   | 2 |  |
|   | 1. Đột biến gen<br>1.1. Khái niệm, các dạng đột biến gen<br>1.2. Nguyên nhân, cơ chế phát sinh<br>1.3. Hậu quả và vai trò đột biến gen<br>1.4. Một số bệnh di truyền ở người do đột biến gen | 1 | 1 |   |   |  |
|   | 2. Đột biến NST<br>2.1. Đột biến cấu trúc NST<br>2.2. Đột biến số lượng NST<br>2.3. Một số bệnh di truyền ở người do đột biến NST                                                            | 1 | 1 |   |   |  |
|   | Bài thực hành số 2: Quan sát các dạng đột biến số lượng NST trên tiêu bản cố định.                                                                                                           | 2 |   |   | 2 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                      |           |          |          |           |          |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|----------|-----------|----------|
| 5 | Chương 5: Ứng dụng di truyền trong y học                                                                                                                                                                             | 5         | 1        |          | 4         |          |
|   | 1. Chẩn đoán di truyền<br>1.1. Chẩn đoán di truyền trước sinh<br>1.2. Chẩn đoán di truyền sau sinh<br>2. Liệu pháp gen.<br>2.1. Liệu pháp gen thay thế<br>2.2. Liệu pháp gen sửa chữa<br>2.3. Liệu pháp gen điều hòa | 0,5       | 0,5      |          |           |          |
|   | 3. Tư vấn di truyền<br>3.1. Khái niệm<br>3.2. Mục đích của tư vấn di truyền<br>3.3. Tiến trình tư vấn di truyền<br>3.4. Đối tượng cần tư vấn di truyền                                                               | 0,5       | 0,5      |          |           |          |
|   | Bài thực hành số 3: Tìm hiểu và đề xuất tư vấn về hai bệnh di truyền ở người tại địa phương.                                                                                                                         | 4         |          |          | 4         |          |
| 6 | Kiểm tra định kỳ                                                                                                                                                                                                     | 1         |          |          |           | 1        |
| 7 | Thi kết thúc môn học                                                                                                                                                                                                 | 1         |          |          |           | 1        |
|   | <b>Cộng</b>                                                                                                                                                                                                          | <b>29</b> | <b>9</b> | <b>4</b> | <b>14</b> | <b>2</b> |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### CHƯƠNG 1: SINH HỌC TẾ BÀO

(Thời gian: 10 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được cấu trúc và chức năng của tế bào; phân biệt được các loại tế bào. Mô tả được cấu trúc NST, diễn biến nguyên phân và giảm phân; so sánh sự khác nhau giữa hai quá trình.

2. Thực hiện được bài thực hành số 1.

3. Hợp tác tích cực trong học nhóm, thực hành; bảo vệ môi trường và gìn giữ tài nguyên sinh học.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1,2)**

### **1. Khái quát về tế bào**

#### ***1.1. Học thuyết tế bào***

#### ***1.2. Tế bào là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể sống***

### **2. Thành phần hóa học của tế bào**

#### ***2.1. Các nguyên tố hóa học trong tế bào***

#### ***2.2. Nước trong tế bào***

#### ***2.3. Các phân tử sinh học trong tế bào***

### **3. Cấu trúc tế bào**

#### ***3.1. Tế bào nhân sơ***

#### ***3.2. Tế bào nhân thực***

### **4. Hình thái và cấu trúc NST**

#### ***4.1. Hình thái NST***

#### ***4.2. Cấu trúc siêu hiển vi của NST***

#### ***4.3. Chức năng của NST***

### **5. Chu kì tế bào và phân bào**

#### ***5.1. Chu kì tế bào và nguyên phân***

#### ***5.2. Quá trình giảm phân***

### **Bài thực hành số 1:**

- Kính hiển vi quang học và cách sử dụng.



- Làm tiêu bản và quan sát tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực.
- Quan sát các kì phân bào nguyên phân và giảm phân trên tiêu bản cố định.

## **CHƯƠNG 2: SINH HỌC PHÂN TỬ**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được cấu trúc, chức năng của ADN, ARN, protein; giải thích được quá trình nhân đôi ADN, tổng hợp ARN và protein.
2. Giải được bài tập cơ bản về ADN và ARN.
3. Hợp tác tích cực trong học tập, nhóm, thực hành; thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và nguồn gen quý hiếm.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1,2,3)**

#### **1. Axit nuclêic**

##### ***1.1. ADN (Axit đêôxiribônuclêic)***

##### ***1.1.1. Cấu trúc và chức năng ADN***

##### ***1.1.2. Gen và cấu trúc gen***

##### ***1.1.3. Mã di truyền***

##### ***1.1.4. Quá trình nhân đôi ADN (tái bản).***

##### ***1.2. ARN (Axit ribônuclêic)***

##### ***1.2.1. Cấu trúc và chức năng của ARN***

##### ***1.2.2. Quá trình tổng hợp ARN (phiên mã)***

#### **2. Protein**

##### ***2.1. Cấu trúc***

##### ***2.2. Chức năng***

##### ***2.3. Quá trình tổng hợp protein (dịch mã)***

**Bài tập:** Giải bài tập về ADN và ARN

## **CHƯƠNG 3: CÁC QUY LUẬT DI TRUYỀN**

**(Thời gian: 4 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày và giải thích được các quy luật di truyền của Mendel; mô tả được hiện tượng liên kết gen, hoán vị gen và di truyền liên kết với giới tính.
2. Giải được bài tập cơ bản về các quy luật di truyền; rèn luyện tư duy logic và phân tích tình huống thực tế.
3. Hợp tác tốt trong nhóm, thực hành và làm bài tập; thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, giữ gìn đa dạng sinh học.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1,3)**

### **1. Một số khái niệm**

### **2. Các quy luật di truyền của Mendel**

#### ***2.1. Quy luật phân li***

#### ***2.2. Quy luật phân li độc lập***

#### ***2.3. Ý nghĩa của các quy luật Mendel***

### **3. Liên kết gen**

### **4. Hoán vị gen**

### **5. Di truyền liên kết với giới tính**

**Bài tập:** Giải bài tập về quy luật di truyền

## **CHƯƠNG 4: ĐỘT BIẾN GEN VÀ ĐỘT BIẾN NHIỄM SẮC THỂ**

**(Thời gian: 4 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế, hậu quả và vai trò của đột biến gen và đột biến NST; nhận dạng được một số bệnh, tật do đột biến gây ra.
2. Thực hiện được bài thực hành số 2; vận dụng kiến thức về đột biến trong sản xuất và đời sống.

3. Hợp tác tốt trong học tập nhóm và thực hành; thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng; hạn chế tác nhân gây đột biến; trân trọng đa dạng di truyền.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1,3)**

### **1. Đột biến gen**

#### ***1.1. Khái niệm, các dạng đột biến gen***

#### ***1.2. Nguyên nhân, cơ chế phát sinh***

#### ***1.3. Hậu quả và vai trò đột biến gen***

#### ***1.4. Một số bệnh di truyền ở người do đột biến gen***

### **2. Đột biến NST**

#### ***2.1. Đột biến cấu trúc NST***

#### ***2.2. Đột biến số lượng NST***

#### ***2.3. Một số bệnh di truyền ở người do đột biến NST***

**Bài thực hành số 2:** Quan sát các dạng đột biến số lượng NST trên tiêu bản cố định

## **CHƯƠNG 5: ỨNG DỤNG DI TRUYỀN TRONG Y HỌC**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các ứng dụng chính của di truyền trong y học: chẩn đoán, liệu pháp gen và tư vấn di truyền; giải thích được các trường hợp di truyền trong gia đình; dự đoán nguy cơ di truyền bệnh ở người.

2. Thực hiện được bài thực hành số 3; đề xuất tư vấn di truyền phù hợp cho bệnh nhân và gia đình.

3. Hợp tác tốt trong nhóm, thực hành, báo cáo; thể hiện trách nhiệm với thông tin di truyền, quyền riêng tư bệnh nhân và nâng cao nhận thức cộng đồng.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3,4)**

### **1. Chẩn đoán di truyền**

***1.1. Chẩn đoán di truyền trước sinh******1.2. Chẩn đoán di truyền sau sinh*****2. Liệu pháp gen*****2.1. Liệu pháp gen thay thế******2.2. Liệu pháp gen sửa chữa******2.3. Liệu pháp gen điều hòa*****3. Tư vấn di truyền*****3.1. Khái niệm******3.2. Mục đích của tư vấn di truyền******3.3. Tiến trình tư vấn di truyền******3.4. Đối tượng cần tư vấn di truyền***

**Bài thực hành số 3:** Tìm hiểu và đề xuất tư vấn về hai bệnh di truyền ở người tại địa phương.

**D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Tại phòng học lý thuyết trên giảng đường.
- Học thực hành: Tại phòng Thực hành điều dưỡng, dược.

**II. Trang thiết bị, máy móc**

Máy vi tính, tivi, kính hiển vi, dụng cụ thực hành.

**III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: Giáo trình, kế hoạch bài giảng, tranh ảnh, video clip liên quan tới từng chương giảng dạy; bảng, phấn, giấy A4, giấy Ao, bút dạ,...
- Học thực hành: Kính hiển vi quang học, mẫu vật, tiêu bản cố định, dụng cụ, hóa chất thực hành,...

**IV. Các điều kiện khác: Không.****E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

## **I. Nội dung**

### **1. Kiến thức**

- Cấu trúc và chức năng của các thành phần chính trong tế bào nhân sơ và nhân thực.
- Cấu trúc và chức năng của NST, quá trình nguyên phân và giảm phân.
- Cấu trúc, chức năng của ADN, ARN và protein; cơ chế nhân đôi, phiên mã và dịch mã.
- Các quy luật di truyền của Mendel, liên kết gen, hoán vị gen và di truyền liên kết với giới tính.
- Khái niệm, các dạng, nguyên nhân, cơ chế phát sinh, hậu quả và vai trò của đột biến gen và đột biến NST.
- Các ứng dụng chính của di truyền trong y học.

### **2. Kỹ năng**

- Sử dụng thành thạo kính hiển vi quang học; thực hiện được kỹ thuật làm tiêu bản tạm thời để quan sát tế bào và NST.
- Giải được các bài tập cơ bản về ADN, ARN và quy luật di truyền.
- Quan sát và nhận diện được một số dạng đột biến số lượng NST trên tiêu bản cố định.
- Tìm hiểu, thu thập và phân tích thông tin về các bệnh di truyền.
- Ứng dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng sinh học liên quan trong đời sống và y học.

### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Chủ động trong việc học tập, nghiên cứu và tìm hiểu thêm các kiến thức liên quan đến môn học.
- Nghiêm túc tuân thủ các quy định về an toàn và sử dụng thiết bị trong phòng thực hành.

- Hợp tác hiệu quả với bạn bè trong các hoạt động nhóm, giải bài tập và làm thực hành.

- Nhận thức được tầm quan trọng của việc nắm vững kiến thức sinh học, di truyền cơ bản và ứng dụng của nó trong y học.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 1 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 1 bài.

+ Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết.

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận.

+ Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

### **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ I của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Sinh học và di truyền được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, giảng giải, vấn đáp, nêu vấn đề, thảo luận và làm việc nhóm, thực hành; đặc biệt chú ý sử dụng phương tiện trực quan, liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học.

- Chuẩn bị hệ thống bài tập, nội dung thực hành đầy đủ, khoa học theo chương trình môn học để hướng dẫn người học thực hiện hiệu quả.

#### **2. Đối với người học**

- Chuẩn bị tài liệu học tập, mẫu vật đầy đủ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt bài tập trên lớp và bài tập về nhà; làm đầy đủ các bài thực hành.

- Nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.

- Người học tìm hiểu trước giáo trình Sinh học và di truyền, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Lý thuyết: Sinh học tế bào, sinh học phân tử, các quy luật di truyền, đột biến gen và đột biến NST, ứng dụng di truyền trong y học.

- Bài tập: Công thức, kỹ năng giải bài tập phân sinh học phân tử và các quy luật di truyền; phương pháp làm bài trắc nghiệm khách quan.
- Thực hành: Thực hiện được các bài thực hành của môn học.

#### **IV. Tài liệu tham khảo (1-4)**

1. Nguyễn Thị Hồng Nhung. Giáo trình Sinh học và di truyền. Tp Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; 2022.
2. Vũ Văn Vụ (Tổng chủ biên); Vũ Đức Lưu (Chủ biên), Nguyễn Như Hiền, Ngô Văn Hưng, Nguyễn Đình Quyến, Trần Quý Thắng. Sinh học 10 nâng cao. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; 2015.
3. Vũ Văn Vụ (Tổng chủ biên); Nguyễn Như Hiền (đồng Chủ biên), Vũ Đức Lưu (đồng Chủ biên), Trịnh Đình Đạt, Chu Văn Mẫn, Vũ Trung Tạng. Sinh học 12 nâng cao. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; 2015.
4. <https://openai.com>; <https://gemini.google.com>

#### **V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.**



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Giải phẫu - Sinh lý (Anatomy - Physiology).

**Mã môn học:** 651320012.

**Thời gian thực hiện môn học:** 55 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 40 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn cơ sở trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ I.

#### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc quan trọng trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được vị trí, hình dạng, cấu trúc giải phẫu và các hoạt động chức năng của các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người.

2. Trình bày được mối liên hệ thống nhất về chức năng và các hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể con người với nhau và giữa cơ thể với môi trường.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Gọi tên và chỉ ra chính xác vị trí các bộ phận và cơ quan giải phẫu trong cơ thể con người trên tranh, mô hình giải phẫu.

2. Phối hợp làm việc nhóm, trình diễn trực quan nói và chỉ trên tranh, mô hình giải phẫu trong các giờ học thực hành.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Chủ động xác định được nội dung, mục tiêu, phương pháp học tập, phương pháp lượng giá của môn học.

2. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

3. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

### C. NỘI DUNG MÔN HỌC

#### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                        | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                        | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Đại cương về giải phẫu sinh lý                                                                                                                                               | 2               | 1         | 0                  | 1                     |              |
|    | 1. Đại cương về giải phẫu sinh lý<br>1.1. Định nghĩa<br>1.2. Cân bằng nội môi<br>1.3. Đơn vị cấu tạo cơ thể sống<br>1.4. Các hệ thống trong cơ thể<br>1.5. Tư thế và định hướng vị trí | 1               | 0,5       |                    | 0,5                   |              |

|   |                                                                                                                                                                                      |    |     |   |     |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----|---|-----|--|
|   | giải phẫu                                                                                                                                                                            |    |     |   |     |  |
|   | 2. Giải phẫu sinh lý tế bào<br>2.1. Đặc điểm của cơ thể sống<br>2.2. Đại cương về tế bào                                                                                             | 1  | 0,5 |   | 0,5 |  |
| 2 | Chương 2: Hệ Cơ - Xương-Khớp                                                                                                                                                         | 16 | 2   | 0 | 14  |  |
|   | 1. Hệ xương<br>1.1. Xương chi trên<br>1.2. Xương chi dưới<br>1.3. Xương thân mình<br>1.4. Xương đầu mặt                                                                              | 3  | 0,5 | 0 | 2,5 |  |
|   | 2. Hệ cơ<br>2.1. Cơ chi trên<br>2.2. Cơ chi dưới<br>2.3. Cơ thân mình<br>2.4. Cơ đầu mặt cổ                                                                                          | 7  | 1   | 0 | 6   |  |
|   | 3. Mạch máu và thần kinh<br>3.1. Mạch máu và thần kinh chi trên<br>3.2. Mạch máu và thần kinh chi dưới<br>3.3. Mạch máu và thần kinh thân mình<br>3.4. Mạch máu và thần kinh đầu mặt | 6  | 0,5 | 0 | 5,5 |  |
| 3 | Chương 3: Giải phẫu - Sinh lý hệ tiết niệu – hệ sinh dục                                                                                                                             | 10 | 2   | 0 | 8   |  |
|   | 1. Hệ tiết niệu<br>1.1. Giải phẫu hệ tiết niệu<br>1.2. Sinh lý hệ tiết niệu                                                                                                          | 5  | 1   | 0 | 4   |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                  |     |     |   |     |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|---|-----|--|
|   | 2. Hệ sinh dục<br>2.1. Cơ quan sinh dục nam<br>2.2. Sinh lý sinh dục nam<br>2.3. Cơ quan sinh dục nữ<br>2.4. Sinh lý sinh dục nữ                                                                                                 | 5   | 1   | 0 | 4   |  |
| 4 | Chương 4: Giải phẫu - Sinh lý hệ thần kinh                                                                                                                                                                                       | 4   | 1   | 0 | 3   |  |
|   | 1. Đại cương                                                                                                                                                                                                                     | 0,5 | 0,5 | 0 | 0   |  |
|   | 2. Giải phẫu sinh lý hệ thần kinh<br>2.1. Tủy sống<br>2.2. Hành não<br>2.3. Cầu não<br>2.4. Tiểu não<br>2.5. Trung não<br>2.6. Gian não<br>2.7. Đại não<br>2.8. Các não thất<br>2.9. Màng não tủy<br>2.10. Hệ thần kinh thực vật | 3,5 | 0,5 | 0 | 3   |  |
| 5 | Chương 5: Giải phẫu - Sinh lý hệ tuần hoàn                                                                                                                                                                                       | 6   | 2   | 0 | 4   |  |
|   | 1. Tim<br>1.1. Hình thể ngoài và liên quan<br>1.2. Hình thể trong của tim<br>1.3. Cấu tạo của tim<br>2. Các mạch máu<br>2.1. Các loại mạch máu<br>2.2. Các mạch máu chính                                                        | 3   | 0,5 | 0 | 2,5 |  |
|   | 3. Hoạt động của tim                                                                                                                                                                                                             | 1   | 0,5 | 0 | 0,5 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |      |   |      |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|------|---|------|--|
|   | 3.1. Chu kì tim<br>3.2. Tiếng tim<br>3.3. Tính tự động của tim, hệ thống nút                                                                                                                                                                                                                                                                                 |   |      |   |      |  |
|   | 4. Tuần hoàn mạch máu<br>4.1. Sơ đồ tuần hoàn mạch máu<br>4.2. Sự chuyển động của máu trong mạch máu                                                                                                                                                                                                                                                         | 1 | 0,5  | 0 | 0,5  |  |
|   | 5. Điều hòa tuần hoàn<br>5.1. Đại cương<br>5.2. Cơ chế điều hòa tuần hoàn                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1 | 0,5  | 0 | 0,5  |  |
| 6 | Chương 6: Giải phẫu - Sinh lý hệ hô hấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5 | 1    | 0 | 4    |  |
|   | 1. Mũi<br>1.1. Hình thể ngoài<br>1.2. Hình thể trong và cấu tạo<br>1.3. Chức năng<br>2. Họng (hầu)<br>2.1. Hình thể ngoài và liên quan<br>2.2. Hình thể trong<br>2.3. Chức năng<br>3. Thanh quản<br>3.1. Vị trí<br>3.2. Cấu tạo của thanh quản<br>3.3. Chức năng<br>4. Khí quản<br>4.1. Hình thể ngoài và liên quan<br>4.2. Hình thể trong<br>4.3. Chức năng | 3 | 0,25 | 0 | 2,75 |  |
|   | 5. Phế quản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1 | 0,25 | 0 | 0,75 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |      |   |     |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|---|-----|--|
|   | 5.1. Hướng đi và phân đoạn<br>5.2. Cấu tạo<br>5.3. Chức năng<br>6. Phổi<br>6.1. Hình thể ngoài và liên quan<br>6.2. Cấu tạo của phổi<br>6.3. Màng phổi                                                                                                                                                                       |      |      |   |     |  |
|   | 7. Sinh lý hô hấp<br>7.1. Hiện tượng cơ học<br>7.2. Hiện tượng lý, hóa học trong hô hấp<br>7.3. Điều hòa hô hấp                                                                                                                                                                                                              | 1    | 0,5  | 0 | 0,5 |  |
| 7 | Chương 7: Giải phẫu - Sinh lý hệ tiêu hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8    | 2    | 0 | 6   |  |
|   | 1. Miệng<br>1.1. Tiền đình miệng<br>1.2. Cung răng lợi<br>1.3. Buồng miệng<br>2. Thực quản<br>2.1. Hình thể ngoài và cấu tạo<br>2.2. Liên quan<br>3. Dạ dày<br>3.1. Hình thể ngoài và liên quan<br>3.2. Cấu tạo của dạ dày<br>4. Ruột<br>4.1. Tá tràng<br>4.2. Ruột non<br>4.3. Ruột già<br>4.4. Hình thể ngoài và liên quan | 4    | 1    | 0 | 3   |  |
|   | 5. Sinh lý tiêu hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2,75 | 0,75 | 0 | 2   |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |      |   |   |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|---|---|--|
|   | 5.1. Tiêu hóa ở miệng và thực quản<br>5.2. Tiêu hóa ở dạ dày<br>5.3. Tiêu hóa ở ruột non<br>5.4. Tiêu hóa ở ruột già<br>6. Gan<br>6.1. Vị trí<br>6.2. Hình thể ngoài và liên quan<br>6.3. Cấu tạo cơ bản của gan<br>6.4. Sinh lý gan<br>7. Tụy<br>7.1. Vị trí<br>7.2. Hình thể ngoài và liên quan<br>7.3. Hình thể trong và cấu tạo<br>7.4. Sinh lý tuyến tụy |      |      |   |   |  |
|   | 8. Phúc mạc<br>8.1. Cấu tạo phúc mạc<br>8.2. Phúc mạc và phân khu ổ bụng                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1,25 | 0,25 | 0 | 1 |  |
| 8 | Chương 8: Sinh lý nội tiết, chuyển hóa, điều hòa thân nhiệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2    | 2    | 0 | 0 |  |
|   | 1. Sinh lý nội tiết<br>1.1. Tuyến yên<br>1.2. Tuyến giáp<br>1.3. Tuyến cận giáp<br>1.4. Tuyến Thượng thận<br>1.5. Tuyến tụy nội tiết                                                                                                                                                                                                                          | 1    | 1    | 0 | 0 |  |
|   | 2. Chuyển hóa<br>2. 1. Đại cương về chuyển hóa<br>2. 2. Chuyển hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0,5  | 0,5  | 0 | 0 |  |

|    |                          |           |           |          |           |          |
|----|--------------------------|-----------|-----------|----------|-----------|----------|
|    | 2.3. Chuyển hóa cơ bản   |           |           |          |           |          |
|    | 3. Điều hòa thân nhiệt   |           |           |          |           |          |
|    | 3.1. Thân nhiệt          | 0,5       | 0,5       | 0        | 0         |          |
|    | 3.2. Điều hòa thân nhiệt |           |           |          |           |          |
| 9  | Kiểm tra định kỳ         | 1         | 0         | 0        | 0         | 1        |
| 10 | Thi kết thúc môn học     | 1         | 0         | 0        | 0         | 1        |
|    | <b>Cộng</b>              | <b>55</b> | <b>13</b> | <b>0</b> | <b>40</b> | <b>2</b> |

### NỘI DUNG CHI TIẾT

## CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ GIẢI PHẪU SINH LÝ

(Thời gian: 2 giờ)

### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm giải phẫu, sinh lý và mối quan hệ giữa chúng
2. Chỉ và nói đúng tên gọi giải phẫu của các bộ phận tế bào, các hệ thống trong cơ thể.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trong học tập môn học Giải phẫu sinh lý cơ thể người.

### II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)

#### 1. Đại cương về giải phẫu sinh lý

##### 1.1. Định nghĩa

###### 1.1.1. Định nghĩa giải phẫu

###### 1.1.2. Định nghĩa sinh lý

###### 1.1.3. Mối quan hệ giữa giải phẫu và sinh lý

#### 1.2. Cân bằng nội môi

##### 1.2.1. Định nghĩa cân bằng nội môi



*1.2.2. Đặc tính và cơ chế duy trì cân bằng nội môi*

*1.2.3. Đặc tính cân bằng nội môi*

*1.2.4. Cơ chế duy trì cân bằng nội môi*

***1.3. Đơn vị cấu tạo cơ thể sống***

*1.3.1. Đơn vị cấu tạo cơ thể sống*

*1.3.2. Tế bào*

*1.3.3. Mô*

*1.3.4. Cơ quan*

*1.3.5. Hệ thống*

***1.4. Các hệ thống trong cơ thể***

*1.4.1. Hệ da*

*1.4.2. Hệ xương*

*1.4.3. Hệ cơ*

*1.4.4. Hệ nội tiết*

*1.4.5. Hệ hô hấp*

*1.4.6. Hệ tiêu hóa*

*1.4.7. Hệ tuần hoàn*

*1.4.8. Hệ tiết niệu*

*1.4.9. Hệ thần kinh*

*1.4.10. Hệ bạch huyết*

*1.4.11. Hệ sinh dục*

***1.5. Tư thế và định hướng vị trí giải phẫu***

*1.5.1. Tư thế giải phẫu*

*1.5.2. Các mặt phẳng giải phẫu*

*1.5.3. Nguyên tắc đặt tên trong giải phẫu học*

## **2. Giải phẫu sinh lý tế bào**

### **2.1. Đặc điểm của cơ thể sống**

*2.1.1. Đại cương*

*2.1.2. Những đặc điểm của cơ thể sống*

### **2.2. Đại cương về tế bào**

*2.2.1. Đại cương*

*2.2.2. Cấu tạo của tế bào*

*2.2.3. Sự phân chia tế bào*

## **CHƯƠNG 2: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ CƠ - XƯƠNG - KHỚP**

**(Thời gian: 16 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được giải phẫu, sinh lý hệ cơ - xương - khớp.
2. Chỉ và nói đúng tên gọi giải phẫu của các cơ, mạch máu, thần kinh thuộc vùng chi trên, chi dưới, thân mình, đầu mặt cổ trên mô hình và tranh.
3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, chính xác trong học tập giải phẫu sinh lý hệ cơ - xương - khớp.

### **II. NỘI DUNG BÀI (1, 3)**

#### **1. Hệ xương**

*1.1. Xương đầu mặt*

*1.2. Xương thân mình*

*1.3. Xương chi trên*

#### ***1.4. Xương chi dưới***

### **2. Hệ cơ**

#### ***2.1. Cơ đầu mặt cổ***

#### ***2.2. Cơ thân mình***

#### ***2.3. Cơ chi trên***

#### ***2.4. Cơ chi dưới***

### **3. Mạch máu và thần kinh**

#### ***3.1. Mạch máu và thần kinh chi trên***

#### ***3.2. Mạch máu và thần kinh chi dưới***

#### ***3.3. Mạch máu và thần kinh thân mình***

#### ***3.4. Mạch máu và thần kinh đầu mặt***

## **CHƯƠNG 3: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ TIẾT NIỆU - HỆ SINH DỤC**

**(Thời gian: 10 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được giải phẫu, sinh lý hệ tiết niệu, hệ sinh dục.
2. Chỉ và nói đúng tên gọi giải phẫu của các cơ quan hệ tiết niệu, hệ sinh dục.
3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, chính xác trong học tập giải phẫu sinh lý hệ tiết niệu, hệ sinh dục.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 3)**

#### **1. Hệ tiết niệu**

##### ***1.1. Giải phẫu hệ tiết niệu***

##### ***1.2. Sinh lý hệ tiết niệu***

#### **2. Hệ sinh dục**

**2.1. Cơ quan sinh dục nam**

**2.2. Sinh lý sinh dục nam**

**2.3. Cơ quan sinh dục nữ**

**2.4. Sinh lý sinh dục nữ**

## **CHƯƠNG 4: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ THẦN KINH**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được giải phẫu, sinh lý hệ thần kinh.
2. Chỉ và nói đúng tên gọi giải phẫu của các cơ quan hệ thần kinh.
3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, chính xác trong học tập giải phẫu sinh lý hệ thần kinh.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 4)**

**1. Đại cương**

**2. Giải phẫu, sinh lý hệ thần kinh**

**2.1. Tủy sống**

**2.2. Hành não**

**2.3. Cầu não**

**2.4. Tiểu não**

**2.5. Trung não**

**2.6. Gian não**

**2.7. Đại não**

**2.8. Các não thất**

**2.9. Màng não tủy**

## **2.10. Hệ thần kinh thực vật**

# **CHƯƠNG 5: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ TUẦN HOÀN**

**(Thời gian: 6 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được giải phẫu, sinh lý hệ tuần hoàn.
2. Chỉ và nói đúng tên gọi giải phẫu của các cơ quan hệ tuần hoàn.
3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, chính xác trong học tập giải phẫu sinh lý hệ tuần hoàn.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)**

### **1. Tim**

#### **1.1. Hình thể ngoài và liên quan**

#### **1.2. Hình thể trong của tim**

#### **1.3. Cấu tạo của tim**

### **2. Các mạch máu**

#### **2.1. Các loại mạch máu**

#### **2.2. Các mạch máu chính**

### **3. Hoạt động của tim**

#### **3.1. Chu kì tim**

#### **3.2. Tiếng tim**

#### **3.3. Tính tự động của tim, hệ thống nút**

### **4. Tuần hoàn mạch máu**

#### **4.1. Sơ đồ tuần hoàn mạch máu**

#### **4.2. Sự chuyển động của máu trong mạch máu**

## **5. Điều hòa tuần hoàn**

### **5.1. Đại cương**

### **5.2. Cơ chế điều hòa tuần hoàn.**

## **CHƯƠNG 6: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ HÔ HẤP**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được giải phẫu, sinh lý hệ hô hấp.
2. Chỉ và nói đúng tên gọi giải phẫu của các cơ quan hệ hô hấp.
3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, chính xác trong học tập giải phẫu sinh lý hệ hô hấp.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)**

#### **1. Mũi**

##### **1.1. Hình thể ngoài**

##### **1.2. Hình thể trong và cấu tạo**

##### **1.3. Chức năng**

#### **2. Họng (hầu)**

##### **2.1. Hình thể ngoài và liên quan**

##### **2.2. Hình thể trong**

##### **2.3. Chức năng**

#### **3. Thanh quản**

##### **3.1. Vị trí**

##### **3.2. Cấu tạo của thanh quản**

##### **3.3. Chức năng**

#### **4. Khí quản**

##### ***4.1. Hình thể ngoài và liên quan***

##### ***4.2. Hình thể trong***

##### ***4.3. Chức năng***

#### **5. Phế quản**

##### ***5.1. Hướng đi và phân đoạn***

##### ***5.2. Cấu tạo***

##### ***5.3. Chức năng***

#### **6. Phổi**

##### ***6.1. Hình thể ngoài và liên quan***

##### ***6.2. Cấu tạo của phổi***

##### ***6.3. Màng phổi***

#### **7. Sinh lý hô hấp**

##### ***7.1. Hiện tượng cơ học***

##### ***7.2. Hiện tượng lý, hóa học trong hô hấp***

##### ***7.3. Điều hòa hô hấp***

### **CHƯƠNG 7: GIẢI PHẪU SINH LÝ HỆ TIÊU HÓA**

**(Thời gian: 8 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được giải phẫu, sinh lý hệ tiêu hoá.
2. Chỉ và nói đúng tên gọi giải phẫu của các cơ quan hệ tiêu hoá.
3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, chính xác trong học tập giải phẫu sinh lý hệ tiêu hoá.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 3)**

### **1. Miệng**

#### ***1.1. Tiền đình miệng***

#### ***1.2. Cung răng lợi***

#### ***1.3. Buồng miệng***

### **2. Thực quản**

#### ***2.1. Hình thể ngoài và cấu tạo***

#### ***2.2. Liên quan***

### **3. Dạ dày**

#### ***3.1. Hình thể ngoài và liên quan***

#### ***3.2. Cấu tạo của dạ dày***

### **4. Ruột**

#### ***4.1. Tá tràng***

#### ***4.2. Ruột non***

#### ***4.3. Ruột già***

#### ***4.4. Hình thể ngoài và liên quan***

### **5. Sinh lý tiêu hóa**

#### ***5.1. Tiêu hóa ở miệng và thực quản***

#### ***5.2. Tiêu hóa ở dạ dày***

#### ***5.3. Tiêu hóa ở ruột non***

#### ***5.4. Tiêu hóa ở ruột già***

### **6. Gan**



**6.1. Vị trí****6.2. Hình thể ngoài và liên quan****6.3. Cấu tạo cơ bản của gan****6.4. Sinh lý gan****7. Tụy****7.1. Vị trí****7.2. Hình thể ngoài và liên quan****7.3. Hình thể trong và cấu tạo****7.4. Sinh lý tuyến tụy****8. Phức mạc****8.1. Cấu tạo phức mạc****8.2. Phức mạc và phân khu ổ bụng**

## **CHƯƠNG 8: SINH LÝ NỘI TIẾT, CHUYỂN HÓA VÀ ĐIỀU HOÀ THÂN NHIỆT**

**(Thời gian: 2 giờ)**

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được giải phẫu, sinh lý hệ nội tiết, chuyển hoá và điều hoà thân nhiệt.
2. Chỉ và nói đúng tên gọi giải phẫu của các cơ quan hệ nội tiết.
3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tính cẩn thận, chính xác trong học tập giải phẫu sinh lý hệ nội tiết, chuyển hoá và điều hoà thân nhiệt.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)**

## **1. Sinh lý nội tiết**

### **1.1. Tuyến yên**

### **1.2. Tuyến giáp**

### **1.3. Tuyến cận giáp**

### **1.4. Tuyến Thượng thận**

### **1.5. Tuyến tụy nội tiết**

## **2. Chuyển hóa**

### **2. 1. Đại cương về chuyển hóa**

### **2. 2. Chuyển hóa**

### **2.3. Chuyển hóa cơ bản**

## **3. Điều hòa thân nhiệt**

### **3.1. Thân nhiệt**

### **3.2. Điều hòa thân nhiệt**

## **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Tại phòng học lý thuyết trên giảng đường.

- Học thực hành: Thực hành Giải phẫu - Sinh lý.

### **II. Trang thiết bị máy móc**

- Mạng internet, máy vi tính, máy chiếu, Tivi, các thiết bị y tế có liên quan.

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: Phần, bảng, Giấy Ao, A4, bút lông, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, giáo trình và chương trình mô đun, các tài liệu tham khảo chuyên ngành,

....

- Học thực hành: Mô hình mô phỏng các hệ cơ quan trong cơ thể, tranh ảnh giải phẫu.

**IV. Các điều kiện khác:** Không.

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Cấu tạo cơ thể sống, tư thế giải phẫu.
- Cấu tạo, sinh lý tế bào.
- Điểm giải phẫu các cơ quan, các hệ cơ quan cơ xương khớp, hệ tiết niệu - sinh dục, hệ thần kinh, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, nội tiết, chuyển hóa, điều hòa thân nhiệt.
- Hoạt động chức năng của các cơ quan, các hệ cơ quan cơ xương khớp, hệ tiết niệu - sinh dục, hệ thần kinh, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, nội tiết, chuyển hóa, điều hòa thân nhiệt.
- Mối liên hệ thống nhất về chức năng và các hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể con người với nhau và giữa cơ thể với môi trường.

#### **2. Kỹ năng**

- Thực hiện xác định chính xác tên, vị trí các bộ phận và cơ quan hệ cơ quan cơ xương khớp, hệ tiết niệu – hệ sinh dục, hệ thần kinh, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, nội tiết trên mô hình, tranh giải phẫu.
- Liên hệ vị trí giải phẫu tương ứng của các cơ quan trên cơ thể người.
- Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

#### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Rèn luyện tính nghiêm túc, ý thức trách nhiệm, trong quá trình học tập.

- Rèn luyện ý thức làm việc cẩn thận, chính xác, nhanh chóng trong học tập, nghiên cứu về giải phẫu, sinh lý con người.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01 bài.

+ Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức (*với các hình thức như trắc nghiệm khách quan, viết, thực hành, vấn đáp...*) để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.

+ Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết.

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

### **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ I của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

## **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Giải phẫu- Sinh lý được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

## **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học...).

- Nhà giáo hướng dẫn người học nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

### **2. Đối với người học**

- Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định;

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về giờ học và làm đầy đủ các bài tập về nhà;

- Sinh viên tìm hiểu trước giáo trình Giải phẫu sinh lý, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý**

Tên gọi và mô tả các bộ phận giải phẫu thuộc các hệ cơ quan trên cơ thể sống.

Chức năng sinh lý các cơ quan, mối liên hệ giữa các hệ cơ quan trong cơ thể thống nhất.

#### **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Quang Quyền. Giải phẫu học. Hà Nội: NXB Y học; 2017.
2. Trần Thiện Trung. Giải phẫu sinh lý. TP HCM: NXB Y học; 2017.
3. Nguyễn Quang Quyền. Atlas Giải Phẫu Người (Frank H. Netter) bản dịch tiếng việt. TP HCM: NXB Y học; 2017.
4. Lê Văn Cường. Giải phẫu học. TP HCM: NXB Y học; 2013.

**V. Ghi chú và giải thích:** Không.

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**

---

**Tên môn học:** Hóa sinh lâm sàng (Clinical Biochemistry).

**Mã môn học:** 651320452.

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 30 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học cơ sở trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ III.

#### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được định nghĩa, chức năng, phân loại các chất xúc tác sinh học như: Vitamin, enzym và hormon.

2. Trình bày được quá trình phân giải, sự chuyển hóa và tổng hợp các chất glucid, lipid, protein, hemoglobin trong cơ thể người.

3. Trình bày được cấu tạo, tính chất, vai trò của glucid, lipid, protein, hemoglobin.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Pha chế thành thạo các hóa chất, chất chỉ thị với các nồng độ theo yêu cầu.
2. Quan sát, giải thích được các hiện tượng thí nghiệm và làm tường trình thí nghiệm theo qui định.
3. Sử dụng thành thạo các dụng cụ và thiết bị trong phòng thí nghiệm hóa sinh.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn trong thí nghiệm, vệ sinh môi trường.
2. Nghiêm túc, tích cực học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
3. Tuyên truyền, giáo dục về sử dụng và bảo quản hiệu quả các thiết bị, dụng cụ, hóa chất trong phòng thí nghiệm.

## C. NỘI DUNG MÔN HỌC

### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên chương, mục                                                | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|----------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Các chất xúc tác sinh học (Vitamin – Enzym – Hormon) | 3               | 3         |                    |                       |              |
|    | 1. Vitamin<br>1.1. Định nghĩa                                  | 1               | 1         |                    |                       |              |



| TT | Tên chương, mục                                                  | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 1.2. Chức năng                                                   |                 |           |                    |                       |              |
|    | 1.3. Phân loại                                                   |                 |           |                    |                       |              |
|    | 2. Enzym                                                         |                 |           |                    |                       |              |
|    | 2.1. Định nghĩa                                                  | 1               | 1         |                    |                       |              |
|    | 2.2. Chức năng                                                   |                 |           |                    |                       |              |
|    | 2.3. Phân loại                                                   |                 |           |                    |                       |              |
|    | 3. Hormon                                                        |                 |           |                    |                       |              |
|    | 3.1. Định nghĩa                                                  | 1               | 1         |                    |                       |              |
|    | 3.2. Chức năng                                                   |                 |           |                    |                       |              |
|    | 3.3. Phân loại                                                   |                 |           |                    |                       |              |
| 2  | Chương 2: Trao đổi chất và năng lượng sinh học                   | 3               | 3         |                    |                       |              |
|    | 1. Khái niệm chung về sự trao đổi chất                           | 1               | 1         |                    |                       |              |
|    | 2. Khái niệm chung về trao đổi năng lượng và năng lượng sinh học |                 |           |                    |                       |              |
|    | 3. Quá trình oxy hóa khử sinh học                                | 1               | 1         |                    |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                      | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                      | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 4. Chu trình Krebs (Hô hấp hiếu khí)<br>4.1. Các phản ứng của chu trình Krebs<br>4.2. Phương trình tổng quát của hô hấp hiếu khí<br>4.3. Ý nghĩa của chu trình Krebs | 1               | 1         |                    |                       |              |
| 3  | Chương 3: Hóa học và chuyển hóa glucid                                                                                                                               | 6               | 1         |                    | 5                     |              |
|    | 1. Hóa học glucid<br>1.1. Khái niệm<br>1.2. Phân loại<br>1.3. Tính chất                                                                                              | 3               | 0,5       |                    | 2,5                   |              |
|    | 2. Chuyển hóa glucid<br>2.1. Tiêu hoá và hấp thu glucid<br>2.2. Thoái hóa glucid ở tế bào và mô<br>2.3. Tổng hợp glycogen                                            | 3               | 0,5       |                    | 2,5                   |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                      | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                      | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 3. Rối loạn chuyển hóa glucid                                                                        |                 |           |                    |                       |              |
| 4  | Chương 4: Hóa học và chuyển hóa lipid                                                                | 6               | 1         |                    | 5                     |              |
|    | 1. Hóa học lipid<br>1.1. Khái niệm<br>1.2. Cấu tạo<br>1.3. Tính chất                                 | 2,25            | 0,25      |                    | 2                     |              |
|    | 2. Chuyển hóa lipid<br>2.1. Tiêu hóa và hấp thu lipid<br>2.2. Thoái hóa lipid<br>2.3. Tổng hợp lipid | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |
|    | 3. Một số rối loạn chuyển hóa lipid                                                                  | 1,25            | 0,25      |                    | 1                     |              |
| 5  | Chương 5: Hóa học và chuyển hóa protein                                                              | 5               | 1         |                    | 4                     |              |
|    | 1. Hóa học protein<br>1.1. Khái niệm                                                                 | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 1.2. Cấu tạo<br>1.3. Tính chất vật lý<br>1.4. Tính chất hóa học<br>1.5. Chức năng của protein (tính chất sinh học của protein) |                 |           |                    |                       |              |
|    | 2. Chuyển hóa protein<br>2.1. Thoái hóa protein<br>2.2. Tổng hợp protein                                                       | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |
| 6  | Chương 6: Hóa học và chuyển hóa hemoglobin                                                                                     | 5               | 1         |                    | 4                     |              |
|    | 1. Hóa học hemoglobin<br>1.1. Định nghĩa<br>1.2. Cấu trúc<br>1.3. Phân loại<br>1.4. Tính chất                                  | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |
|    | 2. Chuyển hóa hemoglobin<br>2.1. Sinh tổng hợp hemoglobin                                                                      | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                         | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                         | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 2.2. Thoái hóa hemoglobin và sự hình thành sắc tố mật                                                                                                                                                                   |                 |           |                    |                       |              |
| 7  | Chương 7: Khí máu và thăng bằng acid - base                                                                                                                                                                             | 5               | 1         |                    | 4                     |              |
|    | 1. Sự vận chuyển khí<br>1.1. Sự vận chuyển O <sub>2</sub> trong máu<br>1.2. Sự vận chuyển CO <sub>2</sub> trong máu<br>1.3. Khả năng đệm của hemoglobin                                                                 | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |
|    | 2. Sự thăng bằng acid – base<br>2.1. Cơ sở lý hóa của sự thăng bằng acid – base<br>2.2. Dung dịch đệm và hệ thống đệm<br>2.3. Sự điều hoà thăng bằng acid - base của cơ thể<br>2.4. Các rối loạn thăng bằng acid - base | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                             | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                             | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 8  | Chương 8: Hóa sinh gan                                                                                                                                                                                                                      | 5               | 1         |                    | 4                     |              |
|    | 1. Thành phần hoá học của gan<br>1.1. Protein<br>1.2. Glucid<br>1.3. Lipid<br>1.4. Enzym và vitamin                                                                                                                                         | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |
|    | 2. Các chức năng hóa sinh của gan<br>2.1. Chức phận tạo mật<br>2.2. Chức phận chuyển hoá glucid<br>2.3. Chức phận chuyển hoá lipid<br>2.4. Chức phận chuyển hoá protid<br>2.5. Chức phận khử độc<br>3. Xét nghiệm hoá sinh hệ thống gan mật | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |
| 9  | Chương 9: Hóa sinh thận và nước tiểu                                                                                                                                                                                                        | 5               | 1         |                    | 4                     |              |
|    | 1. Đại cương                                                                                                                                                                                                                                | 0,25            | 0,25      |                    |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                      | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                      | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 2. Chức phận bài tiết của thận<br>2.1. Quá trình siêu lọc ở cầu thận<br>2.2. Sự tái hấp thu ở ống thận                                               |                 |           |                    |                       |              |
|    | 3. Chức phận chuyển hóa của thận<br>4. Vai trò của thận trong thăng bằng acid - base<br>5. Chức phận nội tiết của thận                               | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |
|    | 6. Nước tiểu<br>6.1. Tính chất lý hoá của nước tiểu<br>6.2. Thành phần hoá học của nước tiểu bình thường<br>6.3. Các chất bất thường trong nước tiểu | 2,25            | 0,25      |                    | 2                     |              |
| 11 | Kiểm tra định kỳ                                                                                                                                     | 1               |           |                    |                       | 1            |
| 12 | Thi kết thúc môn học                                                                                                                                 | 1               |           |                    |                       | 1            |
|    | <b>Cộng</b>                                                                                                                                          | <b>45</b>       | <b>13</b> | <b>0</b>           | <b>30</b>             | <b>2</b>     |

### NỘI DUNG CHI TIẾT

# **CHƯƠNG 1: CÁC CHẤT XÚC TÁC SINH HỌC (VITAMIN – ENZYM – HORMON)**

**(Thời gian: 3 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, chức năng và phân loại vitamin, enzym, hormon.
2. Vận dụng được kiến thức trong nghiên cứu một số vấn đề thực tế liên quan về vitamin, enzym và hormon.
3. Nghiêm túc, cẩn thận, sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức được học để giải quyết vấn đề trong học tập.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1-4)**

### **1. Vitamin**

#### ***1.1. Định nghĩa***

#### ***1.2. Chức năng***

#### ***1.3. Phân loại***

### **2. Enzym**

#### ***2.1. Định nghĩa***

#### ***2.2. Chức năng***

#### ***2.3. Phân loại***

### **3. Hormon**

#### ***3.1. Định nghĩa***

#### ***3.2. Chức năng***

#### ***3.3. Phân loại***

## **CHƯƠNG 2: TRAO ĐỔI CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG SINH HỌC**



(Thời gian: 3 giờ)

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được quá trình oxy hóa khử sinh học, các giai đoạn và ý nghĩa của chu trình Krebs.
2. Vận dụng được kiến thức trong nghiên cứu một số vấn đề thực tế liên quan về quá trình trao đổi chất trong cơ thể.
3. Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu trong học tập, chịu trách nhiệm về kết quả học tập của bản thân, sự chính xác trong công tác chuyên môn sau này.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1-5)**

- 1. Khái niệm chung về sự trao đổi chất**
- 2. Khái niệm chung về trao đổi năng lượng và năng lượng sinh học**
- 3. Quá trình oxy hóa khử sinh học**
- 4. Chu trình Krebs (Hô hấp hiếu khí)**
  - 4.1. Các phản ứng của chu trình Krebs*
  - 4.2. Phương trình tổng quát của hô hấp hiếu khí*
  - 4.3. Ý nghĩa của chu trình Krebs*

## **CHƯƠNG 3: HÓA HỌC VÀ CHUYỂN HÓA GLUCID**

(Thời gian: 6 giờ)

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, phân loại và tính chất của glucid. Trình bày được quá trình chuyển hóa và rối loạn chuyển hóa glucid trong cơ thể.
2. Hoàn thành được bảng tường trình thí nghiệm, thực hành; thực hiện được các kỹ năng: Quan sát, giải thích các hiện tượng thí nghiệm, làm việc nhóm, giải

quyết vấn đề, thuyết trình; sử dụng được các thiết bị, dụng cụ, hóa chất trong bài thí nghiệm.

3. Học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động làm thí nghiệm; hình thành tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường; chấp hành nghiêm túc nội quy phòng thí nghiệm và những qui định của môn học.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1-5)**

### **1. Hóa học glucid**

#### ***1.1. Khái niệm***

#### ***1.2. Phân loại***

#### ***1.3. Tính chất***

### **2. Chuyển hóa glucid**

#### ***2.1. Tiêu hoá và hấp thu glucid***

#### ***2.2. Thoái hóa glucid ở tế bào và mô***

#### ***2.3. Tổng hợp glycogen***

### **3. Rối loạn chuyển hóa glucid**

## **CHƯƠNG 4: HÓA HỌC VÀ CHUYỂN HÓA LIPID**

**(Thời gian: 6 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, cấu tạo và tính chất của lipid. Trình bày được quá trình chuyển hóa và một số rối loạn chuyển hóa lipid.

2. Rèn luyện khả năng quan sát, giải thích các hiện tượng thí nghiệm; kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tính trung thực trong học tập.

3. Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động làm thí nghiệm; tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường; chấp hành nghiêm túc nội quy phòng thí nghiệm và những qui định của môn học.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1-5)**

### **1. Hóa học lipid**

#### ***1.1. Khái niệm***

#### ***1.2. Cấu tạo***

#### ***1.3. Tính chất***

### **2. Chuyển hóa lipid**

#### ***2.1. Tiêu hóa và hấp thu lipid***

#### ***2.2. Thoái hóa lipid***

#### ***2.3. Tổng hợp lipid***

### **3. Một số rối loạn chuyển hóa lipid**

## **CHƯƠNG 5: HÓA HỌC VÀ CHUYỂN HÓA PROTEIN**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, cấu tạo, tính chất, chức năng và quá trình chuyển hóa của protein.

2. Rèn luyện khả năng quan sát, giải thích các hiện tượng thí nghiệm; kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, trình bày trước tập thể.

3. Chấp hành nghiêm túc nội quy phòng thí nghiệm và những qui định của môn học; trung thực với kết quả thí nghiệm. Tự giác, chủ động trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả điện, nước, hóa chất.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1-5)**

## **1. Hóa học protein**

### ***1.1. Khái niệm***

### ***1.2. Cấu tạo***

### ***1.3. Tính chất vật lý***

### ***1.4. Tính chất hóa học***

### ***1.5. Chức năng của protein (tính chất sinh học của protein)***

## **2. Chuyển hóa protein**

### ***2.1. Thoái hóa protein***

### ***2.2. Tổng hợp protein***

## **CHƯƠNG 6: HÓA HỌC VÀ CHUYỂN HÓA HEMOGLOBIN**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, cấu trúc, phân loại, các tính chất và quá trình chuyển hóa của hemoglobin.
2. Vận dụng được kiến thức lý thuyết trong việc phát hiện, phòng và điều trị một số bệnh lý.
3. Nghiêm túc, cẩn thận, sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức được học để giải quyết vấn đề trong học tập.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (6-10)**

#### **1. Hóa học hemoglobin**

##### ***1.1. Định nghĩa***

##### ***1.2. Cấu trúc***

##### ***1.3. Phân loại***

### ***1.4. Tính chất***

## **2. Chuyển hóa hemoglobin**

### ***2.1. Sinh tổng hợp hemoglobin***

### ***2.2. Thoái hóa hemoglobin và sự hình thành sắc tố mật***

## **CHƯƠNG 7: KHÍ MÁU VÀ THĂNG BẰNG ACID - BASE**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được sự vận chuyển khí  $O_2$  và  $CO_2$  trong máu, các hệ đệm trong cơ thể. Mô tả cơ chế điều hòa của sự thăng bằng acid - base và các thông số đánh giá tình trạng rối loạn thăng bằng acid - base.

2. Vận dụng được kiến thức trong nghiên cứu một số vấn đề xử trí trong rối loạn thăng bằng acid - base.

3. Hình thành khả năng tự chủ về các nhận định trong quá trình chuyển hóa các chất có liên quan đến chẩn đoán bệnh.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (6, 7, 9, 10)**

#### **1. Sự vận chuyển khí**

##### ***1.1. Sự vận chuyển $O_2$ trong máu***

##### ***1.2. Sự vận chuyển $CO_2$ trong máu***

##### ***1.3. Khả năng đệm của hemoglobin***

#### **2. Sự thăng bằng acid – base**

##### ***2.1. Cơ sở lý hóa của sự thăng bằng acid – base***

##### ***2.2. Dung dịch đệm và hệ thống đệm***

##### ***2.3. Sự điều hoà thăng bằng acid - base của cơ thể***

**2.4. Các rối loạn thăng bằng acid - base****CHƯƠNG 8: HÓA SINH GAN****(Thời gian: 5 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được thành phần hoá học và các chức năng hóa sinh của gan, các xét nghiệm thường làm để thăm dò chức năng gan.
2. Vận dụng được kiến thức lý thuyết trong việc phát hiện, phòng và điều trị một số bệnh lý.
3. Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu trong học tập, chịu trách nhiệm về kết quả học tập của bản thân, sự chính xác trong công tác chuyên môn sau này.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (6-10)****1. Thành phần hoá học của gan****1.1. Protein****1.2. Glucid****1.3. Lipid****1.4. Enzym và vitamin****2. Các chức năng hóa sinh của gan****2.1. Chức phận tạo mật****2.2. Chức phận chuyển hoá glucid****2.3. Chức phận chuyển hoá lipid****2.4. Chức phận chuyển hoá protid****2.5. Chức phận khử độc**

### 3. Xét nghiệm hoá sinh hệ thống gan mật

## CHƯƠNG 9: HÓA SINH THẬN VÀ NƯỚC TIỂU

(Thời gian: 5 giờ)

### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các chức phận của thận; tính chất lý hóa, thành phần hóa học và các chất bất thường trong nước tiểu.
2. Vận dụng được kiến thức trong nghiên cứu một số bệnh lý liên quan đến thận và nước tiểu trong cơ thể.
3. Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu trong học tập, chịu trách nhiệm về kết quả học tập của bản thân, sự chính xác trong công tác chuyên môn sau này.

### II. NỘI DUNG CHƯƠNG (6-10)

#### 1. Đại cương

#### 2. Chức phận bài tiết của thận

##### 2.1. Quá trình siêu lọc ở cầu thận

##### 2.2. Sự tái hấp thu ở ống thận

#### 3. Chức phận chuyển hóa của thận

#### 4. Vai trò của thận trong thăng bằng acid - base

#### 5. Chức phận nội tiết của thận

#### 6. Nước tiểu

##### 6.1. Tính chất lý hóa của nước tiểu

##### 6.2. Thành phần hoá học của nước tiểu bình thường

##### 6.3. Các chất bất thường trong nước tiểu

## **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.
- Phòng thực hành: Có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất, nước rửa, bàn, ghế, bảng.

### **II. Trang thiết bị, máy móc**

Tivi, máy vi tính, cân phân tích, máy chưng cất nước, máy khuấy từ, bể ổn nhiệt, tủ sấy, lò nung, bếp hồng ngoại, máy đo pH, máy li tâm, máy sinh hóa bán tự động.

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

#### **- Học liệu**

+ Giáo trình Hóa sinh ban hành theo QĐ số 557/QĐ-CĐCĐ ngày 16/5/2022 của Hiệu trưởng nhà trường.

+ Chương trình, giáo trình và kế hoạch bài giảng môn học Hóa sinh lâm sàng.

#### **- Dụng cụ, nguyên vật liệu**

+ Tranh ảnh, video liên quan tới từng bài giảng dạy, giấy A4, A0, bút chì, thước, bút lông, bút dạ, bảng làm việc nhóm, giấy note, nam châm,...

+ Cốc thủy tinh các loại, đũa, muỗng thủy tinh, pipet, giá đựng ống nghiệm, ống nghiệm các loại, bình tia, bóp cao su, chai đựng hóa chất các loại, phễu chiết, phễu, buret, giá sắt, kẹp gỗ, kẹp còng cua, lưới amiang, cối sứ, chày sứ, ống đong, bình tam giác, bình định mức, chậu thủy tinh, đèn cồn, quét diêm, kéo, dao, nhiệt kế, ống nghiệm, ống nghiệm ly tâm, chổi rửa ống nghiệm,...

+ HCl, HNO<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, NH<sub>3</sub>, C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>OH, C<sub>6</sub>H<sub>5</sub>OH, CH<sub>3</sub>COOH, HCOOH, HCHO, AgNO<sub>3</sub>, CH<sub>3</sub>CHO, I<sub>2</sub>, KI, (C<sub>6</sub>H<sub>10</sub>O<sub>5</sub>)<sub>n</sub>, cồn đốt, NaCl, Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>, Na<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, giấy lọc, giấy pH, C<sub>6</sub>H<sub>6</sub>, phenolphthalein, metyl da cam, metyl đỏ, NaOH, KOH, CuSO<sub>4</sub>,



$K_3[Fe(CN)_6]$ ,  $K_2CrO_4$ ,  $C_6H_5COOH$ ,  $K_2CO_3$ ,  $K_4[Fe(CN)_6]$ , nước cất, huyết tương, huyết thanh, kit hóa chất thuốc thử định lượng glucose, ure, creatinine...

**IV. Các điều kiện khác:** Không.

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Trình bày được định nghĩa, chức năng và phân loại các chất xúc tác sinh học.
- Các giai đoạn và ý nghĩa của chu trình Krebs.
- Trình bày được khái niệm, phân loại và tính chất và quá trình chuyển hóa của glucid, lipid, protein, hemoglobin ở tế bào và mô; cơ chế điều hòa và rối loạn chuyển hóa có liên quan đến bệnh lý.
- Trình bày được sự vận chuyển khí  $O_2$  và  $CO_2$  trong máu, các hệ đệm trong cơ thể.
- Hóa sinh gan, thận và nước tiểu; thăng bằng acid - base trong cơ thể.

#### **2. Kỹ năng**

- Vận dụng được kiến thức trong nghiên cứu một số vấn đề thực tế liên quan về các chất xúc tác sinh học, quá trình trao đổi chất trong cơ thể.
- Hoàn thành được bảng tường trình thí nghiệm, thực hành; thực hiện được các kỹ năng: Quan sát, giải thích các hiện tượng thí nghiệm, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình; sử dụng được các thiết bị, dụng cụ, hóa chất trong bài thí nghiệm.
- Vận dụng được kiến thức lý thuyết trong việc phát hiện, phòng và điều trị một số bệnh lý.

#### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Chấp hành nghiêm túc nội quy phòng thí nghiệm và những qui định của môn học, trung thực với kết quả thí nghiệm.

- Tự giác, chủ động trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả điện, nước, hóa chất.

- Nghiêm túc, cẩn thận, sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức được học để giải quyết vấn đề trong học tập.

- Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu trong học tập, chịu trách nhiệm về kết quả học tập của bản thân, sự chính xác trong công tác chuyên môn sau này.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 1 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 1 bài

+ Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết.

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

## **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ III của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Hóa sinh lâm sàng được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và thực hành, thí nghiệm. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học...).

- Nhà giáo hướng dẫn người học nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành, thí nghiệm bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

## **2. Đối với người học**

- Nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.

- Người học nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, bài kiểm tra và thi.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Chất xúc tác sinh học và năng lượng sinh học.
- Hóa học và chuyển hóa các chất trong cơ thể.
- Các thông số đánh giá tình trạng rối loạn thăng bằng acid - base.
- Tính chất lý hóa, thành phần hóa học và các chất bất thường trong nước tiểu.

## **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Đỗ Quý Hai, Nguyễn Bá Lộc, Trần Thanh Phong, Cao Đăng Nguyên. Giáo trình hóa sinh: Nhà xuất bản Đại học Huế; 2010.
2. Nguyễn Thị Hiền, Vũ Thị Thư. Hóa sinh học. Hà Nội: NXB ĐHSP; 2005.
3. Phạm Thị Trân Châu. Hóa sinh học. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo Dục; 1999.
4. Trần Quốc Sơn, Đặng Văn Liễu. Giáo trình cơ sở hóa học hữu cơ tập 2: NXB Đại học Sư phạm; 2005.
5. Trần Thị Lệ, Võ Văn Quang. Hóa sinh thực vật. Hà Nội: NXB Nông nghiệp; 2008.
6. Bộ môn Hoá sinh. Hoá sinh. Trường Đại học Y Hà Nội: NXB Y học; 2009.
7. Bộ môn Hoá sinh. Hóa sinh Y học. Trường Đại học Y - Dược TPHCM: NXB

Y học; 2010.

8. Bộ Y tế Quyết định số 5530/ QĐ-BYT ngày 25/12/2015 quy định về việc hướng dẫn xây dựng quy trình thực hành chuẩn trong quản lý chất lượng xét nghiệm tại cơ sở khám chữa bệnh. 2015.

9. Nguyễn Nghiêm Luật và Cộng sự. Thực tập hóa sinh. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học; 2003.

10. Tạ Thành Văn và CS. Hóa sinh lâm sàng. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học; 2013.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Vi sinh vật - Ký sinh trùng (Microbiology - Parasitology).

**Mã môn học:** 651310512.

**Thời gian thực hiện môn học:** 29 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 14 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn cơ sở trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ I.

#### **II. Tính chất**

Đây là môn học cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được một số khái niệm cơ bản về ký sinh trùng, vi sinh vật y học, miễn dịch học và phản ứng của cơ thể đối với một số vi sinh vật, ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.

2. Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh và biện pháp phòng và điều trị của một số vi sinh vật, ký sinh trùng thường gặp gây bệnh cho con người.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

2. Vận dụng các kiến thức đã học để biết cách phòng chống các bệnh do vi sinh vật, ký sinh trùng gây ra.

3. Sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị trong bộ môn vi sinh vật - ký sinh trùng.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành tính thận trọng, khoa học, gọn gàng, bảo đảm an toàn sinh học trong phòng thí nghiệm.

2. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tự học, tìm kiếm thông tin, tổng hợp kiến thức nhằm phát triển năng lực cho bản thân.

3. Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm. Nghiêm túc đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

## C. NỘI DUNG MÔN HỌC

### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên chương, mục                                                                                                       | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                       | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Đại cương Vi sinh vật - Ký sinh trùng                                                                       | 2               | 2         |                    |                       |              |
|    | 1. Đại cương Ký sinh trùng<br>1.1. Định nghĩa<br>1.2. Vật chủ<br>1.3. Chu kỳ<br>1.4. Đặc điểm chung của ký sinh trùng | 1               | 1         |                    |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                         | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                         | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 1.5. Bệnh do ký sinh trùng<br>1.6. Dịch tễ học bệnh ký sinh trùng                                                                                                                                       |                 |           |                    |                       |              |
|    | 2. Vi sinh vật y học<br>2.1. Đại cương<br>2.2. Đại cương về vi khuẩn<br>2.3. Đại cương về virus<br>3. Chẩn đoán vi sinh vật                                                                             | 1               | 1         |                    |                       |              |
| 2  | Chương 2: Một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp                                                                                                                                                           | 6               | 2         |                    | 4                     |              |
|    | 1. Cầu khuẩn gây bệnh<br>1.1. Tụ cầu (Staphylococcus)<br>1.2. Liên cầu (Streptococcus)<br>1.3. Phế cầu (Streptococcus pneumoniae)<br>1.4. Lậu cầu (Neisseria gonorrhoeae)                               | 3               | 1         |                    | 2                     |              |
|    | 2. Trục khuẩn gây bệnh<br>2.1. Trục khuẩn đường ruột<br>2.2. Trục khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)<br>2.3. Phẩy khuẩn tả (Vibrio cholera)<br>2.4. Trục khuẩn ngộ độc thịt (Clostridium botulinum) | 3               | 1         |                    | 2                     |              |



| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 3. Xoắn khuẩn giang mai (Treponema pallidum)                                                                                                                                                                                                                                     |                 |           |                    |                       |              |
| 3  | Chương 3: Một số virus gây bệnh ở người                                                                                                                                                                                                                                          | 6               | 2         |                    | 4                     |              |
|    | 1. Virus cúm (Influenza virus)<br>1.1. Đặc điểm Virus học<br>1.2. Khả năng gây bệnh<br>1.3. Chẩn đoán<br>1.4. Phòng và điều trị<br>2. Virus sởi (Measles virus)<br>2.1. Đặc điểm Virus học<br>2.2. Khả năng gây bệnh<br>2.3. Chẩn đoán<br>2.4. Phòng bệnh                        | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |
|    | 3. Virus viêm não Nhật Bản<br>3.1. Đặc điểm Virus học<br>3.2. Khả năng gây bệnh<br>3.3. Phòng bệnh<br>4. Virus Dengue<br>4.1. Đặc điểm Virus học<br>4.2. Khả năng gây bệnh<br>4.3. Chẩn đoán<br>4.4. Phòng và điều trị<br>5. Virus dại (Rabies virus)<br>5.1. Đặc điểm Virus học | 2               | 1         |                    | 1                     |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 5.2. Khả năng gây bệnh<br>5.3. Phòng và điều trị                                                                                                                                                                                                                                                                            |                 |           |                    |                       |              |
|    | 6. Các Virus viêm gan<br>6.1. Virus viêm gan A<br>6.2. Virus viêm gan B<br>6.3. Virus viêm gan C<br>6.4. Chẩn đoán virus viêm gan<br>7. Virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người (Human Immunodeficiency virus: HIV)<br>7.1. Đặc điểm Virus học<br>7.2. Khả năng gây bệnh<br>7.3. Phòng và điều trị<br>7.4. Chẩn đoán | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |
| 4  | Chương 4: Đại cương miễn dịch học và ứng dụng trong y học                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4               | 4         |                    |                       |              |
|    | 1. Đại cương<br>2. Kháng nguyên<br>2.1. Khái niệm<br>2.2. Một số kháng nguyên quan trọng                                                                                                                                                                                                                                    | 1               | 1         |                    |                       |              |
|    | 3. Kháng thể<br>3.1. Khái niệm<br>3.2. Đặc điểm của kháng thể<br>3.3. Chức năng                                                                                                                                                                                                                                             | 1               | 1         |                    |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                     | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                     | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 3.4. Các lớp globulin                                                                                                                                                                                               |                 |           |                    |                       |              |
|    | 4. Sự đáp ứng miễn dịch<br>4.1. Miễn dịch tự nhiên<br>4.2. Hệ thống miễn dịch đặc hiệu<br>5. Vaccin và huyết thanh                                                                                                  | 2               | 2         |                    |                       |              |
| 5  | Chương 5: Một số ký sinh trùng gây bệnh ở người                                                                                                                                                                     | 8               | 2         |                    | 6                     |              |
|    | 1. Ký sinh trùng sốt rét (Plasmodium)<br>1.1. Đặc điểm sinh học của ký sinh trùng sốt rét<br>1.2. Chu kỳ sinh học<br>1.3. Hình thể của các loại Plasmodium<br>1.4. Dịch tễ học<br>1.5. Biện pháp phòng bệnh sốt rét | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |
|    | 2. Một số loài giun lây truyền qua đất<br>2.1. Giun đũa (Ascaris lumbricoides)<br>2.2. Giun móc (Ancylostoma duodenale)<br>2.3. Giun tóc (Trichuris trichiura)<br>2.4. Giun kim (Enterobius vermicularis)           | 3               | 1         |                    | 2                     |              |
|    | 3. Amip - Trùng roi - Trùng lông                                                                                                                                                                                    | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 3.1. Đại cương<br>3.2. Amip (Entamoeba histolytica)<br>3.3. Trùng roi<br>3.4. Trùng lông<br>4. Sán lá - Sán dây                                                                |                 |           |                    |                       |              |
| 6  | Chương 6: Phương pháp lấy, bảo quản bệnh phẩm để làm xét nghiệm vi sinh vật - ký sinh trùng                                                                                    | 1               | 1         |                    |                       |              |
|    | 1. Mục đích - ý nghĩa<br>2. Một số nguyên tắc cơ bản                                                                                                                           | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 3. Các loại bệnh phẩm vật phẩm thường lấy<br>3.1. Máu<br>3.2. Các bệnh phẩm đường hô hấp.<br>3.3. Các bệnh phẩm đường tiêu hoá:<br>3.4. Các bệnh phẩm đường tiết niệu sinh dục | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
| 7  | Kiểm tra định kỳ                                                                                                                                                               | 1               |           |                    |                       | 1            |
| 8  | Thi kết thúc môn học                                                                                                                                                           | 1               |           |                    |                       | 1            |
|    | <b>Cộng</b>                                                                                                                                                                    | <b>29</b>       | <b>13</b> | <b>0</b>           | <b>14</b>             | <b>2</b>     |

### NỘI DUNG CHI TIẾT

### CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VI SINH VẬT - KÝ SINH TRÙNG

(Thời gian: 2 giờ)

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các khái niệm cơ bản về ký sinh trùng; hình thể và kích thước, các thành phần cấu trúc chung và riêng của vi khuẩn và virus.
2. Vận dụng được kiến thức đã học vào trong thực tế chuyên môn và trong truyền thông, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng về một số bệnh do vi sinh vật, ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.
3. Thể hiện được thái độ phù hợp trước những phản ứng của vi sinh vật, ký sinh trùng y học trong các hoạt động đời sống của cá nhân và cộng đồng.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1-3)**

### **1. Đại cương Ký sinh trùng**

#### ***1.1. Định nghĩa***

#### ***1.2. Vật chủ***

#### ***1.3. Chu kỳ***

#### ***1.4. Đặc điểm chung của ký sinh trùng***

#### ***1.5. Bệnh do ký sinh trùng***

#### ***1.6. Dịch tễ học bệnh ký sinh trùng***

### **2. Vi sinh vật y học**

#### ***2.1. Đại cương***

#### ***2.2. Đại cương về vi khuẩn***

#### ***2.3. Đại cương về virus***

### **3. Chẩn đoán vi sinh vật**

## **CHƯƠNG 2: MỘT SỐ VI KHUẨN GÂY BỆNH THƯỜNG GẶP**

(Thời gian: 6 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, cách phòng và điều trị của một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp.
2. Nhận định và phân tích được kết quả định danh một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp trong một số bài tập tình huống.
3. Thể hiện được tính tích cực trong học tập, tự học, tìm kiếm thông tin, tổng hợp kiến thức nhằm phát triển năng lực cho bản thân.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)****1. Cầu khuẩn gây bệnh****1.1. Tụ cầu (*Staphylococcus*)****1.2. Liên cầu (*Streptococcus*)****1.3. Phế cầu (*Streptococcus pneumoniae*)****1.4. Lậu cầu (*Neisseria gonorrhoeae*)****2. Trực khuẩn gây bệnh****2.1. Trực khuẩn đường ruột****2.2. Trực khuẩn mủ xanh (*Pseudomonas aeruginosa*)****2.3. Phẩy khuẩn tả (*Vibrio cholera*)****2.4. Trực khuẩn ngộ độc thịt (*Clostridium botulinum*)****3. Xoắn khuẩn giang mai (*Treponema pallidum*)****CHƯƠNG 3: MỘT SỐ VIRUS GÂY BỆNH Ở NGƯỜI**

(Thời gian: 6 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh và cách phòng bệnh của virus dại, virus Dengue, virus viêm gan: A, B, C; virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (HIV/AIDS) và virus lây truyền qua đường hô hấp: virus cúm, virus sởi và virus viêm não Nhật Bản.

2. Áp dụng được kiến thức đã học truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng để phòng bệnh do virus gây ra.

3. Thể hiện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, tổng hợp, đánh giá kết quả công việc của các thành viên trong nhóm để hoàn thành các bài tập được giao.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3)**

### **1. Virus cúm (Influenza virus)**

#### ***1.1. Đặc điểm Virus học***

#### ***1.2. Khả năng gây bệnh***

#### ***1.3. Chẩn đoán***

#### ***1.4. Phòng và điều trị***

### **2. Virus sởi (Measles virus)**

#### ***2.1. Đặc điểm Virus học***

#### ***2.2. Khả năng gây bệnh***

#### ***2.3. Chẩn đoán***

#### ***2.4. Phòng bệnh***

### **3. Virus viêm não Nhật Bản**

#### ***3.1. Đặc điểm Virus học***

#### ***3.2. Khả năng gây bệnh***

#### ***3.3. Phòng bệnh***

#### **4. Virus Dengue**

##### ***4.1. Đặc điểm Virus học***

##### ***4.2. Khả năng gây bệnh***

##### ***4.3. Chẩn đoán***

##### ***4.4. Phòng và điều trị***

#### **5. Virus dại (Rabies virus)**

##### ***5.1. Đặc điểm Virus học***

##### ***5.2. Khả năng gây bệnh***

##### ***5.3. Phòng và điều trị***

#### **6. Các Virus viêm gan**

##### ***6.1. Virus viêm gan A***

##### ***6.2. Virus viêm gan B***

##### ***6.3. Virus viêm gan C***

##### ***6.4. Chẩn đoán virus viêm gan***

#### **7. Virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người (Human Immunodeficiency virus: HIV)**

##### ***7.1. Đặc điểm Virus học***

##### ***7.2. Khả năng gây bệnh***

##### ***7.3. Phòng và điều trị***

##### ***7.4. Chẩn đoán***

## **CHƯƠNG 4: ĐẠI CƯƠNG MIỄN DỊCH HỌC VÀ ỨNG DỤNG TRONG Y HỌC**

**(Thời gian: 4 giờ)**



## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, tính chất của kháng nguyên và kháng thể. Trình bày được cách phân loại vaccin, nguyên lý và các nguyên tắc sử dụng huyết thanh miễn dịch.

2. Áp dụng được kiến thức đã học trong nghiên cứu một số vấn đề về vai trò của đáp ứng miễn dịch.

3. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tư duy, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm nhỏ.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 3)**

### **1. Đại cương**

### **2. Kháng nguyên**

#### ***2.1. Khái niệm***

#### ***2.2. Một số kháng nguyên quan trọng***

### **3. Kháng thể**

#### ***3.1. Khái niệm***

#### ***3.2. Đặc điểm của kháng thể***

#### ***3.3. Chức năng***

#### ***3.4. Các lớp globulin***

### **4. Sự đáp ứng miễn dịch**

#### ***4.1. Miễn dịch tự nhiên***

#### ***4.2. Hệ thống miễn dịch đặc hiệu***

### **5. Vaccin và huyết thanh**

**CHƯƠNG 5: MỘT SỐ KÝ SINH TRÙNG GÂY BỆNH Ở NGƯỜI****(Thời gian: 8 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được chu kỳ phát triển, tác hại, và đặc điểm của ký sinh trùng sốt rét. Trình bày được đặc điểm hình thể, dịch tễ học, chu kỳ phát triển, tác hại, phương pháp chẩn đoán, biện pháp phòng và điều trị bệnh của một số loài giun lây truyền qua đất, sán lá, sán dây và đơn bào.

2. Vận dụng được các kiến thức đã học nhận biết được một số triệu chứng khi nhiễm bệnh ký sinh trùng. Thực hiện truyền thông, giáo dục phòng bệnh do ký sinh trùng gây ra.

3. Chủ động thực hiện được kỹ thuật quan sát hình thể ký sinh trùng gây bệnh thường gặp theo đúng trình tự một cách độc lập, chính xác, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và an toàn, vệ sinh.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2, 4, 5)****1. Ký sinh trùng sốt rét (*Plasmodium*)*****1.1. Đặc điểm sinh học của ký sinh trùng sốt rét******1.2. Chu kỳ sinh học******1.3. Hình thể của các loại *Plasmodium*******1.4. Dịch tễ học******1.5. Biện pháp phòng bệnh sốt rét*****2. Một số loài giun lây truyền qua đất*****2.1. Giun đũa (*Ascaris lumbricoides*)******2.2. Giun móc (*Ancylostoma duodenale*)******2.3. Giun tóc (*Trichuris trichiura*)***

### **2.4. Giun kim (*Enterobius vermicularis*)**

## **3. Amip - Trùng roi - Trùng lông**

### **3.1. Đại cương**

### **3.2. Amip (*Entamoeba histolytica*)**

### **3.3. Trùng roi**

### **3.4. Trùng lông**

## **4. Sán lá - Sán dây**

# **CHƯƠNG 6: PHƯƠNG PHÁP LẤY, BẢO QUẢN BỆNH PHẨM ĐỂ LÀM XÉT NGHIỆM VI SINH VẬT - KÝ SINH TRÙNG**

**(Thời gian: 1 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên tắc cơ bản, cách lấy và bảo quản một số bệnh phẩm làm xét nghiệm vi sinh vật, ký sinh trùng thông thường.
2. Thực hiện được các kỹ năng: Làm việc nhóm, thảo luận, giải quyết vấn đề, thuyết trình.
3. Tuyên truyền, giáo dục về sử dụng và bảo quản hiệu quả các thiết bị, dụng cụ, hóa chất trong phòng thí nghiệm.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2, 4, 5)**

### **1. Mục đích - ý nghĩa**

### **2. Một số nguyên tắc cơ bản**

### **3. Các loại bệnh phẩm vật phẩm thường lấy**

#### **3.1. Máu**

#### **3.2. Các bệnh phẩm đường hô hấp**

### ***3.3. Các bệnh phẩm đường tiêu hoá***

### ***3.4. Các bệnh phẩm đường tiết niệu sinh dục***

## **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.
- Phòng thực hành: Có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất, nước rửa, bàn, ghế, bảng.

### **II. Trang thiết bị, máy móc**

Tivi, máy vi tính, tranh ảnh, bảng, phấn, kính hiển vi quang học.

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- **Học liệu:** Chương trình, giáo trình và kế hoạch bài giảng môn học Vi sinh vật - Ký sinh trùng.

#### **- Dụng cụ, nguyên vật liệu**

+ Tiêu bản, dầu soi kính hiển vi, thuốc thử nhóm máu, cồn 70 độ, lam kính, lancet, bông y tế,...

+ Giấy A4, A0, bút chì, thước, bút lông, bút dạ, giấy note, nam châm,...

### **IV. Các điều kiện khác: Không.**

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về ký sinh trùng; hình thể và kích thước, các thành phần cấu trúc chung và riêng của vi khuẩn và virus.

- Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, chu kỳ phát triển, cách phòng và điều trị của một số vi sinh vật, ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.
- Định nghĩa, cấu trúc của kháng nguyên và kháng thể; phân loại vaccin, nguyên lý và các nguyên tắc sử dụng huyết thanh miễn dịch.
- Trình bày được nguyên tắc cơ bản, cách lấy và bảo quản một số bệnh phẩm làm xét nghiệm vi sinh vật, ký sinh trùng thông thường.

## **2. Kỹ năng**

- Nhận biết được hình thể, cấu tạo của một số vi sinh vật và kí sinh trùng gây bệnh thường gặp.
- Áp dụng được kiến thức đã học truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng để phòng bệnh do virus gây ra.
- Vận dụng được các kiến thức đã học nhận biết được một số triệu chứng khi nhiễm bệnh ký sinh trùng. Thực hiện truyền thông, giáo dục phòng bệnh do ký sinh trùng gây ra.

## **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Thể hiện được thái độ phù hợp trước những phản ứng của vi sinh vật, ký sinh trùng y học trong các hoạt động đời sống của cá nhân và cộng đồng.
- Thể hiện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, tổng hợp, đánh giá kết quả công việc của các thành viên trong nhóm để hoàn thành các bài tập được giao.
- Chủ động thực hiện được kỹ thuật quan sát hình thể vi sinh vật, ký sinh trùng gây bệnh thường gặp theo đúng trình tự một cách độc lập, chính xác, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và an toàn, vệ sinh.
- Tuyên truyền, giáo dục về sử dụng và bảo quản hiệu quả các thiết bị, dụng cụ, hóa chất trong phòng thí nghiệm.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 1 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 1 bài

+ Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết.

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

### **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ I của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Vi sinh vật - Ký sinh trùng được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và thực hành, thí nghiệm. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học...).

- Nhà giáo hướng dẫn người học nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

#### **2. Đối với người học**

- Nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.

- Người học nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, bài kiểm tra và thi.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Đặc điểm sinh học của một số vi khuẩn, virus thường gặp gây bệnh cho con người.

- Đặc điểm dịch tễ, chu kỳ phát triển và khả năng gây bệnh do một số ký sinh trùng thường gặp trên cơ thể con người do tập quán hay sinh sống.

- Tác hại, các biện pháp phòng và điều trị bệnh do vi sinh vật, ký sinh trùng thường gặp gây bệnh.

### **III. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ môn Vi sinh. Vi khuẩn Y học. Tp.HCM: Nhà xuất bản Y học; 2015.
2. Bộ Y tế. Ký sinh trùng: Nhà xuất bản Giáo dục; 2009.
3. Cao Minh Nga. Virus Y học. Tp.HCM: Nhà xuất bản Y học; 2016.
4. Bộ môn Ký sinh trùng. Ký sinh trùng y học. ĐHY Hà Nội: NXB Y học; 2013.
5. Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. Giáo trình ký sinh trùng: Nhà xuất bản Y học; 2004.

### **IV. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.**



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Dược lý (Pharmacological).

**Mã môn học:** 651020022.

**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 0 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ II.

#### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được khái niệm về thuốc và tác dụng của thuốc trong cơ thể.
2. Trình bày được tác dụng dược lý, chỉ định, tác dụng phụ không mong muốn, chống chỉ định, thận trọng, liều dùng và cách dùng của các thuốc thiết yếu được học.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Đọc và viết đúng tên thuốc thông dụng.
2. Hướng dẫn sử dụng được thuốc cho người bệnh, phát hiện được những tai biến khi dùng thuốc.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện tác phong thận trọng, chính xác khi dùng thuốc.
2. Tôn trọng quyền lợi của người bệnh khi sử dụng thuốc.

### C. NỘI DUNG MÔN HỌC

#### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                    | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                    | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Đại cương về thuốc                                                                                                                                                                                                                       | 1               | 1         |                    |                       |              |
|    | 1. Khái niệm về thuốc<br>2. Các dạng thuốc dùng trong phòng và chữa bệnh<br>2.1. Thuốc dùng đường uống<br>2.2. Thuốc dùng đường tiêm<br>2.3. Thuốc dùng qua đường hô hấp<br>2.4. Thuốc dùng ngoài<br>2.5. Thuốc dùng trong chuẩn đoán cận lâm sàng | 0,2             | 0,2       |                    |                       |              |
|    | 3. Các tác dụng của thuốc                                                                                                                                                                                                                          | 0,3             | 0,3       |                    |                       |              |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                              |     |     |  |  |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|   | <p>3.1. Tác dụng tại chỗ và toàn thân</p> <p>3.2. Tác dụng chính và tác dụng phụ</p> <p>3.3. Tác dụng hồi phục và không hồi phục</p> <p>3.4. Tác dụng chọn lọc và không chọn lọc</p> <p>3.5. Tác dụng đối kháng</p> <p>3.6. Tác dụng hiệp đồng</p>           |     |     |  |  |  |
|   | <p>4. Các đường đưa thuốc vào cơ thể</p> <p>5. Sự hấp thu, thải trừ của thuốc</p> <p>5.1. Sự hấp thu: (hấp thu của thuốc vào vòng tuần hoàn chung)</p> <p>5.2. Thải trừ thuốc</p> <p>6. Khái niệm và tầm quan trọng của liều lượng, liều dùng của thuốc.</p> | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
| 2 | Chương 2: Quy định về kê đơn thuốc                                                                                                                                                                                                                           | 1   | 1   |  |  |  |
|   | <p>1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>3. Mẫu đơn thuốc</p>                                                                                                                                                                             | 0,2 | 0,2 |  |  |  |

|   |                                                                                                                             |     |     |  |  |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|   | 4. Nguyên tắc kê đơn thuốc                                                                                                  | 0,4 | 0,4 |  |  |  |
|   | 5. Yêu cầu chung với nội dung kê đơn thuốc                                                                                  |     |     |  |  |  |
|   | 6. Kê đơn thuốc gây nghiện-hướng thần<br>7. Kê đơn thuốc gây nghiện để giảm đau cho người bệnh ung thư hoặc người bệnh AIDS | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|   | 8. Thời hạn đơn thuốc có giá trị mua, lĩnh thuốc<br>9. Lưu đơn, tài liệu về thuốc                                           | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
| 3 | Chương 3: Thuốc an thần, gây ngủ, chống co giật                                                                             | 1   | 1   |  |  |  |
|   | 1. Đại cương<br>1.1. Khái niệm<br>1.2. Phân loại<br>1.3. Nguyên tắc sử dụng                                                 | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|   | 2. Các thuốc thường dùng<br>2.1. Diazepam<br>2.2. Phenobarbital<br>2.3. Rotundin<br>2.4. Clorpromazin                       | 0,5 | 0,5 |  |  |  |

|   |                                                                                                                                                 |     |     |  |  |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
| 4 | Chương 4: Thuốc gây tê, gây mê                                                                                                                  | 1   | 1   |  |  |  |
|   | 1. Thuốc gây tê<br>1.1. Định nghĩa<br>1.2. Phân loại thuốc gây tê<br>1.3. Các thuốc gây tê: Lidocain hydroclorid                                | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|   | 2. Thuốc mê<br>2.1. Định nghĩa<br>2.2. Đặc điểm của thuốc mê<br>2.3. Phân loại thuốc mê<br>2.4. Một số thuốc mê thường dùng: Ether mê; Propofol | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
| 5 | Chương 5: Thuốc hạ nhiệt, giảm đau, kháng viêm                                                                                                  | 2   | 2   |  |  |  |
|   | 1. Đại cương<br>1.1. Thuốc hạ nhiệt<br>1.2. Thuốc giảm đau<br>1.3. Thuốc chống viêm                                                             | 1   | 1   |  |  |  |
|   | 2. Các thuốc hạ nhiệt, giảm đau, kháng viêm thông thường<br>2.1. Acid acetyl salicilic                                                          | 1   | 1   |  |  |  |

|   |                                                                                                                                                      |     |     |  |  |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|   | 2.2. Paracetamol<br>2.3. Prednisolon<br>2.4. Diclofenac<br>2.5. Ibuprofen<br>2.6. Piroxicam<br>2.7. Morphin hydroclorid<br>2.8. Pethidin hydroclorid |     |     |  |  |  |
| 6 | Chương 6: Thuốc tim mạch, lợi tiểu                                                                                                                   | 2   | 2   |  |  |  |
|   | 1. Thuốc tim mạch<br>1.1. Đại cương<br>1.2. Phân loại<br>1.3. Một số thuốc tim mạch thường dùng                                                      | 1   | 1   |  |  |  |
|   | 2. Thuốc lợi tiểu<br>2.1. Phân loại<br>2.2. Các thuốc lợi tiểu thường dùng                                                                           | 1   | 1   |  |  |  |
| 7 | Chương 7: Thuốc chống dị ứng                                                                                                                         | 2   | 2   |  |  |  |
|   | 1. Đại cương về bệnh dị ứng                                                                                                                          | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|   | 2. Đặc điểm của thuốc chống dị ứng                                                                                                                   | 0,5 | 0,5 |  |  |  |

|   |                                                                                                                                     |     |     |  |  |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|   | 3. Một số thuốc chống dị ứng<br>3.1. Chlorphenamin<br>3.2. Alimemazin<br>3.3. Promethazin Hydroclorid<br>3.4. Cetirizin Hydroclorid | 1   | 1   |  |  |  |
| 8 | Chương 8: Thuốc đường hô hấp                                                                                                        | 1   | 1   |  |  |  |
|   | 1. Đại cương                                                                                                                        | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|   | 2. Các thuốc chữa ho<br>2.1. Dextromethorphan<br>2.2. Acetyl cystein<br>2.3. Bromhexin<br>2.4. Terpin Codein<br>2.5. Alimemazin     | 0,4 | 0,4 |  |  |  |
|   | 3. Thuốc chữa hen<br>3.1. Theophylin<br>3.2. Salbutamol<br>3.3. Aminophylin                                                         | 0,4 | 0,4 |  |  |  |
| 9 | Chương 9: Thuốc đường tiêu hoá<br>1. Thuốc chữa bệnh dạ dày<br>1.1. Phân loại<br>1.2. Các loại thuốc                                | 2   | 2   |  |  |  |

|    |                                                                                                                           |     |     |  |  |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|    | 2. Thuốc gan mật<br>2.1. Actisô<br>3. Thuốc điều trị tiêu chảy<br>3.1. Oresol<br>3.2. Berberin sulfat<br>4. Thuốc chữa lỵ |     |     |  |  |  |
| 10 | Chương 10: Thuốc chữa giun, sán                                                                                           | 1   | 1   |  |  |  |
|    | 1. Sơ lược về bệnh giun sán                                                                                               | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|    | 2. Phân loại                                                                                                              | 0,3 | 0,3 |  |  |  |
|    | 3. Một số thuốc thông thường                                                                                              | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|    | 3.1. Mebendazol<br>3.2. Albendazol<br>3.3. Pyrantel<br>3.4. Niclosamid                                                    |     |     |  |  |  |
| 11 | Chương 11: Thuốc kháng sinh và Sulfamid                                                                                   | 3   | 3   |  |  |  |
|    | 1. Kháng sinh<br>1.1. Đại cương về kháng sinh<br>1.2. Đề kháng thuốc của vi sinh vật<br>1.3. Các kháng sinh thông dụng    | 2,5 | 2,5 |  |  |  |
|    | 2. Sulfamid                                                                                                               | 0,5 | 0,5 |  |  |  |



|    |                                                                                                                                                           |     |     |  |  |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|    | 2.1. Đại cương về sulfamid<br>2.2. Các sulfamid kháng khuẩn thông dụng                                                                                    |     |     |  |  |  |
| 12 | Chương 12: Thuốc sát khuẩn, tẩy uế                                                                                                                        | 1   | 1   |  |  |  |
|    | 1. Đại cương                                                                                                                                              | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|    | 2. Một số thuốc sát khuẩn tẩy uế thường dùng<br>2.1. Ethanol (Cồn)<br>2.2. Hydrogen peroxyd<br>2.3. Cloramin<br>2.4. Kali permanganat ( $\text{KMnO}_4$ ) | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
| 13 | Chương 13: Hormon, thuốc bướu cổ                                                                                                                          | 2   | 2   |  |  |  |
|    | 1. Hormon<br>1.1. Đại cương<br>1.2. Một số thuốc nội tiết thường dùng                                                                                     | 1,5 | 1,5 |  |  |  |
|    | 2. Thuốc điều trị bướu cổ<br>2.1. Viên Kali iodid<br>2.2. Dầu gấn Iod<br>2.3. Một số thuốc tham khảo                                                      | 0,5 | 0,5 |  |  |  |

|    |                                    |     |     |  |  |  |
|----|------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
| 14 | Chương 14: Thuốc sốt rét           | 1   | 1   |  |  |  |
|    | 1. Quinin                          | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|    | 2. Chloroquin                      | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|    | 3. Artesunat                       | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|    | 4. Primaquin                       | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|    | 5. CV8                             | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|    | 6. Viên thuốc phối hợp Arterakine  |     |     |  |  |  |
| 15 | Chương 15: Thuốc ngoài da          | 1   | 1   |  |  |  |
|    | 1. Đại cương                       | 0,1 | 0,1 |  |  |  |
|    | 2. Phân loại thuốc                 | 0,1 | 0,1 |  |  |  |
|    | 3. Nguyên tắc sử dụng              | 0,1 | 0,1 |  |  |  |
|    | 4. Các thuốc dùng ngoài thường gặp | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|    | 4.1. Nhóm corticoid                |     |     |  |  |  |
|    | 4.2. Thuốc ASA                     |     |     |  |  |  |
|    | 4.3. Ketoconazol                   |     |     |  |  |  |
|    | 4.4. Diethyl phtalat (DEP)         |     |     |  |  |  |
|    | 4.5. Lindan                        |     |     |  |  |  |
|    | 4.6. Xanh methylen                 |     |     |  |  |  |

|    |                                                                                                                              |     |     |  |  |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
| 16 | Chương 16: Thuốc mắt, tai mũi họng                                                                                           | 1   | 1   |  |  |  |
|    | 1. Thuốc mắt<br>1.1. Đại cương<br>1.2. Các thuốc thường dùng                                                                 | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|    | 2. Thuốc tai mũi họng<br>2.1. Đại cương<br>2.2. Các thuốc tai, mũi, họng thường dùng                                         | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
| 17 | Chương 17: Thuốc sản phụ khoa                                                                                                | 1   | 1   |  |  |  |
|    | 1. Đại cương                                                                                                                 | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|    | 2. Các thuốc thường dùng trong sản phụ khoa<br>2.1. Oxytocin<br>2.2. Ergometrin maleat<br>2.3. Papaverin<br>2.4. Progesteron | 0,8 | 0,8 |  |  |  |
| 18 | Chương 18: Vitamin, thuốc chống thiếu máu                                                                                    | 2   | 2   |  |  |  |
|    | 1. Vitamin<br>1.1. Đại cương                                                                                                 | 1,5 | 1,5 |  |  |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |     |  |  |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|    | 1.2. Các Vitamin thường dùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |     |     |  |  |  |
|    | 2. Các thuốc chống thiếu máu<br>2.1. Sắt Sulfat<br>2.2. Sắt (II) Oxalat<br>2.3. Acid Folic                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
| 19 | Chương 19: Dung dịch tiêm truyền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2   | 2   |  |  |  |
|    | 1. Đại cương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|    | 2. Các loại dung dịch tiêm truyền<br>2.1. Dung dịch Natri clorid đẳng trương 0,9%<br>2.2. Dung dịch Natri clorid ưu trương 5%, 10%<br>2.3. Dung dịch Ringer lactat<br>2.4. Dung dịch Glucose đẳng trương 5%<br>2.5. Dung dịch Glucose ưu trương 30%<br>2.6. Dung dịch Natrihydro carbonat đẳng trương 1,4%<br>2.7. Alvesin<br>2.8. Morianin – S<br>2.9. Aminopeptid | 1,8 | 1,8 |  |  |  |

|             |                                                           |           |           |          |          |          |
|-------------|-----------------------------------------------------------|-----------|-----------|----------|----------|----------|
|             | 2.10. Dextran:<br>2.11. Huyết tương khô<br>2.12. Subtosan |           |           |          |          |          |
| 20          | Kiểm tra định kỳ                                          | 1         |           |          |          | 1        |
| 21          | Thi kết thúc                                              | 1         |           |          |          | 1        |
| <b>Cộng</b> |                                                           | <b>30</b> | <b>28</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>2</b> |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ THUỐC

(Thời gian: 1 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm về thuốc, các dạng bào chế của thuốc, các đường đưa thuốc vào cơ thể, các tác dụng của thuốc và sự hấp thu, thải trừ thuốc.
2. Thực hiện được việc phân loại các dạng bào chế của thuốc.
3. Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng được những kiến thức đã học vào phân biệt các dạng thuốc, đường đưa thuốc bảo đảm chính xác, an toàn.

#### II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)

##### 1. Khái niệm về thuốc

##### 2. Các dạng thuốc dùng trong phòng và chữa bệnh

###### *2.1. Thuốc dùng đường uống*

###### *2.2. Thuốc dùng đường tiêm*

###### *2.3. Thuốc dùng qua đường hô hấp*

###### *2.4. Thuốc dùng ngoài*

###### *2.5. Thuốc dùng trong chuẩn đoán cận lâm sàng*

##### 3. Các tác dụng của thuốc

**3.1. Tác dụng tại chỗ và toàn thân**

**3.2. Tác dụng chính và tác dụng phụ**

**3.3. Tác dụng hồi phục và không hồi phục**

**3.4. Tác dụng chọn lọc và không chọn lọc**

**3.5. Tác dụng đối kháng**

**3.6. Tác dụng hiệp đồng**

**4. Các đường đưa thuốc vào cơ thể**

**5. Sự hấp thu, thải trừ của thuốc**

**5.1. Sự hấp thu: (hấp thu của thuốc vào vòng tuần hoàn chung)**

**5.2. Thải trừ thuốc**

**6. Khái niệm và tầm quan trọng của liều lượng, liều dùng của thuốc.**

## **CHƯƠNG 2: QUY ĐỊNH KÊ ĐƠN THUỐC**

**(Thời gian: 1 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các nội dung chính của thông tư quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú.

2. Thực hiện được việc theo dõi và xác định đơn thuốc kê đúng theo quy định.

3. Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng được những kiến thức đã học vào việc kê đơn thuốc bảo đảm chính xác, an toàn.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3, 4)**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

**2. Đối tượng áp dụng**

**3. Mẫu đơn thuốc**

**4. Nguyên tắc kê đơn thuốc**

**5. Yêu cầu chung với nội dung kê đơn thuốc**

**6. Kê đơn thuốc gây nghiện-hướng thần**

**7. Kê đơn thuốc gây nghiện để giảm đau cho người bệnh ung thư hoặc người bệnh AIDS**

**8. Thời hạn đơn thuốc có giá trị mua, lĩnh thuốc**

**9. Lưu đơn, tài liệu về thuốc**

### **CHƯƠNG 3: THUỐC AN THẦN, GÂY NGỦ, CHỐNG CO GIẬT**

**(Thời gian: 1 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được đại cương về thuốc an thần gây ngủ chống co giật và cách sử dụng một số thuốc an thần gây ngủ thông thường.

2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc an thần gây ngủ chống co giật.

3. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc an thần gây ngủ chống co giật an toàn hiệu quả.

#### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)**

##### **1. Đại cương**

##### **1.1. Khái niệm**

##### **1.2. Phân loại**

##### **1.3. Nguyên tắc sử dụng**

##### **2. Các thuốc thường dùng**

##### **2.1. Diazepam**

##### **2.2. Phenobarbital**

##### **2.3. Rotundin**

##### **2.4. Clorpromazin**

### **CHƯƠNG 4: THUỐC GÂY TÊ, GÂY MÊ**

**(Thời gian: 1 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được đặc điểm thuốc tê, thuốc mê và cách sử dụng của một số thuốc gây tê, gây mê thông thường.
2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc thuốc tê, thuốc mê thông thường.
3. Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng được những kiến thức đã học vào các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc tê, thuốc mê an toàn, hiệu quả.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)**

### **1. Thuốc gây tê**

#### ***1.1. Định nghĩa***

#### ***1.2. Phân loại thuốc gây tê***

#### ***1.3. Các thuốc gây tê: Lidocain hydroclorid***

### **2. Thuốc mê**

#### ***2.1. Định nghĩa***

#### ***2.2. Đặc điểm của thuốc mê***

#### ***2.3. Phân loại thuốc mê***

#### ***2.4. Một số thuốc mê thường dùng: Ether mê, Propofol***

## **CHƯƠNG 5: THUỐC HẠ NHIỆT, GIẢM ĐAU, KHÁNG VIÊM**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày đặc điểm của nhóm thuốc hạ nhiệt, giảm đau , chống viêm và cách sử dụng các thuốc giảm đau, hạ nhiệt chống viêm thường gặp: Acid Acetyl Salisilic(Aspirin), Diclofenac, Paracetamol, Prednisolon, Ibuprofen, Morphin, Pethidin(Dolargan); Piroxicam.
2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc hạ nhiệt, giảm đau, chống viêm thông thường.



3. Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng được những kiến thức đã học vào các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc hạ nhiệt, giảm đau, chống viêm an toàn, hiệu quả.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)**

### **1. Đại cương**

#### ***1.1. Thuốc hạ nhiệt***

#### ***1.2. Thuốc giảm đau***

#### ***1.3. Thuốc chống viêm***

### **2. Các thuốc hạ nhiệt, giảm đau, kháng viêm thông thường**

#### ***2.1. Acid acetyl salicilic***

#### ***2.2. Paracetamol***

#### ***2.3. Prednisolon***

#### ***2.4. Diclofenac***

#### ***2.5. Ibuprofen***

#### ***2.6. Piroxicam***

#### ***2.7. Morphin hydroclorid***

#### ***2.8. Pethidin hydroclorid***

## **CHƯƠNG 6: THUỐC TIM MẠCH, LỢI TIỂU**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày đặc điểm của thuốc tim mạch, lợi tiểu và cách sử dụng thuốc: Digoxin, Nifedipin, Furosemid, Adrenalin, Captoprin, Propanolon, Hypothiazid, Kalioid.

2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc tim mạch, lợi tiểu thông thường.

3. Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng được những kiến thức đã học vào các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc tim mạch, lợi tiểu an toàn, hiệu quả.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)**

### **1. Thuốc tim mạch**

#### ***1.1. Đại cương***

#### ***1.2. Phân loại***

#### ***1.3. Một số thuốc tim mạch thường dùng***

### **2. Thuốc lợi tiểu**

#### ***2.1. Phân loại***

#### ***2.2. Các thuốc lợi tiểu thường dùng***

## **CHƯƠNG 7: THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các đặc điểm thuốc chống dị ứng và cách sử dụng các thuốc Chlorphenamin, Alimemazin, Promethazin, Cetirizin.

2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc chống dị ứng thông thường.

3. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích được các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc chống dị ứng an toàn hiệu quả.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)**

### **1. Đại cương về bệnh dị ứng**

### **2. Đặc điểm của thuốc chống dị ứng**

### **3. Một số thuốc chống dị ứng**

#### ***3.1. Chlorphenamin***

#### ***3.2. Alimemazin***

#### ***3.3. Promethazin Hydroclorid***

#### ***3.4. Cetirizin Hydroclorid***

**CHƯƠNG 8: THUỐC ĐƯỜNG HÔ HẤP****(Thời gian: 1 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được cách sử dụng các thuốc chữa ho: Dextromethorphan, Acetyl cystein, Bromhexin, Terpin Codein, Alimemazin. Trình bày được cách sử dụng các thuốc chữa hen: Theophylin, Salbutamol, Aminophylin.

2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc chống dị ứng thông thường

3. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích được các vấn đề liên quan đến sử dụng các thuốc đường hô hấp an toàn hiệu quả.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)****1. Đại cương****2. Các thuốc chữa ho****2.1. *Dextromethorphan*****2.2. *Acetyl cystein*****2.3. *Bromhexin*****2.4. *Terpin Codein*****2.5. *Alimemazin*****3. Thuốc chữa hen****3.1. *Theophylin*****3.2. *Salbutamol*****3.3. *Aminophylin*****CHƯƠNG 9: THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HOÁ****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Phân loại được các nhóm thuốc chữa bệnh dạ dày, điều trị tiêu chảy và cách sử dụng các thuốc Aluminium hydroxyd, Magnesi hydroxyd, Cimetidin, Ranitidin, Omeprazol, Artiso, Oresol, Berberin.

2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc chữa bệnh dạ dày, điều trị tiêu chảy thông thường.

3. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích được các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc đường tiêu hóa toàn hiệu quả.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)**

### **1. Thuốc chữa bệnh dạ dày**

#### ***1.1. Phân loại***

#### ***1.2. Các loại thuốc***

##### ***1.2.1. Aluminium hydroxyd***

##### ***1.2.2. Magnesi hydroxyd***

##### ***1.2.3. Cimetidin***

##### ***1.2.4. Omeprazol***

### **2. Thuốc gan mật**

#### ***2.1. Actisô***

### **3. Thuốc điều trị tiêu chảy**

#### ***3.1. Oresol***

#### ***3.2. Berberin sulffat***

### **4. Thuốc chữa lỵ**

## **CHƯƠNG 10: THUỐC CHỮA GIUN, SÁN**

**(Thời gian: 1 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các đặc điểm của thuốc giun sán và cách sử dụng của các thuốc: Mebendazol, Albendazol, Niclosamid, Pyrantel.

2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc chữa giun, sán thông thường.
3. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích được các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc giun, sán an toàn hiệu quả.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)**

### **1. Sơ lược về bệnh giun sán**

### **2. Phân loại**

### **3. Một số thuốc thông thường**

#### **3.1. *Mebendazol***

#### **3.2. *Albendazol***

#### **3.3. *Pyrantel***

#### **3.4. *Niclosamid***

## **CHƯƠNG 11: THUỐC KHÁNG SINH VÀ SULFAMID**

**(Thời gian: 3 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các đặc điểm, sự đề kháng thuốc của vi sinh vật, cách sử dụng thuốc kháng sinh thông thường, và một số sulfamid an toàn hiệu quả.
2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc kháng sinh, sulfamid thông thường.
3. Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và phân tích được các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc kháng sinh, sulfamid an toàn hiệu quả.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)**

### **1. Kháng sinh**

#### **1.1. *Đại cương về kháng sinh***

#### **1.2. *Đề kháng thuốc của vi sinh vật***

#### **1.3. *Các kháng sinh thông dụng***

### **2. Sulfamid**

**2.1. Đại cương về sulfamid****2.2. Các sulfamid kháng khuẩn thông dụng****CHƯƠNG 12: THUỐC SÁT KHUẨN, TẮY UẾ****(Thời gian: 1 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được đặc điểm của thuốc sát khuẩn, tẩy uế và cách sử dụng của các thuốc sát khuẩn thường dùng (cồn, oxy già, cloramin B & T, thuốc tím).
2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc sát khuẩn, tẩy uế thông thường.
3. Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng được những kiến thức đã học vào các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc sát khuẩn, tẩy uế an toàn, hiệu quả.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)****1. Đại cương****2. Một số thuốc sát khuẩn tẩy uế thường dùng****2.1. Ethanol (Cồn)****2.2. Hydrogen peroxyd****2.3. Cloramin****2.4. Kali permanganat ( $KMnO_4$ )****CHƯƠNG 13: HORMON, THUỐC BƯỚU CỔ****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được tác dụng chung, chỉ định, nguyên tắc dùng các Hormon; các dạng thuốc, nồng độ, hàm lượng, công dụng, cách dùng Corticoid, Testosterol, Ethinylestradion, Progesterol, Insulin, thuốc chữa bướu cổ.
2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc hormon, thuốc bướu cổ thông thường.

3. Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng được những kiến thức đã học vào các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc hormon, thuốc bướu cổ an toàn, hiệu quả.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)**

### **1. Hormon**

#### **1.1. Đại cương**

#### **1.2. Một số thuốc nội tiết thường dùng**

### **2. Thuốc điều trị bướu cổ**

#### **2.1. Viên Kali iodid**

#### **2.2. Dầu gấn Iod**

#### **2.3. Một số thuốc tham khảo**

## **CHƯƠNG 14: THUỐC SỐT RÉT**

**(Thời gian: 1 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Kể tên các thuốc (hoặc biệt dược), chỉ định cách dùng, bảo quản các thuốc chống sốt rét thông thường Quinin, Artesunat, Cloroquin, CV8, Primaquin, Arterakine.

2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc sốt rét thông thường.

3. Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng được những kiến thức đã học vào các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc sốt rét an toàn, hiệu quả.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)**

### **1. Quinin**

### **2. Chloroquin**

### **3. Artesunat**

### **4. Primaquin**

### **5. CV8**

### **6. Viên thuốc phối hợp Arterakine**

**CHƯƠNG 15: THUỐC NGOÀI DA****(Thời gian: 1 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các đặc điểm của thuốc ngoài da và cách sử dụng thuốc chữa chàm, chữa nấm, chữa ghẻ, chữa nhiễm trùng (Corticoid, ASA, Ketocondazol, DEP, Lindan, Xanh metylen).

2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc ngoài da thông thường.

3. Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng được những kiến thức đã học vào các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc ngoài da an toàn, hiệu quả.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)****1. Đại cương****2. Phân loại thuốc****3. Nguyên tắc sử dụng****4. Các thuốc dùng ngoài thường gặp****4.1. Nhóm corticoid****4.2. Thuốc ASA****4.3. Ketoconazol****4.4. Diethyl phtalat (DEP)****4.5. Lindan****4.6. Xanh methylen****CHƯƠNG 16: THUỐC MẮT, TAI MŨI HỌNG****(Thời gian: 1 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các đặc điểm thuốc mắt, tai mũi họng và cách sử dụng các thuốc thông thường (Argyrol, Chloramphenicol, sulfaxylum, tetracylin, polydexa, oxy già, Naphazolin, ephedrin, sulfarin).



2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc mắt, tai mũi họng thông thường.

3. Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng được những kiến thức đã học vào các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc mắt, tai mũi họng an toàn, hiệu quả.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)**

### **1. Thuốc mắt**

#### **1.1. Đại cương**

#### **1.2. Các thuốc thường dùng**

### **2. Thuốc tai mũi họng**

#### **2.1. Đại cương**

#### **2.2. Các thuốc tai, mũi, họng thường dùng**

## **CHƯƠNG 17: THUỐC SẢN PHỤ KHOA**

**(Thời gian: 1 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày đặc điểm của thuốc dùng trong sản, phụ khoa và cách sử dụng các thuốc thông thường: Oxytocin, Ergometrin, Papaverin, Progesteron.

2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc sản, phụ khoa thông thường.

3. Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng được những kiến thức đã học vào các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc sản khoa an toàn, hiệu quả.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)**

### **1. Đại cương**

### **2. Các thuốc thường dùng trong sản phụ khoa**

#### **2.1. Oxytocin**

#### **2.2. Ergometrin maleat**

#### **2.3. Papaverin**

#### **2.4. Progesteron**

**CHƯƠNG 18: VITAMIN, THUỐC CHỐNG THIẾU MÁU****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày 4 đặc điểm và những điều cần chú ý khi dùng Vitamin, 4 nguyên tắc sử dụng Vitamin. Trình bày cách sử dụng các thuốc thông thường Vitamin A, B1, B2, B6, B12, C, D, K, PP, E, sắt, acid folic.

2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các thuốc vitamin, thuốc chống thiếu máu thông thường.

3. Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng được những kiến thức đã học vào các vấn đề liên quan đến sử dụng vitamin, thuốc chống thiếu máu an toàn, hiệu quả.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)****1. Vitamin****1.1. Đại cương****1.2. Các Vitamin thường dùng****2. Các thuốc chống thiếu máu****2.1. Sắt Sulfat****2.2. Sắt (II) Oxalat****2.3. Acid Folic****CHƯƠNG 19: DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Kể 5 vai trò dung dịch tiêm truyền; cách phân loại dung dịch tiêm truyền và cách sử dụng các dung dịch tiêm truyền thông thường: acid amin, glucose, Natri clorid, Natrihydro carbonat, Ringer lactat, Dextran.

2. Hướng dẫn sử dụng được đúng cách các dung dịch tiêm, truyền thông thường.

3. Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng được những kiến thức đã học vào các vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc dung dịch tiêm, truyền an toàn, hiệu quả.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 5)**

### **1. Đại cương**

### **2. Các loại dung dịch tiêm truyền**

*2.1. Dung dịch Natri clorid đẳng trương 0,9%*

*2.2. Dung dịch Natri clorid ưu trương 5%, 10%*

*2.3. Dung dịch Ringer lactat*

*2.4. Dung dịch Glucose đẳng trương 5%*

*2.5. Dung dịch Glucose ưu trương 30%*

*2.6. Dung dịch Natrihydro carbonat đẳng trương 1,4%*

*2.7. Alvesin*

*2.8. Morianin- S*

*2.9. Aminoacid*

*2.10. Dextran*

*2.11. Huyết tương khô*

*2.12. Subtosan*

## **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng:**

- Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.
- Phòng thực hành: Có đầy đủ thuốc mẫu, bàn, ghế, bảng.

### **II. Trang thiết bị, máy móc:**

- Tivi, máy vi tính, bảng, phấn.

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:**

- Tranh ảnh, video liên quan tới từng bài giảng dạy, giấy A4, A0, bút chì, thước, bút lông, bút dạ, bảng làm việc nhóm, giấy note, nam châm,...
- Thuốc mẫu, các tình huống lâm sàng.

#### **IV. Các điều kiện khác:** Không.

### **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**

#### **I. Nội dung**

##### **1. Kiến thức**

- Khái niệm về thuốc, các dạng bào chế của thuốc, các đường đưa thuốc vào cơ thể, các tác dụng của thuốc và sự hấp thu, thải trừ thuốc.
- Nguyên tắc kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú.
- Tác dụng dược lý, chỉ định các thuốc thiết yếu trong các chương.
- Tác dụng phụ không mong muốn, chống chỉ định, thận trọng các thuốc thiết yếu trong các chương.
- Liều dùng và cách dùng của các thuốc thiết yếu trong các chương.

##### **2. Kỹ năng**

- Đọc được đúng tên các thuốc được học trong các chương.
- Thực hiện thành thạo được nhận biết các nội dung trong đơn thuốc điều trị ngoại trú theo quy định.
- Hướng dẫn sử dụng được các dạng thuốc thiết yếu được học trong các chương.

##### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận.

- Vận dụng được những kiến thức sử dụng thuốc đã học vào thực tế nghề nghiệp trên lâm sàng bảo đảm hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.

+ Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết.

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian kiểm tra: 45 phút.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

### **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi/ đề thi: Học kỳ II của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Dược lý được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, làm mẫu, đóng vai.

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Sử dụng phương pháp đóng vai theo kịch bản đã thiết kế.

#### **2. Đối với người học**

- Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định;

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về giờ học và làm đầy đủ các bài tập về nhà;

- Sinh viên nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến

môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, bài kiểm tra và thi.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.
- Năng lực hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

### **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Trần thị Thu Hằng. Dược lực học. TP Hồ Chí Minh: NXB Thanh Niên; 2020.
2. Mai Tất Tố - Vũ Thị Trâm. Dược lý học (tập 1). Hà Nội: NXB Y học; 2022.
3. Bộ Y Tế. Thông tư 52/2017/TT-BYT, Quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú. Hà Nội: 2018.
4. Bộ Y Tế. Thông tư 18/2018/TT-BYT, Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 52/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 quy định về đơn thuốc và kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú. Hà Nội: 2018.
5. Mai Tất Tố - Vũ Thị Trâm. Dược lý học (tập 2). Hà Nội: NXB Y học; 2022.

### **V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.**

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**

**Tên môn học:** Dịch tễ - Sức khỏe môi trường (Epidemiology - Environmental Health).

**Mã môn học:** 651320412.

**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ (lý thuyết: 20 giờ; bài tập, thảo luận: 8 giờ; thực hành, thí nghiệm: 0 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn cơ sở trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ II.

#### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được những khái niệm cơ bản, chiến lược và những kiến thức cơ bản về dịch tễ học của tác nhân, vật chủ, môi trường.

2. Giải thích được quá trình dịch của 4 nhóm bệnh truyền nhiễm và áp dụng trong theo dõi, phát hiện, tổ chức phòng chống dịch bệnh tại tuyến y tế cơ sở.

3. Trình bày được mối liên quan giữa môi trường tự nhiên, môi trường lao động và sức khỏe, các biện pháp để nâng cao sức khỏe và phòng bệnh.



4. Mô tả được các yếu tố nguy cơ gây bệnh thường gặp có liên quan đến sức khỏe cá nhân, cộng đồng và các biện pháp nhằm bảo vệ, cải tạo môi trường tự nhiên, môi trường lao động, tác hại nghề nghiệp và phòng chống dịch.

## **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Thực hiện đúng quy trình giám sát dịch tễ học một số bệnh lây ở địa phương.
2. Thực hiện và tham gia công tác dự phòng bệnh lây nhiễm tại cộng đồng.
3. Ứng dụng được những kiến thức đã học để giúp cộng đồng nâng cao được nhận thức về sức khỏe môi trường và phòng chống các tác hại do môi trường gây nên.

## **III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

1. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.
2. Thay đổi hành vi để bảo vệ môi trường sống cho cá nhân, gia đình và cộng đồng trên cơ sở tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của địa phương.
3. Người học mạnh dạn tiếp xúc với người bệnh, với cộng đồng; tự tin trong giao tiếp; có tinh thần học tập tích cực, tự học, tự nghiên cứu, tham gia có hiệu quả các hoạt động học tập.

## **C. NỘI DUNG MÔN HỌC**

### **NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN**

| <b>TT</b> | <b>Tên chương, mục</b> | <b>Thời gian (giờ)</b> |                  |                           |                              |                      |
|-----------|------------------------|------------------------|------------------|---------------------------|------------------------------|----------------------|
|           |                        | <b>Tổng số</b>         | <b>Lý thuyết</b> | <b>Thảo luận, bài tập</b> | <b>Thực hành, thí nghiệm</b> | <b>Thi/ Kiểm Tra</b> |
|           |                        |                        |                  |                           |                              |                      |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |     |  |  |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
| 1 | Chương 1: Đại cương về dịch tễ học                                                                                                                                                                                                                                  | 1   | 1   |  |  |  |
|   | 1. Những khái niệm cơ bản và chiến lược của dịch tễ học<br>1.1. Những khái niệm cơ bản<br>1.2. Chiến lược của dịch tễ học<br>2. Các lĩnh vực hoạt động của dịch tễ học<br>2.1. Phương pháp DTH học phân tích một vấn đề sức khỏe<br>2.2. Một số áp dụng dịch tễ học | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|   | 3. Mục đích thực tiễn của dịch tễ học hiện đại<br>3.1. Mục đích lý thuyết<br>3.2. Mục đích thực hành<br>4. Các cấp độ dự phòng                                                                                                                                      | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
| 2 | Chương 2: Các khái niệm về dịch tễ học nhiễm trùng                                                                                                                                                                                                                  | 1   | 1   |  |  |  |
|   | 1. Các khái niệm<br>1.1. Nhiễm trùng và lây lan<br>1.2. Bệnh nhiễm trùng trong cộng đồng nói chung và bệnh nhiễm trùng trong bệnh viện                                                                                                                              | 0,5 | 0,5 |  |  |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                            |     |     |     |  |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|--|--|
|   | <p>1.3. Bệnh nhiễm trùng “nhẹ” và nhiễm trùng “chậm”</p> <p>1.4. Nhiễm trùng ngoại sinh và nhiễm trùng nội sinh</p>                                                                                                                                        |     |     |     |  |  |
|   | <p>2. Đặc trưng dịch tễ học của tác nhân, vật chủ, môi trường</p> <p>2.1. Tác nhân</p> <p>2.2. Môi trường</p> <p>2.3. Vật chủ</p> <p>3. Nhiễm trùng ngoại sinh</p> <p>3.1. Các thời kỳ của bệnh truyền nhiễm</p> <p>3.2. Các thể của bệnh truyền nhiễm</p> | 0,5 | 0,5 |     |  |  |
| 3 | Chương 3: Quá trình dịch                                                                                                                                                                                                                                   | 2   | 1   | 1   |  |  |
|   | <p>1. Khái niệm về quá trình dịch</p> <p>1.1. Định nghĩa</p> <p>1.2. Các mắt xích của quá trình dịch</p> <p>2. Nguồn truyền nhiễm</p> <p>2.1. Người</p> <p>2.2. Động vật</p>                                                                               | 1   | 0,5 | 0,5 |  |  |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |   |     |     |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----|-----|--|--|
| <p>3. Các yếu tố truyền nhiễm và cơ chế truyền nhiễm</p> <p>3.1. Vai trò truyền nhiễm của không khí</p> <p>3.2. Vai trò truyền nhiễm của nước</p> <p>3.3. Vai trò truyền nhiễm của đất</p> <p>3.4. Vai trò truyền nhiễm của thực phẩm</p> <p>3.5. Vai trò truyền nhiễm của các vật dụng</p> <p>3.6. Vai trò truyền nhiễm của côn trùng tiết túc</p> |   |     |     |  |  |
| <p>4. Tính cảm thụ và tính miễn dịch</p> <p>4.1. Tính cảm thụ</p> <p>4.2. Tính miễn dịch</p> <p>4.3. Miễn dịch tập thể</p> <p>5. Đặc trưng về quá trình dịch</p> <p>5.1. Các hình thức của quá trình dịch</p> <p>5.2. Tính chất chu kỳ của quá trình dịch</p>                                                                                       | 1 | 0,5 | 0,5 |  |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |   |     |  |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|-----|--|--|
|   | <p>5.3. Tính chất về cường độ của quá trình dịch</p> <p>6. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, xã hội lên quá trình dịch</p> <p>6.1. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên</p> <p>6.2. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, xã hội</p>                                                                      |     |   |     |  |  |
| 4 | Chương 4: Dịch tễ học các bệnh lây theo đường tiêu hóa                                                                                                                                                                                                                                               | 3   | 2 | 1   |  |  |
|   | <p>1. Mở đầu</p> <p>2. Tác nhân gây bệnh</p> <p>3. Phân nhóm các bệnh lây theo đường tiêu hóa</p> <p>3.1. Căn cứ vào nguồn truyền nhiễm</p> <p>3.2. Căn cứ vào vị trí cảm nhiễm</p> <p>4. Triệu chứng lâm sàng và chẩn đoán</p> <p>4.1. Bệnh tả</p> <p>4.2. Lỵ trực khuẩn</p> <p>4.3. Thương hàn</p> | 1,5 | 1 | 0,5 |  |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                        |     |   |     |  |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|-----|--|--|
|   | 5. Điều trị<br>5.1. Bù nước điện giải<br>5.2. Sử dụng kháng sinh<br>5.3. Nuôi dưỡng<br>6. Dịch tễ học các bệnh lây theo đường tiêu hóa<br>6.1. Quá trình truyền nhiễm<br>6.2. Đặc điểm dịch tễ<br>7. Biện pháp phòng chống<br>7.1. Phòng bệnh<br>7.2. Phòng chống dịch | 1,5 | 1 | 0,5 |  |  |
| 5 | Chương 5: Dịch tễ học các bệnh lây theo đường hô hấp                                                                                                                                                                                                                   | 3   | 2 | 1   |  |  |
|   | 1. Mở đầu<br>2. Phân nhóm các bệnh lây theo đường hô hấp<br>2.1. Căn cứ vào nguồn truyền nhiễm<br>2.2. Căn cứ vào vị trí cảm nhiễm<br>3. Quá trình truyền nhiễm<br>3.1. Nguồn truyền nhiễm                                                                             | 1,5 | 1 | 0,5 |  |  |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |     |   |     |  |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|-----|--|--|
|  | 3.2. Đường truyền nhiễm<br>3.3. Khởi cảm thụ<br>4. Biện pháp phòng chống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |     |   |     |  |  |
|  | 5. Bệnh sởi<br>5.1. Đại cương<br>5.2. Tác nhân gây bệnh<br>5.3. Dịch tễ học<br>5.4. Sinh lý bệnh<br>5.5. Biểu hiện lâm sàng<br>5.6. Chẩn đoán<br>5.7. Hướng điều trị<br>5.8. Biện pháp phòng chống<br>6. Bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới virus corona (COVID- 19)<br>6.1. Đặc điểm sinh học của virus SARS-CoV-2<br>6.2. Tình hình dịch COVID-19 trên thế giới và tại Việt Nam và ứng phó của các quốc gia<br>6.3. Định nghĩa trường hợp bệnh | 1,5 | 1 | 0,5 |  |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                             |     |   |     |  |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|-----|--|--|
|   | 6.4. Đặc điểm lâm sàng bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới vi rút corona<br>6.5. Các biện pháp phòng và chống dịch bệnh COVID-19<br>6.6. Điều tra dịch tễ, giám sát dịch COVID-19<br><u>6.7. Truyền thông phòng chống dịch COVID-19</u> |     |   |     |  |  |
| 6 | Chương 6: Dịch tễ học các bệnh lây theo đường máu                                                                                                                                                                                           | 3   | 2 | 1   |  |  |
|   | 1. Mở đầu<br>2. Phân nhóm các bệnh lây theo đường máu<br>3. Quá trình truyền nhiễm<br>3.1. Nguồn truyền nhiễm<br>3.2. Đường truyền nhiễm<br>3.3. Khởi cảm thụ                                                                               | 1,5 | 1 | 0,5 |  |  |
|   | 4. Biện pháp phòng chống<br>5. Bệnh sốt xuất huyết Dengue<br>5.1. Tác nhân gây bệnh<br>5.2. Dịch tễ học<br>5.3. Bệnh sinh                                                                                                                   | 1,5 | 1 | 0,5 |  |  |



|   |                                                                                                                                                                                                                                 |   |   |  |  |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--|--|
|   | 5.4. Biểu hiện lâm sàng<br>5.5. Chẩn đoán<br>5.6. Hướng điều trị<br>5.7. Biện pháp phòng chống                                                                                                                                  |   |   |  |  |  |
| 7 | Chương 7: Dịch tễ học các bệnh lây theo đường da – niêm mạc                                                                                                                                                                     | 2 | 2 |  |  |  |
|   | 1. Phân nhóm các bệnh lây theo đường da – niêm mạc<br>2. Quá trình truyền nhiễm<br>2.1. Nguồn truyền nhiễm<br>2.2. Đường truyền nhiễm<br>2.3. Khỏi cảm thụ và miễn dịch                                                         | 1 | 1 |  |  |  |
|   | 3. Biện pháp phòng chống<br>4. Bệnh Đại<br>4.1. Tác nhân gây bệnh<br>4.2. Quá trình truyền nhiễm<br>4.3. Bệnh sinh<br>4.4. Biểu hiện lâm sàng<br>4.5. Chẩn đoán<br>4.6. Điều trị - Dự phòng<br>4.7. Điều trị khi đã lên cơn đại | 1 | 1 |  |  |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |     |   |     |  |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|-----|--|--|
| 8 | Chương 8: Đại cương về sức khỏe môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3   | 2 | 1   |  |  |
|   | 1. Định nghĩa về môi trường và các chức năng cơ bản của môi trường<br>1.1. Môi trường lý học<br>1.2. Môi trường hóa học<br>1.3. Môi trường sinh học<br>1.4. Môi trường xã hội<br>1.5. Các thành phần môi trường<br>1.6. Các chức năng cơ bản của môi trường<br>2. Các khía cạnh lịch sử của sức khỏe môi trường<br>2.1. Khái niệm về sức khỏe môi trường<br>2.2. Lịch sử phát triển của sức khỏe môi trường | 1,5 | 1 | 0,5 |  |  |
|   | 3. Quan hệ giữa sức khỏe và môi trường<br>4. Tác động của dân số, đô thị hóa lên sức khỏe cộng đồng và môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1,5 | 1 | 0,5 |  |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |     |   |     |  |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|-----|--|--|
|   | <p>5. Những định hướng cơ bản cho môi trường lành mạnh</p> <p>5.1. Bầu không khí trong sạch</p> <p>5.2. Có đủ nước sạch cho ăn uống và sinh hoạt</p> <p>5.3. Đủ thực phẩm và thực phẩm an toàn</p>                                                                                                                                                                                                                          |     |   |     |  |  |
| 9 | Chương 9: Quản lý sức khỏe môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3   | 2 | 1   |  |  |
|   | <p>1. Khái niệm về quản lý môi trường</p> <p>1.1. Quản lý bằng các giải pháp kỹ thuật đối với môi trường đất, nước, không khí và thực phẩm</p> <p>1.2. Quản lý môi trường bằng chính sách, chiến lược, các giải pháp hành chính</p> <p>1.3. Các nhiệm vụ cơ bản của ngành y tế trong quản lý môi trường</p> <p>1.4. Mối quan hệ nguyên nhân - hậu quả của môi trường và sức khỏe</p> <p>1.5. Môi trường hỗ trợ sức khỏe</p> | 1,5 | 1 | 0,5 |  |  |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |   |     |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|-----|--|--|
| <p>2. Những hoạt động quản lý sức khỏe môi trường</p> <p>2.1. Xác định và đo lường mức độ ô nhiễm môi trường</p> <p>2.2. Đo lường các yếu tố độc hại và đánh giá các nguy cơ cũng như hậu quả đến sức khỏe</p> <p>2.3. Đề xuất các giải pháp giảm nhẹ nguy cơ, ngăn ngừa hậu quả</p> <p>2.4. Xác định tính khả thi của các giải pháp</p> <p>2.5. Xây dựng hệ thống luật pháp, các văn bản pháp quy quản lý môi trường</p> <p>2.6. Điều chỉnh chính sách và luật lệ</p> <p>2.7. Các chiến lược và chuẩn mực trong quản lý môi trường</p> |     |   |     |  |  |
| <p>3. Những vấn đề tồn tại trong quản lý ô nhiễm môi trường ở Việt Nam</p> <p>3.1. Các giải pháp quản lý vệ sinh môi trường của ngành y tế</p> <p>3.2. Điều hành bằng pháp luật ở cấp quốc gia</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1,5 | 1 | 0,5 |  |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                       |   |     |     |  |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----|-----|--|--|
|    | <p>3.3. Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường</p> <p>4. Vai trò của cộng đồng trong quản lý môi trường và bảo vệ sức khỏe</p>                                                                                                                     |   |     |     |  |  |
| 10 | Chương 10: Ô nhiễm không khí                                                                                                                                                                                                                          | 2 | 1   | 1   |  |  |
|    | <p>1. Sơ lược lịch sử ô nhiễm không khí</p> <p>2. Các nguồn gây ô nhiễm không khí</p> <p>2.1. Ô nhiễm do công nghiệp</p> <p>2.2. Ô nhiễm do giao thông</p> <p>2.3. Ô nhiễm do nông nghiệp</p> <p>2.4. Các nguồn gây ô nhiễm không khí trong nhà</p>   | 1 | 0,5 | 0,5 |  |  |
|    | <p>3. Các chất gây ô nhiễm không khí và những ảnh hưởng của chúng</p> <p>3.1. Ảnh hưởng đến sức khỏe</p> <p>3.2. Hội chứng bệnh nhà kín</p> <p>4. Một số tác động của ô nhiễm không khí lên khí hậu toàn cầu</p> <p>4.1. Sự nóng lên của trái đất</p> | 1 | 0,5 | 0,5 |  |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |     |   |     |  |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|-----|--|--|
|    | <p>4.2. Sự phá hủy tầng ozon</p> <p>4.3. Mưa acid</p> <p>4.4. Sự nghịch đảo nhiệt</p> <p>4.5. Hiện tượng Mây Nâu Châu Á</p>                                                                                                                                                                                                                                               |     |   |     |  |  |
| 11 | Chương 11: Nước và vệ sinh nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3   | 2 | 1   |  |  |
|    | <p>1. Các nguồn nước trong thiên nhiên</p> <p>1.1. Nước biển và đại dương</p> <p>1.2. Nước ngầm</p> <p>1.3. Nước sông hồ - nước mặt</p> <p>1.4. Nước mưa</p> <p>1.5. Cung cấp nước cho các vùng nông thôn</p> <p>2. Mối liên quan giữa chất lượng nước và sức khỏe con người</p> <p>2.1. Chất lượng nước và tiêu chuẩn</p> <p>2.2. Vệ sinh nước và sức khỏe cộng đồng</p> | 1,5 | 1 | 0,5 |  |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |   |     |  |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|-----|--|--|
|    | 2.3. Vai trò của nước đối với con người<br>2.4. Bệnh có liên quan đến nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |     |   |     |  |  |
|    | 3. Ô nhiễm nước và tác động lên sức khỏe môi trường<br>3.1. Ô nhiễm nước<br>3.2. Hoạt động của con người và vấn đề ô nhiễm nước<br>4. Xử lý nước và kiểm soát ô nhiễm nước<br>4.1. Lọc nước<br>4.2. Khử chất sắt trong nước<br>4.3. Làm mất mùi và dư vị<br>4.4. Giảm độ cứng của nước<br>4.5. Tiệt khuẩn nước<br>4.6. Xử lý nước thải<br>4.7. Kiểm soát ô nhiễm nước và quản lý chất lượng nước | 1,5 | 1 | 0,5 |  |  |
| 12 | Chương 12: Ô nhiễm môi trường đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2   | 2 |     |  |  |
|    | 1. Khái niệm về đất<br>2. Vai trò của đất đối với con người                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1   | 1 |     |  |  |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |   |  |  |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--|--|
| <p>3. Ô nhiễm môi trường đất</p> <p>3.1. Tác động của các hệ thống sản xuất đến môi trường đất</p> <p>3.2. Ô nhiễm môi trường đất</p> <p>3.3. Ô nhiễm đất ở khu công nghiệp và đô thị</p> <p>3.4. Ô nhiễm đất do các hoạt động nông nghiệp</p> <p>3.5. Ô nhiễm đất do chiến tranh</p>                                                                                                                                                          |   |   |  |  |  |
| <p>4. Tiêu chuẩn đánh giá đất bị ô nhiễm</p> <p>4.1. Theo phân tích hóa học</p> <p>4.2. Dựa vào các chỉ số vệ sinh</p> <p>4.3. Xét nghiệm vi sinh vật</p> <p>5. Tác động của ô nhiễm đất</p> <p>5.1. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất do tác nhân sinh học</p> <p>5.2. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất do tác nhân hóa học</p> <p>5.3. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất do phóng xạ</p> <p>6. Các biện pháp phòng chống ô nhiễm đất</p> | 1 | 1 |  |  |  |



|             |                                                                                                                                                                          |           |           |          |          |          |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|----------|----------|----------|
|             | 6.1. Làm sạch cơ bản<br>6.2. Khử những chất thải rắn<br>6.3. Phương pháp tập trung và thải bỏ<br>6.4. Sử dụng hợp lý và nâng cao hiệu quả trong sử dụng các chất hóa học |           |           |          |          |          |
| 13          | Kiểm tra định kỳ                                                                                                                                                         | 1         |           |          |          | 1        |
| 14          | Thi kết thúc môn học                                                                                                                                                     | 1         |           |          |          | 1        |
| <b>Cộng</b> |                                                                                                                                                                          | <b>30</b> | <b>20</b> | <b>8</b> | <b>0</b> | <b>2</b> |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ DỊCH TỄ HỌC

(Thời gian: 1 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được những khái niệm cơ bản, các chiến lược của Dịch tễ học và sự phát triển của Dịch tễ học.
2. Thực hiện đúng quy trình giám sát dịch tễ học một số bệnh lây ở địa phương.
3. Rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác giám sát dịch tễ học.

#### II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

##### 1. Những khái niệm cơ bản và chiến lược của dịch tễ học

###### 1.1. Những khái niệm cơ bản

###### 1.2. Chiến lược của dịch tễ học

## **2. Các lĩnh vực hoạt động của dịch tễ học**

### ***2.1. Phương pháp DTH học phân tích một vấn đề sức khỏe***

### ***2.2. Một số áp dụng dịch tễ học***

## **3. Mục đích thực tiễn của dịch tễ học hiện đại**

### ***3.1. Mục đích lý thuyết***

### ***3.2. Mục đích thực hành***

## **4. Các cấp độ dự phòng**

# **CHƯƠNG 2: CÁC KHÁI NIỆM VỀ DỊCH TỄ HỌC NHIỄM TRÙNG**

**(Thời gian: 1 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các khái niệm về bệnh nhiễm trùng, cách phân loại dịch tễ học bệnh nhiễm trùng.
2. Thực hiện và tham gia công tác dự phòng bệnh nhiễm trùng tại cộng đồng.
3. Rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng và điều trị các bệnh nhiễm trùng.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

### **1. Các khái niệm**

#### ***1.1. Nhiễm trùng và lây lan***

#### ***1.2. Bệnh nhiễm trùng trong cộng đồng nói chung và bệnh nhiễm trùng trong bệnh viện***

#### ***1.3. Bệnh nhiễm trùng “nhẹ” và nhiễm trùng “chậm”***

#### ***1.4. Nhiễm trùng ngoại sinh và nhiễm trùng nội sinh***

### **2. Đặc trưng dịch tễ học của tác nhân, vật chủ, môi trường**

**2.1. Tác nhân****2.2. Môi trường****2.3. Vật chủ****3. Nhiễm trùng ngoại sinh****3.1. Các thời kỳ của bệnh truyền nhiễm****3.2. Các thể của bệnh truyền nhiễm****CHƯƠNG 3 : QUÁ TRÌNH DỊCH****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm về quá trình dịch trong các bệnh nhiễm trùng và mô tả các mắt xích trong sự lây lan của bệnh nhiễm trùng, phân loại bệnh nhiễm trùng.

2. Áp dụng luận thuyết về quá trình dịch trong phòng chống và kiểm soát các bệnh nhiễm trùng.

3. Rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch bệnh.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)****1. Khái niệm về quá trình dịch****1.1. Định nghĩa****1.2. Các mắt xích của quá trình dịch****2. Nguồn truyền nhiễm****2.1. Người****2.2. Động vật**

### **3. Các yếu tố truyền nhiễm và cơ chế truyền nhiễm**

#### ***3.1. Vai trò truyền nhiễm của không khí***

#### ***3.2. Vai trò truyền nhiễm của nước***

#### ***3.3. Vai trò truyền nhiễm của đất***

#### ***3.4. Vai trò truyền nhiễm của thực phẩm***

#### ***3.5. Vai trò truyền nhiễm của các vật dụng***

#### ***3.6. Vai trò truyền nhiễm của côn trùng tiết túc***

### **4. Tính cảm thụ và tính miễn dịch**

#### ***4.1. Tính cảm thụ***

#### ***4.2. Tính miễn dịch***

#### ***4.3. Miễn dịch tập thể***

### **5. Đặc trưng về quá trình dịch**

#### ***5.1. Các hình thức của quá trình dịch***

#### ***5.2. Tính chất chu kỳ của quá trình dịch***

#### ***5.3. Tính chất về cường độ của quá trình dịch***

### **6. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, xã hội lên quá trình dịch**

#### ***6.1. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên***

#### ***6.2. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, xã hội***

## **CHƯƠNG 4: DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH LÂY THEO ĐƯỜNG TIÊU HÓA**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được quá trình truyền nhiễm của các bệnh lây theo đường tiêu hoá.

2. Thực hiện được biện pháp phòng chống đối với các bệnh lây theo đường tiêu hoá.

3. Rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng và điều trị các bệnh lây theo đường tiêu hoá.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)**

### **1. Mở đầu**

### **2. Tác nhân gây bệnh**

### **3. Phân nhóm các bệnh lây theo đường tiêu hóa**

#### ***3.1. Căn cứ vào nguồn truyền nhiễm***

#### ***3.2. Căn cứ vào vị trí cảm nhiễm***

### **4. Triệu chứng lâm sàng và chẩn đoán**

#### ***4.1. Bệnh tả***

#### ***4.2. Lỵ trực khuẩn***

#### ***4.3. Thương hàn***

### **5. Điều trị**

#### ***5.1. Bù nước điện giải***

#### ***5.2. Sử dụng kháng sinh***

#### ***5.3. Nuôi dưỡng***

### **6. Dịch tễ học các bệnh lây theo đường tiêu hóa**

#### ***6.1. Quá trình truyền nhiễm***

#### ***6.2. Đặc điểm dịch tễ***

### **7. Biện pháp phòng chống**

#### ***7.1. Phòng bệnh***

## ***7.2. Phòng chống dịch***

# **CHƯƠNG 5: DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH LÂY THEO ĐƯỜNG HÔ HẤP**

**(Thời gian: 3 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được quá trình truyền nhiễm của các bệnh lây theo đường hô hấp.
2. Thực hiện được biện pháp phòng chống đối với các bệnh lây theo đường hô hấp.
3. Rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng và điều trị các bệnh lây theo đường hô hấp.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3)**

### **1. Mở đầu**

### **2. Phân nhóm các bệnh lây theo đường hô hấp**

#### ***2.1. Căn cứ vào nguồn truyền nhiễm***

#### ***2.2. Căn cứ vào vị trí cảm nhiễm***

### **3. Quá trình truyền nhiễm**

#### ***3.1. Nguồn truyền nhiễm***

#### ***3.2. Đường truyền nhiễm***

#### ***3.3. Khởi cảm thụ***

### **4. Biện pháp phòng chống**

### **5. Bệnh sởi**

#### ***5.1. Đại cương***

#### ***5.2. Tác nhân gây bệnh***

#### ***5.3. Dịch tễ học***

**5.4. Sinh lý bệnh****5.5. Biểu hiện lâm sàng****5.6. Chẩn đoán****5.7. Hướng điều trị****5.8. Biện pháp phòng chống****6. Bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới virus corona (COVID- 19)****6.1. Đặc điểm sinh học của virus SARS-CoV-2****6.2. Tình hình dịch COVID-19 trên thế giới và tại Việt Nam và ứng phó của các quốc gia****6.3. Định nghĩa trường hợp bệnh****6.4. Đặc điểm lâm sàng bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới virus corona****6.5. Các biện pháp phòng và chống dịch bệnh COVID-19****6.6. Điều tra dịch tễ, giám sát dịch COVID-19****6.7. Truyền thông phòng chống dịch COVID-19****CHƯƠNG 6: DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH LÂY THEO ĐƯỜNG MÁU****(Thời gian: 3 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được quá trình truyền nhiễm của các bệnh lây theo đường máu.
2. Thực hiện được các biện pháp phòng chống đối với các bệnh lây theo đường máu.
3. Rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng và điều trị các bệnh lây theo đường máu.

## II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)

### 1. Mở đầu

### 2. Phân nhóm các bệnh lây theo đường máu

### 3. Quá trình truyền nhiễm

#### 3.1. *Nguồn truyền nhiễm*

#### 3.2. *Đường truyền nhiễm*

#### 3.3. *Khởi cảm thụ*

### 4. Biện pháp phòng chống

### 5. Bệnh sốt xuất huyết Dengue

#### 5.1. *Tác nhân gây bệnh*

#### 5.2. *Dịch tễ học*

#### 5.3. *Bệnh sinh*

#### 5.4. *Biểu hiện lâm sàng*

#### 5.5. *Chẩn đoán*

#### 5.6. *Hướng điều trị*

#### 5.7. *Biện pháp phòng chống*

## CHƯƠNG 7: DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH LÂY THEO ĐƯỜNG DA – NIÊM MẠC

(Thời gian: 2 giờ)

### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được quá trình truyền nhiễm của các bệnh lây theo đường da, niêm mạc.

2. Thực hiện được các biện pháp phòng chống các bệnh lây theo đường da,



niêm mạc.

3. Rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng và điều trị các bệnh lây theo đường da – niêm mạc.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)**

### **1. Phân nhóm các bệnh lây theo đường da - niêm mạc**

### **2. Quá trình truyền nhiễm**

#### ***2.1. Nguồn truyền nhiễm***

#### ***2.2. Đường truyền nhiễm***

#### ***2.3. Khỏi cảm thụ và miễn dịch***

### **3. Biện pháp phòng chống**

### **4. Bệnh đại**

#### ***4.1. Tác nhân gây bệnh***

#### ***4.2. Quá trình truyền nhiễm***

#### ***4.3. Bệnh sinh***

#### ***4.4. Biểu hiện lâm sàng***

#### ***4.5. Chẩn đoán***

#### ***4.6. Điều trị - Dự phòng***

#### ***4.7. Điều trị khi đã lên cơn đại***

## **CHƯƠNG 8: ĐẠI CƯƠNG VỀ SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, khái niệm và các khía cạnh lịch sử về sức khỏe môi trường.

2. Ứng dụng được kiến thức đã học về sức khỏe môi trường giúp cộng đồng nâng cao được nhận thức về sức khỏe môi trường.

3. Rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác sức khỏe môi trường.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)**

### **1. Định nghĩa về môi trường và các chức năng cơ bản của môi trường**

#### ***1.1. Môi trường lý học***

#### ***1.2. Môi trường hóa học***

#### ***1.3. Môi trường sinh học***

#### ***1.4. Môi trường xã hội***

#### ***1.5. Các thành phần môi trường***

#### ***1.6. Các chức năng cơ bản của môi trường***

### **2. Các khía cạnh lịch sử của sức khỏe môi trường**

#### ***2.1. Khái niệm về sức khỏe môi trường***

#### ***2.2. Lịch sử phát triển của sức khỏe môi trường***

### **3. Quan hệ giữa sức khỏe và môi trường**

### **4. Tác động của dân số, đô thị hóa lên sức khỏe cộng đồng và môi trường**

### **5. Những định hướng cơ bản cho môi trường lành mạnh**

#### ***5.1. Bầu không khí trong sạch***

#### ***5.2. Có đủ nước sạch cho ăn uống và sinh hoạt***

#### ***5.3. Đủ thực phẩm và thực phẩm an toàn***

## **CHƯƠNG 9: QUẢN LÝ SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG**

**(Thời gian: 3 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được một cách tổng quan các khái niệm về Quản lý Môi trường và các hoạt động của Quản lý Sức khỏe môi trường.
2. Thực hiện được những hoạt động quản lý Sức khỏe môi trường ở Việt Nam.
3. Rèn luyện tính mạnh dạn tiếp xúc với cộng đồng, tự tin trong giao tiếp, nghiêm túc đối với các hoạt động về quản lý sức khỏe môi trường.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)**

### **1. Khái niệm về quản lý môi trường**

*1.1. Quản lý bằng các giải pháp kỹ thuật đối với môi trường đất, nước, không khí và thực phẩm*

*1.2. Quản lý môi trường bằng chính sách, chiến lược, các giải pháp hành chính*

*1.3. Các nhiệm vụ cơ bản của ngành y tế trong quản lý môi trường*

*1.4. Mối quan hệ nguyên nhân – hậu quả của môi trường và sức khỏe*

*1.5. Môi trường hỗ trợ sức khỏe*

### **2. Những hoạt động quản lý sức khỏe môi trường**

*2.1. Xác định và đo lường mức độ ô nhiễm môi trường*

*2.2. Đo lường các yếu tố độc hại và đánh giá các nguy cơ cũng như hậu quả đến sức khỏe*

*2.3. Đề xuất các giải pháp giảm nhẹ nguy cơ, ngăn ngừa hậu quả*

*2.4. Xác định tính khả thi của các giải pháp*

*2.5. Xây dựng hệ thống luật pháp, các văn bản pháp quy quản lý môi trường*

*2.6. Điều chỉnh chính sách và luật lệ*

### ***2.7. Các chiến lược và chuẩn mực trong quản lý môi trường***

## **3. Những vấn đề tồn tại trong quản lý ô nhiễm môi trường ở Việt Nam**

### ***3.1. Các giải pháp quản lý vệ sinh môi trường của ngành y tế***

### ***3.2. Điều hành bằng pháp luật ở cấp quốc gia***

### ***3.3. Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường***

## **4. Vai trò của cộng đồng trong quản lý môi trường và bảo vệ sức khỏe**

# **CHƯƠNG 10: Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ**

**(Thời gian: 2 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các thành phần của không khí, các nguồn gây ô nhiễm không khí và khía cạnh lịch sử ô nhiễm không khí.

2. Ứng dụng được kiến thức đã học về ô nhiễm không khí giúp cộng đồng nâng cao được nhận thức về sức khỏe môi trường và phòng chống các tác hại do ô nhiễm không khí gây nên.

3. Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với sức khỏe môi trường.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)**

### **1. Sơ lược lịch sử ô nhiễm không khí**

### **2. Các nguồn gây ô nhiễm không khí**

#### ***2.1. Ô nhiễm do công nghiệp***

#### ***2.2. Ô nhiễm do giao thông***

#### ***2.3. Ô nhiễm do nông nghiệp***

#### ***2.4. Các nguồn gây ô nhiễm không khí trong nhà***

### **3. Các chất gây ô nhiễm không khí và những ảnh hưởng của chúng**

#### ***3.1. Ảnh hưởng đến sức khỏe***

#### ***3.2. Hội chứng bệnh nhà kín***

### **4. Một số tác động của ô nhiễm không khí lên khí hậu toàn cầu**

#### ***4.1. Sự nóng lên của trái đất***

#### ***4.2. Sự phá hủy tầng ozon***

#### ***4.3. Mưa acid***

#### ***4.4. Sự nghịch đảo nhiệt***

#### ***4.5. Hiện tượng Mây Nâu Châu Á***

## **CHƯƠNG 11: NƯỚC VÀ VỆ SINH NƯỚC**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các nguồn nước khác nhau trong tự nhiên, mối liên quan giữa chất lượng nước và sức khỏe con người.
2. Áp dụng được các biện pháp xử lý nước và kiểm soát nước ô nhiễm.
3. Rèn luyện được thái độ đúng đắn, cẩn thận trong việc xác định chất lượng nước và kiểm soát nước ô nhiễm.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (5)**

#### **1. Các nguồn nước trong thiên nhiên**

##### ***1.1. Nước biển và đại dương***

##### ***1.2. Nước ngầm***

##### ***1.3. Nước sông hồ - nước mặt***

##### ***1.4. Nước mưa***

### ***1.5. Cung cấp nước cho các vùng nông thôn***

## **2. Môi liên quan giữ chất lượng nước và sức khỏe con người**

### ***2.1. Chất lượng nước và tiêu chuẩn***

### ***2.2. Vệ sinh nước và sức khỏe cộng đồng***

### ***2.3. Vai trò của nước đối với con người***

### ***2.4. Bệnh có liên quan đến nước***

## **3. Ô nhiễm nước và tác động lên sức khỏe môi trường**

### ***3.1. Ô nhiễm nước***

### ***3.2. Hoạt động của con người và vấn đề ô nhiễm nước***

## **4. Xử lý nước và kiểm soát ô nhiễm nước**

### ***4.1. Lọc nước***

### ***4.2. Khử chất sắt trong nước***

### ***4.3. Làm mất mùi và dư vị***

### ***4.4. Giảm độ cứng của nước***

### ***4.5. Tiệt khuẩn nước***

### ***4.6. Xử lý nước thải***

### ***4.7. Kiểm soát ô nhiễm nước và quản lý chất lượng nước***

## **CHƯƠNG 12: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, vai trò của đất đối với đời sống con người, phân tích được nguyên nhân, tác hại ô nhiễm đất tới sức khỏe, bệnh tật của cộng đồng.
2. Thực hiện được những nguyên tắc, biện pháp phòng chống ô nhiễm đất.

3. Rèn luyện tính mạnh dạn tiếp xúc với người bệnh, với cộng đồng, tự tin trong giao tiếp.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)**

### **1. Khái niệm về đất**

### **2. Vai trò của đất đối với con người**

### **3. Ô nhiễm môi trường đất**

#### ***3.1. Tác động của các hệ thống sản xuất đến môi trường đất***

#### ***3.2. Ô nhiễm môi trường đất***

#### ***3.3. Ô nhiễm đất ở khu công nghiệp và đô thị***

#### ***3.4. Ô nhiễm đất do các hoạt động nông nghiệp***

#### ***3.5. Ô nhiễm đất do chiến tranh***

### **4. Tiêu chuẩn đánh giá đất bị ô nhiễm**

#### ***4.1. Theo phân tích hóa học***

#### ***4.2. Dựa vào các chỉ số vệ sinh***

#### ***4.3. Xét nghiệm vi sinh vật***

### **5. Tác động của ô nhiễm đất**

#### ***5.1. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất do tác nhân sinh học***

#### ***5.2. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất do tác nhân hóa học***

#### ***5.3. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất do phóng xạ***

### **6. Các biện pháp phòng chống ô nhiễm đất**

#### ***6.1. Làm sạch cơ bản***

#### ***6.2. Khử những chất thải rắn***

#### ***6.3. Phương pháp tập trung và thải bỏ***

#### ***6.4. Sử dụng hợp lý và nâng cao hiệu quả trong sử dụng các chất hóa học***

### **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

#### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Tại phòng học lý thuyết trên giảng đường.

#### **II. Trang thiết bị, máy móc**

- Máy vi tính, mạng internet, máy chiếu projector, Tivi, video, tranh ảnh, áp phích.

#### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- **Học liệu:** chương trình và giáo trình, kế hoạch bài giảng môn học.

#### **- Dụng cụ, nguyên vật liệu**

+ Phấn, bảng, Giấy Ao, A4, bút lông, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

#### **IV. Các điều kiện khác**

- Bản đồ địa phương, sơ đồ tổ chức trạm y tế, một số tờ rơi.

### **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

#### **I. Nội dung**

##### **1. Kiến thức**

- Khái niệm cơ bản, các chiến lược của Dịch tễ học và sự phát triển của Dịch tễ học.
- Khái niệm về quá trình dịch trong các bệnh nhiễm trùng và mô tả các mắt xích trong sự lây lan của bệnh nhiễm trùng, phân loại bệnh nhiễm trùng.
- Trình bày quá trình truyền nhiễm của các bệnh lây theo đường tiêu hoá, hô hấp, máu, đường da - niêm mạc.
- Tổng quan các khái niệm về sức khỏe môi trường, Quản lý Môi trường và các hoạt động của Quản lý Sức khỏe môi trường.



- Các thành phần của không khí, các nguồn gây ô nhiễm không khí và khía cạnh lịch sử ô nhiễm không khí.
- Các nguồn nước khác nhau trong tự nhiên, mối liên quan giữa chất lượng nước và sức khỏe con người.
- Khái niệm, vai trò của đất đối với đời sống con người, phân tích được nguyên nhân, tác hại ô nhiễm đất tới sức khỏe, bệnh tật của cộng đồng.

## **2. Kỹ năng**

- Ứng dụng được kiến thức đã học để giúp cộng đồng nâng cao được nhận thức về dịch tễ sức khỏe môi trường và phòng chống các tác hại do môi trường gây nên.
- Thực hiện đúng quy trình giám sát dịch tễ học một số bệnh lây ở địa phương và tham gia công tác dự phòng bệnh nhiễm trùng tại cộng đồng.
- Áp dụng luận thuyết về quá trình dịch trong phòng chống và kiểm soát các bệnh nhiễm trùng.
- Thực hiện biện pháp phòng chống đối với các bệnh lây theo đường tiêu hoá, hô hấp, máu, da- niêm mạc.
- Thực hiện những hoạt động quản lý Sức khỏe môi trường ở Việt Nam và các biện pháp xử lý nước, biện pháp phòng chống ô nhiễm đất.

## **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Rèn luyện tính mạnh dạn tiếp xúc với người bệnh, với cộng đồng; tự tin trong giao tiếp.
- Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch bệnh.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:
  - + Số bài kiểm tra: 01 bài.
  - + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành,

hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.

+ Số bài kiểm tra: 01 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan.

Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

## **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi/ đề thi: Học kỳ II của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Dịch tễ - Sức khỏe môi trường được sử dụng dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành Điều dưỡng, trình độ cao đẳng hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.
- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để học sinh tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.
- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, làm mẫu, đóng vai, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học.

#### **2. Đối với người học**

- Có tinh thần trách nhiệm cao, tự nghiên cứu tài liệu trước mỗi bài học.
- Tham gia học tập tích cực tại lớp, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.
- Người học tìm hiểu trước giáo trình, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Mô tả và phân tích được tình trạng sức khỏe của một cộng đồng dân cư, phân tích được đặc điểm dịch tễ.
- Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, cách lây truyền, triệu chứng, biến chứng, điều trị và phòng ngừa của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng.

- Kỹ thuật xác định vấn đề sức khỏe và chẩn đoán cộng đồng; phương pháp thu thập thông tin, số liệu, tính một số chỉ số sức khỏe cơ bản; quản lý sức khỏe tại trạm y tế.

#### **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Minh Sơn. Giáo trình Dịch tễ học; 2010.
2. Nhà xuất bản Y học Hà Nội Miến dịch; 2006.
3. Bộ Y tế. Chương trình đào tạo phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19; 2020.
4. Nguyễn Văn Mạn. Sức khỏe môi trường; 2006.
5. Bộ Y tế. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt; 2009.

#### **V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.**

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**

---

**Tên môn học:** Tiếng Anh chuyên ngành điều dưỡng (English for Nursing).

**Mã môn học:** 652820972.

**Thời gian thực hiện môn học:** 44 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 14 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ).

**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC****I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ V.

**II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

**B. MỤC TIÊU MÔN HỌC****I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Liệt kê các thuật ngữ tiếng anh về ngành điều dưỡng.
2. Gọi tên các khoa, phòng trong bệnh viện, hướng dẫn lối đi đến các khoa tại bệnh viện
3. Nhận diện, phân tích được các điểm chính khi đọc các tài liệu tiếng anh về hướng dẫn trong ngành điều dưỡng.
4. Hướng dẫn nhập viện và lấy thông tin bệnh nhân, hoàn thành thông tin về bệnh nhân, hồ sơ bệnh án khám sàng lọc ban đầu.
5. Mô tả được các biểu hiện và triệu chứng của một số loại bệnh, cách đặt câu hỏi cho bệnh nhân để lấy thông tin bệnh

**II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Vận dụng kĩ năng nghe- nói –đọc –viết để thực hành được những nội dung tiếng anh đơn giản liên quan đến ngành nghề điều dưỡng.

2. Thực hành các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh đơn giản về: Mệnh đề, danh từ, tính từ, trạng từ và giới từ; các thì tiếng anh cơ bản: hiện tại, quá khứ, tương lai; thể chủ động và bị động; các câu điều kiện.

3. Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích, trình bày

4. Rèn luyện một số kỹ năng: hợp tác, chia sẻ, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, sử dụng an toàn, hiệu quả các thiết bị dụng cụ y tế.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành thái độ trung thực, nghiêm túc, có trách nhiệm trong công việc, tự giác, chủ động trong việc bảo vệ môi trường.

2. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

3. Nhận thức rõ về sự cần thiết của việc học tiếng anh chuyên ngành.

### C. NỘI DUNG MÔN HỌC

#### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên bài, mục                                | Thời gian (giờ) |           |                    |           |                |
|----|---------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------|----------------|
|    |                                             | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành | Thi / Kiểm tra |
| 1  | <b>Unit 1: Hospitals</b>                    | 4               | 3         |                    | 1         |                |
|    | 1. Get ready<br>2. Reading<br>3. Vocabulary |                 | 2         |                    | 0,5       |                |

|   |                                             |   |     |  |     |  |
|---|---------------------------------------------|---|-----|--|-----|--|
|   | 4. Listening<br>5. Speaking                 |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
|   | 6. Writing                                  |   | 0,5 |  |     |  |
| 2 | <b>Unit 2: Hospital departments</b>         | 5 | 3   |  | 2   |  |
|   | 1. Get ready<br>2. Reading<br>3. Vocabulary |   | 1,5 |  | 1   |  |
|   | 4. Listening<br>5. Speaking                 |   | 1   |  | 0,5 |  |
|   | 6. Writing                                  |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
| 3 | <b>Unit 3: Rooms and equipment</b>          | 4 | 2   |  | 2   |  |
|   | 1. Get ready<br>2. Reading<br>3. Vocabulary |   | 1   |  | 1   |  |
|   | 4. Listening<br>5. Speaking                 |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
|   | 6. Writing                                  |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
| 4 | <b>Unit 4: The body</b>                     | 4 | 3   |  | 1   |  |
|   | 1. Get ready<br>2. Reading<br>3. Vocabulary |   | 2   |  |     |  |

|   |                                             |   |     |  |     |  |
|---|---------------------------------------------|---|-----|--|-----|--|
|   | 4. Listening<br>5. Speaking                 |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
|   | 6. Writing                                  |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
| 5 | <b>Unit 5: Blood</b>                        | 4 | 3   |  | 1   |  |
|   | 1. Get ready<br>2. Reading<br>3. Vocabulary |   | 2   |  |     |  |
|   | 4. Listening<br>5. Speaking                 |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
|   | 6. Writing                                  |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
| 6 | <b>Unit 6: The Circulatory system</b>       | 4 | 3   |  | 1   |  |
|   | 1. Get ready<br>2. Reading<br>3. Vocabulary |   | 2   |  |     |  |
|   | 4. Listening<br>5. Speaking                 |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
|   | 6. Writing                                  |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
| 7 | <b>Unit 7: The Respiratory system</b>       | 4 | 3   |  | 1   |  |
|   | 1. Get ready<br>2. Reading<br>3. Vocabulary |   | 2   |  |     |  |
|   | 4. Listening                                |   | 0,5 |  | 0,5 |  |



|    |                                             |   |     |  |     |  |
|----|---------------------------------------------|---|-----|--|-----|--|
|    | 5. Speaking                                 |   |     |  |     |  |
|    | 6. Writing                                  |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
| 8  | <b>Unit 8: The Digestive system</b>         | 4 | 3   |  | 1   |  |
|    | 1. Get ready<br>2. Reading<br>3. Vocabulary |   | 2   |  |     |  |
|    | 4. Listening<br>5. Speaking                 |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
|    | 6. Writing                                  |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
| 9  | <b>Unit 9: Physical assessment</b>          | 4 | 2   |  | 2   |  |
|    | 1. Get ready<br>2. Reading<br>3. Vocabulary |   | 1   |  | 1   |  |
|    | 4. Listening<br>5. Speaking                 |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
|    | 6. Writing                                  |   | 0,5 |  | 0,5 |  |
| 10 | <b>Unit 10: Recognizing symptoms</b>        | 5 | 3   |  | 2   |  |
|    | 1. Get ready<br>2. Reading<br>3. Vocabulary |   | 2   |  | 1   |  |
|    | 4. Listening<br>5. Speaking                 |   | 0,5 |  | 0,5 |  |

|    |             |           |           |           |     |          |
|----|-------------|-----------|-----------|-----------|-----|----------|
|    | 6. Writing  |           | 0,5       |           | 0,5 |          |
| 11 | TEST        | 1         |           |           |     | 1        |
| 12 | FINAL TEST  | 1         |           |           |     | 1        |
|    | <b>Cộng</b> | <b>44</b> | <b>28</b> | <b>14</b> |     | <b>2</b> |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### UNIT 1: HOSPITALS

(Thời gian: 4 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Liệt kê và mô tả một số công việc của điều dưỡng tại bệnh viện, hiểu về công việc đào tạo, việc làm của một điều dưỡng.
2. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình giới thiệu về nghề nghiệp.
3. Nhận thức được tầm quan trọng của nghề nghiệp. Hình thành thái độ làm việc tích cực, có đạo đức trách nhiệm với công việc.

#### II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)

1. Get ready: Discuss questions
2. Reading: Read the hospital directory
3. Vocabulary: Match the words with the definitions
4. Listening: Listen to a conversation between a nurse and an obstetrician
5. Speaking: Act out the roles with partners
6. Writing: Fill out some entries in a hospital directory

### UNIT 2: HOSPITAL DEPARTMENTS

(Thời gian: 5 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Gọi tên các khoa, phòng trong bệnh viện, hướng dẫn lối đi đến các khoa tại bệnh viện

2. Rèn luyện kỹ năng nghe-nói, luyện tập các mẫu hội thoại về hướng dẫn lối đi đến các khoa trong bệnh viện.

3. Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp. Tuyên truyền và lan tỏa nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ sức khỏe.

## **II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)**

1. Get ready: Discuss questions
2. Reading: Read the flyers
3. Vocabulary: Write a word that is similar meaning
4. Listening: Listen to a conversation between a nurse and a patient
5. Speaking: Act out the roles with partners
6. Writing: Fill out a note that helps patients find a department

## **UNIT 3: ROOMS AND EQUIPMENT**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày các thiết bị dụng cụ cần thiết, phù hợp trong các tình huống cấp cứu, sơ cứu.
2. Rèn luyện kỹ năng hướng dẫn, chỉ dẫn cụ thể trong các tình huống cấp cứu, sơ cứu
3. Tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động, có ý thức bảo vệ môi trường.

## **II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)**

1. Get ready: Discuss questions
2. Reading: Read the checklist at Longman Hospital
3. Vocabulary: Match the words with the definitions
4. Listening: Listen to a conversation between two
5. Speaking: Act out the roles with partners
6. Writing: Fill out a new nurse's note

**UNIT4: THE BODY****(Thời gian: 4 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Hướng dẫn nhập viện và lấy thông tin bệnh nhân, hoàn thành thông tin về bệnh nhân.
2. Rèn luyện kỹ năng viết các mẫu thông tin về bệnh nhân, hồ sơ bệnh án khám sàng lọc ban đầu.
3. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hình thành thái độ phục vụ bệnh nhân chuyên nghiệp.

**II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)**

1. Get ready: Discuss questions
2. Reading: Read the treatment guide
3. Vocabulary: Match the words with the definitions; Fill in the blanks
4. Listening: Listen to a conversation between a nurse and a patient
5. Speaking: Act out the roles with partners
6. Writing: Fill out a patient report

**UNIT 5: BLOOD****(Thời gian: 4 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các nhóm máu, sự cần thiết của việc hiến máu và các hình thức hiến máu an toàn
2. Rèn luyện kỹ năng nghe và điền các thông tin khi hiến máu
3. Tuân thủ các quy định về hiến máu.

**II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)**

1. Get ready: Discuss questions
2. Reading: Read the flyer

3. Vocabulary: Match the words with the definitions
4. Listening: Listen to a conversation between a nurse and a blood donor
5. Speaking: Act out the roles with partners
6. Writing: Fill out a nurse's notes about a patient who donated blood

## **UNIT 6: THE CIRCULATORY SYSTEM**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Mô tả được một số biểu hiện và triệu chứng của một số loại bệnh liên quan đến hệ tuần hoàn, cách đặt câu hỏi cho bệnh nhân để lấy thông tin bệnh.
2. Rèn luyện kỹ năng nghe- viết về mẫu kết quả kiểm tra ở bệnh nhân
3. Thực hiện được vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe bệnh nhân.

### **II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)**

1. Get ready: Discuss questions
2. Reading: Read the poster in a medical office about the circulatory system
3. Vocabulary: Match the words with the definitions
4. Listening: Listen to a conversation between a nurse and a patient
5. Speaking: Act out the roles with partners
6. Writing: Fill out a test results form

### **TEST**

## **UNIT 7: THE RESPIRATORY SYSTEM**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê, mô tả được một số biểu hiện và triệu chứng của một số loại bệnh liên quan đến hệ hô hấp, tác hại của việc hút thuốc.
2. Rèn luyện kỹ năng nói và viết các mẫu hướng dẫn đơn giản

3. Rèn luyện kỹ năng giải thích, hướng dẫn.
  4. Tuân thủ các quy định nhằm phòng ngừa các bệnh liên quan đến hệ hô hấp.
- Hình thành được tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

## **II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)**

1. Get ready: Discuss questions
2. Reading: Read the hospital poster
3. Vocabulary: Match the words with the definitions; Fill in the blanks
4. Listening: Listen to a conversation between a nurse and an obstetrician
5. Speaking: Act out the roles with partners
6. Writing: Fill out a pamphlet

## **UNIT 8: THE DIGESTIVE SYSTEM**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê, mô tả được một số biểu hiện và triệu chứng của một số loại bệnh liên quan đến hệ tiêu hóa.
2. Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, phân tích, trình bày để đưa ra hướng dẫn phù hợp với từng nhóm đối tượng bệnh.
3. Rèn luyện kỹ năng viết tóm tắt các mẫu báo cáo bệnh án
3. Nâng cao ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo an toàn trong môi trường bệnh viện.

## **II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)**

1. Get ready: Discuss questions
2. Reading: Read the patient summary
3. Vocabulary: Match the words with the definitions
4. Listening: Listen to a conversation between a nurse and a patient
5. Speaking: Act out the roles with partners

6. Writing: Fill out a patient summary

## **Unit 9: PHYSICAL ASSESSMENT**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày các bước tiến hành khám sàng lọc, lấy thông tin, đánh giá chung về thể trạng của bệnh nhân.
2. Rèn luyện kỹ năng hỏi-đáp về các câu hỏi đánh giá chung về thể trạng của từng nhóm bệnh
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh.

### **II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)**

1. Get ready: Discuss questions
2. Reading: Read the instructions from Baymont Hospital
3. Vocabulary: Match the words with the definitions
4. Listening: Listen to a conversation between a nurse and a patient
5. Speaking: Act out the roles with partners
6. Writing: Fill out a physical assessment form

## **Unit 10: RECOGNIZING SYMPTOMS**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê, phân biệt được các triệu chứng của bệnh cảm lạnh và cúm.
2. Rèn luyện kỹ năng phân tích, hướng dẫn.
3. Nâng cao ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo an toàn trong môi trường bệnh viện.

### **II. NỘI DUNG BÀI HỌC (1)**

1. Get ready: Discuss questions
2. Reading: Read the hospital poster

3. Vocabulary: Match the words with the definitions
4. Listening: Listen to a conversation between a nurse and a patient
5. Speaking: Act out the roles with partners
6. Writing: Fill out a patient's report

## **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

### **II. Trang thiết bị, máy móc**

- Mạng internet, máy tính, máy chiếu, TV, loa.

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Học thực hành: Dụng cụ, nguyên vật liệu: Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

### **IV. Các điều kiện khác: Không.**

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Nhận diện và ghi nhớ các thuật ngữ tiếng Anh thông dụng liên quan đến vai trò và nhiệm vụ của điều dưỡng.

- Phân biệt được các loại dụng cụ, thiết bị y tế và quy trình chăm sóc trong tiếng Anh.

- Sử dụng đúng thuật ngữ chuyên ngành điều dưỡng trong các ngữ cảnh như giao tiếp, báo cáo, ghi chú lâm sàng. Xác định ý chính và thông tin quan trọng trong các tài liệu hướng dẫn như bảng chỉ dẫn, quy trình chăm sóc, hướng dẫn an toàn.



- Gọi tên chính xác các khoa/phòng trong bệnh viện bằng tiếng Anh như Emergency Room (ER), Intensive Care Unit (ICU), Pediatrics, Radiology, Pharmacy. Mô tả vị trí, chức năng và nhiệm vụ chính của từng khoa/phòng bệnh viện.

- Hướng dẫn lối đi trong bệnh viện bằng tiếng Anh, sử dụng các cụm từ chỉ đường như go straight, turn left/right, take the elevator, it's on the second floor.

- Giao tiếp và đặt câu hỏi phù hợp bằng tiếng Anh để lấy thông tin, triệu chứng từ bệnh nhân: What's your name? What symptoms do you have? Do you have any allergies? When did it start? How often does it occur ?, ..

- Hoàn thành các biểu mẫu nhập viện hoặc bệnh án ban đầu với thông tin cá nhân, triệu chứng, tiền sử bệnh, thông tin liên lạc.

- Hướng dẫn bệnh nhân thực hiện các bước nhập viện như đăng ký, đo dấu hiệu sinh tồn, chờ khám hoặc thực hiện xét nghiệm.

- Gọi tên và mô tả một số triệu chứng thông dụng bằng tiếng Anh như: fever, cough, dizziness, shortness of breath, chest pain, sore throat.

## **2. Kỹ năng**

- Phát triển các kỹ năng cơ bản như phân tích, đánh giá, thảo luận, thuyết trình, giải quyết vấn đề; kỹ năng vận dụng lý thuyết vào các bài tập thực hành cụ thể. Đánh giá kỹ năng của người học thông qua các bài tập trắc nghiệm và tự luận hoặc thuyết trình.

- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

## **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm. Nhận thức rõ về sự cần thiết của việc học tiếng Anh chuyên ngành.

- Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- Có khả năng tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 1 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 1 bài.

+ Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết.

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

+ Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

### **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ V của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học tiếng Anh chuyên ngành điều dưỡng được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Đây là môn học mang tính lý thuyết và tương đối khó đối với người học, do vậy giáo viên cần đầu tư chọn lựa hình thức giảng dạy phù hợp, kết hợp linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như: trình bày, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên nhằm đạt được mục tiêu môn học

#### **2. Đối với người học**

- Đọc, nghiên cứu tài liệu và hoàn thành các nhiệm vụ được giảng viên giao về nhà trước khi đến lớp. (2, 3)
- Tích cực tham gia các hoạt động được giảng viên tổ chức trong lớp học để rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực ngôn ngữ.
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

Các nội dung trong chương trình đều quan trọng và cần thiết. Giáo viên nên cho người học tham khảo nhiều tiêu chuẩn quốc tế giúp người học tự đọc hiểu được tiêu chuẩn; đồng thời hướng dẫn người học tra cứu tên tiêu chuẩn bằng tiếng Anh và tiếng Việt trên mạng internet nhằm nâng cao khả năng dịch và viết tiếng anh chuyên ngành. Giáo viên có thể chọn tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị hoặc sơ đồ bệnh viện... mà giáo viên chuyên ngành yêu cầu để giảng dạy.

### **IV. Tài liệu tham khảo**

- 1 V E. Career Paths - Nursing Berkshire: Express Publishing; 2011.
2. Dorota Kowalczyk. A handbook of the practical study of English for nurses: Biata Podlaska; 2024.
3. Nur Fatimah. English for Nursing 1: Holmesglen Institute; 2022.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường (Basic knowledge and skills on efficient use of energy and resources, environmental protection), dành cho trình độ cao đẳng.

**Mã môn học:** 650221182.

**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ (lý thuyết: 10 giờ; thảo luận, bài tập: 18 giờ; thực hành, thí nghiệm: 0 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi kết thúc môn học: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Bộ trí dạy ở học kỳ II của khóa học để sinh viên nâng cao ý thức sử dụng năng lượng, tài nguyên hiệu quả và bảo vệ môi trường.

#### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc dùng chung cho tất cả các ngành, nghề trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kon Tum.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các khái niệm cơ bản về tài nguyên, năng lượng, chất thải và chất độc hại.

2. Trình bày được các biện pháp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, năng lượng cũng như các biện pháp quản lý chất thải và chất độc hại.

3. Phân biệt, nhận diện được các dạng khác nhau về tài nguyên, năng lượng, chất thải và chất độc hại theo cách phân loại phổ biến.

4. Phân tích được nguyên nhân, tác động của việc sử dụng năng lượng và tài nguyên không hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường.

5. Giải thích được các tác động đến môi trường của việc khai thác và sử dụng tài nguyên, năng lượng, ảnh hưởng của chất thải và chất độc hại đến môi trường.

## **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Thực hiện các biện pháp sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường vào thực tế.

2. Tuyên truyền, giáo dục về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.

3. Áp dụng nguyên tắc 3R trong việc thu gom, lưu trữ và xử lý chất thải.

## **III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

1. Tự giác, chủ động trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, tài nguyên.

2. Phê phán những hành động trong việc thu gom rác thải và sử dụng chất độc hại gây nguy hại cho môi trường; lãng phí năng lượng và tài nguyên trong học tập, sinh hoạt.

3. Tuyên truyền và lan tỏa về ý thức bảo vệ môi trường.

## **C. NỘI DUNG MÔN HỌC**

### **NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN**

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thời gian (giờ) |           |                    |           |              |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng                                                                                                                                                                                                                                  | 10              | 4         | 6                  |           |              |
|    | 1. Khái niệm, phân loại năng lượng<br>1.1. Khái niệm<br>1.2. Phân loại năng lượng                                                                                                                                                                                                                   |                 | 1         | 1                  |           |              |
|    | 1.3. Tổng quan về năng lượng tại Việt Nam<br>2. Vai trò của năng lượng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống con người                                                                                                                                                                |                 | 1         | 1                  |           |              |
|    | 3. Ảnh hưởng của việc sản xuất và sử dụng năng lượng đến môi trường<br>3.1. Ảnh hưởng của nhà máy thủy điện đến môi trường<br>3.2. Ảnh hưởng của nhà máy nhiệt điện đến môi trường<br>3.3. Ảnh hưởng từ các nhà máy điện hạt nhân<br>3.4. Ảnh hưởng của quá trình sử dụng năng lượng tới môi trường |                 | 1         | 1                  |           |              |
|    | 4. Các giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng<br>4.1. Định nghĩa<br>4.2. Các giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng                                                                                                                                                                                   |                 | 1         | 3                  |           |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                      | Thời gian (giờ) |           |                    |           |              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------|--------------|
|    |                                                                                                                                                      | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành | Thi/Kiểm tra |
|    | Chương 2: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả tài nguyên                                                                                   | 9               | 3         | 6                  |           |              |
|    | 1. Khái niệm, phân loại tài nguyên<br>1.1. Khái niệm tài nguyên<br>1.2. Phân loại tài nguyên                                                         |                 | 1         | 1                  |           |              |
|    | 2. Vai trò của tài nguyên đối với sản xuất và cuộc sống con người<br>2.1. Tài nguyên đối với sản xuất<br>2.2. Tài nguyên đối với cuộc sống con người |                 | 1         | 1                  |           |              |
|    | 3. Ảnh hưởng của việc khai thác và sử dụng tài nguyên<br>3.1. Ảnh hưởng tích cực<br>3.2. Ảnh hưởng tiêu cực                                          |                 |           | 1                  |           |              |
|    | 4. Các biện pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên<br>4.1. Sử dụng tài nguyên nước                                                                         |                 |           | 1                  |           |              |
|    | 4.2. Sử dụng, bảo vệ tài nguyên rừng và sinh vật                                                                                                     |                 |           | 1                  |           |              |
|    | 4.3. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất                                                                                                                |                 | 1         | 1                  |           |              |



| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thời gian (giờ) |           |                    |           |              |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành | Thi/Kiểm tra |
|    | 4.4. Sử dụng nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư trong sản xuất                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |           |                    |           |              |
| 3  | Kiểm tra định kì                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1               |           |                    |           | 1            |
| 4  | Chương 3: Bảo vệ môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9               | 3         | 6                  |           | 0            |
|    | 1. Khái niệm, phân loại và vai trò của môi trường<br>1.1. Khái niệm môi trường<br>1.2. Phân loại môi trường<br>1.3. Vai trò của môi trường<br>2. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường<br>2.1. Hoạt động sản xuất công nghiệp<br>2.2. Hoạt động nông nghiệp<br>2.3. Hoạt động sinh hoạt của con người<br>2.4. Biến đổi khí hậu |                 | 1         | 1                  |           |              |
|    | 3. Hậu quả của ô nhiễm môi trường<br>3.1. Ảnh hưởng đến sức khỏe con người<br>3.2. Gây ô nhiễm nguồn nước<br>3.3. Gây ô nhiễm đất<br>3.4. Gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái<br>3.5. Gây ảnh hưởng đến kinh tế                                                                                                                  |                 | 1         | 1                  |           |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thời gian (giờ) |           |                    |           |              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành | Thi/Kiểm tra |
|    | 4. Các biện pháp bảo vệ môi trường<br>4.1. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường<br>4.2. Có những chính sách bảo vệ môi trường hiệu quả<br>4.3. Áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật<br>4.4. Trồng cây xanh<br>4.5. Hạn chế sử dụng rác thải nhựa<br>4.6. Tiết kiệm năng lượng:<br>4.7. Nâng cao ý thức cộng đồng |                 |           | 2                  |           |              |
|    | 5. Nguyên tắc 3R<br>5.1. Tiết giảm (Reduce)<br>5.2. Tái sử dụng (Reuse)<br>5.3. Tái chế (Recycle)                                                                                                                                                                                                                |                 | 1         | 1                  |           |              |
|    | 6. Áp dụng nguyên tắc 3R trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi                                                                                                                                                                                                                                                            |                 |           | 1                  |           |              |
| 5  | Thi kết thúc môn học                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1               |           |                    |           | 1            |
|    | <b>Cộng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>30</b>       | <b>10</b> | <b>18</b>          | <b>0</b>  | <b>2</b>     |

### NỘI DUNG CHI TIẾT

## CHƯƠNG 1: KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN VỀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG (1, 2)

(Thời gian: 10 giờ)

### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm và phân loại năng lượng; phân tích được vai trò của năng lượng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống con người; mô tả được các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn năng lượng.

2. Phân biệt các dạng năng lượng phổ biến; giải thích tác động của việc sản xuất và tiêu thụ năng lượng đến môi trường; rèn luyện ý thức sử dụng tiết kiệm các loại năng lượng trong học tập và cuộc sống.

3. Tự giác, chủ động sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng. Phê phán những hành động lãng phí năng lượng trong học tập, sinh hoạt; có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ năng lượng.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG**

### **1. Khái niệm, phân loại năng lượng**

#### ***1.1. Khái niệm***

#### ***1.2. Phân loại năng lượng***

#### ***1.3. Tổng quan về năng lượng tại Việt Nam***

### **2. Vai trò của năng lượng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống con người**

### **3. Ảnh hưởng của việc sản xuất và sử dụng năng lượng đến môi trường**

#### ***3.1. Ảnh hưởng của nhà máy thủy điện đến môi trường***

#### ***3.2. Ảnh hưởng của nhà máy nhiệt điện đến môi trường***

#### ***3.3. Ảnh hưởng từ các nhà máy điện hạt nhân***

#### ***3.4. Ảnh hưởng của quá trình sử dụng năng lượng tới môi trường***

### **4. Các giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng**

#### ***4.1. Định nghĩa***

#### ***4.2. Các giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng***

##### ***4.2.1. Giải pháp chung***

*4.2.2. Các giải pháp cụ thể tại một số khu vực điển hình*

*4.2.3. Các giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng tại Quảng Ngãi*

## **CHƯƠNG 2: KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN VỀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN (1)**

**(Thời gian: 9 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm tài nguyên, các dạng tài nguyên; vai trò của tài nguyên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống con người, các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên.

2. Phân biệt được các dạng tài nguyên, giải thích được tác động của việc sử dụng tài nguyên đối với môi trường và sử dụng một cách tiết kiệm các loại tài nguyên trong học tập.

3. Tự giác, chủ động trong việc sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên. Phê phán những hành động gây lãng phí tài nguyên trong cuộc sống, sinh hoạt và học tập. Tuyên truyền và lan tỏa nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ tài nguyên.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG**

#### **1. Khái niệm, phân loại tài nguyên**

*1.1. Khái niệm tài nguyên*

*1.2. Phân loại tài nguyên*

#### **2. Vai trò của tài nguyên đối với sản xuất và cuộc sống con người**

*2.1. Tài nguyên đối với sản xuất*

*2.2. Tài nguyên đối với cuộc sống con người*

#### **3. Ảnh hưởng của việc khai thác và sử dụng tài nguyên**

*3.1. Ảnh hưởng tích cực*

*3.2. Ảnh hưởng tiêu cực*

#### **4. Các biện pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên**

**4.1. Sử dụng tài nguyên nước****4.2. Sử dụng, bảo vệ tài nguyên rừng và sinh vật****4.3. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất****4.4. Sử dụng nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư trong sản xuất****CHƯƠNG 3: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (1, 3)****(Thời gian: 9 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, phân loại và vai trò của môi trường; phân tích được những nguyên nhân, hậu quả của ô nhiễm môi trường; mô tả được các biện pháp bảo vệ môi trường; áp dụng được nguyên tắc 3R trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hình thành kỹ năng áp dụng các biện pháp để bảo vệ môi trường; tham gia tích cực các hoạt động bảo vệ môi trường trong gia đình, trường học và địa phương; rèn luyện ý thức, kỹ năng tuyên truyền và giáo dục về bảo vệ môi trường trong gia đình, trường học và địa phương.

3. Tự giác, chủ động, tuyên truyền và lan tỏa về ý thức bảo vệ môi trường trong gia đình, trường học và địa phương; phê phán những hành động trong việc thu gom rác thải và sử dụng chất độc hại gây nguy hại cho môi trường.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG****1. Khái niệm, phân loại và vai trò của môi trường****1.1. Khái niệm môi trường****1.2. Phân loại môi trường****1.3. Vai trò của môi trường****2. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường****2.1. Hoạt động sản xuất công nghiệp****2.2. Hoạt động nông nghiệp****2.3. Hoạt động sinh hoạt của con người****2.4. Biến đổi khí hậu**

### **3. Hậu quả của ô nhiễm môi trường**

#### ***3.1. Ảnh hưởng đến sức khỏe con người***

#### ***3.2. Gây ô nhiễm nguồn nước***

#### ***3.3. Gây ô nhiễm đất***

#### ***3.4. Gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái***

#### ***3.5. Gây ảnh hưởng đến kinh tế***

### **4. Các biện pháp bảo vệ môi trường**

#### ***4.1. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường***

#### ***4.2. Có những chính sách bảo vệ môi trường hiệu quả***

#### ***4.3. Áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật***

#### ***4.4. Trồng cây xanh***

#### ***4.5. Hạn chế sử dụng rác thải nhựa***

#### ***4.6. Tiết kiệm năng lượng***

#### ***4.7. Nâng cao ý thức cộng đồng***

### **5. Nguyên tắc 3R**

#### ***5.1. Tiết giảm (Reduce)***

#### ***5.2. Tái sử dụng (Reuse)***

#### ***5.3. Tái chế (Recycle)***

### **6. Áp dụng nguyên tắc 3R trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

## **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

### **II. Trang thiết bị, máy móc**

Tivi, máy vi tính.

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

### **- Học liệu**

+ Giáo trình mô đun Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên. Đồng Nai: Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi 2021.

+ Bài giảng Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.

### **- Dụng cụ, nguyên vật liệu**

Tranh ảnh, video liên quan tới từng bài giảng dạy, giấy A4, A0, bút chì, thước, bút lông, bút dạ, bảng làm việc nhóm, giấy note, nam châm,...

### **IV. Các điều kiện khác: Không.**

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Các khái niệm cơ bản về tài nguyên, năng lượng, chất thải và chất độc hại.
- Các biện pháp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, năng lượng cũng như các biện pháp quản lý chất thải và chất độc hại.
- Phân biệt, nhận diện được các dạng khác nhau về tài nguyên, năng lượng, chất thải và chất độc hại theo cách phân loại phổ biến.
- Phân tích được nguyên nhân, tác động của việc sử dụng năng lượng và tài nguyên không hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường.
- Giải thích được các tác động đến môi trường của việc khai thác và sử dụng tài nguyên, năng lượng, ảnh hưởng của chất thải và chất độc hại đến môi trường.
- Tuyên truyền, giáo dục về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.

#### **2. Kỹ năng**

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

- Sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường; tuyên truyền, giáo dục về các nội dung này.

### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm.

- Tự giác, chủ động trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, tài nguyên.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 02 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá sinh viên thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 01 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Tự luận.

+ Thời gian kiểm tra: 45 phút.

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày/đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

### **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia



hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Tự luận.
- Thời gian thi: 1 giờ.
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Theo kế hoạch đào tạo của Trường ban hành hằng năm.
- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường được sử dụng dùng chung cho tất cả các ngành, nghề trình độ cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kon Tum

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Trong quá trình giảng dạy có thể vận dụng kết hợp lý thuyết và thực hành. Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như (trình bày, diễn giải, chứng minh, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên...).

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Nhà giáo hướng dẫn sinh viên nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

#### **2. Đối với người học**

- Sinh viên nghiên cứu bài học trước khi đến lớp, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này. Tham gia đầy đủ các buổi học thực hành, bài kiểm tra và thi.

- Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định;
- Chấp hành nghiêm túc các quy định về giờ học và làm đầy đủ các bài tập về nhà;

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Năng lực và kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm của SV.
- Giải thích được các nguyên nhân, hậu quả của việc sử dụng lãng phí tài nguyên, năng lượng và ô nhiễm môi trường.
- Các biện pháp sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên, bảo vệ môi trường

### **IV. Tài liệu tham khảo (1-4)**

1. Giáo trình mô đun Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên. Đồng Nai: Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi 2021.
2. PGS. TS Trần Văn Bình, TS. Nguyễn Hoàng Lan. Quản lý sử dụng năng lượng. Hà Nội: NXB Bách Khoa; 2023.
3. TS. Nguyễn Văn Khai, TS. Bùi Thị Thanh Hương. Giáo trình Bảo vệ môi trường. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia; 2015.
4. Nguyễn Thị Huế. Giáo trình: Bảo vệ môi trường. Lâm Đồng: Cao đẳng nghề Đà Lạt; 2017.

### **V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.**

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**

**Tên môn học:** Tâm lý - Giao tiếp và giáo dục sức khỏe (Psychology - Communication and Health Education ).

**Mã môn học:** 651310402.

**Thời gian thực hiện môn học:** 29 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 14; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn cơ sở trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ I.

#### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được nhiệm vụ, vị trí của tâm lý học y học, bản chất, đặc điểm chung và các dấu hiệu tâm lý của người bệnh, thầy thuốc trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

2. Trình bày được khái niệm, vai trò, chức năng, cấu trúc hành vi, nội dung và phương tiện trong giao tiếp, truyền thông – giáo dục sức khỏe.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Thực hành được các kỹ năng giao tiếp và ứng xử với đồng nghiệp, người bệnh, người nhà người bệnh.

2. Lập kế hoạch và đánh giá được một buổi truyền thông – giáo dục sức khỏe.  
Xác định được các nhu cầu của công tác nâng cao sức khỏe.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành và trau dồi được tác phong và đạo đức nghề nghiệp.
2. Có thái độ phục vụ ân cần, chuẩn mực, phù hợp với người bệnh và người nhà người bệnh trong môi trường bệnh viện, xã hội.
3. Nhận thức được tầm quan trọng về công tác nâng cao sức khỏe, thay đổi hành vi sức khỏe có lợi cho cá nhân và cộng đồng.

### C. NỘI DUNG MÔN HỌC

#### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên các bài trong môn học                                                                                                    | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                              | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Khái quát về tâm lý học y học                                                                                      | 1               | 1         |                    |                       |              |
|    | 1. Sơ lược về khoa học tâm lý<br>1.1. Đối tượng của tâm lý học<br>1.2. Nhiệm vụ của tâm lý học<br>1.3. Vị trí của tâm lý học | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 2. Tâm lý học y học<br>2.1. Đối tượng nghiên cứu của tâm lý học y học                                                        | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |   |  |  |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--|--|
|   | 2.2. Nhiệm vụ của tâm lý học y học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |   |  |  |  |
| 2 | Chương 2: Tâm lý cá nhân và những rối loạn thường gặp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2 | 2 |  |  |  |
|   | 1. Những vấn đề tâm lý của cá nhân<br>1.1. Bản chất của hiện tượng tâm lý người<br>1.1.1. Bản chất của hiện tượng tâm lý<br>1.1.2. Các loại hiện tượng tâm lý người<br>1.1.3. Đặc điểm chung của hiện tượng tâm lý người<br>1.2. Sự hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý<br>1.2.1. Những yếu tố thuận lợi<br>1.2.2. Những yếu tố quyết định<br>1.3. Những hiện tượng tâm lý cơ bản của cá nhân<br>1.3.1. Nhận thức<br>1.3.2. Tình cảm<br>1.3.3. Nhân cách<br>1.4. Vai trò của yếu tố tâm lý trong y học | 1 | 1 |  |  |  |
|   | 2. Những rối loạn tâm lý thường gặp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1 | 1 |  |  |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |     |  |  |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|   | <p>2.1. Rối loạn tâm lý hay tâm bệnh là gì?</p> <p>2.1.1. Phân biệt tính bất thường – những dấu hiệu của tâm bệnh lý</p> <p>2.1.2. Vấn đề tập tính của cá nhân trong mối quan hệ với tâm bệnh lý</p> <p>2.1.3. Stress và vấn đề bệnh tâm lý</p> <p>2.1.4. Những cơ chế phát sinh và duy trì tâm bệnh lý</p> <p>2.2. Điều chỉnh và kiểm soát stress bằng tâm lý liệu pháp</p> <p>2.2.1. Các liệu pháp tác động tập tính</p> <p>2.2.2. Liệu pháp nhận thức</p> <p>2.2.3. Liệu pháp tiếp cận cơ thể</p> |     |     |  |  |  |
| 3 | Chương 3: Tâm lý người bệnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1   | 1   |  |  |  |
|   | <p>1. Cấu trúc căn nguyên tâm lý của bệnh</p> <p>2. Tâm lý người bệnh và bệnh tật</p> <p>2.1. Hoạt động nhận thức và bệnh tật</p> <p>2.2. Những biểu hiện cảm xúc ở bệnh nhân</p> <p>2.3. Các phản ứng tâm lý của bệnh nhân</p>                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0,5 | 0,5 |  |  |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |      |  |  |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|--|--|
|   | 3. Tâm lý người bệnh và môi trường<br>3.1. Với môi trường tự nhiên<br>3.2. Môi trường xã hội                                                                                                                                                                     | 0,5  | 0,5  |  |  |  |
| 4 | Chương 4: Tâm lý thầy thuốc                                                                                                                                                                                                                                      | 1    | 1    |  |  |  |
|   | 1. Đặc điểm hoạt động của nghề y<br>1.1. Sự tiếp xúc thường xuyên với bệnh tật<br>1.2. Tính đa dạng phức tạp của đối tượng hoạt động<br>1.3. Là nghề nhân đạo và cao quý<br>1.4. Mọi hành vi cử chỉ, lời nói của thầy thuốc đều ảnh hưởng mạnh mẽ đến người bệnh | 0,5  | 0,5  |  |  |  |
|   | 2. Những phẩm chất và năng lực phải có của người cán bộ y tế<br>2.1. Xu hướng nghề nghiệp của người cán bộ y tế<br>2.2. Tính cách của người cán bộ y tế<br>2.3. Năng lực của người cán bộ y tế                                                                   | 0,25 | 0,25 |  |  |  |
|   | 3. Rèn luyện để trở thành người cán bộ y tế tốt<br>3.1. Xác lập mô hình nhân cách                                                                                                                                                                                | 0,25 | 0,25 |  |  |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                         |      |      |  |  |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|--|--|
|   | 3.2. Xác định mức độ phù hợp nghề nghiệp<br>3.3. Tích cực hoàn thiện bản thân                                                                                                                                                                           |      |      |  |  |  |
| 5 | Chương 5: Khái niệm chung về giao tiếp                                                                                                                                                                                                                  | 1    | 1    |  |  |  |
|   | 1. Khái niệm giao tiếp<br>2. Vai trò của giao tiếp<br>2.1. Vai trò của giao tiếp trong đời sống xã hội<br>2.2. Vai trò của giao tiếp đối với cá nhân<br>2.3. Vai trò giao tiếp trong công tác xã hội<br>2.4. Vai trò giao tiếp đối với người điều dưỡng | 0,25 | 0,25 |  |  |  |
|   | 3. Chức năng của giao tiếp<br>3.1. Nhóm chức năng xã hội<br>3.2. Nhóm chức năng tâm lý                                                                                                                                                                  | 0,25 | 0,25 |  |  |  |
|   | 4. Phân loại giao tiếp<br>4.1. Theo khoảng cách<br>4.2. Theo tính chất giao tiếp<br>4.3. Dựa vào phương tiện giao tiếp<br>4.4. Theo số người tham dự trong giao tiếp<br>4.5. Giao tiếp đối xứng và giao tiếp bổ sung                                    | 0,25 | 0,25 |  |  |  |



|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |      |  |   |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|---|--|
|   | <p>5. Cấu trúc của hành vi giao tiếp</p> <p>5.1. Hành vi giao tiếp là gì?</p> <p>5.2. Các thành tố của hành vi giao tiếp</p> <p>5.2.1. Người gửi thông điệp</p> <p>5.2.2. Thông điệp</p> <p>5.2.3. Kênh truyền đạt thông điệp</p> <p>5.2.4. Người nhận thông điệp</p> <p>5.2.5. Những phản hồi</p> <p>5.2.6. Môi trường giao tiếp</p> <p>5.2.7. Nhiễu thông tin</p> | 0,25 | 0,25 |  |   |  |
| 6 | Chương 6: Các yếu tố của giao tiếp và một số kỹ năng giao tiếp cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6    | 2    |  | 4 |  |
|   | <p>1. Các yếu tố của giao tiếp</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Chủ thể giao tiếp</p> <p>1.3. Mục đích giao tiếp</p> <p>1.4. Nội dung giao tiếp</p> <p>1.5. Phương tiện giao tiếp</p> <p>1.6. Hoàn cảnh giao tiếp</p> <p>1.7. Kênh giao tiếp</p> <p>1.8. Quan hệ giao tiếp</p>                                                                                     | 1    | 1    |  |   |  |
|   | <p>2. Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản</p> <p>2.1. Nghi thức trong giao tiếp</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5    | 1    |  | 4 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |      |  |   |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|---|--|
|   | 2.2. Lắng nghe và ý nghĩa của lắng nghe trong giao tiếp                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |      |  |   |  |
| 7 | Chương 7: Giao tiếp của người điều dưỡng trong bệnh viện                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6    | 2    |  | 4 |  |
|   | 1. Khái niệm<br>2. Tâm lý người bệnh và cách tiếp xúc người bệnh<br>2.1. Quan sát cử chỉ, tác phong của người thầy thuốc<br>2.2. Mong được thầy thuốc quan tâm<br>2.3. Tâm trạng cả tin                                                                                                                                        | 0,25 | 0,25 |  |   |  |
|   | 3. Yêu cầu đối với thầy thuốc<br>3.1. Người thầy thuốc phải có lòng yêu nghề<br>3.2. Người thầy thuốc phải có đạo đức y học<br>3.3. Tôn trọng và giữ uy tín đồng nghiệp<br>3.4. Quan tâm, thông cảm với bệnh nhân<br>3.5. Tác phong nghiêm túc<br>3.6. Ngôn từ giản dị, thích hợp<br>3.7. Kiến thức đầy đủ, hiểu biết sâu rộng | 1,5  | 0,5  |  | 1 |  |
|   | 4. Mô hình giao tiếp giữa thầy thuốc và bệnh nhân                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2,5  | 0,5  |  | 2 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |      |  |   |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|---|--|
|   | <p>5. Các kỹ năng giao tiếp trong lúc ban đầu tiếp xúc bệnh nhân</p> <p>5.1. Chào hỏi bệnh nhân</p> <p>5.2. Quan sát bệnh nhân</p> <p>5.3. Tạo môi trường giao tiếp thoải mái</p> <p>5.4. Các tư thế giao tiếp</p> <p>5.5. Ngôn ngữ</p> <p>5.6. Đặt câu hỏi “mở” và câu hỏi “đóng” một cách có hiệu quả</p> <p>5.7. Lắng nghe bệnh nhân</p> <p>5.8. Khen ngợi</p> <p>5.9. Tác phong trang phục</p> <p>5.10. Thái độ</p> <p>5.11. Giao tiếp bằng lời một cách hiệu quả</p> |      |      |  |   |  |
|   | <p>6. Tổ chức một cuộc giao tiếp</p> <p>6.1. Bắt đầu một cuộc giao tiếp</p> <p>6.2. Trong quá trình giao tiếp</p> <p>6.3. Kết thúc cuộc giao tiếp</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1,25 | 0,25 |  | 1 |  |
| 8 | Chương 8: Phương tiện và phương pháp truyền thông – giáo dục sức khỏe                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3    | 1    |  | 2 |  |
|   | <p>1. Các phương tiện truyền thông – giáo dục sức khỏe</p> <p>1.1. Ngôn ngữ</p> <p>1.2. Các phương tiện trực quan và phương tiện nghe nhìn</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0,25 | 0,25 |  |   |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |      |  |   |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|---|--|
|   | <p>2. Các phương pháp truyền thông – giáo dục sức khỏe</p> <p>2.1. Phương pháp truyền thông – giáo dục sức khỏe trực tiếp</p> <p>2.2. Phương pháp truyền thông – giáo dục sức khỏe gián tiếp</p>                                                                                               | 1,25 | 0,25 |  | 1 |  |
|   | <p>3. Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của trung tâm truyền thông – giáo dục sức khỏe</p> <p>3.1. Vị trí, chức năng</p> <p>3.2. Nhiệm vụ</p> <p>3.3. Tổ chức bộ máy</p> <p>3.4. Kinh phí</p> <p>3.5. Mối quan hệ hợp tác</p> <p>4. Phương pháp xây dựng gốc truyền thông – giáo dục sức khỏe</p> | 1,5  | 0,5  |  | 1 |  |
| 9 | Chương 9: Kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe                                                                                                                                                                                                                                             | 3    | 1    |  | 2 |  |
|   | <p>1. Một số yêu cầu cần thiết làm cho truyền thông – giáo dục sức khỏe có hiệu quả</p> <p>2. Các kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe cơ bản</p> <p>2.1. Kỹ năng làm quen</p> <p>2.2. Kỹ năng lắng nghe</p> <p>2.3. Kỹ năng quan sát</p> <p>2.4. Kỹ năng đặt câu hỏi</p>                  | 1,75 | 0,75 |  | 1 |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                         |      |      |  |   |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|---|--|
|    | 2.5. Kỹ năng giải thích<br>2.6. Kỹ năng khuyến khích, động viên, khen ngợi<br>2.7. Kỹ năng sử dụng tài liệu truyền thông – giáo dục sức khỏe                                                                                            |      |      |  |   |  |
|    | 3. Kỹ năng đóng vai để truyền thông – giáo dục sức khỏe<br>3.1. Khái niệm về đóng vai<br>3.2. Mục đích của đóng vai<br>3.3. Tổ chức đóng vai                                                                                            | 1,25 | 0,25 |  | 1 |  |
| 10 | Chương 10: Lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe                                                                                                                                                                                | 3    | 1    |  | 2 |  |
|    | 1. Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe<br>2. Một số nguyên tắc cơ bản trong lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe                                                                             | 0,25 | 0,25 |  |   |  |
|    | 3. Các bước lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe<br>3.1. Xác định các vấn đề sức khỏe<br>3.2. Xác định và phân nhóm đối tượng được truyền thông – giáo dục sức khỏe<br>3.3. Xác định mục tiêu truyền thông – giáo dục sức khỏe | 2,75 | 0,75 |  | 2 |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                        |           |           |  |           |          |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|--|-----------|----------|
|    | 3.4. Chuẩn bị nội dung truyền thông – giáo dục sức khỏe<br>3.5. Lựa chọn thời gian và địa điểm<br>3.6. Đánh giá kết quả truyền thông – giáo dục sức khỏe<br>3.7. Người thực hiện<br>3.8. Dự trù kinh phí cho một buổi truyền thông – giáo dục sức khỏe |           |           |  |           |          |
| 11 | Kiểm tra định kỳ                                                                                                                                                                                                                                       | 1         |           |  |           | 1        |
| 12 | Thi kết thúc mô đun                                                                                                                                                                                                                                    | 1         |           |  |           | 1        |
|    | <b>Cộng:</b>                                                                                                                                                                                                                                           | <b>29</b> | <b>13</b> |  | <b>14</b> | <b>2</b> |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### BÀI 1: KHÁI QUÁT VỀ TÂM LÝ HỌC Y HỌC

(Thời gian: 1 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được nhiệm vụ và vị trí của tâm lý học y học.
2. Nhận định được đối tượng nghiên cứu của tâm lý học y học.
3. Chủ động thực hiện được việc tự học, nghiên cứu trong công tác chuyên môn và trong thực tập lâm sàng.

#### II. NỘI DUNG BÀI (1)

##### 1. Sơ lược về khoa học tâm lý

##### *1.1. Đối tượng của tâm lý học*

##### *1.2. Nhiệm vụ của tâm lý học*

##### *1.3. Vị trí của tâm lý học*

## **2. Tâm lý học y học**

### ***2.1. Đối tượng nghiên cứu của tâm lý học y học***

### ***2.2. Nhiệm vụ của tâm lý học y học***

## **BÀI 2: TÂM LÝ CÁ NHÂN VÀ NHỮNG RỐI LOẠN THƯỜNG GẶP**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được bản chất, đặc điểm chung, sự hình thành các hiện tượng tâm lý và các phương pháp, liệu pháp điều chỉnh và kiểm soát stress.
2. Nhận định được các hiện tượng tâm lý cơ bản của cá nhân và những rối loạn tâm lý thường gặp.
3. Chủ động thực hiện được việc tự học, nghiên cứu trong công tác chuyên môn và trong thực tập lâm sàng.

### **II. NỘI DUNG BÀI (1)**

#### **1. Những vấn đề tâm lý của cá nhân**

##### ***1.1. Bản chất của hiện tượng tâm lý người***

###### ***1.1.1. Bản chất của hiện tượng tâm lý***

###### ***1.1.2. Các loại hiện tượng tâm lý người***

###### ***1.1.3. Đặc điểm chung của hiện tượng tâm lý người***

##### ***1.2. Sự hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý***

###### ***1.2.1. Những yếu tố thuận lợi***

###### ***1.2.2. Những yếu tố quyết định***

##### ***1.3. Những hiện tượng tâm lý cơ bản của cá nhân***

###### ***1.3.1. Nhận thức***

###### ***1.3.2. Tình cảm***

###### ***1.3.3. Nhân cách***

##### ***1.4. Vai trò của yếu tố tâm lý trong y học***

#### **2. Những rối loạn tâm lý thường gặp**

### **2.1. Rối loạn tâm lý hay tâm bệnh là gì?**

*2.1.1. Phân biệt tính bất thường – những dấu hiệu của tâm bệnh lý*

*2.1.2. Vấn đề tập tính của cá nhân trong mối quan hệ với tâm bệnh lý*

*2.1.3. Stress và vấn đề bệnh tâm lý*

**2.1.4. Những cơ chế phát sinh và duy trì tâm bệnh lý**

### **2.2. Điều chỉnh và kiểm soát stress bằng tâm lý liệu pháp**

*2.2.1. Các liệu pháp tác động tập tính*

*2.2.2. Liệu pháp nhận thức*

*2.2.3. Liệu pháp tiếp cận cơ thể*

## **BÀI 3: TÂM LÝ NGƯỜI BỆNH**

**(Thời gian: 1 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các dấu hiệu tâm lý thường gặp ở bệnh nhân.
2. Nhận định được các biểu hiện và sự thay đổi tâm lý của bệnh nhân.
3. Chủ động thực hiện được việc tự học, nghiên cứu trong công tác chuyên môn và trong thực tập lâm sàng.

### **II. NỘI DUNG BÀI (1)**

#### **1. Cấu trúc căn nguyên tâm lý của bệnh**

#### **2. Tâm lý người bệnh và bệnh tật**

*2.1. Hoạt động nhận thức và bệnh tật*

*2.2. Những biểu hiện cảm xúc ở bệnh nhân*

*2.3. Các phản ứng tâm lý của bệnh nhân*

#### **3. Tâm lý người bệnh và môi trường**

*3.1. Với môi trường tự nhiên*

*3.2. Môi trường xã hội*

## **BÀI 4: TÂM LÝ THẦY THUỐC**



(Thời gian: 1 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được đặc điểm hoạt động nghề y, những phẩm chất và năng lực phải có của người cán bộ y tế.
2. Thực hiện được phẩm chất và năng lực cần phải có của người cán bộ y tế.
3. Chủ động thực hiện được việc tự học, rèn luyện để trở thành người cán bộ y tế tốt.

**II. NỘI DUNG BÀI (1)****1. Đặc điểm hoạt động của nghề y***1.1. Sự tiếp xúc thường xuyên với bệnh tật**1.2. Tính đa dạng phức tạp của đối tượng hoạt động**1.3. Là nghề nhân đạo và cao quý**1.4. Mọi hành vi cử chỉ, lời nói của thầy thuốc đều ảnh hưởng mạnh mẽ đến người bệnh***2. Những phẩm chất và năng lực phải có của người cán bộ y tế***2.1. Xu hướng nghề nghiệp của người cán bộ y tế**2.2. Tính cách của người cán bộ y tế**2.3. Năng lực của người cán bộ y tế***3. Rèn luyện để trở thành người cán bộ y tế tốt***3.1. Xác lập mô hình nhân cách**3.2. Xác định mức độ phù hợp nghề nghiệp**3.3. Tích cực hoàn thiện bản thân***BÀI 5: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIAO TIẾP**

(Thời gian: 1 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, vai trò, chức năng và cấu trúc hành vi giao tiếp.
2. Nhận định được các loại hình trong giao tiếp.

3. Chủ động thực hiện được việc tự học, nghiên cứu trong công tác chuyên môn và trong thực tập lâm sàng.

## **II. NỘI DUNG BÀI(2)**

### **1. Khái niệm giao tiếp**

### **2. Vai trò của giao tiếp**

*2.1. Vai trò của giao tiếp trong đời sống xã hội*

*2.2. Vai trò của giao tiếp đối với cá nhân*

*2.3. Vai trò giao tiếp trong công tác xã hội*

*2.4. Vai trò giao tiếp đối với người điều dưỡng*

### **3. Chức năng của giao tiếp**

#### **3.1. Nhóm chức năng xã hội**

*3.1.1. Chức năng thông tin*

*3.1.2. Chức năng tổ chức, phối hợp hành động*

*3.1.3. Chức năng điều khiển, điều chỉnh*

*3.1.4. Chức năng phê bình và tự phê bình*

#### **3.2. Nhóm chức năng tâm lý**

*3.2.1. Chức năng động viên, khích lệ*

*3.2.2. Chức năng thiết lập, phát triển, củng cố các mối quan hệ*

*3.2.3. Chức năng cân bằng cảm xúc*

*3.2.4. Chức năng hình thành và phát triển*

### **4. Phân loại giao tiếp**

*4.1. Theo khoảng cách*

*4.2. Theo tính chất giao tiếp*

*4.3. Dựa vào phương tiện giao tiếp*

*4.4. Theo số người tham dự trong giao tiếp*

*4.5. Giao tiếp đối xứng và giao tiếp bổ sung*

### **5. Cấu trúc của hành vi giao tiếp**

**5.1. Hành vi giao tiếp là gì?****5.2. Các thành tố của hành vi giao tiếp****5.2.1. Người gửi thông điệp****5.2.2. Thông điệp****5.2.3. Kênh truyền đạt thông điệp****5.2.4. Người nhận thông điệp****5.2.5. Những phản hồi****5.2.6. Môi trường giao tiếp****5.2.7. Nhiễu thông tin****BÀI 6: CÁC YẾU TỐ CỦA GIAO TIẾP VÀ MỘT SỐ KỸ NĂNG GIAO TIẾP CƠ BẢN****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, mục đích và nội dung của giao tiếp.
2. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp thích hợp trong một số tình huống giả định.
3. Thể hiện thái độ tôn trọng, cảm thông, chia sẻ khi giao tiếp trong công tác chuyên môn và trong thực tập lâm sàng.

**II. NỘI DUNG BÀI(2)****1. Các yếu tố của giao tiếp****1.1. Khái niệm****1.2. Chủ thể giao tiếp****1.3. Mục đích giao tiếp****1.4. Nội dung giao tiếp****1.4.1. Nội dung tâm lý trong giao tiếp****1.4.2. Nội dung công việc**

***1.5. Phương tiện giao tiếp******1.6. Hoàn cảnh giao tiếp******1.7. Kênh giao tiếp******1.8. Quan hệ giao tiếp*****2. Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản*****2.1. Nghi thức trong giao tiếp******2.1.1. Chào hỏi khi nào?******2.1.2. Nguyên tắc chào hỏi******2.1.3. Cách thức chào hỏi******2.2. Lắng nghe và ý nghĩa của lắng nghe trong giao tiếp******2.2.1. Lắng nghe là gì?******2.2.2. Ý nghĩa của lắng nghe trong giao tiếp******2.2.3. Ba kiểu lắng nghe******2.2.4. Tiến trình lắng nghe*****BÀI 7: GIAO TIẾP CỦA ĐIỀU DƯỠNG TRONG BỆNH VIỆN****(Thời gian: 6 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, tâm lý người bệnh, cách tiếp xúc người bệnh, yêu cầu đối với thầy thuốc, mô hình giao tiếp và các kỹ năng khi giao tiếp với bệnh nhân.

2. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp phù hợp.

3. Thể hiện thái độ tôn trọng, cảm thông, chia sẻ khi giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh và người nhà người bệnh.

**II. NỘI DUNG BÀI(2)****1. Khái niệm****2. Tâm lý người bệnh và cách tiếp xúc người bệnh**

**2.1. Quan sát cử chỉ, tác phong của người thầy thuốc**

**2.2. Mong được thầy thuốc quan tâm**

**2.3. Tâm trạng cả tin**

**3. Yêu cầu đối với thầy thuốc**

**3.1. Người thầy thuốc phải có lòng yêu nghề**

**3.2. Người thầy thuốc phải có đạo đức y học**

**3.3. Tôn trọng và giữ uy tín đồng nghiệp**

**3.4. Quan tâm, thông cảm với bệnh nhân**

**3.5. Tác phong nghiêm túc**

**3.6. Ngôn từ giản dị, thích hợp**

**3.7. Kiến thức đầy đủ, hiểu biết sâu rộng**

**4. Mô hình giao tiếp giữa thầy thuốc và bệnh nhân**

**5. Các kỹ năng giao tiếp trong lúc ban đầu tiếp xúc bệnh nhân**

**5.1. Chào hỏi bệnh nhân**

**5.2. Quan sát bệnh nhân**

**5.3. Tạo môi trường giao tiếp thoải mái**

**5.4. Các tư thế giao tiếp**

**5.5. Ngôn ngữ**

**5.6. Đặt câu hỏi “mở” và câu hỏi “đóng” một cách có hiệu quả**

**5.7. Lắng nghe bệnh nhân**

**5.8. Khen ngợi**

**5.9. Tác phong trang phục**

**5.10. Thái độ**

**5.11. Giao tiếp bằng lời một cách hiệu quả**

**6. Tổ chức một cuộc giao tiếp**

**6.1. Bắt đầu một cuộc giao tiếp**

**6.2. Trong quá trình giao tiếp**

### ***6.3. Kết thúc cuộc giao tiếp***

## **BÀI 8: PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THÔNG – GIÁO DỤC SỨC KHỎE**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các phương pháp và phương tiện giáo dục sức khỏe, nội dung cần giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.
2. Vận dụng được các phương pháp giáo dục sức khỏe trực tiếp và gián tiếp trong chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.
3. Cân trọng, chính xác khi lựa chọn phương pháp giáo dục sức khỏe thích hợp trong chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

### **II. NỘI DUNG BÀI(2)**

#### **1. Các phương tiện truyền thông – giáo dục sức khỏe**

##### ***1.1. Ngôn ngữ***

*1.1.1. Phương tiện bằng lời nói*

*1.1.2. Phương tiện bằng chữ viết*

##### ***1.2. Các phương tiện trực quan và phương tiện nghe nhìn***

#### **2. Các phương pháp truyền thông – giáo dục sức khỏe**

##### ***2.1. Phương pháp truyền thông – giáo dục sức khỏe trực tiếp***

*2.1.1. Tổ chức nói chuyện về sức khỏe*

*2.1.2. Tổ chức thảo luận nhóm về sức khỏe*

*2.1.3. Giáo dục sức khỏe với cá nhân*

*2.1.4. Giáo dục sức khỏe với gia đình*

##### ***2.2 Phương pháp truyền thông – giáo dục sức khỏe gián tiếp***

*2.2.1. Đài/Loa phát thanh*

*2.2.2. Vô tuyến truyền hình*

*2.2.3. Video*

2.2.4. Báo, tạp chí

2.2.5. Pa no, áp phích

2.2.6. Tranh lật hay sách lật

2.2.7. Tờ rơi (tờ bướm), sách mỏng

### **3. Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của trung tâm truyền thông – giáo dục sức khỏe**

3.1. Vị trí, chức năng

3.2. Nhiệm vụ

3.3. Tổ chức bộ máy

3.4. Kinh phí

3.5. Môi quan hệ hợp tác

### **4. Phương pháp xây dựng gốc truyền thông – giáo dục sức khỏe**

## **BÀI 9: KỸ NĂNG TRUYỀN THÔNG – GIÁO DỤC SỨC KHỎE**

(Thời gian: 3 giờ)

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được một số yêu cầu và các kỹ năng truyền thông và giáo dục sức khỏe cơ bản.
2. Thực hiện được kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe phù hợp.
3. Thái độ tôn trọng, cảm thông, chia sẻ khi giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh và người nhà người bệnh trong chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

### **II. NỘI DUNG BÀI(2)**

1. Một số yêu cầu cần thiết làm cho truyền thông – giáo dục sức khỏe có hiệu quả
2. Các kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe cơ bản
  - 2.1. Kỹ năng làm quen
  - 2.2. Kỹ năng lắng nghe
  - 2.3. Kỹ năng quan sát

**2.4. Kỹ năng đặt câu hỏi**

**2.5. Kỹ năng giải thích**

**2.6. Kỹ năng khuyến khích, động viên, khen ngợi**

**2.7. Kỹ năng sử dụng tài liệu truyền thông – giáo dục sức khỏe**

**3. Kỹ năng đóng vai để truyền thông – giáo dục sức khỏe**

**3.1. Khái niệm về đóng vai**

**3.2. Mục đích của đóng vai**

**3.3. Tổ chức đóng vai**

## **BÀI 10: LẬP KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG – GIÁO DỤC SỨC KHỎE**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được tầm quan trọng, một số nguyên tắc cơ bản và các bước lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe.
2. Lập được kế hoạch một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.
3. Chủ động thực hiện được việc tự học, nghiên cứu trong công tác chuyên môn và trong thực tập lâm sàng.

### **II. NỘI DUNG BÀI(2)**

- 1. Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe**
- 2. Một số nguyên tắc cơ bản trong lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe**
- 3. Các bước lập kế hoạch truyền thông – giáo dục sức khỏe**
  - 3.1. Xác định các vấn đề sức khỏe**
  - 3.2. Xác định và phân nhóm đối tượng được truyền thông – giáo dục sức khỏe**
    - 3.2.1. Mục đích của việc xác định và phân tích nhóm đối tượng**



*3.2.2. Ý nghĩa của việc xác định và phân tích nhóm đối tượng*

*3.2.3. Các nhóm đối tượng truyền thông – giáo dục sức khỏe*

*3.2.4. Cơ sở của việc phân tích nhóm*

***3.3. Xác định mục tiêu truyền thông – giáo dục sức khỏe***

***3.4. Chuẩn bị nội dung truyền thông – giáo dục sức khỏe***

***3.5. Lựa chọn thời gian và địa điểm***

***3.6. Đánh giá kết quả truyền thông – giáo dục sức khỏe***

*3.6.1. Mục đích của đánh giá*

*3.6.2. Các chỉ số đánh giá cơ bản*

*3.6.3. Phương pháp và phương tiện đánh giá phù hợp*

*3.6.4. Các thời điểm đánh giá*

***3.7. Người thực hiện***

***3.8. Dự trù kinh phí cho một buổi truyền thông – giáo dục sức khỏe***

## **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

### **II. Trang thiết bị, máy móc**

- Tivi, máy vi tính, tranh ảnh, bảng, phấn.

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: Phấn, bảng, Giấy Ao, A4, bút lông, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Học thực hành: Bảng kiểm thực hành, tờ rơi, tranh lật, ...

### **IV. Các điều kiện khác: Không.**

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Nhiệm vụ, vị trí của tâm lý học y học.
- Bản chất, đặc điểm chung và các dấu hiệu tâm lý của người bệnh.
- Đặc điểm hoạt động nghề y, những phẩm chất và năng lực phải có của người cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- Các khái niệm, vai trò, chức năng, cấu trúc hành vi trong giao tiếp.
- Các yêu cầu, mô hình giao tiếp, các phương pháp và phương tiện trong giao tiếp, truyền thông – giáo dục sức khỏe.

## **2. Kỹ năng**

- Lập kế hoạch một buổi truyền thông - giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.
- Áp dụng kỹ năng giao tiếp, tư vấn, truyền thông để thực hiện một buổi giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng trên cơ sở tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của từng địa phương.
- Thực hiện thành thạo các kỹ năng: Làm việc độc lập, làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình.

## **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán của người bệnh và cộng đồng trong truyền thông - giáo dục sức khỏe.
- Tích cực, chủ động và phối hợp tốt với các tổ chức khác để thực hiện truyền thông - giáo dục sức khỏe.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:
  - + Số bài kiểm tra: 01 bài.
  - + Nhà giáo thiết kế câu hỏi theo mức độ nhận thức (*với các hình thức như trắc nghiệm khách quan, viết, thực hành, vấn đáp...*) để thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và câu hỏi được ghi vào kế hoạch bài giảng.
- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.

- + Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết.
- + Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan.
- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.
- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

## **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)
- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.
- Thời gian thi: 1 giờ.
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ I của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Tâm lý - Giao tiếp và giáo dục sức khỏe được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học....
- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

## **2. Đối với người học**

- Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định;

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về giờ học và làm đầy đủ các bài tập về nhà;

- Người học cần hoàn thành câu hỏi lượng giá sau khi kết thúc một bài học và Nhà giáo có đánh giá kết quả câu hỏi lượng giá đó.

- Người học tìm hiểu trước giáo trình Tâm lý - Giao tiếp và giáo dục sức khỏe, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Trình bày được các bước của quá trình thay đổi tâm lý cá nhân và những rối loạn thường gặp; các kỹ năng giao tiếp cơ bản; nguyên tắc giáo dục sức khỏe.

- Áp dụng được các kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe cơ bản trong giao tiếp với người bệnh và người nhà người bệnh. Lựa chọn được phương pháp giáo dục sức khỏe thích hợp trong chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

## **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Trường Đại học Trà Vinh. Tâm lý y học - Đạo đức y học; 2015.
2. Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu. Giao tiếp, giáo dục sức khỏe và thực hành điều dưỡng; 2021.

## **V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.**

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun:** Điều dưỡng cơ sở 1 (Basic Nursing 1).

**Mã mô đun:** 651430703.

**Thời gian thực hiện mô đun:** 85 giờ; (lý thuyết: 19 giờ; thực hành: 64 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**

#### **I. Vị trí**

Đây là mô đun thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), mô đun được bố trí thực hiện trong học kỳ I.

#### **II. Tính chất**

Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được vai trò, chức năng của người Điều dưỡng.
2. Trình bày được nhu cầu cơ bản của con người và mối liên quan đến công tác điều dưỡng.
3. Trình bày mục đích, nguyên tắc áp dụng và không áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.
4. Trình bày được các tai biến có thể xảy ra và cách xử trí trong quá trình thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

## II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh phù hợp tình huống.
2. Thực hiện được các quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh trên mô hình.
3. Phát hiện và xử lý nhanh các tai biến có thể xảy ra khi tiến hành kỹ thuật.
4. Ứng dụng và lồng ghép được các kỹ thuật điều dưỡng trong quá trình chăm sóc người bệnh.

## III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các nhiệm vụ điều dưỡng khi chăm sóc và theo dõi người bệnh.
2. Rèn luyện được tính chuyên cần, cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng và chính xác trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

## C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên các bài trong mô đun                                           | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|--------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                    | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Bài 1: Tổng quan về ngành Điều dưỡng                               | 1               | 1         |                    |                       |              |
|    | 1. Định nghĩa về điều dưỡng<br>2. Sơ lược lịch sử Ngành Điều dưỡng | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 2.1. Lịch sử điều dưỡng Thế giới                                   | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |

|   |                                                                                                                                                                                                          |     |     |  |   |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | 2.2. Lịch sử điều dưỡng Việt Nam<br>2.3. Hệ thống đào tạo điều dưỡng tại Việt Nam hiện nay                                                                                                               |     |     |  |   |  |
| 2 | Bài 2: Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam                                                                                                                                                     | 1   | 1   |  |   |  |
|   | 1. Tóm tắt nội dung của “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam”<br>2. Nội dung chi tiết “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam”                                                          | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
|   | 3. Áp dụng “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam” vào chăm sóc người bệnh                                                                                                                       | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
| 3 | Bài 3: Áp dụng Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam vào thực hành chăm sóc người bệnh                                                                                                  | 6   | 2   |  | 4 |  |
|   | 1. Nội dung “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam”<br>1.1. Quy định chung<br>1.2. Nội dung chi tiết “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam”<br>1.3. Tổ chức thực hiện | 3   | 1   |  | 2 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |    |   |  |   |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|--|---|--|
|   | <p>2. Áp dụng “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh</p> <p>2.1. Câu hỏi thảo luận về thực hiện “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh</p> <p>2.2. Thảo luận về một số tình huống liên quan đến đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc người bệnh</p> | 3  | 1 |  | 2 |  |
| 4 | Bài 4: Theo dõi dấu hiệu sinh tồn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 10 | 2 |  | 8 |  |
|   | <p>1. Giới thiệu</p> <p>2. Theo dõi thân nhiệt</p> <p>2.1. Khái niệm về thân nhiệt</p> <p>2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến thân nhiệt</p> <p>2.3. Rối loạn thân nhiệt</p> <p>2.4. Những nguyên tắc cơ bản khi đo thân nhiệt</p> <p>2.5. Một số vị trí thường đo thân nhiệt</p> <p>3. Theo dõi mạch</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2. Yếu tố ảnh hưởng</p>            | 5  | 1 |  | 4 |  |



|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |    |   |  |   |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|--|---|--|
|   | 3.3. Mạch bất thường<br>3.4. Nguyên tắc khi bắt mạch<br>3.5. Vị trí bắt mạch<br>3.6. Quy trình thực hành kỹ năng đếm mạch/nhịp tim<br>3.7. Bảng kiểm kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                          |    |   |  |   |  |
|   | 4. Theo dõi nhịp thở<br>4.1. Khái niệm<br>4.2. Yếu tố ảnh hưởng nhịp thở<br>4.3. Rối loạn nhịp thở<br>4.4. Nguyên tắc khi theo dõi nhịp thở<br>4.5. Quy trình thực hành<br>5. Đo huyết áp động mạch<br>5.1 Định nghĩa<br>5.2. Yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp<br>5.3. Những thay đổi bệnh lý của huyết áp<br>5.4. Nguyên tắc đo huyết áp<br>5.5. Các vị trí đo huyết áp và các loại máy đo HA<br>5.6. Quy trình kỹ thuật | 5  | 1 |  | 4 |  |
| 5 | Bài 5: Áp dụng Quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 10 | 2 |  | 8 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |   |  |   |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|--|
|   | 1. Khái niệm<br>2. Các bước của quy trình điều dưỡng<br>2.1. Nhận định<br>2.2. Chẩn đoán điều dưỡng<br>2.3. Lập kế hoạch chăm sóc<br>2.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc<br>2.5 Đánh giá                                                                                                                             | 5 | 1 |  | 4 |  |
|   | 3. Thực hành dựa trên bằng chứng<br>3.1. Khái niệm<br>3.2. Ý nghĩa<br>3.3. Các bước áp dụng thực hành dựa trên bằng chứng                                                                                                                                                                                         | 5 | 1 |  | 4 |  |
| 6 | Bài 6: Hỗ trợ người bệnh di chuyển                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6 | 2 |  | 4 |  |
|   | 1. Nguyên tắc chung khi di chuyển người bệnh<br>2. Trường hợp áp dụng<br>3. Kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển<br>3.1. Nhận định<br>3.2. Dụng cụ<br>4. Các bước thực hiện<br>4.1. Diu người bệnh ngồi dậy và ra khỏi giường<br>4.2. Di chuyển người bệnh từ giường sang cáng<br>4.3. Vận chuyển cáng người bệnh | 3 | 1 |  | 2 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |     |  |   |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | 4.4. Di chuyển người bệnh từ giường sang xe lăn                                                                                                                                                                                                                                                  |     |     |  |   |  |
|   | 5. Tư thế người bệnh lúc vận chuyển<br>5.1. Tổn thương ở đầu<br>5.2. Tổn thương lồng ngực (do gãy xương sườn)<br>5.3. Tổn thương ở xương chậu và cột sống<br>5.4. Tổn thương ổ bụng<br>5.5. Tổn thương chi dưới<br>5.6. Tổn thương chi trên<br>5.7. Bệnh nhân khó thở<br>5.8. Bệnh nhân xanh tái | 3   | 1   |  | 2 |  |
| 7 | Bài 7: Dự phòng và chăm sóc loét tỳ đè cho người bệnh                                                                                                                                                                                                                                            | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | 1. Định nghĩa<br>2. Các yếu tố nguy cơ gây loét tỳ đè<br>2.1. Áp lực<br>2.2. Tình trạng tri giác<br>2.3. Sự ẩm ướt<br>2.4. Sự cọ sát, trầy xước<br>2.5. Dinh dưỡng và chuyển hóa<br>2.6. Bệnh lý<br>2.7. Tuổi<br>2.8. Các yếu tố khác:<br>3. Các mức độ của loét tỳ đè                           | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
|   | 4. Các vị trí dễ bị loét tỳ đè<br>4.1. Trường hợp bệnh nhân nằm ngửa<br>4.2. Trường hợp người bệnh nằm sấp<br>4.3. Trường hợp người bệnh nằm                                                                                                                                                     | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |     |  |   |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | nghiêng<br>4.4. Trường hợp người bệnh suy hô hấp phải ngồi kéo dài<br>4.5. Ở các bệnh nhân béo phì<br>4.6. Đánh giá mức độ nguy cơ loét tỳ đè của người bệnh theo thang đo Braden<br>5. Các biện pháp dự phòng loét tỳ đè<br>5.1. Tránh bị tỳ đè<br>5.2. Vệ sinh da sạch sẽ<br>5.3. Quản lý chất tiết:<br>5.4. Phòng ngừa tổn thương da<br>5.5. Dinh dưỡng<br>5.6. Quản lý ổ nhiễm khuẩn<br>5.7. Giáo dục sức khỏe<br>6. Chăm sóc loét tỳ đè Độ I, II<br>6.1. Nhận định<br>6.2. Dụng cụ<br>6.3. Các bước thực hiện |     |     |  |   |  |
| 8 | Bài 8: Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | 1. Mục đích<br>2. Lấy máu làm xét nghiệm<br>2.1. Mục đích<br>2.2. Các loại xét nghiệm máu<br>2.3. Các phương pháp lấy máu<br>2.4. Những điểm cần lưu ý<br>2.5. Quy trình kỹ thuật<br>3. Lấy nước tiểu làm xét nghiệm<br>3.1. Các loại xét nghiệm nước tiểu<br>3.2. Cách lấy nước tiểu                                                                                                                                                                                                                              | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |     |     |  |   |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | 3.3. Quy trình kỹ thuật lấy nước tiểu làm xét nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |     |  |   |  |
|   | 4. Lấy phân làm xét nghiệm<br>4.1. Mục đích<br>4.2. Áp dụng<br>4.3. Nhận định sơ bộ sự biến đổi màu sắc của phân<br>4.5. Quy trình kỹ thuật lấy phân làm xét nghiệm<br>5. Lấy đờm làm xét nghiệm<br>5.1. Các loại xét nghiệm bệnh phẩm đờm<br>5.2. Sự thay đổi tính chất đờm<br>5.3. Một số lưu ý khi lấy bệnh phẩm đờm<br>5.4. Quy trình kỹ thuật lấy đờm làm xét nghiệm<br>6. Lấy mủ làm xét nghiệm | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
| 9 | Bài 9: Quy định về ghi chép quản lý hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | 1. Lý thuyết<br>2. Mục đích<br>3. Nguyên tắc sử dụng, ghi chép và bảo quản hồ sơ người bệnh<br>4. Các thành phần của hồ sơ người bệnh                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
|   | 5. Một số biểu mẫu ghi hồ sơ của người bệnh<br>6. Bảo quản hồ sơ người bệnh<br>7. Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |     |     |  |  |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|    | 8. Phần thực hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |     |  |  |  |
| 10 | Bài 10: Đón tiếp người bệnh, chuyển viện, xuất viện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1   | 1   |  |  |  |
|    | 1. Giới thiệu<br>2. Đón tiếp người bệnh<br>2.1. Các thủ tục hành chính khi người bệnh vào viện<br>2.2. Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ đón tiếp người bệnh<br>2.3. Quy trình đón tiếp người bệnh                                                                                                                                                                                          | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|    | 3. Cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện<br>3.1. Các thủ tục cần thiết cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện<br>3.2 . Dụng cụ và giấy tờ cần thiết cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện<br>3.3. Quy trình cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện<br>4. Cho người bệnh xuất viện<br>4.1. Các thủ tục cần thiết cho người bệnh xuất viện<br>4.2. Dụng cụ và giấy tờ cần thiết cho người bệnh xuất viện | 0,5 | 0,5 |  |  |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |     |     |  |   |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|    | 4.3. Quy trình cho người bệnh xuất viện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |     |     |  |   |  |
| 11 | Bài 11: Tư thế nghỉ ngơi - trị liệu thông thường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5   | 1   |  | 4 |  |
|    | 1. Mục đích<br>2. Chuẩn bị người bệnh<br>3. Chuẩn bị dụng cụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
|    | 4. Các tư thế trị liệu thông thường<br>4.1. Tư thế nằm ngửa thẳng<br>4.2. Tư thế nằm ngửa đầu thấp nghiêng về một bên<br>4.3. Tư thế nằm ngửa đầu hơi cao<br>4.4. Tư thế nửa nằm nửa ngồi (Fowler)<br>4.5. Tư thế nằm sấp<br>4.6. Tư thế nằm nghiêng<br>4.7. Một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu lồng ngực<br>5. Giúp người bệnh ngồi dậy<br>5.1. Mục đích<br>5.2. Tiến hành | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
| 12 | Bài 12: Thực hành dùng thuốc cho người bệnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 10  | 2   |  | 8 |  |
|    | 1. Giới thiệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5   | 1   |  | 4 |  |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |   |  |   |  |
|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|--|
|  | <p>2. Kỹ năng cho người bệnh uống thuốc</p> <p>2.1. Nguyên tắc</p> <p>2.2. Các dạng thuốc dùng qua đường tiêu hóa</p> <p>2.3. Áp dụng</p> <p>2.4. Không áp dụng</p> <p>2.5. Những điểm cần lưu ý khi dùng thuốc qua đường tiêu hóa</p> <p>2.6. Tai biến khi dùng thuốc qua đường tiêu hóa và cách phòng tránh</p> <p>2.7. Quy trình thực hành kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc</p> <p>3. Kỹ thuật tiêm dưới da</p> <p>3.1. Áp dụng</p> <p>3.2. Không áp dụng</p> <p>3.3. Vị trí</p> <p>3.4. Tai biến</p> <p>3.5. Quy trình thực hành kỹ thuật tiêm dưới da</p> |   |   |  |   |  |
|  | <p>4. Kỹ thuật tiêm bắp</p> <p>4.1. Áp dụng</p> <p>4.2. Không áp dụng</p> <p>4.3. Vị trí</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5 | 1 |  | 4 |  |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |     |  |   |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|    | 4.4. Tai biến<br>4.5. Quy trình thực hành kỹ thuật tiêm bắp<br>5. Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch<br>5.1. Áp dụng<br>5.2. Không áp dụng<br>5.3. Vị trí<br>5.4. Tai biến<br>5.5. Quy trình thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch                                              |     |     |  |   |  |
| 13 | Bài 13: Kỹ thuật truyền dịch, truyền máu                                                                                                                                                                                                                         | 9   | 1   |  | 8 |  |
|    | 1. Giới thiệu<br>2. Kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch<br>2.1. Mục đích<br>2.2. Áp dụng<br>2.3. Nguyên tắc<br>2.4. Những tác dụng không mong muốn có thể xảy ra khi truyền dịch vào tĩnh mạch ngoại biên<br>2.5. Quy trình thực hành kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch. | 4,5 | 0,5 |  | 4 |  |
|    | 3. Kỹ thuật truyền máu                                                                                                                                                                                                                                           | 4,5 | 0,5 |  | 4 |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |     |     |  |   |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|    | 3.1. Mục đích<br>3.2. Áp dụng<br>3.3. Không áp dụng<br>3.4. Nguyên tắc truyền máu<br>3.5. Các tai biến có thể xảy ra khi truyền máu<br>3.6. Quy trình thực hành kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch.                                                                                                                                       |     |     |  |   |  |
| 14 | Bài 14: Kỹ thuật chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 9   | 1   |  | 8 |  |
|    | 1. Giới thiệu<br>2. Phân loại vết thương<br>3. Nguyên tắc cơ bản khi thực hiện kỹ năng chăm sóc vết thương<br>3.1. Nhận định tình trạng vết thương<br>3.2. Nguyên tắc chăm sóc vết thương<br>3.3. Nguyên tắc thay băng<br>4. Một số loại dung dịch thường dùng rửa vết thương<br>5. Đặc điểm và chỉ định của các loại băng vết thương | 4,5 | 0,5 |  | 4 |  |
|    | 6. Kỹ thuật chăm sóc vết thương sạch<br>6.1. Nhận định                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,5 | 0,5 |  | 4 |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |           |  |           |          |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|--|-----------|----------|
|    | 6.2. Dụng cụ<br>6.3. Các bước thực hiện<br>7. Trường hợp vết thương bị nhiễm khuẩn<br>7.1. Dấu hiệu và triệu chứng của nhiễm khuẩn vết thương<br>7.2. Những vết thương đặc thù và có nguy cơ nhiễm khuẩn<br>8. Kỹ thuật cắt chỉ vết thương<br>8.1. Nhận định<br>8.2. Dụng cụ<br>8.3. Các bước thực hiện<br>9. Kỹ thuật chăm sóc vết thương có dẫn lưu<br>9.1. Nhận định<br>9.2. Dụng cụ<br>9.3. Các bước thực hiện |           |           |  |           |          |
| 15 | Kiểm tra định kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1         |           |  |           | 1        |
| 16 | Thi kết thúc mô đun                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1         |           |  |           | 1        |
|    | <b>Cộng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>85</b> | <b>19</b> |  | <b>64</b> | <b>2</b> |

### NỘI DUNG CHI TIẾT

### BÀI 1: TỔNG QUAN VỀ NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

(Thời gian: 1 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa điều dưỡng theo ICN (International Council of Nurse), sơ lược lịch sử ngành điều dưỡng Thế giới và lịch sử ngành điều dưỡng Việt Nam qua các thời kỳ.
2. Thực hiện được các chức năng của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.
3. Rèn luyện được những năng lực cơ bản của bản thân, nhận thức đúng đắn đối với ngành điều dưỡng.

**II. NỘI DUNG BÀI (1)****1. Định nghĩa về Điều dưỡng****2. Sơ lược lịch sử ngành Điều dưỡng****2.1. Lịch sử điều dưỡng Thế giới****2.2. Lịch sử điều dưỡng Việt Nam****3. Hệ thống đào tạo điều dưỡng tại Việt Nam hiện nay****BÀI 2: CHUẨN NĂNG LỰC CƠ BẢN CỦA ĐIỀU DƯỠNG VIỆT NAM**

(Thời gian: 1 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các nội dung “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam”.
2. Áp dụng được các tiêu chuẩn/tiêu chí của “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh.
3. Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng của bản thân đối với Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam trong quá trình chăm sóc người bệnh.

## II. NỘI DUNG BÀI (2)

1. Tóm tắt nội dung của “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam”

2. Nội dung chi tiết “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam”

*2.1. Lĩnh vực 1: Năng lực thực hành chăm sóc*

*2.2. Lĩnh vực 2: Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp*

*2.3. Lĩnh vực 3: Năng lực hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp*

3. Áp dụng “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh.

Thực hành: Áp dụng “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh.

*3.1. Bài tập*

*3.2. Ví dụ minh họa: Kỹ thuật hút đờm cho người bệnh*

## BÀI 3: ÁP DỤNG CHUẨN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA ĐIỀU DƯỠNG VIÊN VIỆT NAM VÀO THỰC HÀNH CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH

(Thời gian: 6 giờ)

### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nội dung “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam”.

2. Áp dụng được “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh.

3. Hình thành chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người điều dưỡng trong quá trình chăm sóc người bệnh.

## II. NỘI DUNG BÀI (2)

## **1. Nội dung “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam”**

### ***1.1. Quy định chung***

### ***1.2. Nội dung chi tiết “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam”***

### ***1.3. Tổ chức thực hiện***

## **2. Áp dụng “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh**

### ***2.1. Câu hỏi thảo luận về thực hiện “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh***

### ***2.2. Thảo luận về một số tình huống liên quan đến đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc người bệnh.***

## **BÀI 4: THEO DÕI DẤU HIỆU SINH TỒN**

**(Thời gian: 10 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nội dung: theo dõi thân nhiệt, theo dõi mạch, theo dõi nhịp thở, đo huyết áp động mạch cho người bệnh.

2. Thực hiện được các kỹ thuật theo dõi mạch, nhịp thở, huyết áp, thân nhiệt đúng quy trình, phù hợp với tình trạng người bệnh.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, thành thạo trong việc thực hiện đo các dấu hiệu sinh tồn cho người bệnh.

### **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

#### **1. Giới thiệu**

#### **2. Theo dõi thân nhiệt**

##### ***2.1. Khái niệm về thân nhiệt***

## ***2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến thân nhiệt***

## ***2.3. Rối loạn thân nhiệt***

## ***2.4. Những nguyên tắc cơ bản khi đo thân nhiệt***

## ***2.5. Một số vị trí thường đo thân nhiệt***

# **3. Theo dõi mạch**

## **3.1. Khái niệm**

## ***3.2. Yếu tố ảnh hưởng***

## ***3.3. Mạch bất thường***

## ***3.4. Nguyên tắc khi bắt mạch***

## ***3.5. Vị trí bắt mạch***

## ***3.6. Quy trình thực hành kỹ năng đếm mạch/nhịp tim***

## ***3.7. Bảng kiểm kỹ thuật***

# **4. Theo dõi nhịp thở**

## ***4.1. Khái niệm***

## ***4.2. Yếu tố ảnh hưởng nhịp thở***

## ***4.3. Rối loạn nhịp thở***

## ***4.4. Nguyên tắc khi theo dõi nhịp thở***

## ***4.5. Quy trình thực hành***

# **5. Đo huyết áp động mạch**

## ***5.1 Định nghĩa***

## ***5.2. Yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp***

## ***5.3. Những thay đổi bệnh lý của huyết áp***

**5.4. Nguyên tắc đo huyết áp****5.5. Các vị trí đo huyết áp và các loại máy đo HA****5.6. Quy trình kỹ thuật****BÀI 5: ÁP DỤNG QUY TRÌNH ĐIỀU DƯỠNG TRONG CHĂM SÓC  
NGƯỜI BỆNH****(Thời gian: 10 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, ý nghĩa của thực hành dựa trên bằng chứng; các bước áp dụng thực hành dựa trên bằng chứng vào chăm sóc người bệnh.
2. Vận dụng được quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện chăm sóc người bệnh tại các khoa lâm sàng - phù hợp với tình trạng người bệnh và thời điểm chăm sóc.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, hình thành tác phong nghề nghiệp của người điều dưỡng.

**II. NỘI DUNG BÀI (2)****1. Khái niệm****2. Các bước của quy trình điều dưỡng****2.1. Nhận định****2.2. Chẩn đoán điều dưỡng****2.3. Lập kế hoạch chăm sóc****2.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc****2.5 Đánh giá**



### **3. Thực hành dựa trên bằng chứng**

#### ***3.1. Khái niệm***

#### ***3.2. Ý nghĩa***

#### ***3.3. Các bước áp dụng thực hành dựa trên bằng chứng***

## **BÀI 6: HỖ TRỢ NGƯỜI BỆNH DI CHUYỂN**

**(Thời gian: 10 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên tắc chung, trường hợp áp dụng và kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển.
2. Thực hiện được các kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển bảo đảm đúng quy trình và an toàn.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, an toàn hình thành khi vận chuyển người bệnh.

### **II. NỘI DUNG BÀI (1)**

#### **1. Nguyên tắc chung khi di chuyển người bệnh**

#### **2. Trường hợp áp dụng**

#### **3. Kỹ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển**

##### ***3.1. Nhận định***

##### ***3.2. Dụng cụ***

#### **4. Các bước thực hiện**

##### ***4.1. Diu người bệnh ngồi dậy và ra khỏi giường***

##### ***4.2. Di chuyển người bệnh từ giường sang cáng***

##### ***4.3. Vận chuyển cáng người bệnh***

##### ***4.4. Di chuyển người bệnh từ giường sang xe lăn***

#### **5. Tư thế người bệnh lúc vận chuyển**

**5.1. Tổn thương ở đầu**

**5.2. Tổn thương lồng ngực (do gãy xương sườn)**

**5.3. Tổn thương ở xương chậu và cột sống**

**5.4. Tổn thương ổ bụng**

**5.5. Tổn thương chi dưới**

**5.6. Tổn thương chi trên**

**5.7. Bệnh nhân khó thở**

**5.8. Bệnh nhân xanh tái**

## **BÀI 7: DỰ PHÒNG VÀ CHĂM SÓC LOÉT TỖ ĐÈ CHO NGƯỜI BỆNH**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được dấu hiệu các mức độ loét tỳ đè, sử dụng được thang đo Braden để đánh giá mức độ nguy cơ loét tỳ đè của người bệnh.
2. Thực hiện được chăm sóc loét tỳ đè độ I, II cho người bệnh theo đúng quy trình kỹ thuật và an toàn. Hướng dẫn được cho người bệnh và gia đình người bệnh các biện pháp dự phòng loét tỳ đè.
3. Rèn luyện được kỹ năng biết quan tâm, chăm sóc, chia sẻ đối với người bệnh và thành thạo trong việc chăm sóc loét tỳ đè cho người bệnh.

### **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

#### **1. Định nghĩa**

#### **2. Các yếu tố nguy cơ gây loét tỳ đè**

##### **2.1. Áp lực**

##### **2.2. Tình trạng tri giác**

##### **2.3. Sự ẩm ướt**

##### **2.4. Sự cọ sát, trầy xước**

**2.5. Dinh dưỡng và chuyển hóa****2.6. Bệnh lý****2.7. Tuổi****2.8. Các yếu tố khác****3. Các mức độ của loét tỳ đè****4. Các vị trí dễ bị loét tỳ đè****4.1. Trường hợp bệnh nhân nằm ngửa****4.2. Trường hợp người bệnh nằm sấp****4.3. Trường hợp người bệnh nằm nghiêng****4.4. Trường hợp người bệnh suy hô hấp phải ngồi kéo dài****4.5. Ở các bệnh nhân béo phì****4.6. Đánh giá mức độ nguy cơ loét tỳ đè của người bệnh theo thang đo Braden****6. Các biện pháp dự phòng loét tỳ đè****6.1. Tránh bị tỳ đè****6.2. Vệ sinh da sạch sẽ****6.3. Quản lý chất tiết****6.4. Phòng ngừa tổn thương da****6.5. Dinh dưỡng****6.6. Quản lý ổ nhiễm khuẩn****6.7. Giáo dục sức khỏe****7. Chăm sóc loét tỳ đè Độ I, II****7.1. Nhận định****7.2. Dụng cụ****7.3. Các bước thực hiện**

**BÀI 8: LẤY BỆNH PHẨM LÀM XÉT NGHIỆM****(Thời gian: 5 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích của việc lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm.
2. Thực hiện được các kỹ thuật lấy bệnh phẩm xét nghiệm đúng quy trình và hiệu quả.
3. Rèn luyện được kỹ năng chính xác, an toàn khi thực hiện kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm cho người bệnh.

**II. NỘI DUNG BÀI (1) (3)****1. Mục đích****2. Lấy máu làm xét nghiệm*****2.1. Mục đích******2.2. Các loại xét nghiệm máu******2.3. Các phương pháp lấy máu******2.4. Những điểm cần lưu ý******2.5. Quy trình kỹ thuật*****3. Lấy nước tiểu làm xét nghiệm*****3.1. Các loại xét nghiệm nước tiểu******3.2. Cách lấy nước tiểu******3.3. Quy trình kỹ thuật lấy nước tiểu làm xét nghiệm*****4. Lấy phân làm xét nghiệm*****4.1. Mục đích******4.2. Áp dụng******4.3. Nhận định sơ bộ sự biến đổi màu sắc của phân******4.5. Quy trình kỹ thuật lấy phân làm xét nghiệm***

## **5. Lấy đờm làm xét nghiệm**

### ***5.1. Các loại xét nghiệm bệnh phẩm đờm***

### ***5.2. Sự thay đổi tính chất đờm***

### ***5.3. Một số lưu ý khi lấy bệnh phẩm đờm***

### ***5.4. Quy trình kỹ thuật lấy đờm làm xét nghiệm***

## **6. Lấy mủ làm xét nghiệm**

# **BÀI 9: QUY ĐỊNH VỀ GHI CHÉP QUẢN LÝ HỒ SƠ BỆNH ÁN VÀ CÁC BIỂU MẪU CHĂM SÓC**

**(Thời gian: 5 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các nguyên tắc ghi chép, sử dụng, bảo quản, lưu giữ hồ sơ bệnh án và các mẫu chăm sóc người bệnh.
2. Thực hiện được các nguyên tắc và quy định khi ghi chép, sử dụng, bảo quản hồ sơ người bệnh.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, thành thạo trong việc ghi chép quản lý hồ sơ bệnh án và các biểu mẫu chăm sóc.

## **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

### **1. Lý thuyết**

### **2. Mục đích**

### **3. Nguyên tắc sử dụng, ghi chép và bảo quản hồ sơ người bệnh**

### **4. Các thành phần của hồ sơ người bệnh**

### **5. Một số biểu mẫu ghi hồ sơ của người bệnh**

### **6. Bảo quản hồ sơ người bệnh**

### **7. Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án**

## **8. Phần thực hành**

### **BÀI 10: ĐÓN TIẾP NGƯỜI BỆNH, CHUYỂN VIỆN, XUẤT VIỆN**

**(Thời gian: 1 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các thủ tục hành chính khi người bệnh vào viện và quy trình đón tiếp người bệnh.
2. Thực hiện đúng quy trình khi tiếp đón người bệnh tại phòng khám/tại khoa điều trị, cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện, xuất viện.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, thành thạo trong việc đón tiếp người bệnh, chuyển viện, xuất viện.

#### **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

##### **1. Giới thiệu**

##### **2. Đón tiếp người bệnh**

*2.1. Các thủ tục hành chính khi người bệnh vào viện*

*2.2. Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ đón tiếp người bệnh*

*2.3. Quy trình đón tiếp người bệnh*

##### **3. Cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện**

*3.1. Các thủ tục cần thiết cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện*

*3.2. Dụng cụ và giấy tờ cần thiết cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện*

*3.3. Quy trình cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện*

##### **4. Cho người bệnh xuất viện**

*4.1. Các thủ tục cần thiết cho người bệnh xuất viện*

*4.2. Dụng cụ và giấy tờ cần thiết cho người bệnh xuất viện*

### ***4.3. Quy trình cho người bệnh xuất viện***

## **BÀI 11: TƯ THẾ NGHỈ NGƠI - TRỊ LIỆU THÔNG THƯỜNG**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày mục đích đặt người bệnh ở tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường, trường hợp áp dụng và không áp dụng đặt một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường.
2. Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật đặt bệnh nhân ở các tư thế trị liệu thông thường.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác và an toàn khi thực hiện kỹ thuật đặt bệnh nhân ở các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường.

### **II. NỘI DUNG BÀI (4)**

#### **1. Mục đích**

#### **2. Chuẩn bị người bệnh**

#### **3. Chuẩn bị dụng cụ**

#### **4. Các tư thế trị liệu thông thường**

##### ***4.1. Tư thế nằm ngửa thẳng***

##### ***4.2. Tư thế nằm ngửa đầu thấp nghiêng về một bên***

##### ***4.3. Tư thế nằm ngửa đầu hơi cao***

##### ***4.4. Tư thế nửa nằm nửa ngồi (Fowler)***

##### ***4.5. Tư thế nằm sấp***

##### ***4.6. Tư thế nằm nghiêng***

##### ***4.7. Một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu lồng ngực***

## **5. Giúp người bệnh ngồi dậy**

### **5.1. Mục đích**

### **5.2. Tiến hành**

## **BÀI 12: THỰC HÀNH DÙNG THUỐC CHO NGƯỜI BỆNH**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nội dung: kỹ năng cho người bệnh uống thuốc, kỹ thuật tiêm dưới da, kỹ thuật tiêm bắp, kỹ thuật tiêm tĩnh mạch.
2. Thực hiện được kỹ năng cho người bệnh uống thuốc, các kỹ thuật tiêm đúng quy trình.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, thành thạo trong việc thực hành dùng thuốc cho người bệnh.

### **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

#### **1. Giới thiệu**

#### **2. Kỹ năng cho người bệnh uống thuốc**

##### ***2.1. Nguyên tắc***

##### ***2.2. Các dạng thuốc dùng qua đường tiêu hóa***

##### ***2.3. Áp dụng***

##### ***2.4. Không áp dụng***

##### ***2.5. Những điểm cần lưu ý khi dùng thuốc qua đường tiêu hóa***

##### ***2.6. Tai biến khi dùng thuốc qua đường tiêu hóa và cách phòng tránh***

##### ***2.7. Quy trình thực hành kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc***



### **3. Kỹ thuật tiêm dưới da**

#### ***3.1. Áp dụng***

#### ***3.2. Không áp dụng***

#### ***3.3. Vị trí***

#### ***3.4. Tai biến***

#### ***3.5. Quy trình thực hành kỹ thuật tiêm dưới da***

### **4. Kỹ thuật tiêm bắp**

#### ***4.1. Áp dụng***

#### ***4.2. Không áp dụng***

#### ***4.3. Vị trí***

#### ***4.4. Tai biến***

#### ***4.5. Quy trình thực hành kỹ thuật tiêm bắp***

### **5. Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch**

#### ***5.1. Áp dụng***

#### ***5.2. Không áp dụng***

#### ***5.3. Vị trí***

#### ***5.4. Tai biến***

#### ***5.5. Quy trình thực hành kỹ thuật tiêm tĩnh mạch***

## **BÀI 13: KỸ THUẬT TRUYỀN DỊCH, TRUYỀN MÁU**

**(Thời gian: 9 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các mục đích, áp dụng, không áp dụng và nguyên tắc khi truyền dịch, truyền máu cho người bệnh.

2. Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật khi truyền dịch, truyền máu cho người bệnh.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác và an toàn trong việc truyền dịch, truyền máu cho người bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

### **1. Giới thiệu**

### **2. Kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch**

#### ***2.1. Mục đích***

#### ***2.2. Áp dụng***

#### ***2.3. Nguyên tắc***

***2.4. Những tác dụng không mong muốn có thể xảy ra khi truyền dịch vào tĩnh mạch ngoại biên***

#### ***2.5. Quy trình thực hành kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch.***

### **3. Kỹ thuật truyền máu**

#### ***3.1. Mục đích***

#### ***3.2. Áp dụng***

#### ***3.3. Không áp dụng***

#### ***3.4. Nguyên tắc truyền máu***

#### ***3.5. Các tai biến có thể xảy ra khi truyền máu***

***3.6. Quy trình thực hành kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch.***

## **BÀI 14: KỸ THUẬT CHĂM SÓC VẾT THƯƠNG VÀ ỐNG DẪN LƯU**

**(Thời gian: 9 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được phân loại vết thương, nguyên tắc cơ bản khi thực hiện kỹ năng chăm sóc vết thương.
2. Thực hiện kỹ thuật chăm sóc vết thương trên người bệnh đúng quy trình, bảo đảm an toàn.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, an toàn trong việc chăm sóc vết thương và ông dẫn lưu cho người bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

### **1. Giới thiệu**

### **2. Phân loại vết thương**

### **3. Nguyên tắc cơ bản khi thực hiện kỹ năng chăm sóc vết thương**

#### ***3.1. Nhận định tình trạng vết thương***

#### ***3.2. Nguyên tắc chăm sóc vết thương***

#### ***3.3. Nguyên tắc thay băng***

### **4. Một số loại dung dịch thường dùng rửa vết thương**

### **5. Đặc điểm và chỉ định của các loại băng vết thương**

### **6. Kỹ thuật chăm sóc vết thương sạch**

#### ***6.1. Nhận định***

#### ***6.2. Dụng cụ***

#### ***6.3. Các bước thực hiện***

### **7. Trường hợp vết thương bị nhiễm khuẩn**

#### ***7.1. Dấu hiệu và triệu chứng của nhiễm khuẩn vết thương***

#### ***7.2. Những vết thương đặc thù và có nguy cơ nhiễm khuẩn***

### **8. Kỹ thuật cắt chỉ vết thương**

**8.1. Nhận định****8.2. Dụng cụ****8.3. Các bước thực hiện****9. Kỹ thuật chăm sóc vết thương có dẫn lưu****9.1. Nhận định****9.2. Dụng cụ****9.3. Các bước thực hiện****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN****I. Phòng học chuyên môn hoá, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

- Học thực hành: Tại phòng Thực hành điều dưỡng.

**II. Trang thiết bị máy móc:**

- Mạng internet, máy tính, máy chiếu projector, Tivi, các thiết bị y tế có liên quan.

**III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: Phấn, bảng, bút dạ, giấy A0. Giáo trình, chương trình mô đun, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Học thực hành: Bảng kiểm thực hành, các mô hình điều dưỡng đa năng, các loại dụng cụ và vật tư y tế, các loại máy móc sử dụng trong y tế.

**IV. Các điều kiện khác: Không.****E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ****I. Nội dung****1. Kiến thức**

- Định nghĩa điều dưỡng theo ICN (International Council of Nurse), sơ lược lịch sử ngành điều dưỡng Thế giới và lịch sử ngành điều dưỡng Việt Nam qua các thời kỳ.

- Các nội dung “Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam”.

- Khái niệm, ý nghĩa của thực hành dựa trên bằng chứng; các bước áp dụng thực hành dựa trên bằng chứng vào chăm sóc người bệnh.

- Các mức độ loét tỳ đè, sử dụng được thang đo Braden để đánh giá mức độ nguy cơ loét tỳ đè của người bệnh.

- Các nguyên tắc ghi chép, sử dụng, bảo quản, lưu giữ hồ sơ bệnh án. Các thủ tục hành chính khi người bệnh vào viện và quy trình đón tiếp người bệnh.

- Mục đích đặt người bệnh ở tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường, trường hợp áp dụng và không áp dụng đặt một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường.

- Các nội dung về kỹ năng cho người bệnh uống thuốc, kỹ thuật tiêm dưới da, kỹ thuật tiêm bắp, kỹ thuật tiêm tĩnh mạch. Nguyên tắc khi truyền dịch, truyền máu cho người bệnh.

- Phân loại vết thương, nguyên tắc cơ bản khi thực hiện kỹ năng chăm sóc vết thương.

## **2. Kỹ năng**

- Thực hiện các chức năng của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.

- Áp dụng “Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam” vào thực hành chăm sóc người bệnh.

- Thực hiện các kỹ thuật theo dõi mạch, nhịp thở, huyết áp, thân nhiệt đúng quy trình, phù hợp với tình trạng người bệnh.

- Vận dụng quy trình điều dưỡng vào lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện chăm sóc người bệnh tại các khoa lâm sàng phù hợp với tình trạng người bệnh và thời điểm chăm sóc.

- Thực hiện chăm sóc loét tỳ đè độ I, II cho người bệnh theo đúng quy trình kỹ thuật và an toàn.

- Hướng dẫn cho người bệnh và gia đình người bệnh các biện pháp dự phòng loét tỳ đè.

- Thực hiện các nguyên tắc và quy định khi ghi chép, sử dụng, bảo quản hồ sơ người bệnh.

- Tiếp đón người bệnh, cho người bệnh chuyển khoa, chuyển viện, xuất viện.

- Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật đặt bệnh nhân ở các tư thế trị liệu thông thường, cho người bệnh uống thuốc, các kỹ thuật tiêm, truyền dịch, truyền máu, chăm sóc vết thương cho người bệnh.

### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Có khả năng làm việc độc lập trong thực hiện quy trình và xử lý các tình huống.

- Rèn luyện được tính chuyên cần, có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác. Trung thực trong công việc.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- + Số bài kiểm tra: 01 bài.

- + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm khách quan), kiểm tra một số nội dung

thực hành hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.

+ Số bài kiểm tra: 1 thực hành.

+ Hình thức kiểm tra: thực hiện quy trình điều dưỡng với bài kiểm tra thực hành.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

## **2. Thi kết thúc mô đun**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ I của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

## **I. Phạm vi áp dụng mô đun**

Chương trình môn học Điều dưỡng cơ sở 1 được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, đóng vai.

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

### **2. Đối với người học**

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về giờ học, làm đầy đủ các bài tập về nhà.

- Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định.

- Tích cực tham gia học tập, thực hành, thảo luận nhóm, quan sát, trả lời câu hỏi, tự nghiên cứu, xem giáo trình trước khi lên lớp, tự học.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Người học phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.

- Khi thực hiện kỹ thuật phải bảo đảm chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

## **IV. Tài liệu tham khảo**

1. TS Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 1. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.

2. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, tập



1. Hà Nội: NXB Y học; 2020.

3. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập

2. Hà Nội: NXB Y Học; 2020.

4. TS Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 2. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun:** Điều dưỡng cơ sở 2 (Basic Nursing 2).

**Mã mô đun:** 651420093.

**Thời gian thực hiện mô đun:** 55 giờ (lý thuyết: 14 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 39 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**

#### **I. Vị trí**

Đây là mô đun thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), mô đun được bố trí thực hiện trong học kỳ II.

#### **II. Tính chất**

Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được mục đích, áp dụng và không áp dụng của các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.
2. Trình bày được nguyên tắc chung của các quy trình kỹ thuật điều dưỡng.
3. Trình bày được các tai biến và biến chứng có thể xảy ra và cách xử trí khi thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật điều dưỡng trong mô đun.
2. Phát hiện và xử lý nhanh các tai biến có thể xảy ra khi tiến hành kỹ thuật.
3. Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản áp dụng trên mô hình.

4. Ứng dụng và lồng ghép được các kỹ thuật điều dưỡng trong quá trình chăm sóc người bệnh.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các nhiệm vụ điều dưỡng khi chăm sóc và theo dõi người bệnh.

2. Rèn luyện được tính chuyên cần, cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng và chính xác trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

### C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

#### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                    | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                             | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Bài 1: Các đường băng cơ bản và áp dụng                                                                                     | 7               | 2         |                    | 5                     |              |
|    | 1. Mục đích<br>2. Nguyên tắc<br>3. Các loại băng<br>3.1. Băng cuộn<br>3.2. Băng dính<br>3.3. Băng tam giác<br>3.4. Băng dải | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 4. Các đường băng cơ bản và áp dụng<br>4.1. Băng vòng<br>4.2. Băng rắn quần<br>4.3. Băng xoáy ốc<br>4.4. Băng chữ nhân      | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                                                                       | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 4.5. Băng số 8<br>4.6. Băng vòng gấp lại (băng hồi quy)                                                                                                                                                                        |                 |           |                    |                       |              |
|    | 5. Áp dụng 6 kiểu băng vào các vị trí cơ thể<br>5.1. Băng ngón tay<br>5.2. Băng bàn tay<br>5.3. Băng khuỷu tay<br>5.4. Băng vú<br>5.5. Băng vai<br>5.6. Băng ngực<br>5.7. Băng đầu<br>5.8. Băng bàn chân<br>5.9. Băng gót chân | 3,5             | 0,5       | 3                  |                       |              |
|    | 6. Băng tùy ứng<br>6.1. Băng đầu<br>6.2. Băng vai<br>6.3. Băng ngực<br>6.4. Băng khuỷu tay<br>6.5. Băng bàn tay<br>6.6. Băng bàn chân                                                                                          | 2,5             | 0,5       | 2                  |                       |              |
| 2  | Bài 2: Kỹ thuật hỗ trợ hô hấp và quản lý đường thở                                                                                                                                                                             | 7               | 2         |                    | 5                     |              |
|    | 1. Giới thiệu<br>2. Hút thông đường hô hấp                                                                                                                                                                                     | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                                          | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                   | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 2.1. Áp dụng<br>2.2. Nguyên tắc chung<br>2.3 Quy trình thực hành kỹ thuật                                                                                                                         |                 |           |                    |                       |              |
|    | 3. Cho người bệnh thở oxy<br>3.1. Các dấu hiệu triệu chứng của thiếu oxy<br>3.2. Nguyên tắc khi tiến hành liệu pháp oxy<br>3.3. Quy trình thực hành kỹ thuật                                      | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |
|    | 4. Kỹ thuật bóp bóng                                                                                                                                                                              | 4               | 1         |                    | 3                     |              |
|    |                                                                                                                                                                                                   |                 |           |                    |                       |              |
| 3  | Bài 3: Dinh dưỡng bệnh lý và hỗ trợ người bệnh ăn uống                                                                                                                                            | 9               | 4         |                    | 5                     |              |
|    | 1. Dinh dưỡng và nhu cầu dinh dưỡng<br>1.1. Khái niệm<br>1.2. Nhu cầu dinh dưỡng của con người                                                                                                    | 1               | 1         |                    |                       |              |
|    | 2. Các loại thực phẩm sử dụng ở Việt Nam<br>2.1. Sữa mẹ<br>2.2. Thức ăn chủ yếu<br>2.3. Thực phẩm cung cấp đạm (protein)<br>2.4. Thực phẩm cung cấp vitamin<br>2.5. Thực phẩm cung cấp năng lượng | 1               | 1         |                    |                       |              |

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                            | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                     | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 3. Nhu cầu dinh dưỡng của người bệnh<br>3.1. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn<br>3.2. Một số chế độ ăn theo trạng thái bệnh lý      | 1               | 1         |                    |                       |              |
|    | 4. Hỗ trợ người bệnh ăn uống<br>4.1. Hỗ trợ người bệnh ăn uống qua đường miệng<br>4.2. Cho người bệnh ăn qua ống thông mũi – dạ dày | 6               | 1         |                    | 5                     |              |
| 4  | Bài 4: Hút dịch dạ dày - Tá tràng                                                                                                   | 6               | 1         |                    | 5                     |              |
|    | 1. Mục đích<br>2. Chỉ định                                                                                                          | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 3. Chống chỉ định<br>4. Tai biến                                                                                                    | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 5. Quy trình kỹ thuật<br>5.1. Chuẩn bị bệnh nhân<br>5.2. Chuẩn bị dụng cụ<br>5.3. Các bước tiến hành                                | 6               | 1         |                    | 5                     |              |
| 5  | Bài 5: Kỹ thuật rửa dạ dày                                                                                                          | 6               | 1         |                    | 5                     |              |
|    | 1. Mục đích                                                                                                                         | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 2. Các trường hợp áp dụng<br>3. Không áp dụng                                                                                       | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                              | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                       | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 4. Quy trình kỹ thuật<br>4.1. Chuẩn bị bệnh nhân<br>4.2. Chuẩn bị dụng cụ<br>4.3. Các bước tiến hành                                                  | 5,5             | 0,5       |                    | 5                     |              |
|    | 5. Những điều cần lưu ý                                                                                                                               | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
| 6  | Bài 6: Chăm sóc bài tiết                                                                                                                              | 11              | 2         |                    | 9                     |              |
|    | 1. Đại cương<br>2. Mục đích                                                                                                                           | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 3. Chỉ định, chống chỉ định                                                                                                                           | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 4. Thông tiểu – dẫn lưu nước tiểu<br>4.1. Một số lưu ý khi thông tiểu – dẫn lưu nước tiểu<br>4.2. Quy trình kỹ thuật đặt thông tiểu dẫn lưu nước tiểu | 10              | 1         |                    | 9                     |              |
|    | Bài 7: Phụ giúp thầy thuốc chọc dịch não tủy, màng bụng, màng phổi, màng tim                                                                          | 7               | 2         |                    | 5                     |              |
|    | 1. Mục đích<br>1.1. Chẩn đoán bệnh<br>1.2. Điều trị                                                                                                   | 0,25            | 0,25      |                    |                       |              |
|    | 2. Chọc dò màng tim<br>2.1. Chuẩn bị người bệnh<br>2.2. Chuẩn bị dụng cụ<br>2.3. Tiến hành                                                            | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                      | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                               | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 2.4. Tai biến và cách chăm sóc                                                                                                                |                 |           |                    |                       |              |
|    | 3. Chọc dò màng phổi<br>3.1. Chuẩn bị người bệnh<br>3.2. Chuẩn bị dụng cụ:<br>3.3. Tiến hành<br>3.4. Tai biến và cách chăm sóc                | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |
|    | 4. Phụ giúp bác sỹ chọc dò màng bụng<br>4.1. Chuẩn bị người bệnh<br>4.2. Chuẩn bị dụng cụ<br>4.3. Tiến hành<br>4.4. Tai biến và cách chăm sóc | 1,25            | 0,25      |                    | 1                     |              |
|    | 5. Chọc tủy sống<br>5.1. Chuẩn bị người bệnh<br>5.2. Chuẩn bị dụng cụ<br>5.3. Tiến hành<br>5.4. Tai biến và cách chăm sóc                     | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |
| 8  | Kiểm tra định kỳ                                                                                                                              | 1               |           |                    |                       | 1            |
| 9  | Thi kết thúc mô đun                                                                                                                           | 1               |           |                    |                       | 1            |
|    | <b>Cộng</b>                                                                                                                                   | <b>55</b>       | <b>14</b> |                    | <b>39</b>             | <b>2</b>     |

### NỘI DUNG CHI TIẾT

#### BÀI 1: CÁC ĐƯỜNG BẰNG CƠ BẢN VÀ ÁP DỤNG



(Thời gian: 7 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích, nguyên tắc sử dụng băng cuộn. Liệt kê được 6 đường băng cơ bản và các vị trí áp dụng của mỗi đường băng.
2. Thực hiện được 6 đường băng cơ bản vào các vị trí tổn thương khác nhau trên cơ thể đúng quy trình kỹ thuật.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, hỗ trợ hình thành đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng.

**II. NỘI DUNG BÀI (3)****1. Mục đích****2. Nguyên tắc****3. Các loại băng****3.1. Băng cuộn****3.2. Băng dính****3.3. Băng tam giác****3.4. Băng dải****4. Các đường băng cơ bản và áp dụng****4.1. Băng vòng****4.2. Băng rắn quấn****4.3. Băng xoay ốc****4.4. Băng chữ nhân****4.5. Băng số 8****4.6. Băng vòng gấp lại (băng hồi quy)****5. Áp dụng 6 kiểu băng vào các vị trí cơ thể****5.1. Băng ngón tay****5.2. Băng bàn tay**

**5.3. Băng khuỷu tay****5.4. Băng vú****5.5. Băng vai****5.6. Băng ngực****5.7. Băng đầu****5.8. Băng bàn chân****5.9. Băng gót chân****6. Băng tùy ứng****6.1. Băng đầu****6.2. Băng vai****6.3. Băng ngực****6.4. Băng khuỷu tay****6.5. Băng bàn tay****6.6. Băng bàn chân****BÀI 2: KỸ THUẬT HỖ TRỢ HÔ HẤP VÀ QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỞ****(Thời gian: 7 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Nhận biết được các trường hợp người bệnh cần phải hút thông đường hô hấp, thở oxy, bóp bóng.
2. Thực hiện hiệu quả các kỹ thuật hút thông đường hô hấp, thở oxy, bóp bóng giúp thở.
3. Thể hiện được thái độ khẩn trương, chính xác, an toàn khi thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ hô hấp.

**II. NỘI DUNG BÀI (2)****1. Giới thiệu****2. Hút thông đường hô hấp**

**2.1. Áp dụng****2.2. Nguyên tắc chung****2.3 Quy trình thực hành kỹ thuật****3. Cho người bệnh thở oxy****3.1. Các dấu hiệu triệu chứng của thiếu oxy****3.2. Nguyên tắc khi tiến hành liệu pháp oxy****3.3. Quy trình thực hành kỹ thuật****4. Kỹ thuật bóp bóng****BÀI 3: DINH DƯỠNG BỆNH LÝ VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI BỆNH ĂN UỐNG****(Thời gian: 9 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng và nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn, một số chế độ ăn bệnh lý.

2. Thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ người bệnh ăn uống bảo đảm đúng quy trình, an toàn và phù hợp với tình trạng người bệnh. Hướng dẫn được gia đình người bệnh hỗ trợ người bệnh ăn/uống phù hợp với người bệnh và theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

3. Rèn luyện được được tính ân cần, chu đáo, an toàn, chính xác khi thực hiện các kỹ thuật cho người bệnh ăn uống.

**II. NỘI DUNG BÀI (4)****1. Dinh dưỡng và nhu cầu dinh dưỡng****1.1. Khái niệm****1.2. Nhu cầu dinh dưỡng của con người****2. Các loại thực phẩm sử dụng ở Việt Nam****2.1. Sữa mẹ****2.2. Thức ăn chủ yếu****2.3. Thực phẩm cung cấp đạm (protid)**

***2.4. Thực phẩm cung cấp vitamin***

***2.5. Thực phẩm cung cấp năng lượng***

**3. Nhu cầu dinh dưỡng của người bệnh**

***3.1. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn***

***3.2. Một số chế độ ăn theo trạng thái bệnh lý***

**4. Hỗ trợ người bệnh ăn uống**

***4.1. Hỗ trợ người bệnh ăn uống qua đường miệng***

***4.2. Cho người bệnh ăn qua ống thông mũi – dạ dày***

## **BÀI 4: HÚT DỊCH DẠ DÀY - TÁ TRÀNG**

**(Thời gian: 6 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định của hút dịch dạ dày, tá tràng.
2. Thực hiện được cách tiến hành hút dịch dạ dày, tá tràng đúng quy trình kỹ thuật.
3. Thể hiện được thái độ khẩn trương, chính xác, an toàn khi thực hiện kỹ thuật hút dịch dạ dày tá tràng cho người bệnh.

### **II. NỘI DUNG BÀI (4)**

**1. Mục đích**

**2. Chỉ định**

**3. Chống chỉ định**

**4. Tai biến**

**5. Quy trình kỹ thuật**

***5.1. Chuẩn bị bệnh nhân***

***5.2. Chuẩn bị dụng cụ***

***5.3. Các bước tiến hành***

## **BÀI 5: KỸ THUẬT RỬA DẠ DÀY**

**(Thời gian: 6 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích, các trường hợp áp dụng và không áp dụng rửa dạ dày.
2. Thực hiện được cách tiến hành rửa dạ dày đúng quy trình kỹ thuật.
3. Thể hiện được thái độ khấn trương, chính xác, an toàn khi thực hiện kỹ thuật rửa dạ dày cho người bệnh

### **II. NỘI DUNG BÀI (4)**

#### **1. Mục đích**

#### **2. Các trường hợp áp dụng**

#### **3. Không áp dụng**

#### **4. Quy trình kỹ thuật**

##### ***4.1. Chuẩn bị bệnh nhân***

##### ***4.2. Chuẩn bị dụng cụ***

##### ***4.3. Các bước tiến hành***

#### **5. Những điều cần lưu ý**

## **BÀI 6: CHĂM SÓC BÀI TIẾT**

**(Thời gian: 11 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Nhận định được nhu cầu của người bệnh về áp dụng các biện pháp chăm sóc bài tiết.
2. Thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ bài tiết, thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu bảo đảm đúng quy trình, an toàn và phù hợp với tình trạng người bệnh.
3. Thể hiện được thái độ chính xác, an toàn khi thực hiện kỹ thuật dẫn lưu nước tiểu cho người bệnh.

## II. NỘI DUNG BÀI (2)

### 1. Đại cương

### 2. Mục đích

### 3. Chỉ định, chống chỉ định

### 4. Thông tiêu – dẫn lưu nước tiểu

#### 4.1. Một số lưu ý khi thông tiêu – dẫn lưu nước tiểu

#### 4.2. Quy trình kỹ thuật đặt thông tiêu dẫn lưu nước tiểu

## BÀI 7: PHỤ GIÚP THẦY THUỐC CHỌC DỊCH NÃO TỦY, MÀNG BỤNG, MÀNG PHỔI, MÀNG TIM

(Thời gian: 7 giờ)

## I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mục đích, nguyên tắc, tai biến, cách phòng và xử trí các tai biến khi chọc dịch.
2. Thực hiện phụ giúp được bác sĩ chọc dò đúng quy trình kỹ thuật.
3. Thể hiện được thái độ chính xác, an toàn khi thực hiện kỹ thuật phụ giúp bác sĩ chọc dò cho người bệnh.

## II. NỘI DUNG BÀI (3)

### 1. Mục đích

#### 1.1. Chẩn đoán bệnh

#### 1.2. Điều trị

### 2. Chọc dò màng tim

#### 2.1. Chuẩn bị người bệnh

#### 2.2. Chuẩn bị dụng cụ

#### 2.3. Tiến hành

#### 2.4. Tai biến và cách chăm sóc

### 3. Chọc dò màng phổi

**3.1. Chuẩn bị người bệnh****3.2. Chuẩn bị dụng cụ****3.3. Tiến hành****3.4. Tai biến và cách chăm sóc****4. Phụ giúp bác sỹ chọc dò màng bụng****4.1. Chuẩn bị người bệnh****4.2. Chuẩn bị dụng cụ****4.3. Tiến hành****4.4. Tai biến và cách chăm sóc****5. Chọc tủy sống****5.1. Chuẩn bị người bệnh****5.2. Chuẩn bị dụng cụ****5.3. Tiến hành****5.4. Tai biến và cách chăm sóc****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN****I. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.
- Học thực hành: Tại phòng Thực hành điều dưỡng.

**II. Trang thiết bị máy móc:**

Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, các thiết bị y tế có liên quan.

**III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: Phần, bảng, bút dạ, giấy A0. Giáo trình, chương trình mô đun, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.
- Học thực hành: Bảng kiểm thực hành, các mô hình điều dưỡng đa năng, các loại dụng cụ và vật tư y tế, các loại máy móc sử dụng trong y tế.

**IV. Các điều kiện khác: Không**

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Mục đích, áp dụng và không áp dụng của các quy trình kỹ thuật các đường băng cơ bản, hỗ trợ hô hấp, hỗ trợ người bệnh ăn uống, hút dịch dạ dày, rửa dạ dày, thông tiêu, phục giúp bác sỹ chọn lọc.

- Nhu cầu dinh dưỡng của con người, nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn.

- Nguyên tắc khi thực hiện các kỹ thuật băng cuộn, thở oxy, hút thông đường hô hấp, đặt sonde dạ dày, hút dịch dạ dày, rửa dạ dày, thông tiêu, phục giúp bác sỹ chọn lọc.

-.

- Các tai biến và biến chứng có thể xảy ra và cách xử trí khi thực hiện các quy trình kỹ thuật băng cuộn, thở oxy, hút thông đường hô hấp, đặt sonde dạ dày, hút dịch dạ dày, rửa dạ dày, thông tiêu, phục giúp bác sỹ chọn lọc.

#### **2. Kỹ năng**

- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng băng cuộn, thở oxy, hút thông đường hô hấp, đặt sonde dạ dày, hút dịch dạ dày, rửa dạ dày, thông tiêu, phục giúp bác sỹ chọn lọc áp dụng trên mô hình.

- Phát hiện và xử lý nhanh các tai biến có thể xảy ra khi tiến hành kỹ thuật băng cuộn, thở oxy, hút thông đường hô hấp, đặt sonde dạ dày, hút dịch dạ dày, rửa dạ dày, thông tiêu, phục giúp bác sỹ chọn lọc.

- Tư vấn giáo dục sức khỏe về vấn đề dinh dưỡng cho người bệnh.

- Hướng dẫn người bệnh/người nhà lấy mẫu bệnh phẩm nước tiêu thông thường.

#### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Thực hiện đúng y đức và bảo đảm đúng kỹ thuật và vô khuẩn.

- Có khả năng làm việc độc lập trong thực hiện quy trình và xử lý các tình huống.

### **II. Phương pháp**



## **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.

+ Số bài kiểm tra: 1 thực hành.

+ Hình thức kiểm tra: thực hiện quy trình điều dưỡng với bài kiểm tra thực hành.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

## **2. Thi kết thúc mô đun**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ II của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

### **I. Phạm vi áp dụng mô đun**

Chương trình mô đun Điều dưỡng cơ sở 2 được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, đóng vai.

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

#### **2. Đối với người học**

- Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định;

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về giờ học và làm đầy đủ các bài tập về nhà;

- Sinh viên cần hoàn thành quy trình kỹ thuật về điều dưỡng cơ sở sau khi kết thúc một bài học và Nhà giáo có đánh giá kết quả của quy trình đó.

- Sinh viên tìm hiểu trước giáo trình Điều dưỡng cơ sở 2, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Khi thực hiện kỹ thuật phải bảo đảm chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

#### **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, tập 1. Hà Nội: NXB Y học; 2020.
2. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, Tập 2. Hà Nội: NXB Y Học; 2020.
3. Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 1. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.
4. Đỗ Đình Xuân. Điều dưỡng cơ bản, Tập 2. Bộ Y tế: NXB Y học; 2007.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun:** Kiểm soát nhiễm khuẩn (Infection Control).

**Mã mô đun:** 651120073.

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ (lý thuyết: 14 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**

#### **I. Vị trí**

Đây là mô đun thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), mô đun được bố trí thực hiện trong học kỳ I.

#### **II. Tính chất**

Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được khái niệm, nguy cơ nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế đối với người bệnh và nhân viên y tế.
2. Trình bày được phân loại các phương pháp phòng ngừa, mục đích, nguyên tắc và các nội dung phòng ngừa chuẩn.
3. Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán, nguyên tắc và các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Thực hiện được những biện pháp phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Thực hành được các biện pháp phòng ngừa viêm phổi bệnh viện, nhiễm khuẩn vết mổ, nhiễm khuẩn tiết niệu do đặt thông tiểu, nhiễm khuẩn huyết trên người bệnh đặt Catheter trong lòng mạch.

## II. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành thái độ đúng đắn, tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc về kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hiện nhiệm vụ NVYT.

2. Bảo đảm an toàn cho NVYT, người bệnh và cộng đồng trong thực hiện chăm sóc và theo dõi người bệnh.

## C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                            | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                     | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Bài 1: Tổng quan về nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế                                         | 1               | 1         |                    |                       |              |
|    | 1. Khái niệm nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế                                                | 1/3             | 1/3       |                    |                       |              |
|    | 2. Những thách thức về công tác KSNK                                                                |                 |           |                    |                       |              |
|    | 3. Nhiễm khuẩn bệnh viện đối với người bệnh và NVYT<br>3.1. Đối với người bệnh<br>3.2. Đối với NVYT | 1/3             | 1/3       |                    |                       |              |
|    | 4. Nguyên nhân dẫn đến nhiễm khuẩn liên quan đến CSYT                                               | 1/3             | 1/3       |                    |                       |              |

|   |                                                                                                                                                                                                                            |      |      |  |     |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|-----|--|
|   | 4.1. Đối với người bệnh<br>4.2. Đối với NVYT<br>5. Hậu quả của NKBV                                                                                                                                                        |      |      |  |     |  |
| 2 | Bài 2: Khái quát về phòng ngừa chuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh                                                                                                                                                  | 1    | 1    |  |     |  |
|   | 1. Phân loại các phương pháp phòng ngừa<br>1.1. Phòng ngừa chuẩn (PNC)<br>1.2. Phòng ngừa lây truyền qua đường không khí<br>1.3. Phòng ngừa lây truyền qua đường giọt bắn<br>1.4. Phòng ngừa lây truyền qua đường tiếp xúc | 0.5  | 0.5  |  |     |  |
|   | 2. Mục đích, nguyên tắc và nội dung Phòng ngừa chuẩn<br>2.1. Mục đích PNC<br>2.2. Máu và các chất tiết của cơ thể có thể truyền tác nhân gây bệnh<br>2.3. Các thực hành PNC                                                | 0.5  | 0.5  |  |     |  |
| 3 | Bài 3: Vệ sinh tay                                                                                                                                                                                                         | 3    | 1    |  | 2   |  |
|   | 1. Vệ sinh tay thường quy<br>1.1. Mục đích<br>1.2. Phương tiện vệ sinh tay<br>1.3. Thời điểm vệ sinh tay thường quy<br>1.4. Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy                                                                | 1.5  | 0.5  |  | 1   |  |
|   | 2. Sát khuẩn tay bằng dung dịch chứa cồn<br>2.1. Mục đích<br>2.2. Những nơi cần trang bị dung dịch sát khuẩn tay nhanh                                                                                                     | 0.75 | 0.25 |  | 0.5 |  |

|   |                                                                         |      |      |  |     |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------|------|------|--|-----|--|
|   | 2.3. Chỉ định                                                           |      |      |  |     |  |
|   | 2.4. Quy trình                                                          |      |      |  |     |  |
|   | 3. Vệ sinh tay ngoại khoa                                               |      |      |  |     |  |
|   | 3.1. Mục đích                                                           | 0.75 | 0.25 |  | 0.5 |  |
|   | 3.2. Chỉ định                                                           |      |      |  |     |  |
|   | 3.3. Nội dung thực hiện                                                 |      |      |  |     |  |
| 4 | Bài 4: Phương tiện phòng hộ cá nhân                                     | 5    | 1    |  | 4   |  |
|   | 1. Nguyên tắc chung về cách sử dụng các PTPHCN                          | 0.5  | 0.5  |  |     |  |
|   | 2. Lựa chọn các PTPHCN                                                  |      |      |  |     |  |
|   | 3. Sử dụng các PTPHCN                                                   |      |      |  |     |  |
|   | 3.1. Sử dụng găng                                                       |      |      |  |     |  |
|   | 3.2. Mang khẩu trang y tế                                               | 4.5  | 0.5  |  | 4   |  |
|   | 3.3. Sử dụng kính bảo hộ, mạng che mặt                                  |      |      |  |     |  |
|   | 3.4. Mặc áo bảo hộ, tạp dề                                              |      |      |  |     |  |
| 5 | Bài 5: Vệ sinh hô hấp và sắp xếp người bệnh                             | 2    | 1    |  | 1   |  |
|   | 1. Mục đích                                                             |      |      |  |     |  |
|   | 2. Áp dụng                                                              | 1,5  | 0,5  |  | 1   |  |
|   | 3. Thực hiện quy tắc vệ sinh hô hấp                                     |      |      |  |     |  |
|   | 4. Thực hiện quy tắc sắp xếp người bệnh                                 | 0,5  | 0,5  |  |     |  |
| 6 | Bài 6: Xử lý dụng cụ y tế để tái sử dụng                                | 5    | 1    |  | 4   |  |
|   | 1. Giải thích từ ngữ                                                    |      |      |  |     |  |
|   | 2. Phân loại dụng cụ và phương pháp tiệt khuẩn/ khử khuẩn của Spaulding | 4,5  | 0,5  |  | 4   |  |
|   | 3. Lựa chọn hóa chất khử khuẩn mức độ cao                               | 0,25 | 0,25 |  |     |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                          |      |      |  |   |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|---|--|
|   | 4. Lựa chọn hóa chất tiết khuẩn                                                                                                                                                                                                                          |      |      |  |   |  |
|   | 5. Kiểm soát chất lượng tiết khuẩn                                                                                                                                                                                                                       | 0,25 | 0,25 |  |   |  |
|   | 6. Bảo quản dụng cụ vô khuẩn                                                                                                                                                                                                                             |      |      |  |   |  |
|   | 7. Thời hạn sử dụng các dụng cụ tiết khuẩn                                                                                                                                                                                                               |      |      |  |   |  |
| 7 | Bài 7: Xử lý đồ vải                                                                                                                                                                                                                                      | 1    | 1    |  |   |  |
|   | 1. Mục đích<br>2. Quy định chung về phân loại và thu gom đồ vải<br>3. Phương tiện                                                                                                                                                                        | 0,5  | 0,5  |  |   |  |
|   | 4. Quy trình thu gom đồ vải tại buồng bệnh<br>5. Quy trình xử lý đồ vải tại nhà giặt                                                                                                                                                                     | 0,5  | 0,5  |  |   |  |
| 8 | Bài 8: Vệ sinh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, hướng dẫn vệ sinh môi trường bề mặt                                                                                                                                                                 | 4    | 1    |  | 3 |  |
|   | 1. Mục đích<br>2. Nguy cơ lây truyền bệnh từ môi trường bề mặt và phân loại môi trường bề mặt trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh<br>2.1. Nguy cơ lây truyền bệnh từ môi trường bề mặt<br>2.2. Phân loại môi trường bề mặt trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | 1,25 | 0,25 |  | 1 |  |
|   | 3. Quy định thực hành vệ sinh môi trường bề mặt trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh<br>3.1. Quy định chung về làm sạch/ khử khuẩn môi trường bề mặt                                                                                                     | 1,5  | 0,5  |  | 1 |  |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |      |  |   |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|---|--|
|    | 3.2. Quy định làm sạch/ khử khuẩn môi trường bề mặt tại một số khu vực đặc biệt                                                                                                                                                                                                                                                           |      |      |  |   |  |
|    | 3.3. Kỹ thuật vệ sinh môi trường bề mặt<br>3.4. Giám sát, kiểm tra chất lượng vệ sinh môi trường                                                                                                                                                                                                                                          | 1,25 | 0,25 |  | 1 |  |
| 9  | Bài 9: Quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3    | 1    |  | 2 |  |
|    | 1. Phân định chất thải y tế<br>1.1. Chất thải y tế nguy hại<br>1.2. Chất thải rắn thông thường<br>1.3. Khí thải<br>1.4. Chất thải lỏng không nguy hại<br>1.5. Nước thải y tế                                                                                                                                                              | 1,5  | 0,5  |  | 1 |  |
|    | 2. Quy định về phân loại, mã màu sắc, bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế<br>2.1. Nguyên tắc phân loại<br>2.2. Quy định về mã màu sắc<br>2.3. Quy định về túi đựng chất thải<br>2.4. Quy định về dụng cụ đựng chất thải sắc nhọn<br>2.5. Quy định về thùng đựng chất thải<br>2.6. Quy định về biểu tượng chỉ loại chất thải | 1,5  | 0,5  |  | 1 |  |
| 10 | Bài 10: Hướng dẫn phòng ngừa viêm phổi bệnh viện                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3    | 1    |  | 2 |  |
|    | 1. Sinh bệnh học<br>1.1. Tác nhân gây bệnh<br>1.2. Các đường vào của VSV gây bệnh<br>1.3. Yếu tố nguy cơ                                                                                                                                                                                                                                  | 0,5  | 0,5  |  |   |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |     |  |   |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|    | 2. Các biện pháp phòng ngừa viêm phổi bệnh viện<br>2.1. Huấn luyện, đào tạo<br>2.2. Giám sát<br>2.3. Khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ hỗ trợ hô hấp<br>2.4. Phòng ngừa lây nhiễm do NVYT<br>2.5. Chăm sóc người bệnh hôn mê, phòng ngừa viêm phổi do hít phải<br>2.6. Chăm sóc người bệnh có đặt nội khí quản, mở khí quản, thông khí hỗ trợ khác<br>2.7. Chăm sóc đường hô hấp cho người bệnh hậu phẫu<br>2.8. Các biện pháp dự phòng khác | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
| 11 | Bài 11: Hướng dẫn phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3   | 1   |  | 2 |  |
|    | 1. Khái niệm về nhiễm khuẩn vết mổ<br>2. Sinh bệnh học và yếu tố nguy cơ<br>2.1. Tác nhân gây bệnh<br>2.2. Nguồn tác nhân gây bệnh và cơ chế lây truyền<br>2.3. Các yếu tố nguy cơ gây nhiễm khuẩn vết mổ                                                                                                                                                                                                                                | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
|    | 3. Các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát<br>3.1. Nguyên tắc chung<br>3.2. Các biện pháp phòng ngừa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
| 12 | Bài 12: Phòng ngừa nhiễm khuẩn tiết niệu do đặt thông tiểu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3   | 1   |  | 2 |  |
|    | 1. Tác nhân, đường lây truyền và yếu tố nguy cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0,5 | 0,5 |  |   |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |      |  |   |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|---|--|
|    | 1.1. Tác nhân gây nhiễm khuẩn tiết niệu<br>1.2. Các đường lây truyền dẫn đến nhiễm khuẩn tiết niệu<br>1.3. Các yếu tố nguy cơ gây nhiễm khuẩn tiết niệu                                                                                                                                            |      |      |  |   |  |
|    | 2. Hướng dẫn thực hành phòng ngừa nhiễm khuẩn tiết niệu do đặt ống thông tiểu<br>2.1. Sử dụng ống thông tiểu phù hợp<br>2.2. Lưu ý khi đặt ống thông tiểu<br>2.3. Chăm sóc vô khuẩn người bệnh có lưu ống thông tiểu<br>2.4. Lựa chọn chất liệu ống thông tiểu<br>2.5. Lấy mẫu bệnh phẩm nước tiểu | 2,5  | 0,5  |  | 2 |  |
| 13 | Bài 13: Phòng ngừa nhiễm khuẩn huyết trên người bệnh đặt Catheter trong lòng mạch                                                                                                                                                                                                                  | 4    | 1    |  | 3 |  |
|    | 1. Khái niệm về nhiễm khuẩn huyết trên người bệnh có đặt Catheter<br>2. Sinh bệnh học<br>2.1. Sinh bệnh học và yếu tố nguy cơ có liên quan yếu tố người bệnh<br>2.2. Tác nhân gây bệnh và đường lây truyền<br>2.3. Phân loại catheter theo vị trí đặt                                              | 0,25 | 0,25 |  |   |  |
|    | 3. Biện pháp phòng ngừa<br>3.1. Giáo dục, đào tạo nhân viên y tế<br>3.2. Lựa chọn vị trí và chăm sóc loại catheter<br>3.3. Vệ sinh tay và kỹ thuật vô khuẩn<br>3.4. Phương tiện vô khuẩn khi đặt catheter                                                                                          | 1,25 | 0,25 |  | 1 |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |      |  |   |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|---|--|
|    | 3.5. Chuẩn bị vùng đặt catheter                                                                                                                                                                                                                                                               |      |      |  |   |  |
|    | 3.6. Thay gạc che phủ tại vị trí đặt catheter<br>3.7. Vệ sinh da người bệnh<br>3.8. Những loại catheter được thiết kế đặt biệt<br>3.9. Sử dụng kháng sinh dự phòng toàn thân<br>3.10. Thuốc chống đông                                                                                        | 1,25 | 0,25 |  | 1 |  |
|    | 3.11. Thay thế đường truyền và hệ thống tiêm truyền<br>3.12. Loại vật liệu catheter<br>3.13. Nguyên tắc vô khuẩn khi đặt và chăm sóc catheter<br>3.14. Kiểm soát việc pha chế dịch truyền<br>3.15. Vô khuẩn khi chia liều thuốc<br>3.16. Giám sát<br>3.17. Thực hiện những biện pháp cải tiến | 1,25 | 0,25 |  | 1 |  |
| 14 | Bài 14: Tổng quan về tiêm an toàn                                                                                                                                                                                                                                                             | 5    | 1    |  | 4 |  |
|    | 1. Sinh bệnh học nhiễm khuẩn đường máu do tiêm không an toàn<br>1.1. Vi rút viêm gan B<br>1.2. Vi rút viêm gan C<br>1.3. Vi rút gây suy giảm miễn dịch ở người                                                                                                                                | 0,25 | 0,25 |  |   |  |
|    | 2. Các nhóm nguyên tắc trong Tiêm an toàn<br>3. Mô tả các nguyên tắc trong Tiêm an toàn<br>3.1. Thực hiện 5 đúng                                                                                                                                                                              | 2,25 | 0,25 |  | 2 |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |      |  |   |   |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|---|---|
|    | 3.2. Vô khuẩn<br>3.3. Kiến thức người đi tiêm<br>3.4. Chuẩn bị xe tiêm<br>3.5. Vệ sinh và xử lý chất thải<br>3.6. Ghi chép hồ sơ bệnh án                                                                                                                                                                                                                                                             |      |      |  |   |   |
|    | 4. Các nhóm giải pháp chính<br>5. Các giải pháp cụ thể<br>5.1. Giảm hoặc loại bỏ các mũi tiêm không cần thiết<br>5.2. Bảo đảm đầy đủ các phương tiện, dụng cụ, thuốc cho kỹ thuật tiêm<br>5.3. Tiêm phòng vắc xin cho nhân viên y tế<br>5.4. Tăng cường kiến thức về TAT và KSNK<br>5.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát<br>5.6. Tuân thủ (nguyên tắc) thực hành đúng quy trình kỹ thuật tiêm | 1,25 | 0,25 |  | 1 |   |
|    | 6. Xử trí tai nạn rủi ro nghề nghiệp do phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể<br>6.1. Sơ cứu ngay sau phơi nhiễm<br>6.2. Báo cáo người phụ trách và làm biên bản<br>6.3. Đánh giá nguy cơ phơi nhiễm<br>6.4. Xác định tình trạng HIV của nguồn gây phơi nhiễm<br>6.5. Xác định tình trạng HIV của người bị phơi nhiễm<br>6.6. Tư vấn và điều trị sau phơi nhiễm                                          | 1,25 | 0,25 |  | 1 |   |
| 15 | Kiểm tra định kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1    |      |  |   | 1 |
| 16 | Thi kết thúc mô đun                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1    |      |  |   | 1 |

|  |             |           |           |  |           |          |
|--|-------------|-----------|-----------|--|-----------|----------|
|  | <b>Cộng</b> | <b>45</b> | <b>14</b> |  | <b>29</b> | <b>2</b> |
|--|-------------|-----------|-----------|--|-----------|----------|

## **NỘI DUNG CHI TIẾT**

### **BÀI 1: TỔNG QUAN VỀ NHIỄM KHUẨN LIÊN QUAN ĐẾN CHĂM SÓC Y TẾ**

**(Thời gian: 1 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm và nguy cơ nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế đối với người bệnh và NVYT.
2. Thực hiện được các giải pháp tăng cường công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
3. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc người bệnh.

#### **II. NỘI DUNG BÀI (1)**

- 1. Khái niệm nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế**
- 2. Những thách thức về công tác KSNK**
- 3. Nhiễm khuẩn bệnh viện đối với người bệnh và NVYT**
  - 3.1. Đối với người bệnh*
  - 3.2. Đối với NVYT*
- 4. Nguyên nhân dẫn đến nhiễm khuẩn liên quan đến CSYT**
- 5. Hậu quả của NKBV**

### **BÀI 2: KHÁI QUÁT VỀ PHÒNG NGỪA CHUẨN TRONG CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

**(Thời gian: 1 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích, nguyên tắc và các nội dung phòng ngừa chuẩn.
2. Thực hành được nội dung phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh.

3. Nhận thức được tầm quan trọng của phòng ngừa chuẩn trong chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

### **1. Phân loại các phương pháp phòng ngừa**

#### ***1.1. Phòng ngừa chuẩn (PNC)***

#### ***1.2. Phòng ngừa lây truyền qua đường không khí***

#### ***1.3. Phòng ngừa lây truyền qua đường giọt bắn***

#### ***1.4. Phòng ngừa lây truyền qua đường tiếp xúc***

### **2. Mục đích, nguyên tắc và nội dung PNC**

#### ***2.1. Mục đích PNC***

#### ***2.2. Máu và các chất tiết của cơ thể có thể truyền tác nhân gây bệnh***

#### ***2.3. Các thực hành PNC***

## **BÀI 3: VỆ SINH TAY**

**(Thời gian: 3 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích, phương tiện, quy trình vệ sinh tay thường quy, sát khuẩn tay bằng dung dịch chứa cồn và vệ sinh tay ngoại khoa.

2. Thực hiện được quy trình vệ sinh tay thường quy, sát khuẩn tay bằng dung dịch chứa cồn và vệ sinh tay ngoại khoa.

3. Tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc về kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

### **1. Vệ sinh tay thường quy**

#### ***1.1. Mục đích***

#### ***1.2. Phương tiện vệ sinh tay***

#### ***1.3. Thời điểm vệ sinh tay thường quy***

**1.4. Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy****2. Sát khuẩn tay bằng dung dịch chứa cồn****2.1. Mục đích****2.2. Những nơi cần trang bị dung dịch sát khuẩn tay nhanh****2.3. Chỉ định****2.4. Quy trình****3. Vệ sinh tay ngoại khoa****3.1. Mục đích****3.2. Chỉ định****3.3. Nội dung thực hiện****BÀI 4: PHƯƠNG TIỆN PHÒNG HỘ CÁ NHÂN****(Thời gian: 5 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích và chỉ định mang các phương tiện phòng hộ cá nhân (PTPHCN).
2. Thực hiện được quy trình mang và tháo các phương tiện phòng hộ cá nhân.
3. Tuân thủ các nguyên tắc về sử dụng PTPHCN trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc người bệnh.

**II. NỘI DUNG BÀI****1. Nguyên tắc chung về cách sử dụng các PTPHCN****2. Lựa chọn các PTPHCN****3. Sử dụng các PTPHCN****3.1. Sử dụng găng****3.2. Mang khẩu trang y tế****3.3. Sử dụng kính bảo hộ, mạng che mặt****3.4. Mặc áo bảo hộ, tạp dề**



## **BÀI 5: VỆ SINH HÔ HẤP VÀ SẮP XẾP NGƯỜI BỆNH**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích, quy tắc vệ sinh hô hấp và sắp xếp người bệnh.
2. Thực hành được vệ sinh hô hấp và sắp xếp người bệnh.
3. Tuân thủ các nguyên tắc về vệ sinh hô hấp và sắp xếp người bệnh trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc người bệnh.

### **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

#### **1. Mục đích**

#### **2. Áp dụng**

#### **3. Thực hiện quy tắc vệ sinh hô hấp**

#### **4. Thực hiện quy tắc sắp xếp người bệnh**

## **BÀI 6: XỬ LÝ DỤNG CỤ Y TẾ ĐỂ TÁI SỬ DỤNG**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các khái niệm về khử nhiễm, làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ y tế.
2. Thực hiện được làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ y tế theo đúng quy trình.
3. Tuân thủ các nguyên tắc về xử lý dụng cụ y tế để tái sử dụng trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc người bệnh.

### **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

#### **1. Giải thích từ ngữ**

#### **2. Phân loại dụng cụ và phương pháp tiệt khuẩn/ khử khuẩn của Spaulding**

#### **3. Lựa chọn hóa chất khử khuẩn mức độ cao**

4. Lựa chọn hóa chất tiết khuẩn
5. Kiểm soát chất lượng tiết khuẩn
6. Bảo quản dụng cụ vô khuẩn
7. Thời hạn sử dụng các dụng cụ tiết khuẩn

## **BÀI 7: XỬ LÝ ĐỒ VẢI**

(Thời gian: 1 giờ)

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích, quy định chung về phân loại và thu gom đồ vải.
2. Thực hiện được quy trình thu gom, xử lý và bảo quản đồ vải tại các cơ sở y tế.
3. Tuân thủ các nguyên tắc về xử lý đồ vải để tái sử dụng.

### **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

1. Mục đích
2. Quy định chung về phân loại và thu gom đồ vải
3. Phương tiện
4. Quy trình thu gom đồ vải tại buồng bệnh
5. Quy trình xử lý đồ vải tại nhà giặt

## **BÀI 8: VỆ SINH TRONG CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH, HƯỚNG DẪN VỆ SINH MÔI TRƯỜNG BỀ MẶT**

(Thời gian: 4 giờ)

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích, nguyên tắc và các dụng cụ cần thiết phục vụ vệ sinh bề mặt trong các cơ sở y tế.
2. Thực hiện được quy trình kỹ thuật vệ sinh môi trường bề mặt.
3. Tuân thủ các nguyên tắc về vệ sinh bề mặt trong các cơ sở y tế.

### **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

## **1. Mục đích**

**2. Nguy cơ lây truyền bệnh từ môi trường bề mặt và phân loại môi trường bề mặt trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

*2.1. Nguy cơ lây truyền bệnh từ môi trường bề mặt*

*2.2. Phân loại môi trường bề mặt trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh*

**3. Quy định thực hành vệ sinh môi trường bề mặt trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

*3.1. Quy định chung về làm sạch/ khử khuẩn môi trường bề mặt*

*3.2. Quy định làm sạch/ khử khuẩn môi trường bề mặt tại một số khu vực đặc biệt*

*3.3. Kỹ thuật vệ sinh môi trường bề mặt*

*3.4. Giám sát, kiểm tra chất lượng vệ sinh môi trường*

## **BÀI 9: QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ TRONG PHẠM VI KHUÔN VIÊN CƠ SỞ Y TẾ**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được phân định chất thải y tế.
2. Thực hiện được phân loại, mã màu sắc, bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế.
3. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải y tế.

### **II. NỘI DUNG BÀI (4)**

#### **1. Phân định chất thải y tế**

*1.1. Chất thải y tế nguy hại*

*1.2. Chất thải rắn thông thường*

*1.3. Khí thải*

*1.4. Chất thải lỏng không nguy hại*

### ***1.5. Nước thải y tế***

**2. Quy định về phân loại, mã màu sắc, bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế**

#### ***2.1. Nguyên tắc phân loại***

#### ***2.2. Quy định về mã màu sắc***

#### ***2.3. Quy định về túi đựng chất thải***

#### ***2.4. Quy định về dụng cụ đựng chất thải sắc nhọn***

#### ***2.5. Quy định về thùng đựng chất thải***

#### ***2.6. Quy định về biểu tượng chỉ loại chất thải***

## **BÀI 10: HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA VIÊM PHỔI BỆNH VIỆN**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, dịch tễ viêm phổi bệnh viện, tác nhân gây bệnh và đường xâm nhập vào cơ thể.

2. Thực hiện được dự phòng yếu tố nguy cơ và biện pháp phòng ngừa viêm phổi bệnh viện.

3. Tuân thủ các quy định nhằm phòng ngừa viêm phổi bệnh viện.

### **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

#### **1. Sinh bệnh học**

##### ***1.1. Tác nhân gây bệnh***

##### ***1.2. Các đường vào của VSV gây bệnh***

##### ***1.3. Yếu tố nguy cơ***

#### **2. Các biện pháp phòng ngừa viêm phổi bệnh viện**

##### ***2.1. Huấn luyện, đào tạo***

##### ***2.2. Giám sát***

##### ***2.3. Khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ hỗ trợ hô hấp***

**2.4. Phòng ngừa lây nhiễm do NVYT**

**2.5. Chăm sóc người bệnh hôn mê, phòng ngừa viêm phổi do hít phải**

**2.6. Chăm sóc người bệnh có đặt nội khí quản, mở khí quản, thông khí hỗ trợ khác**

**2.7. Chăm sóc đường hô hấp cho người bệnh hậu phẫu**

**2.8. Các biện pháp dự phòng khác**

## **BÀI 11: HƯỚNG DẪN PHÒNG NGỪA NHIỄM KHUẨN VẾT MỒ**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, tiêu chuẩn chẩn đoán, tình hình mắc và hậu quả nhiễm khuẩn vết mổ.
2. Thực hiện được các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ.
3. Tuân thủ các quy định nhằm phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ.

### **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

#### **1. Khái niệm về nhiễm khuẩn vết mổ**

#### **2. Sinh bệnh học và yếu tố nguy cơ**

##### **2.1. Tác nhân gây bệnh**

##### **2.2. Nguồn tác nhân gây bệnh và cơ chế lây truyền**

##### **2.3. Các yếu tố nguy cơ gây nhiễm khuẩn vết mổ**

#### **3. Các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát**

##### **3.1. Nguyên tắc chung**

##### **3.2. Các biện pháp phòng ngừa**

## **BÀI 12: PHÒNG NGỪA NHIỄM KHUẨN TIẾT NIỆU DO ĐẶT THÔNG TIÊU**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, tác nhân, đường lây truyền và yếu tố nguy cơ gây nên nhiễm khuẩn tiết niệu.

2. Hướng dẫn thực hành được phòng ngừa nhiễm khuẩn tiết niệu ở người bệnh có đặt ống thông tiểu.

3. Tuân thủ các quy định nhằm phòng ngừa nhiễm khuẩn tiết niệu ở người bệnh có đặt ống thông tiểu.

## **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

### **1. Tác nhân, đường lây truyền và yếu tố nguy cơ**

#### ***1.1. Tác nhân gây nhiễm khuẩn tiết niệu***

#### ***1.2. Các đường lây truyền dẫn đến nhiễm khuẩn tiết niệu***

#### ***1.3. Các yếu tố nguy cơ gây nhiễm khuẩn tiết niệu***

### **2. Hướng dẫn thực hành phòng ngừa nhiễm khuẩn tiết niệu do đặt ống thông tiểu**

#### ***2.1. Sử dụng ống thông tiểu phù hợp***

#### ***2.2. Lưu ý khi đặt ống thông tiểu***

#### ***2.3. Chăm sóc vô khuẩn người bệnh có lưu ống thông tiểu***

#### ***2.4. Lựa chọn chất liệu ống thông tiểu***

#### ***2.5. Lấy mẫu bệnh phẩm nước tiểu***

## **BÀI 13: PHÒNG NGỪA NHIỄM KHUẨN HUYẾT TRÊN NGƯỜI BỆNH ĐẶT CATHETER TRONG LÒNG MẠCH**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, tác nhân gây bệnh và đường gây nhiễm khuẩn huyết trên người bệnh có đặt catheter lòng mạch.

2. Thực hiện được các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn huyết trên người bệnh có đặt catheter trong lòng mạch.

3. Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn huyết trên người bệnh có đặt catheter trong lòng mạch.

## **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

### **1. Khái niệm về nhiễm khuẩn huyết trên người bệnh có đặt Catheter**

### **2. Sinh bệnh học**

#### ***2.1. Sinh bệnh học và yếu tố nguy cơ có liên quan yếu tố người bệnh***

#### ***2.2. Tác nhân gây bệnh và đường lây truyền***

#### ***2.3. Phân loại catheter theo vị trí đặt***

### **3. Biện pháp phòng ngừa**

#### ***3.1. Giáo dục, đào tạo nhân viên y tế***

#### ***3.2. Lựa chọn vị trí và chăm sóc loại catheter***

#### ***3.3. Vệ sinh tay và kỹ thuật vô khuẩn***

#### ***3.4. Phương tiện vô khuẩn khi đặt catheter***

#### ***3.5. Chuẩn bị vùng đặt catheter***

#### ***3.6. Thay gạc che phủ tại vị trí đặt catheter***

#### ***3.7. Vệ sinh da người bệnh***

#### ***3.8. Những loại catheter được thiết kế đặt biệt***

#### ***3.9. Sử dụng kháng sinh dự phòng toàn thân***

#### ***3.10. Thuốc chống đông***

#### ***3.11. Thay thế đường truyền và hệ thống tiêm truyền***

#### ***3.12. Loại vật liệu catheter***

#### ***3.13. Nguyên tắc vô khuẩn khi đặt và chăm sóc catheter***

#### ***3.14. Kiểm soát việc pha chế dịch truyền***

#### ***3.15. Vô khuẩn khi chia liều thuốc***

#### ***3.16. Giám sát***

### ***3.17. Thực hiện những biện pháp cải tiến***

## **BÀI 14: TỔNG QUAN VỀ TIÊM AN TOÀN**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm và 6 nhóm giải pháp tăng cường thực hành tiêm an toàn.
2. Thực hành được nội dung của 6 giải pháp tiêm an toàn và quy trình xử trí tai nạn rủi ro nghề nghiệp do phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể.
3. Tuân thủ được các nguyên tắc thực hành trong tiêm an toàn.

### **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

#### **1. Sinh bệnh học nhiễm khuẩn đường máu do tiêm không an toàn**

##### ***1.1. Vi rút viêm gan B***

##### ***1.2. Vi rút viêm gan C***

##### ***1.3. Vi rút gây suy giảm miễn dịch ở người***

#### **2. Các nhóm nguyên tắc trong Tiêm an toàn**

#### **3. Mô tả các nguyên tắc trong Tiêm an toàn**

##### ***3.1. Thực hiện 5 đúng***

##### ***3.2. Vô khuẩn***

##### ***3.3. Kiến thức người đi tiêm***

##### ***3.4. Chuẩn bị xe tiêm***

##### ***3.5. Vệ sinh và xử lý chất thải***

##### ***3.6. Ghi chép hồ sơ bệnh án***

#### **4. Các nhóm giải pháp chính**

#### **5. Các giải pháp cụ thể**

##### ***5.1. Giảm hoặc loại bỏ các mũi tiêm không cần thiết***

##### ***5.2. Bảo đảm đầy đủ các phương tiện, dụng cụ, thuốc cho kỹ thuật tiêm***



**5.3. Tiêm phòng vắc xin cho nhân viên y tế**

**5.4. Tăng cường kiến thức về TAT và KSNK**

**5.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát**

**5.6. Tuân thủ (nguyên tắc) thực hành đúng quy trình kỹ thuật tiêm**

**6. Xử trí tai nạn rủi ro nghề nghiệp do phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể**

**6.1. Sơ cứu ngay sau phơi nhiễm**

**6.2. Báo cáo người phụ trách và làm biên bản**

**6.3. Đánh giá nguy cơ phơi nhiễm**

**6.4. Xác định tình trạng HIV của nguồn gây phơi nhiễm**

**6.5. Xác định tình trạng HIV của người bị phơi nhiễm**

**6.6. Tư vấn và điều trị sau phơi nhiễm**

## **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.
- Học thực hành: Tại phòng Thực hành điều dưỡng.

### **II. Trang thiết bị, máy móc**

- Máy vi tính, Tivi, các thiết bị y tế có liên quan.

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: Phấn, bảng, Giấy Ao, A4, bút lông, bút chì, nam châm. Giáo trình và chương trình mô đun, các tài liệu tham khảo chuyên ngành, ....
- Học thực hành: Bảng kiểm thực hành, các mô hình điều dưỡng đa năng, các loại dụng cụ và vật tư y tế, các loại máy móc sử dụng trong y tế.

### **IV. Các điều kiện khác**

Các cơ sở y tế, phòng khám đa khoa có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác kiểm soát nhiễm khuẩn để người học rèn luyện nâng cao tay nghề.

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Các khái niệm, nguy cơ nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế đối với người bệnh và nhân viên y tế.
- Phân loại các phương pháp phòng ngừa: Phòng ngừa chuẩn (PNC), phòng ngừa lây truyền qua đường không khí, phòng ngừa lây truyền qua đường giọt bắn, phòng ngừa lây truyền qua đường tiếp xúc.
- Mục đích, nguyên tắc và các nội dung phòng ngừa chuẩn: Vệ sinh tay, PTPHCN, vệ sinh hô hấp, xử lý đồ vải, vệ sinh môi trường,...
- Khái niệm: Làm sạch, khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ y tế để tái sử dụng; phân loại dụng cụ của Spaulding và phương pháp tiệt khuẩn/ khử khuẩn.
- Các tiêu chuẩn chẩn đoán, nguyên tắc và các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.
- Phân định và quy định về phân loại, mã màu sắc, bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế.
- Tổng quan tiêm an toàn, quy trình xử trí sau phơi nhiễm với máu hoặc dịch cơ thể và tai nạn rủi ro do mũi kim tiêm.

#### **2. Kỹ năng**

- Thực hiện biện pháp phòng ngừa lây truyền bệnh qua đường tiếp xúc, đường giọt bắn và đường không khí.
- Thực hiện kỹ thuật: VST thường quy, sát khuẩn tay bằng dung dịch chứa cồn, VST ngoại khoa, vệ sinh hô hấp, xử lý đồ vải và sử dụng các phương tiện phòng hộ cá nhân.
- Thực hành quy trình vệ sinh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hành biện pháp phòng ngừa viêm phổi bệnh viện, nhiễm khuẩn vết mổ, nhiễm khuẩn tiết niệu do đặt thông tiểu, nhiễm khuẩn huyết trên người bệnh đặt Catheter trong lòng mạch.

- Thực hành quy trình tiêm/ truyền bảo đảm nguyên tắc về tiêm an toàn và thực hiện được phân loại chất thải rắn y tế theo quy định.

### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Tuân thủ nghiêm túc các quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn nhằm làm giảm nhiễm khuẩn liên quan đến cơ sở y tế.

- Rèn luyện khả năng làm việc độc lập trong thực hiện quy trình và xử lý sau phơi nhiễm với máu/ dịch cơ thể/ tai nạn rủi ro do kim tiêm.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.

+ Số bài kiểm tra: 1 thực hành.

+ Hình thức kiểm tra: Thực hiện quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn với bài kiểm tra thực hành.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

### **2. Thi kết thúc mô đun**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ I của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

### **I. Phạm vi áp dụng mô đun**

Chương trình mô đun Kiểm soát nhiễm khuẩn được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học....

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

## **2. Đối với người học**

- Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định;
- Chấp hành nghiêm túc các quy định về giờ học và làm đầy đủ các bài tập về nhà;
- Sinh viên cần hoàn thành quy trình kỹ thuật về kiểm soát nhiễm khuẩn sau khi kết thúc một bài học và Nhà giáo có đánh giá kết quả của quy trình đó.
- Sinh viên tìm hiểu trước giáo trình Kiểm soát nhiễm khuẩn, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Khái niệm, nguy cơ nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế đối với người bệnh và nhân viên y tế;
- Nội dung phòng ngừa chuẩn và các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp;
- Quy trình VST, vệ sinh hô hấp, sử dụng các phương tiện phòng hộ cá nhân, tiêu an toàn và thực hiện được phân loại chất thải rắn y tế theo quy định.

## **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo “Phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”. Hà Nội: Bộ Y tế; 2017.
2. Bộ Y tế. Quyết định số 3671/QĐ- BYT ngày 27/9/2012 về việc phê duyệt các Hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn. Hà Nội: Bộ Y tế; 2012.
3. Bộ Y tế. Quyết định số 3916/QĐ- BYT ngày 28/8/2017 về việc phê duyệt các Hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Hà Nội: Bộ Y tế; 2017.
4. Bộ Y tế. Thông tư số 20/2021/TT- BYT ngày 26/11/2021 quy định về Quản

lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Hà Nội: Bộ Y tế; 2021.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1 (Adult Internal Medical Nursing 1).

**Mã môn học:** 651430172.

**Thời gian thực hiện môn học:** 52 giờ (lý thuyết: 49 giờ; thảo luận, bài tập: 0 giờ; kiểm tra: 2 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ II.

#### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được triệu chứng và cách chăm sóc một số bệnh nội khoa, truyền nhiễm thường gặp.

2. Phân tích được các vấn đề cần ưu tiên và sự liên quan giữa môi trường sống với một số bệnh nội khoa, bệnh truyền nhiễm thường gặp.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Nhận định, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa, truyền nhiễm thường gặp ở người lớn.

2. Giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình phát huy những thói quen có lợi, loại bỏ những thói quen không có lợi trong quá trình chăm sóc.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Tự giác, chủ động, mạnh dạn tiếp xúc với người bệnh, với cộng đồng; tự tin trong truyền thông giao tiếp, giáo dục sức khỏe cho người bệnh.

2. Có tinh thần học tập tích cực, tự học, tự nghiên cứu, tham gia có hiệu quả các hoạt động học tập.

### C. NỘI DUNG MÔN HỌC

#### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên chương, mục                                         | Thời gian (giờ) |           |                   |                       |              |
|----|---------------------------------------------------------|-----------------|-----------|-------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                         | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Chăm sóc một số bệnh thường gặp của hệ hô hấp | 4               | 4         |                   |                       |              |
|    | 1. Những triệu chứng cơ năng thường gặp của hệ hô hấp   | 1               | 1         |                   |                       |              |
|    | 2. Những triệu chứng thực thể thường gặp của hệ hô hấp  | 1               | 1         |                   |                       |              |



|   |                                                                                                                                                                            |   |   |  |  |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--|--|
|   | <p>3. Chăm sóc một số bệnh thường gặp</p> <p>3.1. CSNB hen phế quản</p> <p>3.2. CSNB viêm phổi</p> <p>3.4. CSNB bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)</p>                    | 2 | 2 |  |  |  |
| 2 | Chương 2: Chăm sóc một số bệnh thường gặp của hệ tim mạch                                                                                                                  | 4 | 4 |  |  |  |
|   | 1. Một số triệu chứng thường gặp của hệ tim mạch                                                                                                                           | 2 | 2 |  |  |  |
|   | <p>2. Chăm sóc một số bệnh lý thường gặp</p> <p>2.1. CSBN tăng huyết áp</p> <p>2.2. CSBN suy tim</p> <p>2.3. CSBN đau thắt ngực</p> <p>2.4. CSBN tai biến mạch máu não</p> | 2 | 2 |  |  |  |
| 3 | Chương 3: Chăm sóc một số bệnh thường gặp của hệ tiêu hóa                                                                                                                  | 4 | 4 |  |  |  |
|   | 1. Một số triệu chứng thường gặp của hệ tiêu hóa                                                                                                                           | 2 | 2 |  |  |  |
|   | 2. Chăm sóc một số bệnh lý thường gặp                                                                                                                                      | 2 | 2 |  |  |  |

|   |                                                                                                                                   |   |   |  |  |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--|--|
|   | 2.1. CSBN loét dạ dày- tá tràng<br>2.2. CSBN xuất huyết tiêu hóa<br>2.3. CSBN xơ gan                                              |   |   |  |  |  |
| 4 | Chương 4: Chăm sóc một số bệnh thường gặp của hệ tiết niệu                                                                        | 4 | 4 |  |  |  |
|   | 1. Một số triệu chứng thường gặp của hệ tiết niệu                                                                                 | 2 | 2 |  |  |  |
|   | 2. Chăm sóc một số bệnh lý thường gặp<br>2.1. CSBN suy thận mạn                                                                   | 2 | 2 |  |  |  |
| 5 | Chương 5: Một số bệnh thường gặp của hệ nội tiết                                                                                  | 4 | 4 |  |  |  |
|   | 1. Đái tháo đường<br>1.1. Định nghĩa<br>1.2. Nguyên nhân<br>1.3. Triệu chứng<br>1.4. Biến chứng<br>1.5. Điều trị<br>1.6. Chăm sóc | 1 | 1 |  |  |  |
|   | 2. Bệnh lý tuyến giáp<br>2.1. CSNB Basedow                                                                                        | 3 | 3 |  |  |  |

|   |                                                                                                                                                                |     |     |  |  |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|   | 2.2. CSNB suy giáp                                                                                                                                             |     |     |  |  |  |
| 6 | Chương 6: Một số bệnh thường gặp của hệ cơ, xương, khớp                                                                                                        | 3   | 3   |  |  |  |
|   | 1. CSNB viêm khớp dạng thấp                                                                                                                                    | 1,5 | 1,5 |  |  |  |
|   | 2. CSNB bệnh Gout                                                                                                                                              | 1,5 | 1,5 |  |  |  |
| 7 | Chương 7: Đại cương bệnh truyền nhiễm                                                                                                                          | 3   | 3   |  |  |  |
|   | 1. Các khái niệm<br>1.1. Bệnh truyền nhiễm<br>1.2. Hiện tượng nhiễm khuẩn<br>1.3. Bệnh sơ nhiễm<br>1.4. Bệnh tái nhiễm<br>1.5. Bệnh tái phát<br>1.6. Bội nhiễm | 1   | 1   |  |  |  |
|   | 2. Tính chất của bệnh truyền nhiễm<br>2.1. Tính đặc hiệu<br>2.2. Tính lây truyền<br>2.3. Tính chu kỳ<br>2.4. Tính sinh miễn dịch đặc hiệu                      | 1   | 1   |  |  |  |
|   | 3. Phân loại truyền nhiễm                                                                                                                                      | 1   | 1   |  |  |  |
|   |                                                                                                                                                                |     |     |  |  |  |
|   |                                                                                                                                                                |     |     |  |  |  |
|   |                                                                                                                                                                |     |     |  |  |  |
|   |                                                                                                                                                                |     |     |  |  |  |

|   |                                                                                                                                                                             |   |   |  |  |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|--|--|
|   | 3.1. Bệnh lây truyền theo đường tiêu hoá<br>3.2. Bệnh lây truyền theo đường hô hấp<br>3.3. Bệnh lây truyền theo đường da và niêm mạc<br>3.4. Bệnh lây truyền theo đường máu |   |   |  |  |  |
| 8 | Chương 8: Hội chứng tiêu chảy cấp, chăm sóc người bệnh bị tiêu chảy                                                                                                         | 3 | 3 |  |  |  |
|   | 1. Định nghĩa<br>2. Dịch tễ<br>3. Tác nhân gây bệnh<br>4. Sinh bệnh học của tiêu chảy<br>5. Tiêu chảy có khả năng gây thành vụ dịch do các nguyên nhân                      | 1 | 1 |  |  |  |
|   | 6. Chăm sóc người bệnh tả                                                                                                                                                   | 1 | 1 |  |  |  |
|   | 7. Chăm sóc người bệnh lỵ                                                                                                                                                   | 1 | 1 |  |  |  |
| 9 | Chương 9: Chăm sóc người bệnh cúm                                                                                                                                           | 3 | 3 |  |  |  |
|   | 1. Định nghĩa                                                                                                                                                               | 1 | 1 |  |  |  |

|    |                                                                     |     |     |  |  |  |
|----|---------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|    | 2. Mầm bệnh                                                         |     |     |  |  |  |
|    | 3. Bệnh cúm A thông thường                                          |     |     |  |  |  |
|    | 4. Bệnh cúm A(H1N1)                                                 | 1   | 1   |  |  |  |
|    | 5. Bệnh cúm A(H5N1)                                                 |     |     |  |  |  |
|    | 6. Chăm sóc                                                         | 1   | 1   |  |  |  |
| 10 | Chương 10: Chăm sóc người bệnh thủy đậu                             | 3   | 3   |  |  |  |
|    | 1. Định nghĩa                                                       | 1   | 1   |  |  |  |
|    | 2. Mầm bệnh                                                         |     |     |  |  |  |
|    | 3. Dịch tễ học                                                      |     |     |  |  |  |
|    | 4. Triệu chứng lâm sàng                                             |     |     |  |  |  |
|    | 5. Cận lâm sàng                                                     | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|    | 6. Biến chứng                                                       |     |     |  |  |  |
|    | 7. Chẩn đoán                                                        |     |     |  |  |  |
|    | 8. Điều trị                                                         |     |     |  |  |  |
|    | 9. Phòng bệnh                                                       | 1,5 | 1,5 |  |  |  |
|    | 10. Chăm sóc                                                        |     |     |  |  |  |
| 11 | Chương 11: Một số bệnh truyền nhiễm liên quan đến chương trình TCMR | 5   | 5   |  |  |  |
|    | 1. Bệnh Bại liệt polio                                              | 1   | 1   |  |  |  |

|    |                                                      |     |     |  |  |  |
|----|------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|    | 2. Bệnh Uốn ván                                      |     |     |  |  |  |
|    | 3. Bệnh Sởi                                          | 1   | 1   |  |  |  |
|    | 4. Bệnh Bạch hầu                                     |     |     |  |  |  |
|    | 5. Bệnh Ho gà                                        | 1   | 1   |  |  |  |
|    | 6. Bệnh Lao                                          |     |     |  |  |  |
|    | 7. Bệnh Viêm gan B                                   |     |     |  |  |  |
|    | 8. Bệnh Viêm phổi và Viêm màng não do Hib            | 1   | 1   |  |  |  |
|    | 9. Bệnh Viêm não Nhật Bản                            | 1   | 1   |  |  |  |
| 12 | Chương 12: Chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết Dengue | 3   | 3   |  |  |  |
|    | 1. Định nghĩa                                        |     |     |  |  |  |
|    | 2. Mầm bệnh                                          | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|    | 3. Dịch tễ                                           |     |     |  |  |  |
|    | 4. Diễn biến lâm sàng                                |     |     |  |  |  |
|    | 5. Chẩn đoán                                         |     |     |  |  |  |
|    | 6. Điều trị                                          | 1   | 1   |  |  |  |
|    | 7. Phòng bệnh                                        |     |     |  |  |  |
|    | 8. Chăm sóc                                          | 1,5 | 1,5 |  |  |  |
| 13 | Chương 13: Chăm sóc người bệnh Nhiễm HIV/AIDS        | 3   | 3   |  |  |  |

|    |                                                                                      |     |     |  |  |   |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|---|
|    | 1. Định nghĩa<br>2. Căn nguyên<br>3. Các đường lây truyền<br>4. Lâm sàng             | 1   | 1   |  |  |   |
|    | 5. Cận lâm sàng<br>6. Điều trị                                                       | 0,5 | 0,5 |  |  |   |
|    | 7. Các biện pháp phòng chống<br>8. Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS                     | 1,5 | 1,5 |  |  |   |
| 14 | Chương 14: Chăm sóc người bệnh sốt rét                                               | 3   | 3   |  |  |   |
|    | 1. Đại cương<br>2. Nguyên nhân gây bệnh<br>3. Dịch tễ học<br>4. Triệu chứng lâm sàng | 1   | 1   |  |  |   |
|    | 5. Xét nghiệm<br>6. Chẩn đoán<br>7. Điều trị                                         | 0,5 | 0,5 |  |  |   |
|    | 8. Phòng bệnh<br>9. Chăm sóc bệnh nhân sốt rét                                       | 1,5 | 1,5 |  |  |   |
| 15 | Kiểm tra định kỳ                                                                     | 2   |     |  |  | 2 |

|    |                      |           |           |  |  |          |
|----|----------------------|-----------|-----------|--|--|----------|
| 16 | Thi kết thúc môn học | 1         |           |  |  | 1        |
|    | <b>Cộng</b>          | <b>52</b> | <b>49</b> |  |  | <b>3</b> |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### CHƯƠNG 1: CHĂM SÓC MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP CỦA HỆ HÔ HẤP

(Thời gian: 4 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các triệu chứng cơ năng và triệu chứng thực thể thường gặp của bệnh lý hệ hô hấp.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân hen phế quản, viêm phổi, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD).
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

#### II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

1. Những triệu chứng cơ năng thường gặp của hệ hô hấp
2. Những triệu chứng thực thể thường gặp của hệ hô hấp
3. Chăm sóc một số bệnh thường gặp
  - 3.1. CSNB hen phế quản
  - 3.2. CSNB viêm phổi
  - 3.4. CSNB bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)

### CHƯƠNG 2: CHĂM SÓC MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP CỦA HỆ TIM MẠCH

(Thời gian: 4 giờ)



## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các triệu chứng thường gặp của bệnh lý hệ tim mạch.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp, suy tim, đau thắt ngực.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)**

### **1. Một số triệu chứng thường gặp của hệ tim mạch**

### **2. Chăm sóc một số bệnh lý thường gặp**

#### **2.1. CSBN tăng huyết áp**

#### **2.2. CSBN suy tim**

#### **2.3. CSBN đau thắt ngực**

## **CHƯƠNG 3: CHĂM SÓC MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP CỦA HỆ TIÊU HÓA**

**(Thời gian: 4 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các triệu chứng thường gặp của bệnh lý hệ tiêu hóa.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân loét dạ dày- tá tràng, xuất huyết tiêu hóa, xơ gan.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3)**

### **1. Một số triệu chứng thường gặp của hệ tiêu hóa**

## **2. Chăm sóc một số bệnh lý thường gặp**

### **2.1. CSBN loét dạ dày- tá tràng**

### **2.2. CSBN xuất huyết tiêu hóa**

### **2.3. CSBN xơ gan**

## **CHƯƠNG 4: CHĂM SÓC MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP CỦA HỆ TIẾT NIỆU**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các triệu chứng thường gặp của bệnh lý hệ tiết niệu.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân suy thận mạn.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)**

#### **1. Một số triệu chứng thường gặp của hệ tiết niệu**

#### **2. Chăm sóc một số bệnh lý thường gặp**

##### **2.1. CSBN suy thận mạn**

## **CHƯƠNG 5: CHĂM SÓC MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP CỦA HỆ NỘI TIẾT**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các triệu chứng thường gặp của bệnh đái tháo đường, bệnh Basedow, bệnh suy giáp.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân đái tháo đường, bệnh Basedow, bệnh suy giáp.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (5)**

### **1. Đái tháo đường**

#### ***1.1. Định nghĩa***

#### ***1.2. Nguyên nhân***

#### ***1.3. Triệu chứng***

#### ***1.4. Biến chứng***

#### ***1.5. Điều trị***

#### ***1.6. Chăm sóc***

### **2. Bệnh lý tuyến giáp**

#### **2.1. CSNB Basedow**

#### **2.2. CSNB suy giáp**

## **CHƯƠNG 6: CHĂM SÓC MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP CỦA HỆ CƠ, XƯƠNG, KHỚP**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các triệu chứng thường gặp của bệnh viêm khớp dạng thấp, bệnh Gout.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân viêm khớp dạng thấp, bệnh Gout.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (6)**

### **1. CSNB viêm khớp dạng thấp**

### **2. CSNB bệnh Gout**

## **CHƯƠNG 7: ĐẠI CƯƠNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các khái niệm, tính chất của bệnh truyền nhiễm và phân loại truyền nhiễm.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm.
3. Nâng cao nhận thức, tôn trọng các phong tục, tập quán và các yếu tố văn hoá của cá nhân và cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (7)**

### **1. Các khái niệm**

#### ***1.1. Bệnh truyền nhiễm***

#### ***1.2. Hiện tượng nhiễm khuẩn***

#### ***1.3. Bệnh sơ nhiễm***

#### ***1.4. Bệnh tái nhiễm***

#### ***1.5. Bệnh tái phát***

#### ***1.6. Bội nhiễm***

### **2. Tính chất của bệnh truyền nhiễm**

**2.1. Tính đặc hiệu****2.2. Tính lây truyền****2.3. Tính chu kỳ****2.4. Tính sinh miễn dịch đặc hiệu****3. Phân loại truyền nhiễm****3.1. Bệnh lây truyền theo đường tiêu hoá****3.2. Bệnh lây truyền theo đường hô hấp****3.3. Bệnh lây truyền theo đường da và niêm mạc****3.4. Bệnh lây truyền theo đường máu**

## **CHƯƠNG 8: HỘI CHỨNG TIÊU CHẢY CẤP, CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH BỊ TIÊU CHẢY**

**(Thời gian: 3 giờ)**

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa tiêu chảy cấp, dịch tễ học, tác nhân gây bệnh và triệu chứng lâm sàng của bệnh tiêu chảy, bệnh tả, lỵ.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh tả, lỵ.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (8)****1. Định nghĩa****2. Dịch tễ****3. Tác nhân gây bệnh****4. Sinh bệnh học của tiêu chảy**

**5. Tiêu chảy có khả năng gây thành vụ dịch do các nguyên nhân**

**6. Chăm sóc người bệnh tả**

**7. Chăm sóc người bệnh lỵ**

## **CHƯƠNG 9: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CÚM**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị và phòng bệnh bệnh cúm, cúm A(H1N1), cúm A (H5N1).

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cúm, cúm A(H1N1), cúm A (H5N1).

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (9)**

**1. Định nghĩa**

**2. Mầm bệnh**

**3. Bệnh cúm A thông thường**

**4. Bệnh cúm A (H1N1)**

**5. Bệnh cúm A (H5N1)**

**6. Chăm sóc**

## **CHƯƠNG 10: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH THỦY ĐẬU**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị và phòng bệnh thủy đậu.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân thủy đậu.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (10)**

- 1. Định nghĩa**
- 2. Mầm bệnh**
- 3. Dịch tễ học**
- 4. Triệu chứng lâm sàng**
- 5. Cận lâm sàng**
- 6. Biến chứng**
- 7. Chẩn đoán**
- 8. Điều trị**
- 9. Phòng bệnh**
- 10. Chăm sóc**

## **CHƯƠNG 11: MỘT SỐ BỆNH TRUYỀN NHIỄM LIÊN QUAN ĐẾN CHƯƠNG TRÌNH TCMR**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị và phòng bệnh truyền nhiễm liên quan đến chương trình TCMR.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm liên quan đến chương trình TCMR.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (11)**

**1. Bệnh bại liệt polio**

**2. Bệnh uốn ván**

**3. Bệnh sởi**

**4. Bệnh bạch hầu**

**5. Bệnh ho gà**

**6. Bệnh lao**

**7. Bệnh viêm gan B**

**8. Bệnh viêm phổi và viêm màng não do Hib**

**9. Bệnh viêm não Nhật Bản**

## **CHƯƠNG 12: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT DENGUE**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được bệnh học, dịch tễ học, phương pháp điều trị và dự phòng bệnh sốt xuất huyết Dengue.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.



## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (12)**

- 1. Định nghĩa**
- 2. Mầm bệnh**
- 3. Dịch tễ**
- 4. Diễn biến lâm sàng**
- 5. Chẩn đoán**
- 6. Điều trị**
- 7. Phòng bệnh**
- 8. Chăm sóc**

## **CHƯƠNG 13: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NHIỄM HIV/AIDS**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được tác nhân gây bệnh, đường lây, triệu chứng lâm sàng, các xét nghiệm CLS giúp chẩn đoán bệnh và biện pháp phòng lây nhiễm HIV/AIDS.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân AID.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (13)**

- 1. Định nghĩa**
- 2. Căn nguyên**
- 3. Các đường lây truyền**
- 4. Lâm sàng**
- 5. Cận lâm sàng**

- 6. Điều trị**
- 7. Các biện pháp phòng chống**
- 8. Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS**

## **CHƯƠNG 14: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SỐT RÉT**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

- 1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh, yếu tố dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, thuốc điều trị và biện pháp phòng chống sốt rét tại cộng đồng.
- 2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân sốt rét.
- 3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (14)**

- 1. Đại cương**
- 2. Nguyên nhân gây bệnh**
- 3. Dịch tễ học**
- 4. Triệu chứng lâm sàng**
- 5. Xét nghiệm**
- 6. Chẩn đoán**
- 7. Điều trị**
- 8. Phòng bệnh**
- 9. Chăm sóc bệnh nhân sốt rét**

### **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

- I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

## **II. Trang thiết bị máy móc**

- Mạng internet, máy vi tính, Ti vi.

## **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Phấn, bảng, Giấy Ao, A4, bút lông, bút chì, nam châm, giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành, ....

## **IV. Các điều kiện khác:**

Các cơ sở y tế, phòng khám đa khoa có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác khám, điều trị và chăm sóc người bệnh để người học rèn luyện nâng cao tay nghề.

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Các triệu chứng và cách chăm sóc một số bệnh nội khoa thường gặp ở hệ hô hấp: Hen phế quản, viêm phổi, COPD; hệ tim mạch: Tăng huyết áp, suy tim, tai biến mạch máu não; hệ tiêu hóa: Loét dạ dày- tá tràng, xuất huyết tiêu hóa, xơ gan; hệ tiết niệu: suy thận mạn; hệ nội tiết: Đái tháo đường, Basedow, suy giáp; hệ cơ xương khớp: Gout, viêm khớp dạng thấp.

- Các triệu chứng và cách chăm sóc một số bệnh truyền nhiễm thường gặp như: Bệnh tả, bệnh lỵ, bệnh cúm, bệnh thủy đậu, sốt xuất huyết Dengue, bệnh HIV/AIDS, bệnh sốt rét, ...

- Các vấn đề cần ưu tiên và sự liên quan giữa môi trường sống với một số bệnh nội khoa, bệnh truyền nhiễm thường gặp.

#### **2. Kỹ năng**

- Nhận định và xác định được những vấn đề cần ưu tiên chăm sóc trên mỗi người bệnh nội khoa, truyền nhiễm thường gặp.

- Đưa ra chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh nội khoa, truyền nhiễm thường gặp ở người lớn.

- Tư vấn, giáo dục sức khỏe, hướng dẫn người bệnh và gia đình phát huy những thói quen có lợi, loại bỏ những thói quen không có lợi trong quá trình chăm sóc.

### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Rèn luyện tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh nội khoa, truyền nhiễm thường gặp.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- + Số bài kiểm tra: 01 bài.

- + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

- + Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 2 bài.

- + Số bài kiểm tra: 2 bài lý thuyết.

- + Bài kiểm tra số 1:

- + Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận.

- + Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- + Bài kiểm tra số 2:

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận.

+ Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ phải được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

## **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ II của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1 được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, làm mẫu, đóng vai, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên, ...

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

## **2. Đối với người học**

- Nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.

- Sinh viên tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý:**

- Nhận định các vấn đề cần ưu tiên chăm sóc để đưa ra chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc một số bệnh nội khoa, bệnh truyền nhiễm thường gặp.

- Cung cấp kiến thức, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình về một số bệnh nội khoa, bệnh truyền nhiễm thường gặp.

## **IV. Tài liệu tham khảo**

1. TTUT.TS.BS. Ngô Huy Hoàng. Điều dưỡng nội khoa (Sách dùng đào tạo Cao đẳng điều dưỡng). Hà Nội: NXB Y học; 2015. 89-122 p.

2. TTUT.TS.BS. Ngô Huy Hoàng. Điều dưỡng nội khoa (Sách dùng đào tạo Cao đẳng điều dưỡng). Hà Nội: NXB Y học; 2015. 7-53p.

3. TTUT.TS.BS. Ngô Huy Hoàng. Điều dưỡng nội khoa (Sách dùng đào tạo Cao đẳng điều dưỡng). Hà Nội: NXB Y học; 2015. 145-76 p.

4. TTUT.TS.BS. Ngô Huy Hoàng. Điều dưỡng nội khoa (Sách dùng đào tạo Cao đẳng điều dưỡng). Hà Nội: NXB Y học; 2015. 200-11 p.

5. TS.Lê Văn An. Điều dưỡng nội (Tập 1). Hà Nội: NXB Y học; 2008. 183-95 p.
6. Ths Nguyễn Ngọc Huyền. Giáo trình điều dưỡng nội khoa. Thái Nguyên: NXB Đại học Thái Nguyên; 2019. 178-85 p.
7. BS. Nguyễn Thị Nga. Giáo trình điều dưỡng bệnh truyền nhiễm. Hà Nội: NXB Hà Nội; 2005.
8. Bộ Y tế. Tài liệu Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm. Hà Nội: NXB Y học; 2016. p. 73-8.
9. Bộ Y tế. Tài liệu Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm. Hà Nội: NXB Y học; 2016. p. 49-54.
10. Bộ Y tế. Tài liệu Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm. Hà Nội: NXB Y học; 2016. p. 22-5.
11. Bộ môn Truyền nhiễm. Giáo trình chăm sóc bệnh truyền nhiễm. Ninh Bình: Trường Cao đẳng Y tế Ninh Bình; 2019.
12. Bộ Y tế. Quyết định số 3705/QĐ-BYT ngày 22/8/2019 về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị sốt xuất huyết Dengue. Bộ Y tế: 2019.
13. Bộ Y tế. Tài liệu Hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS. Hà Nội: NXB Y học; 2019.
14. Bộ Y tế. Quyết định số 3377/QĐ ngày 30/8/2023 về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh Sốt rét. Hà Nội: NXB Y học; 2023.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**

**Tên môn học:** Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2 (Adult Internal Medical Nursing 2).

**Mã môn học:** 651430712.

**Thời gian thực hiện môn học:** 70 giờ (lý thuyết: 27 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 40 giờ; kiểm tra: 2 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ III.

#### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được đặc điểm tâm sinh lý, nguyên nhân, triệu chứng và phục hồi chức năng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

2. Trình bày được vai trò người điều dưỡng khi chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

3. Trình bày các khái niệm cơ bản, nguyên tắc vật lý trị liệu - phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật; mức độ khiếm khuyết, giảm chức năng và tàn tật thường gặp.



## II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
2. Thực hiện được một số kỹ thuật vật lý trị liệu - phục hồi chức năng thông thường cho người bệnh.
3. Thực hiện được GDSK cho người bệnh và người nhà bệnh nhân để phối hợp thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng tại cơ sở y tế và tại nhà.

## III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Tự giác, chủ động, cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng cơ bản; chăm sóc người cao tuổi.
2. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

## C. NỘI DUNG MÔN HỌC

### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên chương, mục                               | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-----------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                               | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Đặc điểm tâm sinh lý người cao tuổi | 2               | 2         |                    |                       |              |
|    | 1. Đại cương                                  | 0,2             | 0,2       |                    |                       |              |

|   |                                                                            |     |     |  |  |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|   | 2. Các thay đổi trong quá trình lão hóa                                    | 0,8 | 0,8 |  |  |  |
|   | 3. Các thay đổi tâm lý                                                     | 1   | 1   |  |  |  |
| 2 | Chương 2: Nguyên nhân triệu chứng một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi  | 4   | 4   |  |  |  |
|   | 1. Hệ tim mạch                                                             | 1   | 1   |  |  |  |
|   | 2. Gãy xương và sai khớp                                                   | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|   | 3. Bệnh hô hấp                                                             | 1   | 1   |  |  |  |
|   | 4. Bệnh tiêu hóa, tiết niệu                                                | 1   | 1   |  |  |  |
|   | 5. Bệnh hệ thần kinh trung ương                                            | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
| 3 | Chương 3: Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và vai trò của người điều dưỡng | 1   | 1   |  |  |  |
|   | 1. Quan niệm sức khỏe                                                      | 0,3 | 0,3 |  |  |  |
|   | 2. Một số lưu ý khi chăm sóc người lớn tuổi                                | 0,4 | 0,4 |  |  |  |
|   | 3. Vai trò người điều dưỡng khi chăm sóc người lớn tuổi                    | 0,3 | 0,3 |  |  |  |

|   |                                                                      |     |     |  |  |  |
|---|----------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
| 4 | Chương 4: Đại cương về phục hồi chức năng và cách phòng ngừa tàn tật | 2   | 2   |  |  |  |
|   | 1. Định nghĩa về phục hồi chức năng                                  | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|   | 2. Mục đích của phục hồi chức năng                                   | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|   | 3. Phạm vi của phục hồi chức năng                                    | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|   | 4. Nguyên tắc của phục hồi chức năng                                 | 0,3 | 0,3 |  |  |  |
|   | 5. Quá trình gây bệnh                                                | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|   | 6. Quá trình tàn tật                                                 | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|   | 7. Hậu quả của tàn tật                                               | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
|   | 8. Nguyên nhân và cách phân loại tàn tật                             | 0,3 | 0,3 |  |  |  |
|   | 9. Các biện pháp phòng ngừa tàn tật                                  | 0,2 | 0,2 |  |  |  |
| 5 | Chương 5: Vai trò của người Điều dưỡng trong phục hồi chức năng      | 1   | 1   |  |  |  |

|   |                                                                           |     |     |  |     |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|-----|--|
|   | 1. Định nghĩa và chức năng của nhóm phục hồi                              | 0,3 | 0,3 |  |     |  |
|   | 2. Vai trò của điều dưỡng viên trong phục hồi chức năng                   | 0,3 | 0,3 |  |     |  |
|   | 3. Quá trình hình thành ngành phục hồi chức năng                          | 0,4 | 0,4 |  |     |  |
| 6 | Chương 6: Các phương pháp vật lý trị liệu thường dùng                     | 12  | 4   |  | 8   |  |
|   | 1. Vận động trị liệu                                                      | 2,2 | 0,7 |  | 1,5 |  |
|   | 2. Hoạt động trị liệu                                                     | 2,2 | 0,7 |  | 1,5 |  |
|   | 3. Xoa bóp trị liệu                                                       | 2,2 | 0,7 |  | 1,5 |  |
|   | 4. Kéo nắn trị liệu                                                       | 2,2 | 0,7 |  | 1,5 |  |
|   | 5. Nhiệt trị liệu                                                         | 1,7 | 0,7 |  | 1   |  |
|   | 6. Ánh sáng trị liệu                                                      | 1,5 | 0,5 |  | 1   |  |
| 7 | Chương 7: Phục hồi chức năng cho người bệnh sau tai biến, sau chấn thương | 14  | 4   |  | 10  |  |
|   | 1. Định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và hậu quả của liệt nửa người     | 0,5 | 0,5 |  | 0   |  |

|   |                                                                      |     |     |  |    |  |
|---|----------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|----|--|
|   | 2. Chăm sóc PHCN cho người bệnh liệt nửa người                       | 0,5 | 0,5 |  | 0  |  |
|   | 3. Các bài tập giai đoạn đầu                                         | 2,5 | 0,5 |  | 2  |  |
|   | 4. PHCN giai đoạn tiếp theo                                          | 2,5 | 0,5 |  | 2  |  |
|   | 5. PHCN sinh hoạt                                                    | 2,5 | 0,5 |  | 2  |  |
|   | 6. PHCN tiếng                                                        | 2,5 | 0,5 |  | 2  |  |
|   | 7. PHCN tâm lý, tâm thần                                             | 2,5 | 0,5 |  | 2  |  |
|   | 8. Tái hòa nhập xã hội và hướng nghiệp                               | 0,5 | 0,5 |  | 0  |  |
| 8 | Chương 8: Phục hồi chức năng cho người bệnh trước và sau phẫu thuật. | 9   | 3   |  | 6  |  |
|   | 1. Đại cương                                                         | 0,5 | 0,5 |  | 0  |  |
|   | 2. Chăm sóc phục hồi chức năng (PHCN) sau phẫu thuật lồng ngực       | 1   | 1   |  | 0  |  |
|   | 3. PHCN sau phẫu thuật ổ bụng                                        | 4   | 1   |  | 3  |  |
|   | 4. Các bài tập cơ bản                                                | 3,5 | 0,5 |  | 3  |  |
| 9 | Chương 9: Phục hồi chức năng cho người bệnh bại não, động kinh       | 14  | 4   |  | 10 |  |

|    |                                                             |           |           |  |           |          |
|----|-------------------------------------------------------------|-----------|-----------|--|-----------|----------|
|    | 1. Phục hồi chức năng cho NB bại não                        | 7         | 2         |  | 5         |          |
|    | 2. Phục hồi chức năng cho NB động kinh                      | 7         | 2         |  | 5         |          |
| 10 | Chương 10: Phục hồi chức năng cho người bệnh bị bệnh hô hấp | 8         | 2         |  | 6         |          |
|    | 1. Đại cương                                                | 0,5       | 0,5       |  | 0         |          |
|    | 2. Các kỹ thuật vật lý trị liệu-phục hồi chức năng hô hấp   | 7         | 1         |  | 6         |          |
|    | 3. Nhiệm vụ của người Điều dưỡng viên, Hộ sinh              | 0,5       | 0,5       |  | 0         |          |
| 11 | Kiểm tra định kỳ                                            | 2         |           |  |           | 2        |
| 12 | Thi kết thúc môn học                                        | 1         |           |  |           | 1        |
|    | <b>Cộng</b>                                                 | <b>70</b> | <b>27</b> |  | <b>40</b> | <b>3</b> |

### NỘI DUNG CHI TIẾT

#### CHƯƠNG 1: ĐẶC ĐIỂM TÂM SINH LÝ NGƯỜI CAO TUỔI

(Thời gian: 2 giờ)

##### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm người cao tuổi, các thay đổi sinh lý, tâm lý ở người cao tuổi.
2. Thực hiện được chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa trên đặc điểm tâm sinh lý của người cao tuổi.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người cao tuổi.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)**

### **1. Đại cương**

### **2. Các thay đổi trong quá trình lão hóa**

#### **2.1. Bộ máy tiêu hóa**

#### **2.2. Hệ tuần hoàn**

#### **2.3. Hệ cơ, xương**

#### **2.4. Bộ não**

#### **2.5. Hệ miễn dịch**

### **3. Các thay đổi tâm lý**

## **CHƯƠNG 2: NGUYÊN NHÂN TRIỆU CHỨNG MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở NGƯỜI CAO TUỔI**

**(Thời gian: 4 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc một số bệnh ở người cao tuổi.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)**

### **1. Hệ tim mạch**

## **2. Gãy xương và sai khớp**

### **2.1. Nguyên nhân**

### **2.2. Triệu chứng**

## **3. Bệnh hô hấp**

### **3.1. Các bệnh hô hấp thường gặp**

### **3.2. Triệu chứng**

## **4. Bệnh tiêu hóa, tiết niệu**

### **4.1. Bệnh tiêu hóa**

### **4.2. Bệnh tiêu niệu - sinh dục**

## **5. Bệnh hệ thần kinh trung ương**

### **5.1. Bệnh Parkinson**

### **5.2. Bệnh Alzheimer**

## **CHƯƠNG 3: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI VÀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI ĐIỀU DƯỠNG**

(Thời gian: 1 giờ)

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các vấn đề cần lưu ý khi chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.
2. Thực hiện được nội dung chăm sóc người cao tuổi nằm liệt giường.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)**

#### **1. Quan niệm sức khỏe**

#### **2. Một số lưu ý khi chăm sóc người cao tuổi**



**2.1. Chăm sóc người bệnh nằm liệt giường**

**2.2. Chăm sóc khoang miệng**

**2.3. Chăm sóc nơi ở, buồng bệnh**

**2.4. Chăm sóc tâm lý**

**2.5. Một số vấn đề chăm sóc khác**

**3. Vai trò người điều dưỡng khi chăm sóc người cao tuổi**

## **CHƯƠNG 4: ĐẠI CƯƠNG VỀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG VÀ CÁCH PHÒNG NGỪA TÀN TẬT**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên tắc phục hồi chức năng; nguyên nhân, cách phân loại và hậu quả của tàn tật.
2. Thực hiện được các biện pháp phòng ngừa tàn tật.
3. Chủ động nghiên cứu kiến thức về phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật tại cộng đồng hiệu quả.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3-5)**

- 1. Định nghĩa về phục hồi chức năng**
- 2. Mục đích của phục hồi chức năng**
- 3. Phạm vi của phục hồi chức năng**
- 4. Nguyên tắc của phục hồi chức năng**
- 5. Quá trình gây bệnh**
- 6. Quá trình tàn tật**
- 7. Hậu quả của tàn tật**

**7.1. Đối với bản thân người tàn tật**

**7.2. Đối với gia đình và xã hội**

**8. Nguyên nhân và cách phân loại tàn tật**

**8.1. Nguyên nhân gây tàn tật**

**8.2. Phân loại tàn tật**

**9. Các biện pháp phòng ngừa tàn tật**

**9.1. Phòng ngừa bước 1**

**9.2. Phòng ngừa bước 2**

**9.3. Phòng ngừa bước 3**

## **CHƯƠNG 5: VAI TRÒ CỦA NGƯỜI ĐIỀU DƯỠNG TRONG PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

**(Thời gian: 1 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, chức năng của nhóm phục hồi và vai trò của điều dưỡng viên trong phục hồi chức năng.
2. Hỗ trợ được bệnh nhân phục hồi các bộ phận, cơ quan sau khi bị tổn hại hay suy giảm chức năng.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong trong phục hồi chức năng.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3, 5)**

**1. Định nghĩa và chức năng của nhóm phục hồi**

**1.1. Định nghĩa**

**1.2. Chức năng của các thành viên trong nhóm phục hồi**

## **2. Vai trò của điều dưỡng viên trong phục hồi chức năng**

### ***2.1. Chức năng phát hiện***

### ***2.2. Chức năng phối hợp***

## **3. Quá trình hình thành ngành phục hồi chức năng**

### ***3.1. Các bước phát triển cơ bản của y học***

### ***3.2. Nguyên tắc cơ bản của phục hồi chức năng***

## **CHƯƠNG 6: CÁC PHƯƠNG PHÁP VẬT LÝ TRỊ LIỆU THƯỜNG DÙNG**

**(Thời gian: 12 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, tác dụng sinh học, chỉ định và chống chỉ định của các phương pháp vật lý trị liệu – phục hồi chức năng thường dùng.
2. Thực hiện được các bài tập về: vận động, hoạt động, xoa bóp, nhiệt trị liệu đơn giản.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong vật lý trị liệu – phục hồi chức năng.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3, 5)**

#### **1. Vận động trị liệu**

##### ***1.1. Định nghĩa***

##### ***1.2. Mục đích***

##### ***1.3. Tác dụng sinh học***

##### ***1.4. Phân loại vận động***

#### **2. Hoạt động trị liệu**

**2.1. Định nghĩa****2.2. Mục đích****2.3. Nguyên tắc điều trị****2.4. Các hoạt động****3. Xoa bóp trị liệu****3.1. Định nghĩa****3.2. Hiệu quả sinh lý****3.3. Kỹ thuật xoa bóp****3.4. Chỉ định****3.5. Chống chỉ định****4. Kéo nắn trị liệu****4.1. Định nghĩa****4.2. Nguyên nhân tắc nghẽn khớp****4.3. Triệu chứng và hậu quả của tắc nghẽn khớp****4.4. Nguyên tắc kéo nắn****5. Nhiệt trị liệu****5.1. Chườm nóng****5.2. Chườm lạnh****6. Ánh sáng trị liệu****6.1. Tử ngoại trị liệu****6.2. Hồng ngoại trị liệu****7. Điện trị liệu**

## **CHƯƠNG 7: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI BỆNH SAU TAI BIẾN, SAU CHẤN THƯƠNG**

**(Thời gian: 14 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng, hậu quả của liệt nửa người.
2. Thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng cho bệnh nhân liệt nửa người theo các giai đoạn.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong phục hồi chức năng cho người bệnh sau tai biến, sau chấn thương.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 6)**

#### **1. Định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng và hậu quả của liệt nửa người**

##### ***1.1. Định nghĩa***

##### ***1.2. Nguyên nhân***

##### ***1.3. Triệu chứng***

##### ***1.4. Hậu quả của liệt nửa người***

#### **2. Phục hồi chức năng (PHCN) cho người liệt nửa người**

##### ***2.1. Nguyên tắc***

##### ***2.2. Bố trí giường và các tư thế nằm đúng (giai đoạn liệt mềm)***

#### **3. Các bài tập giai đoạn đầu**

#### **4. PHCN giai đoạn tiếp theo**

#### **5. PHCN sinh hoạt**

#### **6. PHCN tiếng**

**7. PHCN tâm lý, tâm thần****8. Tái hòa nhập xã hội và hướng nghiệp****CHƯƠNG 8: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI BỆNH TRƯỚC  
VÀ SAU PHẪU THUẬT****(Thời gian: 9 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích và phương pháp phục hồi chức năng cho bệnh nhân trước và sau phẫu thuật lồng ngực và phẫu thuật ổ bụng.
2. Thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng cho bệnh nhân sau phẫu thuật lồng ngực và ổ bụng.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong phục hồi chức năng cho người bệnh trước và sau phẫu thuật.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG(3)****1. Đại cương****2. Chăm sóc PHCN sau phẫu thuật lồng ngực*****2.1. Mục đích PHCN******2.2. PHCN trước phẫu thuật lồng ngực******2.3. PHCN sau phẫu thuật*****3. PHCN sau phẫu thuật ổ bụng*****3.1. Mục đích PHCN******3.2. PHCN trước phẫu thuật******3.3. PHCN sau phẫu thuật ổ bụng*****4. Các bài tập cơ bản**

## **CHƯƠNG 9: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI BẠI NÃO, ĐỘNG KINH**

**(Thời gian: 14 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nội dung cơ bản về phục hồi chức năng cho bệnh nhân bại não, bệnh nhân động kinh.
2. Thực hiện được kỹ thuật phục hồi chức năng cho bệnh nhân bại não, bệnh nhân động kinh.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong phục hồi chức năng cho người bại não, động kinh.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG(3, 6)**

#### **1. Phục hồi chức năng cho NB bại não**

##### ***1.1. Định nghĩa***

##### ***1.2. Nguyên nhân gây bại não***

##### ***1.3. Một số dấu hiệu nhận biết sớm bại não***

##### ***1.4. Phân loại***

##### ***1.5. Phục hồi chức năng***

#### **2. Phục hồi chức năng cho NB động kinh**

##### ***2.1. Đại cương***

##### ***2.2. Nguyên nhân***

##### ***2.3. Các dạng động kinh thường gặp***

##### ***2.4. Các biện pháp xử trí***

##### ***2.5. Các biện pháp phục hồi chức năng***

## **CHƯƠNG 10: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI BỊ BỆNH HÔ HẤP**

**(Thời gian: 8 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nội dung kỹ thuật vật lý trị liệu- phục hồi chức năng cho người bị bệnh hô hấp.
2. Thực hiện và hướng dẫn được cho bệnh nhân các kỹ thuật vật lý trị liệu- phục hồi chức năng hô hấp.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc phục hồi chức năng người bị bệnh hô hấp.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3, 5)**

#### **1. Đại cương**

#### **2. Các kỹ thuật vật lý trị liệu- phục hồi chức năng hô hấp**

##### ***2.1. Kỹ thuật dẫn lưu tư thế***

##### ***2.2. Kỹ thuật vỗ lồng ngực***

##### ***2.3. Kỹ thuật rung***

##### ***2.4. Kỹ thuật ho và khạc đờm có hiệu quả***

##### ***2.5. Kỹ thuật tập thở***

##### ***2.6. Kỹ thuật thư giãn***

#### **3. Nhiệm vụ của người Điều dưỡng viên, Hộ sinh**

### **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

#### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có



trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

- Học thực hành: Phù hợp cho việc chia nhóm thực hành, có trang bị đầy đủ trang thiết bị thực hành vật lý trị liệu- phục hồi chức năng.

## **II. Trang thiết bị, máy móc**

- Máy vi tính, Tivi, các thiết bị y tế có liên quan.

## **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: Phấn, bảng, Giấy Ao, A4, bút lông, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành, ...

- Học thực hành: Bảng kiểm thực hành, các mô hình điều dưỡng đa năng, các loại dụng cụ và vật tư y tế, các loại máy móc sử dụng trong y tế.

## **IV. Các điều kiện khác:**

Các cơ sở y tế, phòng khám đa khoa có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác phục hồi chức năng để người học rèn luyện nâng cao tay nghề.

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Yêu cầu về kiến thức**

- Khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng của một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi và các vấn đề cần lưu ý khi chăm sóc.

- Định nghĩa, nguyên tắc, chức năng của nhóm phục hồi và vai trò của điều dưỡng viên; nguyên nhân, cách phân loại và hậu quả của tàn tật.

- Định nghĩa, tác dụng sinh học, chỉ định và chống chỉ định của các phương pháp vật lý trị liệu – phục hồi chức năng thường dùng.

- Các nội dung cơ bản về phục hồi chức năng cho bệnh nhân liệt nửa người, bại não, bệnh nhân động kinh, người bị bệnh hô hấp, bệnh nhân trước và sau phẫu thuật lồng ngực và phẫu thuật ổ bụng.

## **2. Yêu cầu về kỹ năng**

- Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

- Hỗ trợ bệnh nhân phục hồi các bộ phận, cơ quan sau khi bị tổn hại hay suy giảm chức năng.

- Thực hiện các bài tập về: vận động, hoạt động, xoa bóp, nhiệt trị liệu đơn giản.

- Thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng cho bệnh nhân liệt nửa người, bệnh nhân sau phẫu thuật lồng ngực và ổ bụng, bại não, bệnh nhân động kinh, người bị bệnh hô hấp, bệnh nhân trước và sau phẫu thuật lồng ngực và phẫu thuật ổ bụng.

## **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Hình thành tính tỉ mỉ, chu đáo trong chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi bảo đảm an toàn.

- Kiên trì, động viên, giúp đỡ người bệnh trong phục hồi chức năng, giúp họ tái hòa nhập cộng đồng hiệu quả.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- + Số bài kiểm tra: 01 bài.

- + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 2 bài.

+ Số bài kiểm tra: 2 bài (01 lý thuyết, 01 thực hành).

+ Bài kiểm tra số 1:

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận.

+ Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

+ Bài kiểm tra số 2:

+ Hình thức kiểm tra: thực hiện quy trình vật lý trị liệu- phục hồi chức năng với bài kiểm tra thực hành.

+ Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ phải được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

## **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ III của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo

Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2 được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học....

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

#### **2. Đối với người học**

- Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định;

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về giờ học và làm đầy đủ các bài tập về nhà;

- Sinh viên tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Thực hiện được các trường hợp chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi, người bệnh khó khăn về vận động.

- Thực hiện và hướng dẫn được cho người bệnh/người nhà một số bài tập về vật lý trị liệu- phục hồi chức năng cơ bản.

#### **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Trường Cao đẳng Vĩnh Long. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi Trường Cao đẳng Vĩnh Long; 2022.

2. Lê Văn Duy. Giáo trình Điều dưỡng người cao tuổi. Hà Nội: Trường Đại học Đại Nam; 2021.

3. Bộ Y Tế. Quyết định 3109/QĐ-BYT về việc ban hành tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị chuyên ngành Phục hồi chức năng". Hà Nội 2014.

4. Bộ Y tế. Quyết định số 54/QĐ-BYT ngày 06/01/2014 về việc ban hành Tài liệu "Hướng dẫn quy trình kỹ thuật /chuyên ngành Phục hồi chức năng. Hà Nội 2014.

5. Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. Giáo trình phục hồi chức năng dành cho đối tượng cao đẳng điều dưỡng. Trường cao đẳng y tế Hà Nội; 2020.

6. Bộ Y Tế. Quyết định số 5623/QĐ-BYT ngày 21/9/2018 về việc ban hành tài liệu Hướng dẫn chăm sóc, điều trị phục hồi chức năng đối với 04 bệnh: Đột quỵ não, Chấn thương sọ não, Bại não, Não úng thủy do Nút đốt sống. Hà Nội 2018.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

#### **CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**

**Tên môn học:** Chăm sóc sức khỏe người bệnh ngoại khoa (Surgical Nursing).

**Mã môn học:** 651420722.

**Thời gian thực hiện môn học:** 52 giờ (lý thuyết: 20 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 30 giờ; kiểm tra: 01 giờ; thi: 01 giờ).

## **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ III.

### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc quan trọng trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

## **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của một số bệnh ngoại khoa thường gặp.
2. Trình bày được cách xử trí và chăm sóc một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa thường gặp.
2. Vận dụng kỹ năng giao tiếp để giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.

### **III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

1. Tự giác, chủ động, mạnh dạn tiếp xúc với người bệnh, với cộng đồng; tự tin trong truyền thông giao tiếp, giáo dục sức khỏe cho người bệnh.
2. Có tinh thần học tập tích cực, tự học, tự nghiên cứu, tham gia có hiệu quả các hoạt động học tập.

## **C. NỘI DUNG MÔN HỌC**

### **NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN**

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                      | Thời gian (giờ) |           |                     |                       |              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                      | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập, | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Đại cương điều dưỡng ngoại khoa                                                                                                                                                            | 2               | 2         | 0                   | 0                     |              |
|    | 1. Đại cương                                                                                                                                                                                         | 0,5             | 0,5       |                     |                       |              |
|    | 2. Vai trò của người điều dưỡng ngoại khoa<br>2.1. Tiếp đón người bệnh<br>2.2. Chuẩn bị người bệnh trước mổ<br>2.3. Theo dõi và chăm sóc người bệnh sau mổ<br>2.4. Chuẩn bị cho người bệnh xuất viện | 1,5             | 1,5       |                     |                       |              |
|    | 3. Những yêu cầu đối với điều dưỡng ngoại khoa                                                                                                                                                       | 0,5             | 0,5       |                     |                       |              |
| 2  | Chương 2: Phòng mổ và những vấn đề liên quan đến người Điều dưỡng                                                                                                                                    | 2               | 2         | 0                   | 0                     |              |
|    | 1. Giới thiệu phòng mổ                                                                                                                                                                               | 0,25            | 0,25      |                     |                       |              |
|    | 2. Sự an toàn cần thiết trong phòng mổ                                                                                                                                                               | 0,25            | 0,25      |                     |                       |              |
|    | 3. Những vấn đề cơ bản khi chăm sóc người bệnh ngoại khoa                                                                                                                                            | 0,25            | 0,25      |                     |                       |              |
|    | 4. Nhiệm vụ, mục tiêu của điều dưỡng ngoại khoa                                                                                                                                                      | 0,25            | 0,25      |                     |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Thời gian (giờ) |           |                     |                       |              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập, | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 5. Vết thương và chăm sóc vết thương                                                                                                                                                                                                                                                              | 0,5             | 0,5       |                     |                       |              |
|    | 6. Chức năng của điều dưỡng phòng mổ                                                                                                                                                                                                                                                              | 0,25            | 0,25      |                     |                       |              |
|    | 7. Các kỹ thuật cần thực hiện trước khi mổ                                                                                                                                                                                                                                                        | 0,25            | 0,25      |                     |                       |              |
| 3  | Chương 3: Chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật                                                                                                                                                                                                                                                    | 4               | 2         | 0                   | 2                     |              |
|    | 1. Đối với người bệnh mổ cấp cứu<br>1.1. Nhận người bệnh<br>1.2. Trình bác sĩ khám bệnh<br>1.3. Thực hiện y lệnh cấp cứu: (nếu có chỉ định)<br>1.4. Theo dõi chăm sóc người bệnh<br>1.5. Tư vấn cho người bệnh và người nhà<br>1.6. Lập thủ tục mổ cấp cứu<br>1.7. Chuyển người bệnh lên phòng mổ | 2               | 1         | 0                   | 1                     |              |
|    | 2. Đối với người bệnh mổ chương trình<br>2.1. Chăm sóc tinh thần cho người bệnh:                                                                                                                                                                                                                  | 2               | 2         | 0                   | 1                     |              |



| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời gian (giờ) |           |                     |                       |              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập, | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 2.2. Làm các xét nghiệm cơ bản<br>2.3. Làm các xét nghiệm chức năng<br>2.4. Nhận định tình trạng lâm sàng<br>2.5. Nâng cao thể trạng trước mổ<br>2.6. Điều chỉnh các rối loạn<br>2.7. Chuẩn bị ngày trước mổ<br>2.8. Chuẩn bị ngày đi mổ<br>2.9. Chuyển người bệnh lên phòng mổ |                 |           |                     |                       |              |
| 4  | Chương 4: Chăm sóc người bệnh nhiễm trùng ngoại khoa                                                                                                                                                                                                                            | 4               | 2         | 0                   | 2                     |              |
|    | 1. Đại cương                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0,25            | 0,25      |                     |                       |              |
|    | 2. Nguyên nhân và điều kiện thuận lợi                                                                                                                                                                                                                                           | 0,5             | 0,5       |                     |                       |              |
|    | 3. Triệu chứng                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0,5             | 0,25      |                     | 0,25                  |              |
|    | 4. Tiến triển và biến chứng                                                                                                                                                                                                                                                     | 0,25            | 0,25      |                     |                       |              |
|    | 5. Điều trị                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0,25            | 0,25      |                     |                       |              |
|    | 6. Chăm sóc                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1,25            | 0,25      |                     | 1,0                   |              |
|    | 7. Biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn ngoại khoa trong bệnh viện                                                                                                                                                                                                                  | 1,0             | 0,25      |                     | 0,75                  |              |
| 5  | Chương 5: Chăm sóc người bệnh ngoại khoa các bệnh lý hệ tiết niệu                                                                                                                                                                                                               | 9               | 3         | 0                   | 6                     |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                        | Thời gian (giờ) |           |                     |                       |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                        | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập, | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 1. Chăm sóc người bệnh sỏi đường tiết niệu<br>1.1. Đại cương<br>1.2. Triệu chứng lâm sàng<br>1.3. Cận lâm sàng<br>1.4. Chẩn đoán<br>1.5. Biến chứng<br>1.6. Điều trị<br>1.7. Chăm sóc  | 1,5             | 0,5       | 0                   | 1                     |              |
|    | 2. Chăm sóc người bệnh thoát vị bẹn<br>2.1. Đại cương<br>2.2. Triệu chứng<br>2.3. Chẩn đoán<br>2.4. Tiến triển và biến chứng<br>2.5. Điều trị<br>2.6. Chăm sóc người bệnh thoát vị bẹn | 1,5             | 0,5       | 0                   | 1                     |              |
|    | 3. Chăm sóc người bệnh phì đại tuyến tiền liệt<br>3.1. Đại cương<br>3.2. Triệu chứng                                                                                                   | 1,5             | 0,5       | 0                   | 1                     |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Thời gian (giờ) |           |                     |                       |              |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập, | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 3.3. Chẩn đoán<br>3.4. Chăm sóc                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                 |           |                     |                       |              |
|    | 4. Chăm sóc người bệnh chấn thương thận, bàng quang, niệu đạo<br>4.1. Chấn thương thận<br>4.1.1. Đại cương<br>4.1.2. Triệu chứng lâm sàng<br>4.2. Chấn thương bàng quang<br>4.2.1. Nguyên nhân<br>4.2.2. Tổn thương giải phẫu<br>4.2.3. Triệu chứng lâm sàng<br>4.3. Chăm sóc người bệnh chấn thương thận, bàng quang | 1,5             | 0,5       | 0                   | 1                     |              |
|    | 4.4. Chấn thương niệu đạo<br>4.4.1. Đại cương<br>4.4.2. Triệu chứng lâm sàng<br>4.4.3. Diễn biến<br>4.4.4. Xử trí ở tuyến cơ sở                                                                                                                                                                                       | 1,5             | 0,5       | 0                   | 1                     |              |
|    | 4.5. Chăm sóc người bệnh chấn thương niệu đạo<br>4.5.1. Nhận định                                                                                                                                                                                                                                                     | 1,5             | 0,5       | 0                   | 1                     |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                            | Thời gian (giờ) |           |                     |                       |              |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                            | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập, | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 4.5.2. Lập kế hoạch chăm sóc<br>4.5.3. Thực hiện kế hoạch<br>4.5.4. Đánh giá                                                               |                 |           |                     |                       |              |
| 6  | Chương 6: Chăm sóc người bệnh chấn thương ngực                                                                                             | 4               | 1         | 0                   | 3                     |              |
|    | 1. Đại cương<br>2. Nguyên nhân và phân loại<br>3. Các yếu tố ảnh hưởng đến chức năng hô hấp bình thường<br>4. Triệu chứng<br>5. Biến chứng | 0,5             | 0,5       | 0                   | 0                     |              |
|    | 6. Xử trí cấp cứu<br>7. Chăm sóc                                                                                                           | 3,5             | 0,5       |                     | 1,5<br>1,5            |              |
| 7  | Chương 7: Chăm sóc người bệnh ngoại khoa các bệnh lý hệ tiêu hóa                                                                           | 9               | 3         | 0                   | 6                     |              |
|    | 1. Chăm sóc người bệnh viêm phúc mạc<br>1.1. Định nghĩa<br>1.2. Nguyên nhân<br>1.3. Triệu chứng<br>1.4. Chẩn đoán                          | 2               | 0,5       | 0                   | 1,5                   |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                       | Thời gian (giờ) |           |                     |                       |              |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                       | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập, | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 1.5. Chăm sóc                                                                                                                                                                                                         |                 |           |                     |                       |              |
|    | 2. Chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa cấp<br>2.1. Đại cương<br>2.2. Nguyên nhân<br>2.2. Triệu chứng lâm sàng<br>2.3. Các biến chứng của viêm ruột thừa.<br>2.4. Chẩn đoán phân biệt<br>2.5. Điều trị<br>2.6. Chăm sóc | 1,5             | 0,5       | 0                   | 1                     |              |
|    | 3. Chăm sóc người bệnh thủng dạ dày<br>3.1. Những đặc điểm cơ bản về bệnh học<br>3.2. Xử trí<br>3.3. Chăm sóc                                                                                                         | 1,5             | 0,5       | 0                   | 1                     |              |
|    | 4. Chăm sóc người bệnh sỏi mật<br>4.1. Đại cương<br>4.2. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh<br>4.3. Tổn thương giải phẫu bệnh<br>4.4. Triệu chứng lâm sàng                                                               | 1,5             | 0,5       | 0                   | 1                     |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                         | Thời gian (giờ) |           |                     |                       |              |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                         | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập, | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 4.5. Diễn biến<br>4.6. Điều trị<br>4.7. Chăm sóc                                                                                                                        |                 |           |                     |                       |              |
|    | 5. Chăm sóc người bệnh có hậu môn nhân tạo<br>5.1. Các loại hậu môn nhân tạo<br>5.2. Biến chứng<br>5.3. Chăm sóc sau mổ<br>5.4. Giáo dục sức khỏe                       | 1               | 0,5       | 0                   | 0,5                   |              |
|    | 6. Chăm sóc người bệnh trĩ<br>6.1. Khái niệm<br>6.2. Nguyên nhân<br>6.3. Phân loại<br>6.4. Triệu chứng<br>6.5. Hướng điều trị<br>6.6. Chăm sóc bệnh nhân phẫu thuật trĩ | 1,5             | 0,5       | 0                   | 1                     |              |
| 8  | Chương 8: Chăm sóc người bệnh ngoại khoa các bệnh lý hệ cơ xương khớp                                                                                                   | 9               | 3         | 0                   | 6                     |              |
|    | 1. Chăm sóc người bệnh bong gân                                                                                                                                         | 1,5             | 0,5       | 0                   | 1                     |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                           | Thời gian (giờ) |           |                     |                       |              |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                           | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập, | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 1.1. Định nghĩa<br>1.2. Giải phẫu bệnh và phân loại<br>1.3. Sinh lý bệnh<br>1.4. Triệu chứng lâm sàng<br>1.5. Triệu trứng cận lâm sàng<br>1.6. Di chứng<br>1.7. Điều trị<br>1.8. Chăm sóc |                 |           |                     |                       |              |
|    | 2. Chăm sóc người bệnh gãy xương<br>2.1. Phân loại gãy xương<br>2.2. Biến chứng của gãy xương<br>2.3. Mục đích cấp cứu bệnh nhân gãy xương<br>2.4. Chăm sóc                               | 3               | 1         | 0                   | 2                     |              |
|    | 3. Chăm sóc người bệnh bó bột, kéo tạ<br>3.1. Chỉ định và mục đích bó bột<br>3.2. Các tai biến và nhược điểm do bó bột<br>3.3. Chăm sóc bệnh nhân bó bột<br>3.4. Mục đích kéo tạ          | 1,5             | 0,5       | 0                   | 1                     |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thời gian (giờ) |           |                     |                       |              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập, | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 3.5. Các biến chứng của kéo tạ<br>3.6. Chăm sóc bệnh nhân kéo tạ                                                                                                                                                                                                                            |                 |           |                     |                       |              |
|    | 4. Chăm sóc người bệnh bỏng<br>4.1. Đại cương<br>4.2. Phân loại bỏng<br>4.3. Các giai đoạn của bỏng<br>4.4. Xử trí<br>4.5. Chăm sóc người bệnh bỏng                                                                                                                                         | 3               | 1         | 0                   | 2                     |              |
| 9  | Chương 9: Chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não, cột sống                                                                                                                                                                                                                                  | 7               | 2         | 0                   | 5                     |              |
|    | 1. Chấn thương sọ não<br>1.1. Đại cương<br>1.2. Các thương tổn có thể gặp trong chấn thương sọ não<br>1.3. Triệu chứng<br>1.4. Thang điểm Glassgow<br>1.5. Chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não<br>1.5.1. Nhận định<br>1.5.2. Lập kế hoạch chăm sóc<br>1.5.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc | 4               | 1         | 0                   | 3                     |              |



| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                          | Thời gian (giờ) |           |                     |                       |              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập, | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 1.5.4. Đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                          |                 |           |                     |                       |              |
|    | 2. Chấn thương cột sống<br>2.1. Đại cương<br>2.2. Các thương tổn có thể gặp trong chấn thương cột sống<br>2.3. Triệu chứng<br>2.4. Chăm sóc người bệnh chấn thương cột sống<br>2.4.1. Nhận định<br>2.4.2. Lập kế hoạch chăm sóc<br>2.4.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc<br>2.4.4. Đánh giá | 3               | 1         | 0                   | 2                     |              |
| 10 | Kiểm tra định kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1               | 0         | 0                   | 0                     | 1            |
| 11 | Thi kết thúc môn học                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1               | 0         | 0                   | 0                     | 1            |
|    | <b>Cộng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>52</b>       | <b>20</b> | <b>0</b>            | <b>30</b>             | <b>2</b>     |

### NỘI DUNG CHI TIẾT

## CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG ĐIỀU DƯỠNG NGOẠI KHOA

(Thời gian: 2 giờ)

### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được vai trò, yêu cầu của người điều dưỡng ngoại khoa.

2. Thực hiện mô tả các nhiệm vụ của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh ngoại khoa.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, thái độ chia sẻ cảm thông với người bệnh, yêu cầu đối với người điều dưỡng ngoại khoa.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

### **1. Đại cương**

### **2. Vai trò của người điều dưỡng ngoại khoa**

#### **2.1. Tiếp đón người bệnh**

#### **2.2. Chuẩn bị người bệnh trước mổ**

#### **2.3. Theo dõi và chăm sóc người bệnh sau mổ**

#### **2.4. Chuẩn bị cho người bệnh xuất viện**

### **3. Những yêu cầu đối với điều dưỡng ngoại khoa.**

## **CHƯƠNG 2: PHÒNG MỔ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI ĐIỀU DƯỠNG**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được vị trí, cấu trúc phòng mổ, những vấn đề cơ bản khi chăm sóc ngoại khoa.

2. Thực hiện đúng các bước của chăm sóc bệnh nhân phòng mổ.

3. Rèn luyện tác phong của người điều dưỡng phòng mổ.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)**

### **1. Giới thiệu phòng mổ**

### **2. Sự an toàn cần thiết trong phòng mổ**

### **3. Những vấn đề cơ bản khi chăm sóc người bệnh ngoại khoa**

4. Nhiệm vụ, mục tiêu của điều dưỡng ngoại khoa
5. Vết thương và chăm sóc vết thương
6. Chức năng của điều dưỡng phòng mổ
7. Các kỹ thuật cần thực hiện trước khi mổ.

### **CHƯƠNG 3: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TRƯỚC PHẪU THUẬT**

**(Thời gian: 4 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các nội dung chuẩn bị người bệnh trước mổ.
2. Thực hiện được việc chuẩn bị người bệnh mổ kế hoạch và mổ cấp cứu.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, thái độ chia sẻ cảm thông với người bệnh trong chuẩn bị người bệnh trước mổ.

#### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)**

##### **1. Đối với người bệnh mổ cấp cứu**

###### ***1.1. Nhận người bệnh***

###### ***1.2. Trình bác sĩ khám bệnh***

###### ***1.3. Thực hiện y lệnh cấp cứu***

###### ***1.4. Theo dõi chăm sóc người bệnh***

###### ***1.5. Tư vấn cho người bệnh và người nhà***

###### ***1.6. Lập thủ tục mổ cấp cứu***

###### ***1.7. Chuyển người bệnh lên phòng mổ***

##### **2. Đối với người bệnh mổ chương trình**

###### ***2.1. Chăm sóc tinh thần cho người bệnh***

###### ***2.2. Làm các xét nghiệm cơ bản***

**2.3. Làm các xét nghiệm chức năng**

**2.4. Nhận định tình trạng lâm sàng**

**2.5. Nâng cao thể trạng trước mổ**

**2.6. Điều chỉnh các rối loạn**

**2.7. Chuẩn bị ngày trước mổ**

**2.8. Chuẩn bị ngày đi mổ**

**2.9. Chuyển người bệnh lên phòng mổ**

## **CHƯƠNG 4: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NHIỄM KHUẨN NGOẠI KHOA**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày và phân tích được nguyên nhân và triệu chứng tiến triển và biến chứng, cách xử trí của một nhiễm khuẩn ngoại khoa thường gặp.
2. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn ngoại khoa.
3. Rèn luyện ý thức phòng ngừa nhiễm khuẩn ngoại khoa.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)**

**1. Đại cương**

**2. Nguyên nhân và điều kiện thuận lợi**

**3. Triệu chứng**

**4. Tiến triển và biến chứng**

**5. Điều trị**

**6. Chăm sóc**

**7. Biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn ngoại khoa trong bệnh viện.**

## **CHƯƠNG 5: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NGOẠI KHOA HỆ TIẾT NIỆU**

**(Thời gian: 9 giờ)**

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng sỏi đường tiết niệu, thoát vị bẹn, phì đại tuyến tiền liệt, chấn thương thận, bàng quang, niệu đạo.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh sỏi đường tiết niệu, thoát vị bẹn, phì đại tuyến tiền liệt, chấn thương thận, bàng quang, niệu đạo.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thái độ chia sẻ cảm thông với người bệnh ngoại khoa hệ tiết niệu.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2, 3)**

#### **1. Chăm sóc người bệnh sỏi đường tiết niệu**

##### ***1.1. Đại cương***

##### ***1.2. Triệu chứng lâm sàng***

##### ***1.3. Cận lâm sàng***

##### ***1.4. Chẩn đoán***

##### ***1.5. Biến chứng***

##### ***1.6. Điều trị***

##### ***1.7. Chăm sóc***

#### **2. Chăm sóc người bệnh thoát vị bẹn**

##### ***2.1. Đại cương***

##### ***2.2. Triệu chứng***

##### ***2.3. Chẩn đoán***

##### ***2.4. Tiến triển và biến chứng***

## **2.5. Điều trị**

## **2.6. Chăm sóc người bệnh thoát vị bẹn**

## **3. Chăm sóc người bệnh phì đại tuyến tiền liệt**

### **3.1. Đại cương**

### **3.2. Triệu chứng**

### **3.3. Chẩn đoán**

### **3.4. Chăm sóc**

## **4. Chăm sóc người bệnh chấn thương thận, bàng quang, niệu đạo**

### **4.1. Chấn thương thận**

#### **4.1.1. Đại cương**

#### **4.1.2. Triệu chứng lâm sàng**

### **4.2. Chấn thương bàng quang**

#### **4.2.1. Nguyên nhân**

#### **4.2.2. Tổn thương giải phẫu**

#### **4.2.3. Triệu chứng lâm sàng**

### **4.3. Chăm sóc người bệnh chấn thương thận, bàng quang**

### **4.4. Chấn thương niệu đạo**

#### **4.4.1. Đại cương**

#### **4.4.2. Triệu chứng lâm sàng**

#### **4.4.3. Diễn biến**

#### **4.4.4. Xử trí ở tuyến cơ sở**

### **4.5. Chăm sóc người bệnh chấn thương niệu đạo**

4.5.1. Nhận định

4.5.2. Lập kế hoạch chăm sóc

4.5.3. Thực hiện kế hoạch

4.5.4. Đánh giá

## **CHƯƠNG 6: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CHẤN THƯƠNG NGỰC**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân, các loại tổn thương, triệu chứng, biến chứng của chấn thương ngực.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh chấn thương ngực trước và sau mổ.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thái độ chia sẻ cảm thông với người bệnh chấn thương ngực.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2, 3)**

1. Đại cương
2. Nguyên nhân và phân loại
3. Các yếu tố ảnh hưởng đến chức năng hô hấp bình thường
4. Triệu chứng
5. Biến chứng
6. Xử trí cấp cứu
7. Chăm sóc

## **CHƯƠNG 7: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NGOẠI KHOA CÁC BỆNH LÝ HỆ TIÊU HOÁ**

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của viêm phúc mạc, viêm ruột thừa, thủng dạ dày, bệnh sỏi mật, hậu môn nhân tạo, bệnh trĩ.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh viêm phúc mạc, viêm ruột thừa, thủng dạ dày, bệnh sỏi mật, hậu môn nhân tạo, bệnh trĩ.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thái độ chia sẻ cảm thông với người bệnh ngoại khoa hệ tiêu hoá.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2, 3)****1. Chăm sóc người bệnh viêm phúc mạc*****1.1. Định nghĩa******1.2. Nguyên nhân******1.3. Triệu chứng******1.4. Chẩn đoán******1.5. Chăm sóc*****2. Chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa cấp*****2.1. Đại cương******2.2. Nguyên nhân******2.2. Triệu chứng lâm sàng******2.3. Các biến chứng của viêm ruột thừa******2.4. Chẩn đoán phân biệt******2.5. Điều trị******2.6. Chăm sóc***



**3. Chăm sóc người bệnh thủng dạ dày****3.1. Những đặc điểm cơ bản về bệnh học****3.2. Xử trí****3.3. Chăm sóc****4. Chăm sóc người bệnh sỏi mật****4.1. Đại cương****4.2. Nguyên nhân và cơ chế sinh bệnh****4.3. Tổn thương giải phẫu bệnh****4.4. Triệu chứng lâm sàng****4.5. Diễn biến****4.6. Điều trị****4.7. Chăm sóc****5. Chăm sóc người bệnh có hậu môn nhân tạo****5.1. Các loại hậu môn nhân tạo****5.2. Biến chứng****5.3. Chăm sóc sau mổ****5.4. Giáo dục sức khỏe****6. Chăm sóc người bệnh trĩ****6.1. Khái niệm****6.2. Nguyên nhân****6.3. Phân loại****6.4. Triệu chứng**

**6.5. Hướng điều trị****6.6. Chăm sóc bệnh nhân phẫu thuật trị****CHƯƠNG 8: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NGOẠI KHOA CÁC BỆNH  
LÝ HỆ CƠ XƯƠNG KHỚP****(Thời gian: 9 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của bong gân, trật khớp, gãy xương, bồng.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bong gân, trật khớp, gãy xương, bó bột, kéo tạ, bồng.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thái độ chia sẻ cảm thông với người bệnh ngoại khoa hệ cơ xương khớp.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)****1. Chăm sóc người bệnh bong gân****1.1. Định nghĩa****1.2. Giải phẫu bệnh và phân loại****1.3. Sinh lý bệnh****1.4. Triệu chứng lâm sàng****1.5. Triệu chứng cận lâm sàng****1.6. Di chứng****1.7. Điều trị****1.8. Chăm sóc****2. Chăm sóc người bệnh gãy xương**

**2.1. Phân loại gãy xương****2.2. Biến chứng của gãy xương****2.3. Mục đích cấp cứu bệnh nhân gãy xương****2.4. Chăm sóc****3. Chăm sóc người bệnh bó bột, kéo tạ****3.1. Chỉ định và mục đích bó bột****3.2. Các tai biến và nhược điểm do bó bột****3.3. Chăm sóc bệnh nhân bó bột****3.4. Mục đích kéo tạ****3.5. Các biến chứng của kéo tạ****3.6. Chăm sóc bệnh nhân kéo tạ****4. Chăm sóc người bệnh bỏng****4.1. Đại cương****4.2. Phân loại bỏng****4.3. Các giai đoạn của bỏng****4.4. Xử trí****4.5. Chăm sóc người bệnh bỏng****CHƯƠNG 9: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CHẤN THƯƠNG SỌ NÃO,  
CỘT SỐNG****(Thời gian: 7 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của chấn thương sọ não, cột sống.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân chấn thương sọ não, cột sống.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thái độ chia sẻ cảm thông với người bệnh chấn thương sọ não, cột sống.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2, 3)**

### **1. Chấn thương sọ não**

#### ***1.1. Đại cương***

#### ***1.2. Các thương tổn có thể gặp trong chấn thương sọ não***

#### ***1.3. Triệu chứng***

#### ***1.4. Thang điểm Glassgow***

### **1.5. Chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não**

#### ***1.5.1. Nhận định***

#### ***1.5.2. Lập kế hoạch chăm sóc***

#### ***1.5.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc***

#### ***1.5.4. Đánh giá***

### **2. Chấn thương cột sống**

#### ***2.1. Đại cương***

#### ***2.2. Các thương tổn có thể gặp trong chấn thương cột sống***

#### ***2.3. Triệu chứng***

### **2.4. Chăm sóc người bệnh chấn thương cột sống**

#### ***2.4.1. Nhận định***

#### ***2.4.2. Lập kế hoạch chăm sóc***

#### ***2.4.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc***

#### 2.4.4. Đánh giá

### **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

#### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Tại phòng học lý thuyết trên giảng đường.
- Học thực hành: Tại phòng Thực hành điều dưỡng.

#### **II. Trang thiết bị máy móc:**

- Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, các thiết bị y tế có liên quan.

#### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:**

- Học lý thuyết: Phân, bảng, bút dạ, giấy A0. Giáo trình, chương trình mô đun, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.
- Học thực hành: Bảng kiểm thực hành, các mô hình đa năng, các loại dụng cụ và vật tư y tế, các loại máy móc sử dụng trong y tế.

#### **IV. Các điều kiện khác:** Không.

### **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**

#### **I. Nội dung**

##### **1. Kiến thức**

- Vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ của người điều dưỡng ngoại khoa.
- Vị trí, cấu trúc phòng mổ, những vấn đề cơ bản khi chăm sóc ngoại khoa.
- Các nội dung chuẩn bị người bệnh trước mổ.
- Chuẩn bị người bệnh mổ kế hoạch và mổ cấp cứu.
- Nguyên nhân và triệu chứng tiến triển và biến chứng, cách xử trí của một nhiễm khuẩn ngoại khoa thường gặp.

- Nguyên nhân và triệu chứng tiến triển và biến chứng, cách xử trí của các bệnh ngoại khoa: Sỏi đường tiết niệu, thoát vị bẹn, phì đại tuyến tiền liệt, chấn thương thận, bàng quang, niệu đạo, chấn thương ngực, viêm phúc mạc, viêm ruột thừa, thủng dạ dày, bệnh sỏi mật, hậu môn nhân tạo, bệnh trĩ, bong gân, trật khớp, gãy xương, bồng, chấn thương sọ não, cột sống.

## **2. Kỹ năng**

- Thực hiện mô tả các nhiệm vụ của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh ngoại khoa.

- Thực hiện đúng các bước của chăm sóc bệnh nhân phòng mổ.

- Thực hiện được việc chuẩn bị người bệnh mổ kế hoạch và mổ cấp cứu.

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn ngoại khoa.

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh: Sỏi đường tiết niệu, thoát vị bẹn, phì đại tuyến tiền liệt, chấn thương thận, bàng quang, niệu đạo, chấn thương ngực, viêm phúc mạc, viêm ruột thừa, thủng dạ dày, bệnh sỏi mật, hậu môn nhân tạo, bệnh trĩ, bong gân, trật khớp, gãy xương, bồng, chấn thương sọ não, cột sống.

## **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Rèn luyện tính nghiêm túc, ý thức trách nhiệm, trong quá trình học tập.

- Rèn luyện ý thức làm việc cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, nhanh chóng, cảm thông chia sẻ với người bệnh trong chăm sóc người bệnh ngoại khoa.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.

+ Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết.

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ phải được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

## **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ III của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Chăm sóc người bệnh ngoại khoa được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

## **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học...).

- Nhà giáo hướng dẫn người học nhận thức kiến thức về lý thuyết và những kiến thức thực hành bổ sung cho phần kiến thức lý thuyết đã học.

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

### **2. Đối với người học**

- Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định;

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về giờ học và làm đầy đủ các bài tập về nhà;

- Sinh viên tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người mắc bệnh ngoại khoa thường gặp.

- Khi thực hiện kỹ thuật phải bảo đảm chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

## **IV. Tài liệu tham khảo**



1. Nguyễn Tấn Cường. Điều dưỡng ngoại tập I, II. Hà Nội: NXB Y học; 2016.
2. Bộ Y tế. Điều dưỡng ngoại khoa. Hà Nội: NXB Y học; 2016.
3. Bộ Y tế Cục quản lý khám, chữa bệnh. Tài liệu đào tạo cấp cứu cơ bản. Hà Nội: NXB Y học; 2014.

**V. Ghi chú và giải thích:** Không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun:** Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình (Women, Maternal, and Family's Health Nursing).

**Mã mô đun:** 651420733.

**Thời gian thực hiện mô đun:** 50 giờ (lý thuyết: 19 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**

#### **I. Vị trí**

Đây là mô đun thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), mô đun được bố trí thực hiện trong học kỳ IV.

#### **II. Tính chất**

Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được sự thay đổi cơ quan sinh dục nữ khi có thai, các dấu hiệu và cách chăm sóc phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ và thời kỳ sau đẻ.

2. Trình bày được các nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của chảy máu và các yếu tố nguy cơ của bà mẹ trong thời kỳ thai nghén.

3. Trình bày được các yếu tố thuận lợi, nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị, cách phòng ngừa, chăm sóc một số bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và lây truyền qua đường tình dục.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Thực hiện được giao tiếp, tư vấn trong chăm sóc sức khỏe sinh sản có hiệu quả.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ thời kỳ thai nghén, chuyển dạ, sau đẻ và trẻ sơ sinh.

3. Phát hiện và có hướng xử trí kịp thời cho các bà mẹ có yếu tố nguy cơ trong thời kỳ thai nghén.

4. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc thai phụ có chảy máu nửa đầu và nửa cuối thời kỳ thai nghén.

### **III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

1. Hình thành được thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

2. Rèn luyện được tính chuyên cần, cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng và chính xác trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

### **C. NỘI DUNG MÔ ĐUN**

#### **NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN**

| <b>TT</b> | <b>Tên các bài trong mô đun</b>                                                                                         | <b>Thời gian (giờ)</b> |                  |                           |                              |                     |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------|---------------------------|------------------------------|---------------------|
|           |                                                                                                                         | <b>Tổng số</b>         | <b>Lý thuyết</b> | <b>Bài tập, thảo luận</b> | <b>Thực hành, thí nghiệm</b> | <b>Thi/Kiểm tra</b> |
| 1         | Bài 1: Giáo dục sức khỏe phụ nữ                                                                                         | 5                      | 1                |                           | 4                            |                     |
|           | 1. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ nói chung<br>1.1. Vệ sinh thân thể và vệ sinh bộ phận sinh dục ngoài hàng ngày | 1,25                   | 0,25             |                           | 1                            |                     |

|                                                                 |      |      |  |   |  |
|-----------------------------------------------------------------|------|------|--|---|--|
| 1.2. Vệ sinh kinh nguyệt                                        |      |      |  |   |  |
| 1.3. Vệ sinh tình dục                                           |      |      |  |   |  |
| 2. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở tuổi vị thành niên              | 1,25 | 0,25 |  | 1 |  |
| 2.1. Định nghĩa tuổi vị thành niên                              |      |      |  |   |  |
| 2.2. Những thay đổi về thể chất ở tuổi vị thành niên            |      |      |  |   |  |
| 2.3. Biến đổi tâm sinh lý của tuổi vị thành niên                |      |      |  |   |  |
| 2.4. Các nguy cơ ở tuổi vị thành niên                           |      |      |  |   |  |
| 2.5. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên               |      |      |  |   |  |
| 3. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở phụ nữ trong thời kỳ thai nghén | 1,25 | 0,25 |  | 1 |  |
| 3.1. Về dinh dưỡng                                              |      |      |  |   |  |
| 3.2. Về chế độ làm việc                                         |      |      |  |   |  |
| 3.3. Vệ sinh thân thể                                           |      |      |  |   |  |
| 3.4. Sinh hoạt                                                  |      |      |  |   |  |
| 4. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở người phụ nữ tuổi mãn kinh      | 1,25 | 0,25 |  | 1 |  |
| 4.1. Định nghĩa                                                 |      |      |  |   |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |     |     |  |   |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | <p>4.2. Những thay đổi giải phẫu ở người phụ nữ tuổi mãn kinh</p> <p>4.3. Những rối loạn thường gặp ở tuổi tiền mãn kinh</p> <p>4.4. Những biến cố hay gặp ở tuổi tiền mãn kinh</p> <p>4.5. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho người phụ nữ tuổi mãn kinh</p>                                                                              |     |     |  |   |  |
| 2 | Bài 2: Các biện pháp tránh thai                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6   | 2   |  | 4 |  |
|   | <p>1. Viên thuốc tránh thai kết hợp</p> <p>1.1. Cơ chế tác dụng</p> <p>1.2. Ưu, nhược điểm</p> <p>1.3. Chỉ định, chống chỉ định</p> <p>1.4. Thành phần và trình bày của viên thuốc tránh thai kết hợp</p> <p>1.5. Thời điểm và cách sử dụng thuốc</p> <p>1.6. Xử trí khi bị quên thuốc hoặc nôn</p> <p>1.7. Tác dụng phụ của thuốc</p> | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |
|   | <p>2. Viên thuốc tránh thai đơn thuần</p> <p>2.1. Cơ chế tác dụng</p> <p>2.2. Chỉ định, chống chỉ định</p>                                                                                                                                                                                                                             | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |

|   |                                                                                                                                                      |      |      |  |     |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|-----|--|
|   | 2.3. Thuận lợi và không thuận lợi<br>2.4. Cách sử dụng thuốc<br>2.5. Xử trí khi bị quên thuốc hoặc nôn                                               |      |      |  |     |  |
|   | 3. Bao cao su<br>3.1. Chỉ định, chống chỉ định<br>3.2. Ưu điểm và nhược điểm<br>3.3. Cách sử dụng và bảo quản                                        | 1,5  | 0,5  |  | 1   |  |
|   | 4. Dụng cụ tử cung<br>4.1. Cơ chế tác dụng<br>4.2. Thuận lợi, không thuận lợi<br>4.3. Chỉ định, chống chỉ định<br>4.4. Thời điểm đặt dụng cụ tử cung | 0,75 | 0,25 |  | 0,5 |  |
|   | 5. Triệt sản<br>5.1. Lựa chọn đối tượng<br>5.2. Thời điểm có thể áp dụng triệt sản nữ                                                                | 0,75 | 0,25 |  | 0,5 |  |
| 3 | Bài 3: Thay đổi giải phẫu và sinh lý thai phụ                                                                                                        | 1    | 1    |  |     |  |
|   | 1. Thay đổi về nội tiết<br>1.1. HCG<br>1.2. Các Steroid                                                                                              | 0,25 | 0,25 |  |     |  |

|   |                                                                                                                                                                            |      |      |  |   |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|---|--|
|   | 2. Thay đổi giải phẫu và sinh lý ở bộ phận sinh dục<br>2.1. Thân tử cung<br>2.2. Eo tử cung<br>2.3. Cổ tử cung<br>2.4. Âm hộ, âm đạo<br>2.4. Buồng trứng<br>2.5. Vòi trứng | 0,25 | 0,25 |  |   |  |
|   | 3. Thay đổi giải phẫu và sinh lý ở cơ quan khác                                                                                                                            | 0,25 | 0,25 |  |   |  |
|   | 4. Chăm sóc thai phụ khi có thai<br>4.1. Nhận định<br>4.2. Chẩn đoán chăm sóc<br>4.3. Lập kế hoạch chăm sóc<br>4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc<br>4.5. Đánh giá           | 0,25 | 0,25 |  |   |  |
| 4 | Bài 4: Chẩn đoán thai, khám thai và quản lý thai nghén                                                                                                                     | 5    | 1    |  | 4 |  |
|   | 1. Chẩn đoán thai nghén<br>2. Tính tuổi thai và dự kiến ngày sinh                                                                                                          | 1,25 | 0,25 |  | 1 |  |
|   | 3. Khám thai<br>3.1. Mục đích mỗi lần khám thai                                                                                                                            | 2,25 | 0,25 |  | 2 |  |

|   |                                                                 |      |      |  |     |  |
|---|-----------------------------------------------------------------|------|------|--|-----|--|
|   | 3.2. Các bước khám thai                                         |      |      |  |     |  |
|   | 4. Quản lý thai nghén                                           | 0,75 | 0,25 |  | 0,5 |  |
|   | 4.1. Sổ khám thai                                               |      |      |  |     |  |
|   | 4.2. Phiếu theo dõi sức khỏe bà mẹ tại nhà hoặc phiếu khám thai |      |      |  |     |  |
|   | 5. Chăm sóc thai phụ trong thời kỳ thai nghén                   | 0,75 | 0,25 |  | 0,5 |  |
|   | 5.1. Nhận định                                                  |      |      |  |     |  |
|   | 5.2. Chẩn đoán điều dưỡng                                       |      |      |  |     |  |
|   | 5.3. Lập kế hoạch chăm sóc                                      |      |      |  |     |  |
|   | 5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc                                |      |      |  |     |  |
|   | 5.5. Đánh giá                                                   |      |      |  |     |  |
| 5 | Bài 5: Chảy máu thời kỳ thai nghén                              | 2    | 2    |  |     |  |
|   | 1. Các nguyên nhân chảy máu trong thời kỳ thai nghén            | 0,5  | 0,5  |  |     |  |
|   | 2. Triệu chứng và chẩn đoán                                     | 1    | 1    |  |     |  |
|   | 2.1. Sảy thai                                                   |      |      |  |     |  |
|   | 2.2. Thai ngoài tử cung                                         |      |      |  |     |  |
|   | 2.3. Thai trứng                                                 |      |      |  |     |  |
|   | 2.4. Thai chết trong tử cung                                    |      |      |  |     |  |
|   | 2.5. Rau tiền đạo                                               |      |      |  |     |  |
|   | 2.6. Nhau bong non                                              |      |      |  |     |  |
|   | 2.7. vỡ tử cung                                                 |      |      |  |     |  |



|   |                                                                                                                                                                                                                       |     |     |  |  |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|   | 3. Hướng xử trí                                                                                                                                                                                                       |     |     |  |  |  |
|   | 4. Chăm sóc<br>4.1. Nhận định<br>4.2. Chẩn đoán điều dưỡng<br>4.3. Lập kế hoạch chăm sóc<br>4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc                                                                                          | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Rối loạn tăng huyết áp trong thai kỳ                                                                                                                                                                           | 2   | 2   |  |  |  |
|   | 1. Đại cương<br>2. Các hình thái bệnh tăng huyết áp trong thai kỳ<br>2.1. Tiêu chuẩn chẩn đoán tiền sản giật<br>2.2. Tăng huyết áp mạn<br>2.3. Tiền sản giật trên nền tăng huyết áp mạn<br>2.4. Tăng huyết áp do thai | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|   | 3. Xử trí<br>3.1. Tiền sản giật, sản giật<br>3.2. Tăng huyết áp mạn tính trong khi có thai<br>3.3. Tăng huyết áp do thai<br>3.4. Tiền sản giật trên nền tăng huyết áp mạn tính                                        | 0,5 | 0,5 |  |  |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                              |     |     |  |   |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | 4. Tiến triển và tiên lượng<br>5. Dự phòng và tư vấn                                                                                                                                                                         | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
|   | 6. Chăm sóc tăng huyết áp trong thai kỳ                                                                                                                                                                                      | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
| 7 | Bài 7: Các dấu hiệu chuyển dạ, theo dõi, chăm sóc chuyển dạ                                                                                                                                                                  | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | 1. Mở đầu<br>2. Những dấu hiệu lâm sàng trong thời kỳ chuyển dạ<br>2.1. Định nghĩa<br>2.2. Các giai đoạn chuyển dạ<br>2.3. Con co tử cung<br>2.4. Con co thành bụng<br>2.5. Tác dụng của con co tử cung và con co thành bụng | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |
|   | 3. Chuyển dạ về phương diện lâm sàng<br>3.1. Dấu hiệu tiền chuyển dạ<br>3.2. Dấu hiệu chuyển dạ                                                                                                                              | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |
|   | 4. Chăm sóc và theo dõi thai phụ trong thời kỳ chuyển dạ<br>4.1. Nhận định<br>4.2. Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ<br>4.3. Chuẩn bị thuốc                                                                                      | 2   |     |  | 2 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                |     |     |  |   |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | 4.4. Theo dõi chuyển dạ                                                                                                                                                                                                                        |     |     |  |   |  |
| 8 | Bài 8: Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ                                                                                                                                                                            | 8   | 1   |  | 7 |  |
|   | 1. Cơ sở lý thuyết và các bằng chứng về các can thiệp trong và ngay sau đẻ<br>1.1. Tiêm bắp Oxytocin<br>1.2. Kéo dây rốn có kiểm soát<br>1.3. Xoa đáy tử cung<br>1.4. Kẹp và cắt dây rốn muộn<br>1.5. Tiếp xúc da kề da<br>1.6. Cho trẻ bú sớm | 3,5 | 0,5 |  | 3 |  |
|   | 2. Quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ<br>2.1. Áp dụng<br>2.2. Chuẩn bị<br>2.3. Tiến hành                                                                                                                   | 4,5 | 0,5 |  | 4 |  |
| 9 | Bài 9: Chăm sóc trong thời kỳ sau đẻ                                                                                                                                                                                                           | 6   | 2   |  | 4 |  |
|   | 1. Biểu hiện sinh lý và chăm sóc sản phụ trong thời kỳ sau đẻ<br>1.1. Những biểu hiện sinh lý của bà mẹ ngay sau đẻ                                                                                                                            | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |

|                                                                                                                                                                                                                                   |     |     |  |   |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
| <p>1.2. . Biểu hiện sinh lý của sản bà mẹ tuần đầu sau đẻ</p> <p>1.3. Theo dõi và chăm sóc bà mẹ ngay sau đẻ</p> <p>1.4. Theo dõi và chăm sóc bà mẹ tuần đầu sau đẻ</p> <p>1.5. Những biến cố có thể gặp ngay sau đẻ</p>          |     |     |  |   |  |
| <p>2. Công tác chăm sóc sản phụ ngày đầu và những ngày sau đẻ</p> <p>2.1. Nhận định</p> <p>2.2. Chẩn đoán điều dưỡng</p> <p>2.3. Lập kế hoạch chăm sóc</p> <p>2.4. Thực hiện chăm sóc</p> <p>2.5. Đánh giá quá trình chăm sóc</p> | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |
| <p>3. Theo dõi và chăm sóc sản phụ sau mổ đẻ</p> <p>4. Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ</p> <p>4.1. Tiêu chuẩn hình thể bên ngoài</p> <p>4.2. Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ</p> <p>4.3. Một số trường hợp bất thường ngay sau đẻ</p>   | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |
| <p>5. Chăm sóc sơ sinh những ngày sau đẻ</p>                                                                                                                                                                                      | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                               |      |      |  |     |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|--|-----|--|
|    | 5.1. Đánh giá tình trạng trẻ hàng ngày<br>5.2. Chăm sóc da, chăm sóc rốn<br>5.3. Cho trẻ bú mẹ<br>5.4. Theo dõi toàn thân, vàng da, sứt cân sinh lý<br>5.5. Phòng bệnh<br>5.6. Một số trường hợp bất thường những ngày sau đẻ |      |      |  |     |  |
| 10 | Bài 10: Chăm sóc sản phụ chảy máu sau đẻ                                                                                                                                                                                      | 4    | 2    |  | 2   |  |
|    | 1. Đờ tử cung<br>1.1. Nguyên nhân<br>1.2. Triệu chứng lâm sàng                                                                                                                                                                | 1    | 0,5  |  | 0,5 |  |
|    | 2. Chấn thương đường sinh dục<br>2.1. Nguyên nhân<br>2.2. Triệu chứng lâm sàng                                                                                                                                                | 1    | 0,5  |  | 0,5 |  |
|    | 3. Bất thường bong nhau và sổ nhau<br>3.1. Sổ nhau, sổ màng<br>3.2. Nhau không bong                                                                                                                                           | 0,75 | 0,25 |  | 0,5 |  |
|    | 4. Rối loạn đông máu<br>5. Chẩn đoán xác định<br>6. Xử trí chung                                                                                                                                                              | 0,25 | 0,25 |  |     |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |     |  |     |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|-----|--|
|    | 7. Kế hoạch chăm sóc<br>7.1. Nhận định<br>7.2. Những vấn đề cần chăm sóc<br>7.3. Lập kế hoạch chăm sóc<br>7.4. Thực hiện chăm sóc<br>7.5. Đánh giá quá trình chăm sóc                                                                                                                                               | 1   | 0,5 |  | 0,5 |  |
| 11 | Bài 11: Chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn sau đẻ                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2   | 2   |  |     |  |
|    | 1. Đại cương<br>1.1. Định nghĩa<br>1.2. Nguyên nhân/các yếu tố nguy cơ                                                                                                                                                                                                                                              | 0,5 | 0,5 |  |     |  |
|    | 2. Các hình thái nhiễm khuẩn sau đẻ<br>2.1. Nhiễm khuẩn tầng sinh môn, âm hộ, âm đạo, cổ tử cung<br>2.2. Viêm nội mạc tử cung<br>2.3. Viêm cơ tử cung toàn bộ<br>2.4. Viêm dây chằng và phần phụ<br>2.5. Viêm phúc mạc tiểu khung<br>2.6. Viêm phúc mạc toàn thể<br>2.7. Nhiễm khuẩn máu<br>2.8. Choáng nhiễm khuẩn | 1   | 1   |  |     |  |
|    | 3. Chăm sóc                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0,5 | 0,5 |  |     |  |

|    |                                                                                                                                                                               |     |     |  |  |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|    | 3.1. Nhận định<br>3.2. Những vấn đề cần chăm sóc<br>3.3. Lập kế hoạch chăm sóc<br>3.4. Thực hiện chăm sóc<br>3.5. Đánh giá quá trình chăm sóc<br>4. Dự phòng                  |     |     |  |  |  |
| 12 | Bài 12: Chăm sóc người bệnh viêm sinh dục                                                                                                                                     | 2   | 2   |  |  |  |
|    | 1. Đại cương<br>1.1. Đặc điểm<br>1.2. Nguyên Nhân<br>1.3. Mầm bệnh                                                                                                            | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|    | 2. Các loại viêm sinh dục<br>2.1. Viêm âm đạo<br>2.2. Viêm cổ tử cung<br>2.3. Viêm nội mạc tử cung<br>2.4. Viêm phần phụ                                                      | 1   | 1   |  |  |  |
|    | 3. Chăm sóc<br>3.1. Nhận định<br>3.2. Những vấn đề cần chăm sóc<br>3.3. Lập kế hoạch chăm sóc<br>3.4. Thực hiện chăm sóc<br>3.5. Đánh giá quá trình chăm sóc<br>4. Phòng bệnh | 0,5 | 0,5 |  |  |  |

|    |                     |           |           |  |           |          |
|----|---------------------|-----------|-----------|--|-----------|----------|
| 13 | Kiểm tra định kỳ    | 1         |           |  |           | 1        |
| 14 | Thi kết thúc mô đun | 1         |           |  |           | 1        |
|    | <b>Cộng:</b>        | <b>50</b> | <b>19</b> |  | <b>29</b> | <b>2</b> |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### BÀI 1: GIÁO DỤC SỨC KHỎE PHỤ NỮ

(Thời gian: 5 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các nội dung cần giáo dục sức khỏe cho phụ nữ nói chung.
2. Tư vấn được về sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng vị thành niên, phụ nữ tuổi sinh sản, phụ nữ tuổi mãn kinh.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, bảo đảm tính riêng tư, tôn trọng văn hoá, tập quán của địa phương.

#### II. NỘI DUNG BÀI (1) (2)

##### 1. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho phụ nữ nói chung

###### *1.1. Vệ sinh thân thể và vệ sinh bộ phận sinh dục ngoài hàng ngày*

###### *1.2. Vệ sinh kinh nguyệt*

###### *1.3. Vệ sinh tình dục*

##### 2. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở tuổi vị thành niên

###### *2.1. Định nghĩa tuổi vị thành niên*

###### *2.2. Những thay đổi về thể chất ở tuổi vị thành niên nữ*

###### *2.3. Biến đổi tâm sinh lý của tuổi vị thành niên*

###### *2.4. Các nguy cơ ở tuổi vị thành niên*

###### *2.5. Các biện pháp tránh thai cho vị thành niên*

###### *2.6. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên*

##### 3. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở phụ nữ tuổi sinh đẻ



## **2.4. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở phụ nữ trong thời kỳ thai nghén**

### **4.1. Về dinh dưỡng**

### **4.2. Về chế độ làm việc**

### **4.3. Vệ sinh thân thể**

### **4.4. Sinh hoạt**

## **5. Giáo dục sức khỏe sinh sản ở người phụ nữ tuổi mãn kinh**

### **5.1. Định nghĩa**

### **5.2. Những thay đổi giải phẫu ở người phụ nữ tuổi mãn kinh**

### **5.3. Những rối loạn thường gặp ở tuổi tiền mãn kinh**

### **5.4. Những biến cố hay gặp ở tuổi tiền mãn kinh**

### **5.5. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho người phụ nữ tuổi mãn kinh**

## **BÀI 2: CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI**

**(Thời gian: 6 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các nội dung cơ bản về viên thuốc tránh thai kết hợp, viên thuốc tránh thai đơn thuần, bao cao su dành cho nam giới, dụng cụ tử cung và triệt sản.

2. Tuyên truyền và tư vấn được về cách sử dụng các biện pháp tránh thai.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực, bảo đảm tính riêng tư, tôn trọng văn hoá, tập quán của địa phương.

### **II. NỘI DUNG BÀI(2, 3)**

#### **1. Viên thuốc tránh thai kết hợp**

##### **1.1. Cơ chế tác dụng**

##### **1.2. Ưu điểm**

##### **1.3. Nhược điểm**

##### **1.4. Chỉ định**

**1.5. Chống chỉ định****1.6. Thành phần và trình bày của viên thuốc tránh thai kết hợp****1.7. Thời điểm và cách sử dụng thuốc****1.8. Xử trí khi bị quên thuốc hoặc nôn****1.9. Tác dụng phụ của thuốc****2. Viên thuốc tránh thai đơn thuần****2.1. Cơ chế tác dụng****2.2. Chỉ định****2.3. Chống chỉ định****2.4. Thuận lợi****2.5. Không thuận lợi****2.6. Cách sử dụng thuốc****7. Xử trí khi bị quên thuốc hoặc nôn****3. Bao cao su****3.1. Chỉ định****3.2. Chống chỉ định****3.3. Ưu điểm****3.4. Nhược điểm****3.5. Cách sử dụng****4. Dụng cụ tử cung****4.1. Cơ chế tác dụng****4.2. Thuận lợi****4.3. Không thuận lợi****4.4. Chỉ định****4.5. Chống chỉ định**

#### **4.4. Thời điểm đặt dụng cụ tử cung**

### **5. Triệt sản**

#### **5.1. Lựa chọn đối tượng**

#### **5.2. Thời điểm có thể áp dụng triệt sản nữ**

## **BÀI 3: THAY ĐỔI GIẢI PHẪU VÀ SINH LÝ THAI PHỤ**

**(Thời gian: 1 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được sự thay đổi nội tiết, giải phẫu, sinh lý ở cơ quan sinh dục và các cơ quan khác của người phụ nữ trong quá trình mang thai.
2. Vận dụng được những đặc điểm sinh lý và bệnh lý thời kỳ mang thai vào việc theo dõi và chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ và cho thai.
3. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí các bệnh lý thời kỳ mang thai.

### **II. NỘI DUNG BÀI (2, 4)**

#### **1. Thay đổi về nội tiết**

##### **1.1. HCG**

##### **1.2. Các Steroid**

#### **2. Thay đổi giải phẫu và sinh lý ở bộ phận sinh dục**

##### **2.1. Thân tử cung**

##### **2.2. Eo tử cung**

##### **2.3. Cổ tử cung**

##### **2.4. Âm hộ, âm đạo**

##### **2.5. Buồng trứng**

##### **2.6. Vòi trứng**

#### **3. Thay đổi giải phẫu và sinh lý ở cơ quan khác**

##### **3.1. Thay đổi ở da, cân, và cơ**

**3.2. Thay đổi ở vú****3.3. Thay đổi trong hệ tuần hoàn****3.4. Hô hấp****3.5. Tiết niệu****3.6. Tiêu hoá****3.7. Hệ thống cơ xương khớp****3.8. Thần kinh****3.9. Một số thay đổi khác****4. Chăm sóc thai phụ khi có thai****4.1. Nhận định****4.2. Chẩn đoán điều dưỡng****4.3. Lập kế hoạch chăm sóc****4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc****4.5. Đánh giá****BÀI 4: CHẨN ĐOÁN THAI NGHÉN, KHÁM THAI VÀ QUẢN LÝ THAI NGHÉN****(Thời gian: 5 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các triệu chứng để chẩn đoán có thai, mục đích của mỗi lần khám thai.
2. Thực hiện được các bước khám thai, tính được tuổi thai và dự kiến ngày sinh.
3. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và chẩn đoán thời kỳ mang thai.

**II. NỘI DUNG BÀI (2, 4)****1. Chẩn đoán thai nghén**

**2. Tính tuổi thai và dự kiến ngày sinh****3. Khám thai****3.1. Mục đích mỗi lần khám thai****3.2. Các bước khám thai****4. Quản lý thai nghén****4.1. Sổ khám thai****4.2. Phiếu theo dõi sức khỏe bà mẹ tại nhà hoặc phiếu khám thai****5. Chăm sóc thai phụ trong thời kỳ thai nghén****5.1. Nhận định****5.2. Chẩn đoán điều dưỡng****5.3. Lập kế hoạch chăm sóc****5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc****5.5. Đánh giá****BÀI 5: CHẢY MÁU THỜI KỲ THAI NGHÉN****(Thời gian: 2 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán dọa sảy thai, sảy thai, thai ngoài tử cung, thai chết lưu, rau tiền đạo, đẻ non, vỡ tử cung.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc phù hợp với thai phụ bị sảy thai, thai ngoài tử cung, thai trứng thai chết lưu, rau tiền đạo, đẻ non, vỡ tử cung.

3. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí chảy máu đầu thai kỳ.

**II. NỘI DUNG BÀI (2, 4, 5)****1. Các nguyên nhân chảy máu trong thời kỳ thai nghén****2. Triệu chứng và chẩn đoán****2.1. Sảy thai**

**2.2. Thai ngoài tử cung**

**2.3. Thai trứng**

**2.4. Thai chết trong tử cung**

**2.5. Rau tiền đạo**

**2.6. Nhau bong non**

**2.7. Vô tử cung**

**3. Hướng xử trí**

**4. Chăm sóc**

**4.1. Nhận định**

**4.2. Chẩn đoán điều dưỡng**

**4.3. Lập kế hoạch chăm sóc**

**4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc**

## **BÀI 6: RỐI LOẠN CAO HUYẾT ÁP TRONG THAI KỲ**

**(Thời gian: 2 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các hình thái bệnh tăng huyết áp trong thai nghén, các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của tiền sản giật - sản giật và các biện pháp dự phòng cao huyết áp trong thai nghén.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho thai phụ có hội chứng tăng huyết áp trong thai nghén.

3. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí rối loạn cao huyết áp trong thai kỳ.

### **II. NỘI DUNG BÀI(2, 3, 5)**

**1. Đại cương**

**2. Các hình thái bệnh tăng huyết áp trong thai kỳ**

**2.1. Tiêu chuẩn chẩn đoán tiền sản giật**

**2.2. Tăng huyết áp mạn**

**2.3. Tiền sản giật trên nền tăng huyết áp mạn**

**2.4. Tăng huyết áp trong thai kỳ**

**3. Xử trí**

**3.1. Thai nghén gây tăng huyết áp (tăng huyết áp thai kỳ)**

**3.2. Tiền sản giật, sản giật**

**3.3. Tăng huyết áp mạn tính trong khi có thai**

**4. Tiên triển và tiên lượng**

**5. Dự phòng và tư vấn**

**6. Chăm sóc tiền sản giật**

## **BÀI 8: CÁC DẤU HIỆU CHUYỂN DẠ, THEO DÕI, CHĂM SÓC CHUYỂN DẠ**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được 3 giai đoạn của trong chuyển dạ, tính chất sinh lý, đặc điểm lâm sàng và tác dụng của cơn co tử cung trong chuyển dạ.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho thai phụ chuyển dạ, chuẩn bị thai phụ mổ lấy thai.

3. Cẩn thận, kiên trì, khản trương, chính xác trong theo dõi, chăm sóc thai phụ trong chuyển dạ.

### **II. NỘI DUNG BÀI (2, 3, 5)**

**1. Mở đầu**

**2. Những dấu hiệu lâm sàng trong thời kỳ chuyển dạ**

**2.1. Định nghĩa**

**2.2. Các giai đoạn chuyển dạ**

**2.3. Cơn co tử cung**

**2.4. Cơn co thành bụng**

### **2.5. Tác dụng của cơ co tử cung và cơ co thành bụng**

## **3. Chuyển dạ về phương diện lâm sàng**

### **3.1. Dấu hiệu tiền chuyển dạ**

### **3.2. Dấu hiệu chuyển dạ**

## **4. Chăm sóc và theo dõi thai phụ trong thời kỳ chuyển dạ**

### **4.1. Nhận định**

### **4.2. Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ**

### **4.3. Chuẩn bị thuốc**

### **4.4. Theo dõi chuyển dạ**

## **5. Chăm sóc thai phụ trước mổ lấy thai**

### **5.1. Tại khoa phòng**

### **5.2. Tại phòng mổ**

## **BÀI 8: CHĂM SÓC THIẾT YẾU CHO BÀ MẸ VÀ TRẺ SƠ SINH TRONG VÀ NGAY SAU ĐẼ**

**(Thời gian: 8 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các dấu hiệu chuyển dạ, công việc người đỡ đẻ phải thực hiện và cách phối hợp trong suốt cuộc đẻ.

2. Thực hiện được các bước chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ an toàn và đúng kỹ thuật đẻ.

3. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong theo dõi, xử trí, chăm sóc thiết yếu cho bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ.

### **II. NỘI DUNG BÀI (6)**

#### **1. Cơ sở và các bằng chứng về can thiệp trong và ngay sau đẻ**

##### **1.1. Tiêm bắp Oxytocin**

##### **1.2. Kéo dây rốn có kiểm soát**



**1.3. Xoa đáy tử cung****1.4. Kẹp và cắt dây rốn muộn****1.5. Tiếp xúc da kề da****1.6. Cho trẻ bú sớm**

**2. Quy trình chăm sóc thiếu yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ khi trẻ tự thở được**

**2.1. Áp dụng****2.2. Chuẩn bị****2.3. Tiến hành**

**3. Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ khi trẻ không thở được**

**3.1. Đánh giá****3.2. Các nguyên tắc của hồi sức sơ sinh****3.3. Thực hiện hồi sức sơ sinh****3.4. Tiến hành hồi sức sơ sinh theo bảng kiểm****3.5. Các mức độ chăm sóc sau hồi sức**

## **BÀI 9: CHĂM SÓC TRONG THỜI KỲ SAU ĐẸ**

**(Thời gian: 6 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các biểu hiện sinh lý của bà mẹ thời kỳ sau đẻ, những tiêu chuẩn để nhận định một trẻ sơ sinh đủ tháng, những biến cố có thể gặp ở sản phụ trong thời kỳ sau đẻ, mổ đẻ và của trẻ sơ sinh sau đẻ.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh thời kỳ sau đẻ.

3. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong theo dõi, chăm sóc và xử trí các biến cố thời kỳ sau đẻ.

## **II. NỘI DUNG BÀI (2, 4)**

### **1. Biểu hiện sinh lý và chăm sóc sản phụ trong thời kỳ sau đẻ**

#### ***1.1. Những biểu hiện sinh lý của bà mẹ ngay sau đẻ***

#### ***1.2. Biểu hiện sinh lý của sản bà mẹ tuần đầu sau đẻ***

#### ***1.3. Theo dõi và chăm sóc bà mẹ ngay sau đẻ***

#### ***1.4. Theo dõi và chăm sóc bà mẹ tuần đầu sau đẻ***

#### ***1.5. Những biến cố có thể gặp ngay sau đẻ***

### **2. Công tác chăm sóc sản phụ ngày đầu và những ngày sau đẻ**

#### ***2.1. Nhận định***

#### ***2.2. Chẩn đoán điều dưỡng***

#### ***2.3. Lập kế hoạch chăm sóc***

#### ***2.4. Thực hiện chăm sóc***

#### ***2.5. Đánh giá quá trình chăm sóc***

### **3. Theo dõi và chăm sóc sản phụ sau mổ đẻ**

### **4. Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ**

#### ***4.1. Tiêu chuẩn hình thể bên ngoài***

#### ***4.2. Chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ***

#### ***4.3. Một số trường hợp bất thường ngay sau đẻ***

### **5. Chăm sóc sơ sinh những ngày sau đẻ**

#### ***5.1. Đánh giá tình trạng trẻ hàng ngày***

#### ***5.2. Chăm sóc da, chăm sóc rốn***

#### ***5.3. Cho trẻ bú mẹ***

#### ***5.4. Theo dõi toàn thân, vàng da, sứt cân sinh lý***

#### ***5.5 Phòng bệnh***

#### ***5.6. Một số trường hợp bất thường những ngày sau đẻ***

## **BÀI 10: CHĂM SÓC SẢN PHỤ CHẢY MÁU SAU ĐẼ**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân chảy máu sau đẻ và các biện pháp dự phòng chảy máu sau đẻ.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chảy máu sau đẻ.
3. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong theo dõi, chăm sóc và xử trí chảy máu sau đẻ.

### **II. NỘI DUNG BÀI (4)**

#### **1. Đờ tử cung**

##### ***1.1. Nguyên nhân***

##### ***1.2. Triệu chứng lâm sàng***

#### **2. Chấn thương đường sinh dục**

##### ***2.1. Nguyên nhân***

##### ***2.2. Triệu chứng lâm sàng***

#### **3. Bất thường bong nhau và sổ nhau**

#### **4. Rối loạn đông máu**

#### **5. Chẩn đoán xác định**

#### **6. Xử trí chung**

#### **7. Kế hoạch chăm sóc**

##### ***7.1. Nhận định***

##### ***7.2. Những vấn đề cần chăm sóc***

##### ***7.3. Lập kế hoạch chăm sóc***

##### ***7.4. Thực hiện chăm sóc***

##### ***7.5. Đánh giá quá trình chăm sóc***

## **BÀI 11: CHĂM SÓC SẢN PHỤ NHIỄM KHUẨN SAU ĐẼ**

(Thời gian: 2 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các yếu tố thuận lợi, các loại vi khuẩn gây nhiễm khuẩn hậu sản, triệu chứng và hướng xử trí các thể lâm sàng trong nhiễm khuẩn hậu sản.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn sau đẻ.
3. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong theo dõi, chăm sóc và xử trí sản phụ nhiễm khuẩn sau đẻ.

**II. NỘI DUNG BÀI (4, 5)****1. Đại cương*****1.1. Định nghĩa******1.2. Đường xâm nhập******1.3. Nguyên nhân/ các yếu tố nguy cơ******1.4. Mầm bệnh các loại vi khuẩn phân lập được*****2. Các hình thái nhiễm khuẩn sau đẻ*****2.1. Nhiễm khuẩn tầng sinh môn, âm hộ, âm đạo******2.2. Viêm nội mạc tử cung******2.3. Viêm cơ tử cung******2.4. Viêm dây chằng và phần phụ******2.5. Viêm phúc mạc tiểu khung******2.6. Viêm phúc mạc toàn thể******2.7. Nhiễm khuẩn máu******2.8. Choáng nhiễm khuẩn*****3. Kế hoạch chăm sóc*****3.1. Nhận định******3.2. Những vấn đề cần chăm sóc******3.3. Lập kế hoạch chăm sóc***

### **3.4. Thực hiện chăm sóc**

### **3.5. Đánh giá quá trình chăm sóc**

## **4. Dự phòng**

# **BÀI 12: CHĂM SÓC BỆNH NHÂN NHIỄM KHUẨN SINH SẢN VÀ CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC**

**(Thời gian: 2 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các nguyên nhân, điều kiện thuận lợi, dự phòng nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục.
2. Thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho phụ nữ mắc bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục.
3. Cẩn thận, kiên trì, khẩn trương, chính xác trong theo dõi, chăm sóc, xử trí bệnh nhân nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

## **II. NỘI DUNG BÀI (4, 5)**

### **1. Những vấn đề chung về nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục**

#### **1.1. Nguyên nhân nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục**

#### **1.2. Điều kiện thuận lợi nhiễm khuẩn đường sinh sản**

#### **1.3. Dự phòng nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục**

### **2. Hội chứng tiết dịch âm đạo**

#### **2.1. Nguyên nhân thường gặp**

#### **2.2. Triệu chứng và chẩn đoán**

#### **2.3. Điều trị**

### **3. Hội chứng loét sinh dục - sưng hạch bẹn**

#### **3.1. Triệu chứng**

**3.2. Chẩn đoán****3.3. Điều trị****4. Sùi mào gà****4.1. Triệu chứng****4.2. Chẩn đoán****4.3. Điều trị****5. Hội chứng đau bụng dưới****5.1. Nguyên nhân gây đau bụng dưới****5.2. Triệu chứng lâm sàng****5.3. Chẩn đoán****6. Dự phòng****7. Tư vấn****8. Kế hoạch chăm sóc bệnh nhân nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục****8.1. Nhận định****8.2. Chẩn đoán chăm sóc****8.3. Lập kế hoạch chăm sóc****8.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc****8.5. Đánh giá****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN****I. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.
- Học thực hành: Tại phòng Thực hành chăm sóc bà mẹ mang thai, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ.

**II. Trang thiết bị máy móc**

- Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, các thiết bị y tế có liên quan.

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: Phấn, bảng, Giấy Ao, A4, bút lông, bút chì, nam châm. Giáo trình và chương trình mô đun, các tài liệu tham khảo chuyên ngành, ....
- Học thực hành: Bảng kiểm thực hành, các mô hình chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh, các loại dụng cụ và vật tư y tế, các loại máy móc sử dụng trong y tế.

### **IV. Các điều kiện khác:**

Các cơ sở y tế, phòng khám đa khoa có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh để người học rèn luyện nâng cao tay nghề.

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Các nội dung cần giáo dục sức khỏe cho phụ nữ nói chung.
- Các nội dung cơ bản về viên thuốc tránh thai kết hợp, viên thuốc tránh thai đơn thuần, bao cao su dành cho nam giới, dụng cụ tử cung và triệt sản.
- Sự thay đổi nội tiết, giải phẫu, sinh lý ở cơ quan sinh dục và các cơ quan khác của người phụ nữ trong quá trình mang thai.
- Các triệu chứng để chẩn đoán có thai, mục đích của mỗi lần khám thai.
- Các nguyên nhân, các triệu chứng, chẩn đoán dọa sảy thai, sảy thai, thai ngoài tử cung, thai chết lưu, rau tiền đạo, đẻ non, vỡ tử cung.
- Các hình thái bệnh tăng huyết áp trong thai nghén, các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của tiền sản giật - sản giật và các biện pháp dự phòng cao huyết áp trong thai nghén.
- Tính chất sinh lý, đặc điểm lâm sàng, tác dụng của cơ co tử cung, các dấu hiệu trong chuyển dạ, công việc người đỡ đẻ phải thực hiện và cách phối hợp trong suốt cuộc đẻ.

- Các biểu hiện sinh lý của bà mẹ thời kỳ sau đẻ, những tiêu chuẩn để nhận định một trẻ sơ sinh đủ tháng, những biến cố có thể gặp ở sản phụ trong thời kỳ sau đẻ, mổ đẻ và của trẻ sơ sinh sau đẻ.

- Các nguyên nhân, điều kiện thuận lợi, dự phòng nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục.

## **2. Kỹ năng**

- Tư vấn được về sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng vị thành niên, phụ nữ tuổi sinh sản, phụ nữ tuổi mãn kinh.

- Thực hiện được tuyên truyền và tư vấn về sử dụng các biện pháp tránh thai.

- Vận dụng được những đặc điểm sinh lý, bệnh lý thời kỳ mang thai vào việc theo dõi và chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ và cho thai.

- Thực hiện được các bước khám thai, tính được tuổi thai và dự kiến ngày sinh.

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc phù hợp với thai phụ bị sảy thai, thai ngoài tử cung, thai trứng thai chết lưu, rau tiền đạo, đẻ non, vỡ tử cung, hội chứng tăng huyết áp trong thai nghén.

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho thai phụ chuyển dạ, chuẩn bị thai phụ mổ lấy thai.

- Thực hiện được các bước chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ an toàn và đúng kỹ thuật đẻ.

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ, trẻ sơ sinh thời kỳ sau đẻ và sản phụ chảy máu sau đẻ.

- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn sau đẻ, phụ nữ mắc bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và bệnh lây truyền qua đường sinh dục.

## **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Rèn luyện được tính chuyên cần, cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh nhẹn, thận trọng và chính xác trong quá trình thực hiện kỹ thuật.

- Lắng nghe, tôn trọng sự hiểu biết của người bệnh và phong tục tập quán liên quan đến chăm sóc sức khỏe tại địa phương.



## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.

+ Số bài kiểm tra: 1 thực hành.

+ Hình thức kiểm tra: Thực hiện quy trình về chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh với bài kiểm tra thực hành.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ phải được trình bày, đính kèm trong kế hoạch bài giảng.

### **2. Thi kết thúc mô đun**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ IV của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

### **I. Phạm vi áp dụng mô đun**

Chương trình mô đun Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học....

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

#### **2. Đối với người học**

- Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định;

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về giờ học và làm đầy đủ các bài tập về nhà;

- Người học cần hoàn thành quy trình kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh sau khi kết thúc một bài học và nhà giáo có đánh giá kết quả của quy trình đó.

- Người học tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý:**

- Nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng và cách chăm sóc đối với phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Khi thực hiện kỹ thuật phải bảo đảm chính xác từng bước chuẩn của quy trình.

### **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế. Hướng dẫn quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản - Nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên và thanh niên. Hà Nội; 2024.

2. Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội. Giáo trình chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình. Hà Nội; 2021.

3. Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh. Bài giảng phụ khoa. Nhà xuất bản Y học; 2020.

4. Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh. Bài giảng sản khoa. Nhà xuất bản Y học; 2020.

5. Bộ Y tế. Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. Hà Nội; 2016.

6. Bộ Y tế. “Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ”. Hà Nội; 2014.

### **V. Ghi chú và giải thích: Không.**

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Chăm sóc sức khỏe trẻ em (Pediatric Nursing).

**Mã môn học:** 651420742.

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (lý thuyết: 13 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ IV.

#### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng hệ chính quy hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được đặc điểm, giải phẫu sinh lý, sự phát triển của trẻ em qua các thời kỳ.

2. Mô tả được sự phát triển về thể chất, tinh thần, vận động và các dấu hiệu trong một số bệnh lý thường gặp ở trẻ em.

3. Trình bày được cách xử trí một số cấp cứu thường gặp ở trẻ em.

4. Trình bày một số yếu tố văn hóa, xã hội, môi trường, thói quen và phong tục tập quán có ảnh hưởng trong chăm sóc sức khỏe trẻ em.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ em mắc số bệnh thường gặp

2. Thực hiện đúng các bước sơ cứu kịp thời một số cấp cứu thường gặp ở trẻ em.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong quá trình chăm sóc trẻ bị bệnh.

2. Có năng lực tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

## C. NỘI DUNG MÔN HỌC

### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                             | Thời gian (giờ) |           |                     |                       |               |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------------------|-----------------------|---------------|
|    |                                                                                                                                                                                             | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập , thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/ Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Đặc điểm giải phẫu sinh lý ở trẻ em                                                                                                                                               | 1               | 1         |                     |                       |               |
|    | 1. Da và lớp mỡ dưới da<br>1.1. Đặc điểm cấu tạo<br>1.2. Đặc điểm sinh lý<br>2. Hệ cơ<br>2.1. Đặc điểm cấu tạo<br>2.2. Đặc điểm về sự phát triển cơ<br>3. Hệ xương<br>3.1. Đặc điểm cấu tạo | 0,5             | 0,5       |                     |                       |               |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |     |  |  |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|   | 3.2. Đặc điểm một số xương<br>4. Hệ hô hấp<br>4.1. Đặc điểm giải phẫu<br>4.2. Đặc điểm sinh lý                                                                                                                                                                                                                                                       |     |     |  |  |  |
|   | 5. Hệ tuần hoàn<br>5.1. Vòng tuần hoàn thai nhi và sau khi đẻ<br>5.2. Tim<br>5.3. Mạch máu<br>5.4. Huyết áp động mạch<br>5.5. Máu ngoại biên của trẻ em<br>6. Hệ tiêu hóa<br>6.1. Miệng<br>6.2. Thực quản<br>6.3. Dạ dày<br>6.4. Ruột<br>6.5. Phân<br>6.6. Gan<br>7. Hệ tiết niệu<br>7.1. Thận<br>7.2. Niệu quản<br>7.3. Bàng quang<br>7.4. Niệu đạo | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
| 2 | Chương 2: Sự phát triển của trẻ qua các thời kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1   | 1   |  |  |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                      |     |     |  |   |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | 1. Đại cương<br>2. Các thời kỳ phát triển của trẻ<br>2.1. Thời kỳ phát triển trong tử cung<br>2.2. Thời kỳ sơ sinh<br>2.3. Thời kỳ bú mẹ<br>2.4. Thời kỳ răng sữa<br>2.5. Thời kỳ thiếu niên<br>2.6. Thời kỳ dậy thì | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
|   | 3. Biện pháp giúp trẻ phát triển toàn diện                                                                                                                                                                           | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
| 3 | Chương 3: Sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động ở trẻ em                                                                                                                                                     | 3   | 1   |  | 2 |  |
|   | 1. Sự phát triển thể chất ở trẻ em<br>1.1. Cân nặng<br>1.2. Chiều cao<br>1.3. Vòng đầu<br>1.4. Vòng ngực<br>1.5. Vòng cánh tay<br>1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất                               | 0,5 | 0,5 |  |   |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |     |  |   |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | <p>2. Sự phát triển tinh thần - vận động ở trẻ em</p> <p>2.1. Các yếu tố bảo đảm cho trẻ có thể phát triển tinh thần - vận động bình thường</p> <p>2.2. Sự phát triển tinh thần, vận động ở trẻ em</p>                                                                                                                                                           |     |     |  |   |  |
|   | <p>3. Biểu đồ tăng trưởng</p> <p>3.1. Tác dụng</p> <p>3.2. Cấu tạo</p> <p>3.3. Cách theo dõi biểu đồ</p>                                                                                                                                                                                                                                                         | 0,5 | 0,5 |  | 2 |  |
| 4 | Chương 4: Dinh dưỡng trẻ em                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | <p>1. Nuôi con bằng sữa mẹ</p> <p>1.1. Giá trị của sữa mẹ và lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ</p> <p>1.2. Sinh lý bài tiết sữa</p> <p>1.3. Cách bảo vệ nguồn sữa mẹ</p> <p>1.4. Cách cho trẻ bú</p> <p>1.5. Cách xử trí một trẻ có vấn đề nuôi dưỡng chưa hợp lý hoặc nhẹ cân</p> <p>1.6. Xử trí một số tình huống khi cho con bú</p> <p>2. Ăn nhân tạo</p> | 0,5 | 0,5 |  |   |  |



|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |     |  |   |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | <p>2.1. Các loại sữa cho trẻ ăn nhân tạo</p> <p>2.2. Cách cho trẻ ăn khi thiếu hoặc mất sữa mẹ</p>                                                                                                                                                                              |     |     |  |   |  |
|   | <p>3. Ăn bổ sung (ăn sam, ăn dặm)</p> <p>3.1. Định nghĩa</p> <p>3.2. Thời gian cho trẻ ăn bổ sung</p> <p>3.3. Thức ăn bổ sung: Theo ô vuông thức ăn</p> <p>3.4. Nguyên tắc cho trẻ ăn</p> <p>3.5. Cách chế biến một số món ăn</p> <p>3.6. Hướng dẫn nuôi dưỡng trẻ</p>          | 0,5 | 0,5 |  | 4 |  |
| 5 | Chương 5: Chương trình tiêm chủng mở rộng                                                                                                                                                                                                                                       | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | <p>1. Mục tiêu, mục đích, ý nghĩa của tiêm chủng</p> <p>1.1. Mục tiêu của chương trình tiêm chủng mở rộng</p> <p>1.2. Mục đích của tiêm chủng</p> <p>1.3. Ý nghĩa của tiêm chủng và chương trình tiêm chủng mở rộng</p> <p>2. Vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng</p> | 0,5 | 0,5 |  |   |  |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |     |  |   |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
| <p>2.1. Vắc xin Bạch hầu - ho gà - uốn ván (DPT)</p> <p>2.2. Vắc xin sởi</p> <p>2.3. Vắc xin bại liệt uống (OPV) và (IPV) tiêm</p> <p>2.4. Vắc xin uốn ván (UV)</p> <p>2.5. Vắc xin phòng lao (BCG)</p> <p>2.6. Vắc xin viêm gan B</p> <p>2.7 . Vắc xin phối hợp (DPT - VGB - Hib)</p> <p>2.8. Vắc xin viêm não Nhật Bản (JE)</p> <p>2.9. Vắc xin Tả</p> <p>2.10. Vắc xin Thương hàn</p> <p>3. Lịch tiêm chủng chương trình tiêm chủng mở rộng</p> <p>3.1. Lịch tiêm chủng vắc xin cơ bản cho trẻ em</p> <p>3.2. Lịch tiêm chủng vắc xin viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn tại các vùng lưu hành bệnh</p> <p>3.3. Lịch tiêm vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai</p> |     |     |  |   |  |
| <p>4. Thực hiện tiêm chủng</p> <p>4.1. Chuẩn bị cho một buổi tiêm chủng tại cơ sở y tế</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0,5 | 0,5 |  | 4 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |     |     |  |   |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | <p>4.2. Tổ chức buổi tiêm chủng</p> <p>5. Bảo quản vắc xin, dây truyền lạnh và cách sử dụng phích giữ lạnh vắc xin</p> <p>5.1. Bảo quản Vắc xin</p> <p>5.2. Dây truyền lạnh</p> <p>5.3. Sử dụng phích vắc xin bảo quản vắc xin</p> <p>5.4. Giữ lạnh vắc xin trong khi vận chuyển</p> <p>5.5. Giữ lạnh Vắc xin trong suốt buổi tiêm chủng</p> |     |     |  |   |  |
| 6 | Chương 6: Chăm sóc trẻ sơ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | <p>1. Đặc điểm trẻ sơ sinh</p> <p>1.1. Đặc điểm hình thể</p> <p>1.2. Đặc điểm sinh lý</p>                                                                                                                                                                                                                                                    | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
|   | <p>2. Chăm sóc trẻ sơ sinh</p> <p>2.1. Trẻ sơ sinh đủ tháng</p> <p>2.2. Trẻ sơ sinh non tháng</p> <p>2.3. Trẻ sơ sinh già tháng</p>                                                                                                                                                                                                          | 0,5 | 0,5 |  | 4 |  |
| 7 | Chương 7: Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | 1. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0,5 | 0,5 |  |   |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |     |     |  |   |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | 1.1. Mục tiêu của chương trình<br>1.2. Các nội dung triển khai tại tuyến y tế cơ sở<br>2. Suy dinh dưỡng<br>2.1. Khái niệm<br>2.2. Tác hại<br>2.3. Nguyên nhân<br>3. Phân loại suy dinh dưỡng<br>3.1. Phân loại theo mức độ SDD<br>3.2. Phân loại theo Wellcome (1970)<br>3.3. Phân loại theo Waterlow (1976)<br>3.4. Dựa vào lâm sàng |     |     |  |   |  |
|   | 4. Chăm sóc<br>4.1. Nhận định<br>4.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc<br>4.3. Đánh giá<br>4.4. Phòng bệnh                                                                                                                                                                                                                           | 0,5 | 0,5 |  | 4 |  |
| 8 | Chương 8: Chăm sóc trẻ bị bệnh còi xương                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1   | 1   |  |   |  |
|   | 1. Đại cương<br>1.1. Khái niệm về bệnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0,5 | 0,5 |  |   |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |     |     |  |   |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | 1.2. Nguồn cung cấp vitamin D<br>1.3. Vai trò của vitamin D<br>2. Nguyên nhân<br>3. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng                                                                                                                                                                       |     |     |  |   |  |
|   | 4. Chăm sóc<br>4.1. Nhận định<br>4.2. Các vấn đề chăm sóc<br>4.3. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc                                                                                                                                                                                         | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
| 9 | Chương 9: Chăm sóc trẻ bị nhiễm khuẩn hô hấp cấp                                                                                                                                                                                                                                             | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | 1. Chương trình nhiễm khuẩn hô hấp cấp (ARI)<br>2.1. Tầm quan trọng của NKHHC ở trẻ em<br>2.2. Mục tiêu của chương trình ARI<br>2.3. Biện pháp thực hiện mục tiêu<br>2.4. Các nội dung hoạt động chính của chương trình<br>2. Nhiễm khuẩn hô hấp cấp<br>2.1. Nguyên nhân<br>2.2. Triệu chứng | 0,5 | 0,5 |  |   |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |     |     |  |   |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|    | 2.3. Phân loại<br>3. Phòng bệnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |     |     |  |   |  |
|    | 4. Chăm sóc<br>4.1. Nhận định<br>4.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc<br>4.3. Đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0,5 | 0,5 |  | 4 |  |
| 10 | Chương 10: Chăm sóc trẻ bị bệnh tiêu chảy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5   | 1   |  | 4 |  |
|    | 1. Chương trình phòng chống tiêu chảy (CDD)<br>2.1. Tầm quan trọng của bệnh<br>1.2. Mục tiêu của chương trình<br>1.3. Nội dung triển khai tại y tế cơ sở<br>2. Bệnh tiêu chảy<br>2.1. Định nghĩa<br>2.2. Tác hại của tiêu chảy<br>3. Nguyên nhân gây tiêu chảy<br>3.1. Do nhiễm khuẩn<br>3.2. Do chế độ ăn sai về số lượng và chất lượng<br>3.3. Do biến chứng của một số bệnh | 0,5 | 0,5 |  |   |  |

|    |                                                                                                                                     |     |     |  |   |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|    | 4. Triệu chứng và cách phân loại<br>5. Phòng bệnh<br>6. Chăm sóc<br>6.1. Nhận định<br>6.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc       | 0,5 | 0,5 |  | 4 |  |
| 11 | Chương 11: Chăm sóc trẻ bị viêm cầu thận cấp                                                                                        | 1   | 1   |  |   |  |
|    | 1. Đại cương<br>2. Nguyên nhân<br>3. Triệu chứng<br>3.1. Thời kỳ khởi phát<br>3.2. Thời kỳ toàn phát<br>4. Tiến triển và biến chứng | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
|    | 5. Chăm sóc<br>5.1. Nhận định<br>5.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc<br>6. Phòng bệnh                                           | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
| 12 | Chương 12: Chăm sóc trẻ bị Hội chứng thận hư                                                                                        | 1   | 1   |  |   |  |
|    | 1. Đại cương<br>2. Nguyên nhân                                                                                                      | 0,5 | 0,5 |  |   |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |     |  |   |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|    | 3. Triệu chứng<br>3.1. Thời kỳ khởi phát<br>3.2. Thời kỳ toàn phát<br>4. Tiến triển và biến chứng                                                                                                                                                                                                                          |     |     |  |   |  |
|    | 5. Chăm sóc<br>5.1. Nhận định<br>5.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc                                                                                                                                                                                                                                                   | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
| 13 | Chương 13: Chăm sóc trẻ bị co giật                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5   | 1   |  | 4 |  |
|    | 1. Đại cương<br>2. Nguyên nhân<br>2.1. Co giật do tổn thương thực thể ở não và màng não<br>2.2. Co giật do rối loạn chức năng não<br>2.3. Do cao huyết áp<br>2.4. Do sốt cao<br>2.5. Bệnh động kinh<br>3. Phân loại<br>3.1. Co giật không động kinh<br>3.2. Co giật động kinh<br>4. Triệu chứng<br>4.1. Co giật do sốt cao | 0,5 | 0,5 |  |   |  |



|    |                                                                                   |     |     |   |    |   |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|---|----|---|
|    | 4.2. Co giật do nhiễm trùng ở hệ thần kinh trung ương<br>4.3 Co giật do động kinh |     |     |   |    |   |
|    | 5. Chăm sóc<br>5.1. Nguyên tắc<br>5.2. Chăm sóc cụ thể                            | 0,5 | 0,5 |   | 4  |   |
| 14 | Kiểm tra định kỳ                                                                  | 1   |     |   |    | 1 |
| 15 | Thi kết thúc môn học                                                              | 1   |     |   |    | 1 |
|    | Cộng                                                                              | 45  | 13  | 0 | 30 | 2 |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### CHƯƠNG 1: ĐẶC ĐIỂM GIẢI PHẪU SINH LÝ Ở TRẺ EM

(Thời gian: 1 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm cấu tạo, đặc điểm sinh lý về giải phẫu ở trẻ em.
2. Vận dụng được những đặc điểm giải phẫu sinh lý vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em.
3. Cẩn thận, kiên trì, chính xác trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em.

#### II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

##### 1. Da và lớp mỡ dưới da

###### 1.1. Đặc điểm cấu tạo

###### 1.2. Đặc điểm sinh lý

##### 2. Hệ cơ

###### 2.1. Đặc điểm cấu tạo

###### 2.2. Đặc điểm về sự phát triển cơ

### **3. Hệ xương**

#### ***3.1. Đặc điểm cấu tạo***

#### ***3.2. Đặc điểm một số xương***

### **4. Hệ hô hấp**

#### ***4.1. Đặc điểm giải phẫu***

#### ***4.2. Đặc điểm sinh lý***

### **5. Hệ tuần hoàn**

#### ***5.1. Vòng tuần hoàn thai nhi và sau khi đẻ***

#### ***5.2. Tim***

#### ***5.3. Mạch máu***

#### ***5.4. Huyết áp động mạch***

#### ***5.5. Máu ngoại biên của trẻ em***

### **6. Hệ tiêu hóa**

#### ***6.1. Miệng***

#### ***6.2. Thực quản***

#### ***6.3. Dạ dày***

#### ***6.4. Ruột***

#### ***6.5. Phân***

#### ***6.6. Gan***

### **7. Hệ tiết niệu**

#### ***7.1. Thận***

#### ***7.2. Niệu quản***

#### ***7.3. Bàng quang***

#### ***7.4. Niệu đạo***

## **CHƯƠNG 2: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ QUA CÁC THỜI KỲ**

**(Thời gian: 1 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý của trẻ em qua các thời kỳ.
2. Thực hiện chăm sóc được trẻ qua các thời kỳ.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì, trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG(1)****1. Đại cương****2. Các thời kỳ phát triển của trẻ****2.1. Thời kỳ phát triển trong tử cung****2.2. Thời kỳ sơ sinh****2.3. Thời kỳ bú mẹ****2.4. Thời kỳ răng sữa****2.5. Thời kỳ thiếu niên****2.6. Thời kỳ dậy thì**

**CHƯƠNG 3: SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT, TINH THẦN VÀ VẬN ĐỘNG Ở TRẺ EM**

**(Thời gian: 3 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các chỉ số, đặc điểm chính của sự phát triển tinh thần vận động ở trẻ em.
2. Ứng dụng được các chỉ số chính vào công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em và giáo dục sức khỏe.
3. Cẩn thận, nhẹ nhàng, chính xác trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG(1)**

## **1. Sự phát triển thể chất ở trẻ em**

### **1.1. Cân nặng**

### **1.2. Chiều cao**

### **1.3. Vòng đầu**

### **1.4. Vòng ngực**

### **1.5. Vòng cánh tay**

### **1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất**

## **2. Sự phát triển tinh thần - vận động ở trẻ em**

### **2.1. Các yếu tố bảo đảm cho trẻ có thể phát triển tinh thần - vận động bình thường**

### **2.2. Sự phát triển tinh thần, vận động ở trẻ em**

## **3. Biểu đồ tăng trưởng**

### **3.1. Tác dụng**

### **3.2. Cấu tạo**

### **3.3. Cách theo dõi biểu đồ**

## **CHƯƠNG 4: DINH DƯỠNG TRẺ EM**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được giá trị và lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ.
2. Thực hiện được các bước cho trẻ bú đúng, cách cho trẻ ăn nhân tạo và chế độ ăn bổ sung.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, nhẹ nhàng, chính xác trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG(1)**

#### **1. Nuôi con bằng sữa mẹ**

##### **1.1. Giá trị của sữa mẹ và lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ**

**1.2. Sinh lý bài tiết sữa****1.3. Cách bảo vệ nguồn sữa mẹ****1.4. Cách cho trẻ bú****1.5. Cách xử trí một trẻ có vấn đề nuôi dưỡng chưa hợp lý hoặc nhẹ cân****1.6. Xử trí một số tình huống khi cho con bú****2. Ăn nhân tạo****2.1. Các loại sữa cho trẻ ăn nhân tạo****2.2. Cách cho trẻ ăn khi thiếu hoặc mất sữa mẹ****3. Ăn bổ sung (ăn sam, ăn dặm)****3.1. Định nghĩa****3.2. Thời gian cho trẻ ăn bổ sung****3.3. Thức ăn bổ sung: Theo ô vuông thức ăn.****3.4. Nguyên tắc cho trẻ ăn****3.5. Cách chế biến một số món ăn****3.6. Hướng dẫn nuôi dưỡng trẻ****CHƯƠNG 5: CHƯƠNG TRÌNH TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG****(Thời gian: 4 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê được các loại vắc xin, lịch tiêm chủng, cách sử dụng, bảo quản vắc xin.
2. Chuẩn bị được các nội dung cho một buổi tiêm chủng.
3. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, chính xác trong việc tiêm chủng cho trẻ.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG(2)****1. Mục tiêu, mục đích, ý nghĩa của tiêm chủng****1.1. Mục tiêu của chương trình tiêm chủng mở rộng**

## ***1.2. Mục đích của tiêm chủng***

## ***1.3. Ý nghĩa của tiêm chủng và chương trình tiêm chủng mở rộng***

## ***2. Vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng***

### ***2.1. Vắc xin Bạch hầu - ho gà - uốn ván (DPT)***

### ***2.2. Vắc xin sởi***

### ***2.3. Vắc xin bại liệt uống (OPV) và (IPV) tiêm***

### ***2.4. Vắc xin uốn ván (UV)***

### ***2.5. Vắc xin phòng lao (BCG)***

### ***2.6. Vắc xin viêm gan B***

### ***2.7. Vắc xin phối hợp (DPT - VGB - Hib)***

### ***2.8. Vắc xin viêm não Nhật Bản (JE)***

### ***2.9. Vắc xin Tả***

### ***2.10. Vắc xin Thương hàn***

## ***3. Lịch tiêm chủng chương trình tiêm chủng mở rộng***

### ***3.1. Lịch tiêm chủng vắc xin cơ bản cho trẻ em***

***3.2. Lịch tiêm chủng vắc xin viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn tại các vùng lưu hành bệnh***

### ***3.3. Lịch tiêm vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai***

## ***4. Thực hiện tiêm chủng***

### ***4.1. Chuẩn bị cho một buổi tiêm chủng tại cơ sở y tế***

### ***4.2. Tổ chức buổi tiêm chủng***

***5. Bảo quản vắc xin, dây truyền lạnh và cách sử dụng phích giữ lạnh vắc xin***

### ***5.1. Bảo quản Vắc xin***

### ***5.2. Dây truyền lạnh***

### ***5.3. Sử dụng phích vắc xin bảo quản vắc xin***

**5.4. Giữ lạnh vắc xin trong khi vận chuyển****5.5. Giữ lạnh Vắc xin trong suốt buổi tiêm chủng****CHƯƠNG 6: CHĂM SÓC TRẺ SƠ SINH****(Thời gian: 4 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được đặc điểm của trẻ sơ sinh đủ tháng, non tháng và già tháng.
2. Thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng, non tháng và già tháng.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, nhẹ nhàng khai chăm sóc trẻ sơ sinh.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG(1)****1. Đặc điểm trẻ sơ sinh****1.1. Đặc điểm hình thể****1.2. Đặc điểm sinh lý****2. Chăm sóc****2.1. Trẻ sơ sinh đủ tháng****2.2. Trẻ sơ sinh non tháng****2.3. Trẻ sơ sinh già tháng****CHƯƠNG 7: CHĂM SÓC TRẺ BỊ SUY DINH DƯỠNG****(Thời gian: 4 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được tác hại, nguyên nhân, triệu chứng bệnh và phân loại được các mức độ suy dinh dưỡng.
2. Thực hiện được cách lập kế hoạch chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ bị suy dinh dưỡng.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG(1)**

## **1. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng**

### ***1.1. Mục tiêu của chương trình***

### ***1.2. Các nội dung triển khai tại tuyến y tế cơ sở***

## **2. Suy dinh dưỡng**

### ***2.1. Khái niệm***

### ***2.2. Tác hại***

### ***2.3. Nguyên nhân***

## **3. Phân loại suy dinh dưỡng**

### ***3.1. Phân loại theo mức độ SDD***

### ***3.2. Phân loại theo Wellcome (1970)***

### ***3.3. Phân loại theo Waterlow (1976)***

### ***3.4. Dựa vào lâm sàng***

## **4. Chăm sóc**

### ***4.1. Nhận định***

### ***4.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc***

### ***4.3. Đánh giá***

### ***4.4. Phòng bệnh***

## **CHƯƠNG 8: CHĂM SÓC TRẺ BỊ BỆNH CÒI XƯƠNG**

**(Thời gian: 1 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày đúng nguyên nhân và triệu chứng chính của bệnh còi xương.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ còi xương.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ bị bệnh còi xương.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**



## **1. Đại cương**

### **1.1. Khái niệm**

### **1.2. Nguồn cung cấp vitamin D**

### **1.3. Vai trò của vitamin D**

## **2. Nguyên nhân**

## **3. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng**

## **4. Chăm sóc**

### **4.1. Nhận định**

### **4.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc**

### **4.3. Giáo dục sức khỏe**

## **CHƯƠNG 9: CHĂM SÓC TRẺ BỊ NHIỄM KHUẨN HÔ HẤP CẤP**

**(Thời gian: 4 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân, nguy cơ, triệu chứng chính và cách phân loại nhiễm khuẩn hô hấp cấp.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ không viêm phổi, viêm phổi và viêm phổi nặng hoặc bệnh rất nặng.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ bị bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

### **1. Chương trình nhiễm khuẩn hô hấp cấp (ARI)**

#### **2.1. Tầm quan trọng của NKHHC ở trẻ em**

#### **2.2. Mục tiêu của chương trình ARI**

#### **2.3. Biện pháp thực hiện mục tiêu**

#### **2.4. Các nội dung hoạt động chính của chương trình**

## **2. Nhiễm khuẩn hô hấp cấp**

**2.1. Nguyên nhân****2.2. Triệu chứng****2.3. Phân loại****3. Phòng bệnh****4. Chăm sóc****4.1. Nhận định****4.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc****CHƯƠNG 10: CHĂM SÓC TRẺ BỊ BỆNH TIÊU CHẢY****(Thời gian: 4 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân, tác hại đánh giá và phân loại mất nước ở bệnh nhân tiêu chảy cấp.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho bệnh nhân tiêu chảy theo mức độ phân loại.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, nhẹ nhàng, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ bị bệnh tiêu chảy.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)****1. Chương trình phòng chống tiêu chảy (CDD)****2.1. Tầm quan trọng của bệnh****1.2. Mục tiêu của chương trình****1.3. Nội dung triển khai tại y tế cơ sở****2. Bệnh tiêu chảy****2.1. Định nghĩa****2.2. Tác hại của tiêu chảy****3. Nguyên nhân gây tiêu chảy****3.1. Do nhiễm khuẩn**

**3.2. Do chế độ ăn sai về số lượng và chất lượng**

**3.3. Do biến chứng của một số bệnh**

**4. Triệu chứng và cách phân loại**

**5. Phòng bệnh**

**6. Chăm sóc**

**6.1. Nhận định**

**6.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc**

## **CHƯƠNG 11: CHĂM SÓC TRẺ BỊ VIÊM CẦU THẬN CẤP**

**(Thời gian: 1 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng của bệnh viêm cầu thận cấp.
2. Lập được kế hoạch chăm sóc trẻ viêm cầu thận cấp.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ bị viêm cầu thận cấp.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

**1. Đại cương**

**2. Nguyên nhân**

**3. Triệu chứng**

**3.1. Thời kỳ khởi phát**

**3.2. Thời kỳ toàn phát**

**4. Tiến triển và biến chứng**

**5. Chăm sóc**

**5.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc**

**6. Phòng bệnh**

## **CHƯƠNG 12: CHĂM SÓC TRẺ BỊ HỘI CHỨNG THẬN HƯ**

(Thời gian: 1 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng của hội chứng thận hư.
2. Thực hiện được lập kế hoạch chăm sóc cho bệnh nhân hội chứng thận hư.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ bị hội chứng thận hư.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG(1)****1. Đại cương****2. Nguyên nhân****3. Triệu chứng****3.1. Thời kỳ khởi phát****3.2. Thời kỳ toàn phát****4. Tiến triển và biến chứng****5. Chăm sóc****5.1. Nhận định****5.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc****CHƯƠNG 13: CHĂM SÓC TRẺ BỊ CO GIẬT**

(Thời gian: 5 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên nhân, phân loại gây co giật.
2. Thực hiện được cách chăm sóc trẻ khi lên cơn co giật.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác trong phát hiện, chăm sóc và xử trí trẻ bị co giật.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG(1)**

**1. Đại cương****2. Nguyên nhân***2.1. Co giật do tổn thương thực thể ở não và màng não**2.2. Co giật do rối loạn chức năng não**2.3. Do cao huyết áp**2.4. Do sốt cao**2.5. Bệnh động kinh***3. Phân loại***3.1. Co giật không động kinh**3.2. Co giật động kinh***4. Triệu chứng***4.1. Co giật do sốt cao**4.2. Co giật do nhiễm trùng ở hệ thần kinh trung ương**4.3. Co giật do động kinh***5. Chăm sóc****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

**II. Trang thiết bị máy móc**

Máy vi tính, máy chiếu hoặc tivi.

**III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- **Học liệu:** Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm,...

**IV. Các điều kiện khác:** Không.

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Đặc điểm cấu tạo, đặc điểm sinh lý về giải phẫu ở trẻ em.
- Đặc điểm sinh lý, bệnh lý của trẻ em qua các thời kỳ.
- Các chỉ số, đặc điểm chính của sự phát triển tinh thần vận động ở trẻ em.
- Giá trị và lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ.
- Các loại vắc xin, lịch tiêm chủng, cách sử dụng, bảo quản vắc xin.
- Đặc điểm của trẻ sơ sinh đủ tháng, non tháng và già tháng.
- Nguyên nhân, triệu chứng bệnh và phân loại được các mức độ suy dinh dưỡng, bệnh còi xương, nhiễm khuẩn hô hấp cấp, tiêu chảy cấp, viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, co giật.

#### **2. Kỹ năng**

- Vận dụng được những đặc điểm giải phẫu sinh lý vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ em.
- Thực hiện chăm sóc được trẻ qua các thời kỳ.
- Thực hiện được các bước cho trẻ bú đúng, cách cho trẻ ăn nhân tạo và chế độ ăn bổ sung.
- Chuẩn bị được các nội dung cho một buổi tiêm chủng.
- Thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng, non tháng và già tháng.
- Lập kế hoạch chăm sóc trẻ mắc một số bệnh thường gặp (suy dinh dưỡng, còi xương, viêm phổi, tiêu chảy, viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư, viêm cầu thận cấp).
- Thực hiện được cách chăm sóc trẻ khi lên cơn co giật.

#### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

Rèn luyện tính cẩn thận, nhẹ nhàng, chính xác trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phòng bệnh cho trẻ bị bệnh.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào trong kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 01 bài .

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

### **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ IV của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Chăm sóc sức khỏe trẻ em được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, làm mẫu, đóng vai, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học....

#### **2. Đối với người học**

- Tham gia ít nhất 80% thời gian học tập và các điều kiện khác của môn học.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.
- Người học tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc sức khỏe trẻ em, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Có kỹ năng điều khiển, đàm phán, phân công trong hoạt động nhóm chuyên môn tại cộng đồng.
- Thực hiện được các trường hợp chăm sóc sức khỏe trẻ em bị bệnh.
- Thực hiện được việc giao tiếp, tư vấn sức khỏe qua tình huống cho sẵn và trên lâm sàng hướng tới sự hài lòng của người bệnh/ người nhà.



**IV. Tài liệu tham khảo**

1. Đinh Ngọc Đệ. Chăm sóc sức khỏe trẻ em: NXB giáo dục Việt Nam; 2015.
2. Bộ Y tế. Thông tư 38/2017/TT-BYT ngày 17/10/2017 của Bộ Y tế về Ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm Y tế bắt buộc. Hà Nội 2017.
3. Bộ Y tế. Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản: Hà Nội; 2016.
4. Bộ Y tế. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em. Hà Nội 2015.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.**

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun:** Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực (Emergency and critical care nursing).

**Mã mô đun:** 651420753.

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ (lý thuyết: 14 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**

#### **I. Vị trí:**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ II.

#### **II. Tính chất:**

Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được đại cương, nhận định và kiểm soát ban đầu người bệnh cấp cứu.
2. Trình bày được các nguyên nhân, triệu chứng và biện pháp dự phòng một số cấp cứu thường gặp; xác định được các vấn đề cần can thiệp trong xử trí người bệnh cấp cứu.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Nhận định được các dấu hiệu, triệu chứng và xác định vấn đề ưu tiên đối với người bệnh cấp cứu.

2. Thực hiện được một số thủ thuật cơ bản trong cấp cứu nội khoa và chấn thương khi cấp cứu người bệnh.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành được thái độ đúng đắn, đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng khi chăm sóc và theo dõi người bệnh.

2. Rèn luyện tính trung thực, khẩn trương, thận trọng, chính xác và an toàn trong quá trình xử trí cấp cứu người bệnh tại tuyến y tế cơ sở.

### C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

#### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| Số<br>TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|          |                                                                                                                         | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1        | Bài 1: Đại cương về sơ cấp cứu                                                                                          | 1               | 1         |                    |                       |              |
|          | 1. Khái niệm tai nạn thương tích<br>2. Khái niệm về sơ cấp cứu<br>3. Mục đích của sơ cấp cứu                            | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|          | 4. Các bước tiến hành sơ cấp cứu<br>4.1. Quy trình thực hiện kỹ thuật sơ cấp cứu<br>4.2. Ai có thể thực hiện sơ cấp cứu | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
| 2        | Bài 2: Nhận định và kiểm soát ban đầu người bệnh cấp cứu                                                                | 1               | 1         |                    |                       |              |
|          | 1. Khái niệm về cấp cứu                                                                                                 | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |

| Số<br>TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Thời gian (giờ) |              |                             |                                |                     |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------|--------------------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tổng<br>số      | Lý<br>thuyết | Thảo<br>luận,<br>bài<br>tập | Thực<br>hành,<br>thí<br>nghiệm | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
|          | 2. Các đặc thù của cấp cứu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                 |              |                             |                                |                     |
|          | 3. Các nguyên tắc chính khi tiếp nhận và xử trí bệnh nhân cấp cứu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0,5             | 0,5          |                             |                                |                     |
| 3        | Bài 3: Cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5               | 1            |                             | 4                              |                     |
|          | 1. Triệu chứng và xác định người bệnh ngừng tuần hoàn<br>2. Nguyên tắc chung khi xử trí, cấp cứu nạn nhân bị ngừng tim, ngừng thở                                                                                                                                                                                                                                                       | 0,5             | 0,5          |                             |                                |                     |
|          | 3. Cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản:<br>3.1. Ép tim ngoài ngực (Chest Compressions)<br>3.2. Giải phóng đường thở (Airway)<br>3.3. Thổi ngạt (Breathing: hô hấp nhân tạo hay thổi ngạt)<br>3.4. Thuốc và sốc điện (Defibrillation)<br>3.5. Phá rung bằng sốc điện<br>3.6. Dấu hiệu của cấp cứu ngừng tim-phổi cơ bản có hiệu quả<br>4. Quy trình thực hành cấp cứu ban đầu ngừng tuần hoàn | 4,5             | 0,5          |                             | 4                              |                     |

| Số<br>TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                                        | Thời gian (giờ) |              |                             |                                |                     |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------|--------------------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                                                                                                 | Tổng<br>số      | Lý<br>thuyết | Thảo<br>luận,<br>bài<br>tập | Thực<br>hành,<br>thí<br>nghiệm | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
| 4        | Bài 4: Sơ cứu cầm máu vết thương                                                                                                                                                                | 5               | 1            |                             | 4                              |                     |
|          | 1. Phân loại chảy máu<br>1.1 Chảy máu ngoài<br>1.2. Chảy máu trong<br>2. Đặc điểm giải phẫu vết thương mạch máu<br>3. Triệu chứng lâm sàng                                                      | 0,5             | 0,5          |                             |                                |                     |
|          | 4. Xử trí<br>4.1. Với chảy máu trong lồng ngực, ổ bụng<br>4.2. Với các vết thương mạch máu khác<br>5. Kỹ thuật sơ cứu cầm máu vết thương<br>5.1. Ấn chèn động mạch<br>5.2. Băng ép<br>5.3. Garô | 4,5             | 0,5          |                             | 4                              |                     |
| 5        | Bài 5: Cấp cứu chấn thương xương, mô mềm và chi thể đứt rời                                                                                                                                     | 5               | 1            |                             | 4                              |                     |
|          | 1. Đại cương<br>2. Gãy xương                                                                                                                                                                    | 0,5             | 0,5          |                             |                                |                     |

| Số<br>TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                                       | Thời gian (giờ) |              |                             |                                |                     |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------|--------------------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                                                                                                | Tổng<br>số      | Lý<br>thuyết | Thảo<br>luận,<br>bài<br>tập | Thực<br>hành,<br>thí<br>nghiệm | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
|          | 2.1. Nguyên tắc đánh giá và xử trí cấp cứu bệnh nhân chấn thương xương<br>2.2. Gãy xương<br>2.3. Cố định một số gãy xương thường gặp<br>2.4. Chấn thương xương chậu<br>2.5. Trật khớp          |                 |              |                             |                                |                     |
|          | 3. Xử trí vết thương đứt rời<br>3.1. Phân loại<br>3.2. Xử trí cấp cứu chung<br>3.3. Xử trí cấp cứu phần mềm cụt<br>3.4. Xử trí phần chi thể đứt rời<br>3.5. Vết thương cắt cụt không hoàn toàn | 4,5             | 0,5          |                             | 4                              |                     |
| 6        | Bài 6: Cấp cứu người bệnh bị rắn cắn, ngạt nước, điện giật                                                                                                                                     | 3               | 1            |                             | 2                              |                     |
|          | 1. Rắn cắn<br>1.1. Giới thiệu<br>1.2. Triệu chứng<br>1.3. Xử trí<br>2. Ngạt nước                                                                                                               | 1,5             | 0,5          |                             | 1                              |                     |

| Số<br>TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                                                                     | Thời gian (giờ) |              |                             |                                |                     |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------|--------------------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                                                                                                                              | Tổng<br>số      | Lý<br>thuyết | Thảo<br>luận,<br>bài<br>tập | Thực<br>hành,<br>thí<br>nghiệm | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
|          | 2.1. Triệu chứng<br>2.2. Xử trí                                                                                                                                                                                              |                 |              |                             |                                |                     |
|          | 3. Điện giật<br>3.1. Đại cương<br>3.2. Triệu chứng<br>3.3. Xử trí                                                                                                                                                            | 1,5             | 0,5          |                             | 1                              |                     |
| 7        | Bài 7: Xử trí một số tình huống sơ cấp cứu thường gặp tại Trạm y tế                                                                                                                                                          | 5               | 1            |                             | 4                              |                     |
|          | 1. Chấn thương cột sống<br>1.1. Chấn thương cột sống cổ<br>1.2. Những dấu hiệu nhận biết<br>1.3. Xử trí<br>2. Chấn thương sọ não<br>2.1. Triệu chứng<br>2.2. Xử trí<br>3. Vết thương bụng<br>3.1. Triệu chứng<br>3.2. Xử trí | 2,5             | 0,5          |                             | 2                              |                     |
|          | 4. Chấn thương ngực                                                                                                                                                                                                          | 2,5             | 0,5          |                             | 2                              |                     |

| Số<br>TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời gian (giờ) |              |                             |                                |                     |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------|--------------------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tổng<br>số      | Lý<br>thuyết | Thảo<br>luận,<br>bài<br>tập | Thực<br>hành,<br>thí<br>nghiệm | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
|          | 4.1. Nguyên tắc sơ cứu<br>4.2. Tồn thương xương sườn<br>5. Tồn thương mắt<br>6. Đột quỵ<br>6.1. Triệu chứng<br>6.2. Xử trí<br>7. Sơ cứu                                                                                                                                                                                                       |                 |              |                             |                                |                     |
| 8        | Bài 8: Phòng và xử trí sốc phản vệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5               | 1            |                             | 4                              |                     |
|          | 1. Khái niệm<br>2. Hướng dẫn phân loại mức độ phản vệ<br>2.1. Triệu chứng gợi ý<br>2.2. Triệu chứng của 4 mức độ phản vệ<br>2.3. Giới thiệu các bệnh cảnh lâm sàng<br>3. Phòng ngừa phản vệ<br>3.1. Khai thác tiền sử<br>3.2. Hộp thuốc cấp cứu<br>3.3. Trang thiết bị y tế và thuốc tối thiểu cấp cứu phản vệ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | 2,5             | 0,5          |                             | 2                              |                     |



| Số<br>TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                   | Thời gian (giờ) |              |                             |                                |                     |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------|--------------------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                                                                            | Tổng<br>số      | Lý<br>thuyết | Thảo<br>luận,<br>bài<br>tập | Thực<br>hành,<br>thí<br>nghiệm | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
|          | 3.4. Quy định về thông tin cho đồng nghiệp khi gặp người bệnh phản vệ                                                                                                      |                 |              |                             |                                |                     |
|          | 4. Hướng dẫn xử trí cấp cứu phản vệ<br>4.1. Nguyên tắc chung<br>4.2. Xử trí phản vệ nhẹ (Độ I)<br>4.3. Xử trí cấp cứu phản vệ mức độ nặng (Độ II) và nguy kịch (Độ III)    | 2,5             | 0,5          |                             | 2                              |                     |
| 9        | Bài 9: Chăm sóc người bệnh hôn mê                                                                                                                                          | 1               | 1            |                             |                                |                     |
|          | 1. Khái niệm<br>2. Nguyên nhân<br>3. Các mức độ hôn mê trên lâm sàng<br>4. Một số loại hôn mê trên lâm sàng<br>5. Hồi sức bệnh nhân hôn mê<br>6. Chăm sóc bệnh nhân hôn mê | 0,5             | 0,5          |                             |                                |                     |
|          | 5. Hồi sức bệnh nhân hôn mê<br>6. Chăm sóc bệnh nhân hôn mê                                                                                                                | 0,5             | 0,5          |                             |                                |                     |
| 10       | Bài 10: Chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp.                                                                                                                                | 1               | 1            |                             |                                |                     |
|          | 1. Định nghĩa<br>2. Triệu chứng lâm sàng và diễn biến                                                                                                                      | 0,5             | 0,5          |                             |                                |                     |

| Số<br>TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                      | Thời gian (giờ) |              |                             |                                |                     |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------|--------------------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                               | Tổng<br>số      | Lý<br>thuyết | Thảo<br>luận,<br>bài<br>tập | Thực<br>hành,<br>thí<br>nghiệm | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
|          | 3. Xử trí cấp cứu<br>4. Chăm sóc                                                                                              | 0,5             | 0,5          |                             |                                |                     |
| 11       | Bài 11: Chăm sóc người bệnh ngộ độc cấp                                                                                       | 1               | 1            |                             |                                |                     |
|          | 1. Nguyên tắc chung<br>2. Cấp cứu ban đầu hay ổn định bệnh nhân                                                               | 0,5             | 0,5          |                             |                                |                     |
|          | 3. Nhận định<br>4. Áp dụng các biện pháp hạn chế hấp thu                                                                      | 0,5             | 0,5          |                             |                                |                     |
| 12       | Bài 12: Chăm sóc người bệnh mở khí quản, đặt nội khí quản.                                                                    | 4               | 1            |                             | 3                              |                     |
|          | 1. Định nghĩa<br>2. Biểu chứng và diễn biến<br>2.1. Viêm phổi bệnh viện<br>2.2. Tắc ống<br>2.3. Rò bóng chèn<br>2.4. Tuột ống | 1,5             | 0,5          |                             | 1                              |                     |
|          | 3. Chăm sóc bệnh nhân<br>4. Dặn dò bệnh nhân                                                                                  | 2,5             | 0,5          |                             | 2                              |                     |

| Số<br>TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                               | Thời gian (giờ) |              |                             |                                |                     |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------|--------------------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                        | Tổng<br>số      | Lý<br>thuyết | Thảo<br>luận,<br>bài<br>tập | Thực<br>hành,<br>thí<br>nghiệm | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
|          | 5. Giúp bệnh nhân giao tiếp<br>6. Duy trì độ ẩm không khí hít vào đầy đủ<br>7. Hút đờm<br>8. Chăm sóc bóng chèn        |                 |              |                             |                                |                     |
| 13       | Bài 13: Vận chuyển bệnh nhân cấp cứu                                                                                   | 3               | 1            |                             | 2                              |                     |
|          | 1. Đại cương<br>2. Phân loại<br>3. Nâng và di dời bệnh nhân cấp cứu tại hiện trường                                    | 1,5             | 0,5          |                             | 1                              |                     |
|          | 4. Vận chuyển bệnh nhân cấp cứu trong - ngoài bệnh viện<br>5. Tư thế bệnh nhân trước và trong vận chuyển đến bệnh viện | 1,5             | 0,5          |                             | 1                              |                     |
| 14       | Bài 14: Chăm sóc bệnh nhân đặt catheter tĩnh mạch trung tâm                                                            | 3               | 1            |                             | 2                              |                     |
|          | 1. Định nghĩa<br>2. Mục đích đặt<br>3. Mục đích chăm sóc<br>4. Chỉ định                                                | 1,5             | 0,5          |                             | 1                              |                     |

| Số<br>TT    | Tên các bài trong mô đun                              | Thời gian (giờ) |              |                             |                                |                     |
|-------------|-------------------------------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------|--------------------------------|---------------------|
|             |                                                       | Tổng<br>số      | Lý<br>thuyết | Thảo<br>luận,<br>bài<br>tập | Thực<br>hành,<br>thí<br>nghiệm | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
|             | 5. Chống chỉ định                                     |                 |              |                             |                                |                     |
|             | 6. Đường đặt                                          | 1,5             | 0,5          |                             | 1                              |                     |
|             | 7. Theo dõi và chăm sóc người bệnh đặt CVP            |                 |              |                             |                                |                     |
|             | 8. Tai biến và biến chứng                             |                 |              |                             |                                |                     |
|             | 9. Chăm sóc người bệnh rút catheter hoặc rút catheter |                 |              |                             |                                |                     |
| 15          | Kiểm tra định kỳ                                      | 1               |              |                             |                                | 1                   |
| 16          | Thi kết thúc mô đun                                   | 1               |              |                             |                                | 1                   |
| <b>Cộng</b> |                                                       | <b>45</b>       | <b>14</b>    |                             | <b>29</b>                      | <b>2</b>            |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### BÀI 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ SƠ CẤP CỨU

(Thời gian: 1 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm, mục đích sơ cấp cứu, nguyên tắc thực hiện kỹ thuật khi tiến hành sơ cấp cứu.
2. Thực hiện được kỹ thuật sơ cấp cứu trong các cơ sở y tế và cộng đồng.
3. Rèn luyện được tính nhanh nhẹn, chính xác, từng bước hình thành đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng khi cấp cứu người bệnh.

#### II. NỘI DUNG BÀI (1)

1. Khái niệm tai nạn thương tích
2. Khái niệm về sơ cấp cứu
3. Mục đích của sơ cấp cứu
4. Các bước tiến hành sơ cấp cứu
  - 4.1. Quy trình thực hiện kỹ thuật sơ cấp cứu
  - 4.2. Ai có thể thực hiện sơ cấp cứu

## **BÀI 2: NHẬN ĐỊNH VÀ KIỂM SOÁT BAN ĐẦU NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU**

**(Thời gian: 1 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm về cấp cứu.
2. Thực hiện được nguyên tắc chính khi tiếp cận và xử trí bệnh nhân cấp cứu.
3. Hình thành được đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng khi cấp cứu người bệnh.

### **II. NỘI DUNG BÀI (2) (1)**

1. Khái niệm về cấp cứu
2. Các đặc thù của cấp cứu
3. Các nguyên tắc chính khi tiếp nhận và xử trí bệnh nhân cấp cứu

## **BÀI 3: CẤP CỨU NGỪNG TUẦN HOÀN CƠ BẢN**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được triệu chứng và nguyên tắc xử trí người bệnh ngừng tuần hoàn và hô hấp.
2. Thực hiện được kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản trên mô hình.
3. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi cấp cứu người bệnh ngừng tuần hoàn.

### **II. NỘI DUNG BÀI (1)**

1. Triệu chứng và xác định người bệnh ngừng tuần hoàn
2. Nguyên tắc chung khi xử trí, cấp cứu nạn nhân bị ngừng tim, ngừng thở
3. Cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản:
  - 3.1. *Ép tim ngoài ngực (Chest Compressions)*
  - 3.2. *Giải phóng đường thở (Airway)*
  - 3.3. *Thổi ngạt (Breathing: hô hấp nhân tạo hay thổi ngạt)*
  - 3.4. *Thuốc và sốc điện (Defibrillation)*
  - 3.5. *Phá rung bằng sốc điện*
  - 3.6. *Dấu hiệu của cấp cứu ngừng tim - phổi cơ bản có hiệu quả*
4. Quy trình thực hành cấp cứu ban đầu ngừng tuần hoàn

## **BÀI 4: SƠ CỨU CẦM MÁU VẾT THƯƠNG**

(Thời gian: 5 giờ)

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được phân loại chảy máu và dấu hiệu mất máu nhiều, nguyên tắc, kỹ thuật đặt và nói ga rô.
2. Thực hiện được sơ cứu nạn nhân chảy máu vết thương trên mô hình.
3. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi thực hiện kỹ thuật sơ cứu cầm máu vết thương cho người bệnh.

### **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

#### **1. Phân loại chảy máu**

##### **1.1 Chảy máu ngoài**

##### **1.2. Chảy máu trong**

#### **2. Đặc điểm giải phẫu vết thương mạch máu**

#### **3. Triệu chứng lâm sàng**

#### **4. Xử trí:**

*4.1. Với chảy máu trong lồng ngực, ổ bụng*

*4.2. Với các vết thương mạch máu khác*

**5. Kỹ thuật sơ cứu cầm máu vết thương**

*5.1. Ấn chèn động mạch*

*5.2. Băng ép*

*5.3. Garô*

## **BÀI 5: CẤP CỨU CHẤN THƯƠNG XƯƠNG, MÔ MỀM VÀ CHI THỂ ĐỨT RỜI**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên tắc chung xử trí cấp cứu gãy xương.
2. Thực hiện được một số biện pháp cố định các xương gãy, các bước xử trí cấp cứu vết thương đứt rời trên mô hình.
3. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi thực hiện kỹ thuật cấp cứu chấn thương xương, mô mềm và chi thể đứt rời cho người bệnh.

### **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

**1. Đại cương**

**2. Gãy xương**

*2.1. Nguyên tắc đánh giá và xử trí cấp cứu bệnh nhân chấn thương xương*

*2.2. Gãy xương*

*2.3. Cố định một số gãy xương thường gặp*

*2.4. Chấn thương xương chậu*

*2.5. Trật khớp*

**3. Xử trí vết thương đứt rời**

*3.1. Phân loại*

**3.2. Xử trí cấp cứu chung****3.3. Xử trí cấp cứu phần mồm cụt****3.4. Xử trí phần chi thể đứt rời****3.5. Vết thương cắt cụt không hoàn toàn****BÀI 6: CẤP CỨU NGƯỜI BỆNH RẮN CẮN, NGẠT NƯỚC, ĐIỆN GIẬT****(Thời gian: 3 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được triệu chứng rắn cắn, ngạt nước, điện giật.
2. Thực hiện được cấp cứu người bệnh bị rắn độc cắn, ngạt nước, điện giật trên mô hình.
3. Thể hiện thái độ ân cần, nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi cấp cứu người bệnh bị rắn cắn, ngạt nước và điện giật.

**II. NỘI DUNG BÀI****1. Rắn cắn****1.1. Giới thiệu****1.2. Triệu chứng****1.3. Xử trí****2. Ngạt nước****2.1. Triệu chứng****2.2. Xử trí****3. Điện giật****3.1. Đại cương****3.2. Triệu chứng****3.3. Xử trí**



## **BÀI 7: KỸ THUẬT MỘT SỐ TÌNH HUỐNG SƠ CẤP CỨU THƯỜNG GẶP TẠI TRẠM Y TẾ**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các tình huống sơ cứu thường gặp tại trạm y tế.
2. Thực hiện được các tình huống sơ cứu thường gặp tại trạm y tế.
3. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi thực hiện cấp cứu một số tình huống thường gặp tại Trạm Y tế.

### **II. NỘI DUNG BÀI (2) (3) (4)**

#### **1. Chấn thương cột sống**

##### ***1.1. Chấn thương cột sống cổ***

##### ***1.2. Những dấu hiệu nhận biết***

##### ***1.3. Xử trí***

#### **2. Chấn thương sọ não**

##### ***2.1. Triệu chứng***

##### ***2.2. Xử trí***

#### **3. Vết thương bụng**

##### ***3.1. Triệu chứng***

##### ***3.2. Xử trí***

#### **4. Chấn thương ngực**

##### ***4.1. Nguyên tắc sơ cứu***

##### ***4.2. Tổn thương xương sườn***

#### **5. Tổn thương mắt**

#### **6. Đột quỵ**

##### ***6.1. Triệu chứng***

##### ***6.2. Xử trí***

## 7. Sơ cứu

### **BÀI 8: PHÒNG VÀ XỬ TRÍ SỐC PHẢN VỆ**

**(Thời gian: 5 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày triệu chứng các mức độ phản vệ.
2. Thực hiện được phòng ngừa phản vệ cho người bệnh trước khi dùng thuốc.
3. Thể hiện thái độ khẩn trương, chính xác và phối hợp làm việc nhóm khi cấp cứu phản vệ.

#### **II. NỘI DUNG BÀI (2) (5)**

##### **1. Khái niệm**

##### **2. Hướng dẫn phân loại mức độ phản vệ**

###### ***2.1. Triệu chứng gợi ý***

###### ***2.2. Triệu chứng của 4 mức độ phản vệ***

###### ***2.3. Giới thiệu các bệnh cảnh lâm sàng***

##### **3. Phòng ngừa phản vệ**

###### ***3.1. Khai thác tiền sử***

###### ***3.2. Hộp thuốc cấp cứu***

***3.3. Trang thiết bị y tế và thuốc tối thiểu cấp cứu phản vệ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh***

###### ***3.4. Quy định về thông tin cho đồng nghiệp khi gặp người bệnh phản vệ***

##### **4. Hướng dẫn xử trí cấp cứu phản vệ**

###### ***4.1. Nguyên tắc chung***

###### ***4.2. Xử trí phản vệ nhẹ (độ I)***

###### ***4.3. Xử trí cấp cứu phản vệ mức độ nặng (độ II) và nguy kịch (độ III)***

### **BÀI 9: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH HÔN MÊ**

(Thời gian: 1 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, các nguyên nhân thường gặp, triệu chứng và các nguyên tắc xử trí cấp cứu, các bước lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc bệnh nhân.
2. Theo dõi, đánh giá diễn biến và kết quả chăm sóc người bệnh.
3. Rèn luyện tính phán đoán, nhận định, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh hôn mê.

**II. NỘI DUNG BÀI (3)**

1. Khái niệm
2. Nguyên nhân
3. Các mức độ hôn mê trên lâm sàng
4. Một số loại hôn mê trên lâm sàng
5. Hồi sức bệnh nhân hôn mê
6. Chăm sóc bệnh nhân hôn mê

**BÀI 10: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SUY HÔ HẤP CẤP**

( Thời gian: 1 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, biểu hiện, nhận định và chẩn đoán điều dưỡng trong chăm sóc bệnh nhân suy hô hấp.
2. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân suy hô hấp.
3. Rèn luyện tính phán đoán, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp.

**II. NỘI DUNG BÀI (3)**

1. Định nghĩa
2. Triệu chứng lâm sàng và diễn biến
3. Xử trí cấp cứu

#### 4. Chăm sóc

### **BÀI 11: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NGỘ ĐỘC CẤP**

**(Thời gian: 1 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên tắc chung, cấp cứu ban đầu bệnh nhân ngộ độc cấp.
2. Lập được kế hoạch chăm sóc và thực hiện kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ngộ độc cấp.
3. Rèn luyện tính phán đoán, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh ngộ độc cấp.

#### **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

1. Nguyên tắc chung
2. Cấp cứu ban đầu hay ổn định bệnh nhân
3. Nhận định
4. Áp dụng các biện pháp hạn chế hấp thu

### **BÀI 12: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH MỞ KHÍ QUẢN,**

### **ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN**

**(Thời gian: 4 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được quy trình chăm sóc một bệnh nhân có ống NKQ hoặc MKQ, chỉ định và chống chỉ định các bước trong quy trình chăm sóc.
2. Xử trí một số biến chứng xảy ra trong quá trình chăm sóc.
3. Rèn luyện tính phán đoán, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh mở khí quản, đặt nội khí quản.

#### **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

1. Định nghĩa
2. Biến chứng và diễn biến

**2.1. Viêm phổi bệnh viện**

**2.2. Tắc ống**

**2.3. Rò bóng chèn**

**2.4. Tuột ống**

**3. Chăm sóc bệnh nhân**

**4. Dẫn dò bệnh nhân**

**5. Giúp bệnh nhân giao tiếp**

**6. Duy trì độ ẩm không khí hít vào đầy đủ**

**7. Hút đờm**

**8. Chăm sóc bóng chèn**

## **BÀI 13: VẬN CHUYỂN BỆNH NHÂN CẤP CỨU**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được phân loại các cách di dời và vận chuyển bệnh nhân.
2. Áp dụng được các tư thế an toàn khi vận chuyển bệnh nhân cấp cứu.
3. Thể hiện được thái độ ân cần, nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi vận chuyển bệnh nhân cấp cứu.

### **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

**1. Đại cương**

**2. Phân loại**

**3. Nâng và di dời bệnh nhân cấp cứu tại hiện trường**

**4. Vận chuyển bệnh nhân cấp cứu trong - ngoài bệnh viện**

**5. Tư thế bệnh nhân trước và trong vận chuyển đến bệnh viện**

## **BÀI 14: CHĂM SÓC BỆNH NHÂN ĐẶT CATHETER TĨNH MẠCH**

**TRUNG TÂM**

**(Thời gian: 3 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, mục đích đặt catheter tĩnh mạch trung tâm
2. Chăm sóc được người bệnh có CVP.
3. Rèn luyện tính phán đoán, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh đặt catheter tĩnh mạch trung tâm.

## **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

### **1. Định nghĩa**

### **2. Mục đích đặt**

### **3. Mục đích chăm sóc**

### **4. Chỉ định**

### **5. Chống chỉ định**

### **6. Đường đặt**

### **7. Theo dõi và chăm sóc người bệnh đặt CVP**

### **8. Tai biến và biến chứng**

### **9. Chăm sóc người bệnh rút catheter hoặc rút catheter**

## **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

### **I. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.
- Học thực hành: Tại phòng Thực hành điều dưỡng.

### **II. Trang thiết bị máy móc**

- Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, các thiết bị y tế có liên quan.

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: Phấn, bảng, bút dạ, giấy Ao, A4. Giáo trình, chương trình mô đun, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.
- Học thực hành: Bảng kiểm thực hành, các mô hình điều dưỡng đa năng, các loại dụng cụ và vật tư y tế, các loại máy móc sử dụng trong y tế.

#### **IV. Các điều kiện khác**

Các cơ sở y tế, phòng khám đa khoa có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực để người học rèn luyện nâng cao tay nghề.

### **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

#### **I. Nội dung**

##### **1. Kiến thức**

- Khái niệm, mục đích sơ cấp cứu, nguyên tắc thực hiện kỹ thuật khi tiến hành sơ cấp cứu.

- Các nguyên nhân, triệu chứng và biện pháp dự phòng một số cấp cứu thường gặp; xác định được các vấn đề cần can thiệp trong xử trí người bệnh cấp cứu ngừng tuần hoàn và hô hấp, cầm máu vết thương, gãy xương, hôn mê, suy hô hấp, ngộ độc cấp, mở khí quản, đặt nội khí quản, rặn cắn, ngạt nước, điện giật.

- Các tình huống sơ cứu thường gặp tại trạm y tế.

- Phác đồ xử trí sốc phản vệ.

- Phân loại, áp dụng các cách di dời và vận chuyển bệnh nhân.

##### **2. Kỹ năng**

- Nhận định được các dấu hiệu, triệu chứng và xác định vấn đề ưu tiên đối với người bệnh cấp cứu.

- Thực hiện được một số thủ thuật cơ bản trong cấp cứu nội khoa và chấn thương khi cấp cứu người bệnh cấp cứu ngừng tuần hoàn và hô hấp, cầm máu vết thương, gãy xương, hôn mê, suy hô hấp, ngộ độc cấp, mở khí quản, đặt nội khí quản....

- Áp dụng được các tư thế an toàn khi vận chuyển bệnh nhân cấp cứu.

- Thực hiện được phòng ngừa phản vệ cho người bệnh trước khi dùng thuốc.

- Thực hiện được các tình huống sơ cứu thường gặp tại trạm y tế

### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Trung thực, khẩn trương, thận trọng, chính xác và an toàn trong quá trình xử trí cấp cứu người bệnh tại tuyến y tế cơ sở.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, chấm điểm bài tập hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.

+ Số bài kiểm tra: 1 thực hành.

+ Hình thức kiểm tra: Thực hành quy trình hồi sức theo bảng kiểm.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

### **2. Thi kết thúc mô đun**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.



- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ II của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

### **I. Phạm vi áp dụng mô đun:**

Chương trình mô đun Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, đóng vai.

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

#### **2. Đối với người học**

- Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định;

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về giờ học và làm đầy đủ các bài tập về nhà;

- Sinh viên cần hoàn thành quy trình kỹ thuật về cấp cứu sau khi kết thúc một bài học và Nhà giáo có đánh giá kết quả của quy trình đó.

- Sinh viên tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực, trao đổi thảo luận tích cực, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Khi thực hiện kỹ thuật phải bảo đảm chính xác từng bước chuẩn của quy trình cấp cứu người bệnh.

### **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Phạm Đức Mục. Tài liệu đào tạo cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản,. Hà Nội: Hiệp Hội điều dưỡng Việt Nam; 2019.

2. Lương Ngọc Khuê. Tài liệu Đào tạo cấp cứu cơ bản,. Bộ Y tế: NXB Y học; 2014.

3. Bộ Y tế. Quyết định số 1904/QĐ-BYT, ngày 30/5/2014 Quyết định về việc ban hành tài liệu "Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hồi sức - Cấp cứu và Chống độc", Hà Nội; 2014.

4. Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Tài liệu giảng dạy đào tạo liên tục Chăm sóc điều dưỡng tại trạm y tế theo nguyên tắc y học gia đình; 2020.

5. Bộ Y tế. Thông tư 51/2017/TT-BYT, ngày 29/12/2017 về hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ; 2017.

### **V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.**

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**

**Tên môn học:** Nghiên cứu khoa học y học (Medical Research).

**Mã môn học:** 651320472.

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (lý thuyết: 13 giờ; thảo luận, bài tập: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 30 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ V.

#### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng, trình độ cao đẳng hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được vai trò, mục tiêu, phạm vi và nội dung nghiên cứu khoa học đối với ngành điều dưỡng.

2. Trình bày được các bước của quy trình nghiên cứu và nội dung của một đề cương nghiên cứu khoa học.

3. Trình bày được các phương pháp tính cỡ mẫu, chọn mẫu, thu thập số liệu trong nghiên cứu khoa học.

4. Trình bày được các loại thiết kế, cách viết và kết quả trong nghiên cứu khoa học.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Áp dụng nghiên cứu khoa học và viết được tổng quan tài liệu, mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu và thực hiện viết đề cương cho một chủ đề đã lựa chọn.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học trong ứng dụng công tác điều dưỡng và phát triển nghề nghiệp tương lai.

2. Vận dụng được các nghiên cứu khoa học vào trong công tác điều dưỡng tại các cơ sở y tế.

## C. NỘI DUNG MÔN HỌC

### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên chương, mục                                                           | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|---------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                           | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Đại cương nghiên cứu khoa học                                   | 1               | 1         |                    |                       |              |
|    | 1. Khái niệm<br>2. Mục đích<br>3. Các loại hình trong nghiên cứu khoa học | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 4. Phương pháp nghiên cứu khoa học                                        | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
| 2  | Chương 2: Vấn đề nghiên cứu khoa học                                      | 3               | 1         |                    | 2                     |              |
|    | 1. Vấn đề nghiên cứu                                                      | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |
|    | 1.1. Đặc tính                                                             |                 |           |                    |                       |              |
|    | 1.2. Mối liên quan                                                        |                 |           |                    |                       |              |

|   |                                                                                                                                                                                   |     |     |  |   |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | 1.3. Vấn đề nghiên cứu đến từ đâu<br>2. Phân tích vấn đề nghiên cứu<br>3. Câu hỏi nghiên cứu<br>4. Hình thành giải thuyết                                                         |     |     |  |   |  |
|   | 5. Tổng quan tài liệu<br>5.1. Mục đích của hồi cứu y văn<br>5.2. Nguyên tắc hồi cứu y văn<br>5.3 Các bước tiến hành                                                               | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |
| 3 | Chương 3: Mục tiêu nghiên cứu khoa học                                                                                                                                            | 6   | 2   |  | 4 |  |
|   | 1. Khái niệm mục tiêu nghiên cứu<br>2. Sự quan trọng của mục tiêu nghiên cứu                                                                                                      | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
|   | 3. Cách viết mục tiêu<br>3.1. Mục tiêu tổng quát<br>3.2. Mục tiêu cụ thể                                                                                                          | 3   | 1   |  | 2 |  |
|   | 4. Biến số<br>4.1. Biến số định tính – Biến số định lượng<br>4.2. Biến số liên tục – Biến số không liên tục<br>4.3. Biến số độc lập – Biến số phụ thuộc<br>4.4. Biến số gây nhiễu | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
| 4 | Chương 4: Tổng quan tài liệu                                                                                                                                                      | 6   | 2   |  | 4 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |     |     |  |   |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | 1. Khái niệm về tổng quan tài liệu                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
|   | 2. Phương pháp viết tổng quan tài liệu<br>2.1. Xác định chủ đề<br>2.2. Xác định mục tiêu tổng quan<br>2.3. Xác định tiêu chuẩn lựa chọn tài liệu và tiêu chuẩn loại trừ<br>2.4. Thu thập tài liệu liên quan<br>2.5. Lựa chọn tài liệu phù hợp<br>2.6. Viết tổng quan tài liệu<br>2.7. Sửa chữa và hoàn thiện | 3   | 1   |  | 2 |  |
|   | 3. Phương pháp tìm kiếm tài liệu tham khảo                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
| 5 | Chương 5: Phương pháp nghiên cứu                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6   | 2   |  | 4 |  |
|   | 1. Khái niệm thiết kế nghiên cứu                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
|   | 2. Nghiên cứu quan sát<br>2.1. Nghiên cứu mô tả<br>2.2. Nghiên cứu phân tích                                                                                                                                                                                                                                 | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |
|   | 3. Nghiên cứu can thiệp<br>3.1. Thử nghiệm lâm sàng<br>3.2. Thử nghiệm thực địa<br>3.3. Thử nghiệm can thiệp cộng đồng                                                                                                                                                                                       | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |
|   | 4. Các bước thực hiện một thiết kế nghiên cứu                                                                                                                                                                                                                                                                | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |

|   |                                                                                                                                                                                          |     |     |  |   |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
| 6 | Chương 6: Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu khoa học                                                                                                                                 | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | 1. Định nghĩa<br>2. Các phương pháp chọn mẫu<br>2.1. Mẫu không xác suất<br>2.2. Mẫu xác suất                                                                                             | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
|   | 3. Cỡ mẫu                                                                                                                                                                                | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
| 7 | Chương 7: Phương pháp thu thập số liệu                                                                                                                                                   | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | 1. Định nghĩa<br>2. Các kỹ thuật thu thập số liệu<br>2.1. Quan sát<br>2.2. Phỏng vấn<br>2.3. Thiết kế bộ câu hỏi thu thập số liệu<br>2.4. Khám lâm sàng xét nghiệm hàng loạt ở cộng đồng | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
|   | 2.5. Thảo luận nhóm<br>2.6. Sử dụng thông tin có sẵn                                                                                                                                     | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
| 8 | Chương 8: Phân tích trình bày số liệu                                                                                                                                                    | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | 1. Trình bày số liệu bằng tay<br>2. Trình bày số liệu bằng máy tính                                                                                                                      | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
|   | 3. Phân tích số liệu<br>4. Phân tích số liệu với các biến định lượng                                                                                                                     | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |

|    |                                                           |           |           |          |           |          |
|----|-----------------------------------------------------------|-----------|-----------|----------|-----------|----------|
| 9  | Chương 9: Phương pháp viết và báo cáo nghiên cứu khoa học | 6         | 2         |          | 4         |          |
|    | 1. Phần đầu của báo cáo khoa học                          | 1         | 1         |          | 1         |          |
|    | 2. Nội dung báo cáo khoa học                              |           |           |          |           |          |
|    | 2.1. Đặt vấn đề                                           |           |           |          |           |          |
|    | 2.2. Tổng quan tài liệu                                   |           |           |          |           |          |
|    | 2.3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu                  |           |           |          |           |          |
|    | 2.4. Kết quả nghiên cứu                                   | 4         | 1         |          | 3         |          |
|    | 2.5. Bàn luận                                             |           |           |          |           |          |
|    | 2.6. Kết luận                                             |           |           |          |           |          |
|    | 2.7. Khuyến nghị                                          |           |           |          |           |          |
|    | 2.8. Tài liệu tham khảo                                   |           |           |          |           |          |
|    | 2.9. Phụ lục                                              |           |           |          |           |          |
| 10 | Kiểm tra định kỳ                                          | 1         |           |          |           | 1        |
| 11 | Thi kết thúc môn học                                      | 1         |           |          |           | 1        |
|    | <b>Cộng</b>                                               | <b>45</b> | <b>13</b> | <b>0</b> | <b>30</b> | <b>2</b> |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

(Thời gian: 1 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các phương pháp nghiên cứu khoa học.
2. Trình bày được mục đích của các phương pháp nghiên cứu khoa học.



3. Nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học trong ứng dụng công tác điều dưỡng và phát triển nghề tương lai.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1) (2)**

### **1. Khái niệm**

### **2. Mục đích**

### **3. Các loại hình trong nghiên cứu khoa học**

### **4. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

## **CHƯƠNG 2: VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**(Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các vấn đề nghiên cứu khoa học.
2. Phân tích được vấn đề nghiên cứu khoa học; đặt được câu hỏi nghiên cứu và thực hành hội y văn.
3. Rèn luyện khả năng nhận biết, tìm ra vấn đề trong nghiên cứu.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1) (2)**

### **1. Vấn đề nghiên cứu**

#### ***1.1. Đặc tính***

#### ***1.2. Môi liên quan***

#### ***1.3. Vấn đề nghiên cứu đến từ đâu***

### **2. Phân tích vấn đề nghiên cứu**

### **3. Câu hỏi nghiên cứu**

### **4. Hình thành giải thuyết**

### **5. Tổng quan tài liệu**

#### ***5.1. Mục đích của hội cứu y văn***

#### ***5.2. Nguyên tắc hội cứu y văn***

#### ***5.3 Các bước tiến hành***

## CHƯƠNG 3: MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

(Thời gian: 6 giờ)

### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mục tiêu nghiên cứu.
2. Viết được mục tiêu nghiên cứu và chọn biến số nghiên cứu.
3. Rèn luyện kỹ năng viết mục tiêu nghiên cứu .

### II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1) (2)

1. Khái niệm mục tiêu nghiên cứu
2. Sự quan trọng của mục tiêu nghiên cứu
3. Cách viết mục tiêu
  - 3.1. *Mục tiêu tổng quát*
  - 3.2. *Mục tiêu cụ thể*
4. Biến số
  - 4.1. *Biến số định tính – Biến số định lượng*
  - 4.2. *Biến số liên tục – Biến số không liên tục*
  - 4.3. *Biến số độc lập – Biến số phụ thuộc*
  - 4.4. *Biến số gây nhiễu*

## CHƯƠNG 4: TỔNG QUAN TÀI LIỆU

(Thời gian: 6 giờ)

### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được mục đích viết tổng quan tài liệu
2. Đọc, nghiên cứu và thu thập tài liệu.
3. Ứng dụng công nghệ thông tin thu thập tài liệu.

### II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1) (2)

1. Khái niệm về tổng quan tài liệu

## **2. Phương pháp viết tổng quan tài liệu**

### **2.1. Xác định chủ đề**

### **2.2. Xác định mục tiêu tổng quan**

### **2.3. Xác định tiêu chuẩn lựa chọn tài liệu và tiêu chuẩn loại trừ**

### **2.4. Thu thập tài liệu liên quan**

### **2.5. Lựa chọn tài liệu phù hợp**

### **2.6. Viết tổng quan tài liệu**

### **2.7. Sửa chữa và hoàn thiện**

## **3. Phương pháp tìm kiếm tài liệu tham khảo**

## **4. Quy trình giải quyết vấn đề:**

# **CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**(Thời gian: 6 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các thiết kế nghiên cứu khoa học
2. Thực hiện được 4 bước trong nghiên cứu khoa học và lựa chọn một thiết kế nghiên cứu phù hợp.
3. Vận dụng các phương pháp nghiên cứu để tìm hiểu vấn đề nghiên cứu.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1) (3)**

### **1. Khái niệm thiết kế nghiên cứu**

### **2. Nghiên cứu quan sát**

#### **2.1. Nghiên cứu mô tả**

#### **2.2. Nghiên cứu phân tích**

### **3. Nghiên cứu can thiệp**

#### **3.1. Thử nghiệm lâm sàng**

#### **3.2. Thử nghiệm thực địa**

#### **3.3. Thử nghiệm can thiệp cộng đồng**

#### 4. Các bước thực hiện một thiết kế nghiên cứu

### CHƯƠNG 6: PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

(Thời gian: 5 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu khoa học.
2. Vận dụng được phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu khoa học.
3. Có khả năng lựa chọn khái quát đặc tính quần thể thông qua chọn mẫu nghiên cứu khoa học.

#### II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1) (3)

##### 1. Định nghĩa

##### 2. Các phương pháp chọn mẫu

###### 2.1. Mẫu không xác suất

###### 2.2. Mẫu xác suất

##### 3. Cỡ mẫu

### CHƯƠNG 7: PHƯƠNG PHÁP THU THẬP SỐ LIỆU

(Thời gian: 5 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được phương pháp thu thập số liệu trong nghiên cứu khoa học.
2. Vận dụng được phương pháp thu thập số liệu trong nghiên cứu khoa học.
3. Áp dụng kỹ năng giao tiếp trong thu thập số liệu nghiên cứu khoa học.

#### II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1) (3)

##### 1. Định nghĩa

##### 2. Các kỹ thuật thu thập số liệu

###### 2.1. Quan sát

###### 2.2. Phỏng vấn

**2.3. Thiết kế bộ câu hỏi thu thập số liệu**

**2.4. Khám lâm sàng xét nghiệm hàng loạt ở cộng đồng**

**2.5. Thảo luận nhóm**

**2.6. Sử dụng thông tin có sẵn**

## **CHƯƠNG 8: PHÂN TÍCH TRÌNH BÀY SỐ LIỆU**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được phương pháp phân tích và trình bày số liệu trong nghiên cứu khoa học.
2. Vận dụng được phương pháp phân tích và trình bày số liệu trong nghiên cứu khoa học.
3. Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để phân tích số liệu.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1) (3)**

1. Trình bày số liệu bằng tay
2. Trình bày số liệu bằng máy tính
3. Phân tích số liệu
4. Phân tích số liệu với các biến định lượng

## **CHƯƠNG 9: PHƯƠNG PHÁP VIẾT VÀ BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**(Thời gian: 6 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được phương pháp viết và báo cáo trong nghiên cứu khoa học.
2. Vận dụng được phương pháp viết và báo cáo trong nghiên cứu khoa học.
3. Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp viết và báo cáo nghiên cứu khoa học trong việc học tập.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

**1. Phần đầu của báo cáo khoa học****2. Nội dung báo cáo khoa học****2.1. Đặt vấn đề****2.2. Tổng quan tài liệu****2.3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu****2.4. Kết quả nghiên cứu****2.5. Bàn luận****2.6. Kết luận****2.7. Khuyến nghị****2.8. Tài liệu tham khảo****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

Phòng học lý thuyết phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

**II. Trang thiết bị máy móc**

Tivi, máy vi tính.

**III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- **Học liệu:** Chương trình và giáo trình, kế hoạch bài giảng môn học.

- **Dụng cụ, nguyên vật liệu**

+ Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, kẹp nhựa, kéo, dao nhỏ, ...

**IV. Các điều kiện khác:** Không.

**E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ****I. Nội dung****1. Kiến thức**

- Khái niệm, mục đích áp dụng của các phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Cách thức phân tích vấn đề nghiên cứu.
- Cách thức viết mục tiêu, chọn biến số nghiên cứu.
- Mục đích, cách tìm tài liệu và viết tổng quan tài liệu nghiên cứu.
- Các thiết kế nghiên cứu khoa học.
- Các phương pháp chọn mẫu, phương pháp thu thập số liệu trong nghiên cứu khoa học.
- Các phương pháp phân tích và trình bày số liệu trong nghiên cứu khoa học.

## **2. Kỹ năng**

- Phân tích vấn đề nghiên cứu.
- Viết mục tiêu, chọn biến số nghiên cứu.
- Viết tổng quan tài liệu.
- Thực hiện được 4 bước trong nghiên cứu khoa học và lựa chọn một thiết kế nghiên cứu phù hợp.
- Chọn mẫu, thu thập số liệu trong nghiên cứu khoa học.
- Phân tích và trình bày số liệu trong nghiên cứu khoa học.

## **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Rèn luyện tác phong, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:
  - + Số bài kiểm tra: 01 bài.
  - + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài

+ Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết.

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

## **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ V của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Nghiên cứu khoa học y học được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**



### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của người học....

### **2. Đối với người học**

- Nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.  
- Người học tìm hiểu trước giáo trình Nghiên cứu khoa học y học, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Năng lực nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học đặc biệt là ngành điều dưỡng.

### **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Nhữ Thị Thúy, Nguyễn Thị Kim Duyên. Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học y học. Trường Cao đẳng bách khoa Nam Sài Gòn. 2021.
2. Phạm Đức Mục. Nghiên cứu điều dưỡng. Nhà xuất bản Y học. 2012.
3. Hoàng Văn Minh. Phương pháp nghiên cứu khoa học y học. Nhà xuất bản Y học. 2020.

### **V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.**

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Quản lý điều dưỡng (Nursing Management).

**Mã môn học:** 651420862.

**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ (lý thuyết: 20 giờ; thảo luận, bài tập: 8 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ V.

#### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được hệ thống quản lý ngành điều dưỡng, nguyên tắc tổ chức và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức điều dưỡng.
2. Trình bày được khái niệm về quản lý, quản lý điều dưỡng, các nguyên tắc, các biện pháp quản lý và nội dung các bước trong quy trình quản lý.
3. Trình bày được các khái niệm về lãnh đạo, những phẩm chất cần có và nên tránh của người lãnh đạo.
4. Trình bày được định nghĩa, nhận dạng các vấn đề trong công tác điều dưỡng, chăm sóc người bệnh.

## II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Xây dựng được bảng mô tả công việc và nhiệm vụ các chức danh chuyên môn trong chăm sóc.
2. Ứng dụng được phong cách lãnh đạo điều dưỡng có hiệu quả trong công tác chăm sóc người bệnh.

## III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý hiệu quả vào công tác điều hành và quản lý chất lượng chăm sóc người bệnh tại cơ sở y tế.
2. Vận dụng được quy trình quản lý để giải quyết các vấn đề ưu tiên trong công tác điều hành chăm sóc người bệnh.

## C. NỘI DUNG MÔN HỌC

### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên chương, mục                                                                                | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Tổ chức hoạt động điều dưỡng và nhiệm vụ của các chức danh chuyên môn trong chăm sóc | 3               | 3         |                    |                       |              |
|    | 1. Hệ thống quản lý ngành điều dưỡng:                                                          | 1               | 1         |                    |                       |              |

|   |                                                                                                    |     |     |  |  |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|   | 1.1. Sơ đồ tổ chức quản lý<br>Điều dưỡng các cấp                                                   |     |     |  |  |  |
|   | 1.2. Hệ thống điều dưỡng<br>trong bệnh viện                                                        |     |     |  |  |  |
|   | 2. Nhiệm vụ của trưởng<br>phòng điều dưỡng                                                         | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|   | 3. Nhiệm vụ của điều dưỡng<br>trong phòng điều dưỡng                                               | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|   | 4. Nhiệm vụ của điều dưỡng<br>trưởng khoa                                                          | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|   | 5. Nhiệm vụ của điều dưỡng<br>trưởng khoa lâm sàng                                                 | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
| 2 | Chương 2: Đại cương quản<br>lý - Quản lý điều dưỡng                                                | 4   | 4   |  |  |  |
|   | 1. Định nghĩa:<br>1.1. Định nghĩa 1<br>1.2. Định nghĩa 2<br>1.3. Định nghĩa 3<br>1.4. Định nghĩa 4 | 1   | 1   |  |  |  |
|   | 2. Phương pháp quản lý:<br>2.1. Phương pháp giáo dục<br>2.2. Phương pháp hành chính                | 1,5 | 1,5 |  |  |  |

|   |                                                                                                                                                                              |     |     |  |  |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|   | 2.3. Phương pháp kinh tế                                                                                                                                                     |     |     |  |  |  |
|   | 3. Quy trình quản lý:<br>3.1. Chức năng cơ bản của quản lý<br>3.2. Quy trình quản lý                                                                                         | 1,5 | 1,5 |  |  |  |
| 3 | Chương 3: Phong cách lãnh đạo                                                                                                                                                | 3   | 3   |  |  |  |
|   | 1. Khái niệm lãnh đạo<br>2. Lãnh đạo điều dưỡng                                                                                                                              | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|   | 3. Những phẩm chất của nhà lãnh đạo<br>3.1. Những phẩm chất nên có của nhà lãnh đạo<br>3.2. Những phẩm chất người lãnh đạo nên tránh                                         | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|   | 4. Phong cách lãnh đạo:<br>4.1. Phong cách lãnh đạo lấy con người làm trung tâm<br>4.2. Phong cách lãnh đạo lấy công việc làm trung tâm<br>4.3. Phong cách lãnh đạo độc đoán | 2   | 2   |  |  |  |

|   |                                                                                                |     |     |   |  |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|---|--|--|
|   | 4.4. Phong cách lãnh đạo dân chủ<br>4.5. Phong cách lãnh đạo ủy quyền                          |     |     |   |  |  |
| 4 | Chương 4: Kỹ năng giải quyết vấn đề                                                            | 8   | 4   | 4 |  |  |
|   | 1. Khái niệm                                                                                   | 0,5 | 0,5 |   |  |  |
|   | 2. Quy trình giải quyết vấn đề:<br>2.1. Nhận biết vấn đề                                       | 2,5 | 1,5 | 1 |  |  |
|   | 2.2. Phân tích nguyên nhân                                                                     | 5   | 2   | 3 |  |  |
| 5 | Chương 5: Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng điều hành cuộc họp                                    | 10  | 6   | 4 |  |  |
|   | 1. Khái niệm về nhóm<br>2. Tầm quan trọng của nhóm làm việc<br>3. Phân loại nhóm               | 0,5 | 0,5 |   |  |  |
|   | 4. Hoạt động nhóm:<br>4.1. Phát triển nhóm<br>4.2. Hoạt động nhóm<br>4.3. Thông tin trong nhóm | 1   | 1   |   |  |  |

|   |                                                                                                                                              |           |           |          |  |          |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|----------|--|----------|
|   | 4.4. Thảo luận và ra quyết định trong nhóm                                                                                                   |           |           |          |  |          |
|   | 5. Điều hành nhóm:<br>5.1. Vai trò các thành viên trong nhóm<br>5.2. Phong cách điều hành hoạt động nhóm                                     | 1,5       | 1,5       |          |  |          |
|   | 6. Kỹ năng họp nhóm:<br>6.1. Họp nhóm<br>6.2. Một số công cụ điều hành họp nhóm<br>6.3. Cải thiện bản thân trong nhóm làm việc               | 3         | 1         | 2        |  |          |
|   | 7. Kỹ năng tổ chức cuộc họp<br>7.1. Mục đích cuộc họp<br>7.2. Cách tổ chức một cuộc họp<br>7.3. Vai trò của chủ tọa và thư ký trong cuộc họp | 4         | 2         | 2        |  |          |
| 6 | Kiểm tra định kỳ                                                                                                                             | 1         |           |          |  | 1        |
| 7 | Thi kết thúc môn học                                                                                                                         | 1         |           |          |  | 1        |
|   | <b>Cộng</b>                                                                                                                                  | <b>30</b> | <b>20</b> | <b>8</b> |  | <b>2</b> |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### CHƯƠNG 1: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐIỀU DƯỠNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁC CHỨC DANH CHUYÊN MÔN TRONG CHĂM SÓC

(Thời gian: 3 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được hệ thống quản lý ngành điều dưỡng và nhiệm vụ của các chức danh chuyên môn trong chăm sóc.
2. Xây dựng được bảng mô tả công việc và nhiệm vụ của các chức danh chuyên môn trong chăm sóc.
3. Nhận thức được tầm quan trọng của hệ thống điều dưỡng trong ngành y tế.

#### II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1, 2)

##### 1. Hệ thống quản lý ngành điều dưỡng:

##### *1.1. Sơ đồ tổ chức quản lý Điều dưỡng các cấp*

##### *1.2. Hệ thống điều dưỡng trong bệnh viện*

##### 2. Nhiệm vụ của trưởng phòng điều dưỡng

##### 3. Nhiệm vụ của điều dưỡng trong phòng điều dưỡng

##### 4. Nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng khoa

##### 5. Nhiệm vụ của điều dưỡng trưởng khoa lâm sàng

### CHƯƠNG 2: ĐẠI CƯƠNG QUẢN LÝ – QUẢN LÝ ĐIỀU DƯỠNG

(Thời gian: 4 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm về quản lý, quản lý điều dưỡng, nguyên tắc, yêu cầu và các biện pháp quản lý.



2. Thực hiện được nội dung các bước trong quy trình quản lý.
3. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý và áp dụng hiệu quả vào công việc.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3)**

### **1. Định nghĩa:**

#### **1.1. Định nghĩa 1**

#### **1.2. Định nghĩa 2**

#### **1.3. Định nghĩa 3**

#### **1.4. Định nghĩa 4**

### **2. Phương pháp quản lý:**

#### ***2.1. Phương pháp giáo dục***

#### ***2.2. Phương pháp hành chính***

#### ***2.3. Phương pháp kinh tế***

### **3. Quy trình quản lý:**

#### ***3.1. Chức năng cơ bản của quản lý***

#### ***3.2. Quy trình quản lý:***

##### ***3.2.1. Lập kế hoạch***

##### ***3.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch***

##### ***3.2.3. Đánh giá***

## **CHƯƠNG 3: PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO**

**(Thời gian: 3 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các khái niệm về lãnh đạo, những phẩm chất cần có và nên tránh của người lãnh đạo.
2. Ứng dụng được phong cách lãnh đạo điều dưỡng có hiệu quả trong công tác chăm sóc người bệnh.
3. Nhận thức được tầm quan trọng của sự lãnh đạo hiệu quả vào công tác điều hành và quản lý chất lượng chăm sóc người bệnh tại cơ sở y tế.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)**

### **1. Khái niệm lãnh đạo**

### **2. Lãnh đạo điều dưỡng**

### **3. Những phẩm chất của nhà lãnh đạo**

#### ***3.1. Những phẩm chất nên có của nhà lãnh đạo***

#### ***3.2. Những phẩm chất người lãnh đạo nên tránh***

### **4. Phong cách lãnh đạo:**

#### ***4.1. Phong cách lãnh đạo lấy con người làm trung tâm***

#### ***4.2. Phong cách lãnh đạo lấy công việc làm trung tâm***

#### ***4.3. Phong cách lãnh đạo độc đoán***

#### ***4.4. Phong cách lãnh đạo dân chủ***

#### ***4.5. Phong cách lãnh đạo ủy quyền***

## **CHƯƠNG 4: KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ**

**(Thời gian: 8 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa vấn đề, quy trình giải quyết vấn đề trong công tác điều dưỡng, chăm sóc người bệnh.

2. Ứng dụng được quy trình để giải quyết các vấn đề ưu tiên trong công tác điều hành chăm sóc người bệnh.

3. Rèn luyện được kỹ năng giao tiếp, xây dựng quan hệ tốt với đồng nghiệp, cấp trên và cấp dưới.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (5)**

### **1. Khái niệm**

### **2. Quy trình giải quyết vấn đề:**

#### **2.1. Nhận biết vấn đề**

#### **2.2. Phân tích nguyên nhân:**

*2.2.1. Phân tích nguyên nhân gốc bằng kỹ thuật “5 Why”*

*2.2.2. Phân tích nguyên nhân gốc bằng kỹ thuật “Xương cá - Fishbone”*

*2.2.3. Chọn giải pháp và hoạt động ưu tiên*

*2.2.4. Thực thi giải pháp hoạt động lựa chọn*

*2.2.5. Đánh giá kết quả*

## **CHƯƠNG 5: KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM, KỸ NĂNG ĐIỀU HÀNH CUỘC HỌP**

**(Thời gian: 10 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm vai trò của làm việc nhóm, các kỹ năng việc nhóm và kỹ năng tổ chức cuộc họp.

2. Ứng dụng được các kỹ năng làm việc nhóm trong công tác quản lý điều dưỡng và chăm sóc người bệnh.

3. Rèn luyện được tác phong chuẩn mực, nhanh nhẹn và chính xác trong công tác quản lý điều dưỡng và chăm sóc người bệnh.

## II. NỘI DUNG CHƯƠNG (6)

### 1. Khái niệm về nhóm

### 2. Tầm quan trọng của nhóm làm việc

### 3. Phân loại nhóm

### 4. Hoạt động nhóm:

#### *4.1. Phát triển nhóm*

#### *4.2. Hoạt động nhóm*

#### *4.3. Thông tin trong nhóm*

#### *4.4. Thảo luận và ra quyết định trong nhóm*

### 5. Điều hành nhóm:

#### *5.1. Vai trò các thành viên trong nhóm*

#### *5.2. Phong cách điều hành hoạt động nhóm*

### 6. Kỹ năng họp nhóm:

#### *6.1. Họp nhóm*

#### *6.2. Một số công cụ điều hành họp nhóm*

#### *6.3. Cải thiện bản thân trong nhóm làm việc*

### 7. Kỹ năng tổ chức cuộc họp

#### *7.1. Mục đích cuộc họp*

#### *7.2. Cách tổ chức một cuộc họp*

#### *7.3. Vai trò của chủ tọa và thư ký trong cuộc họp*

## D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

### I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng

Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.

## **II. Trang thiết bị máy móc**

Máy vi tính, Ti vi.

## **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- **Học liệu:** Chương trình và giáo trình, kế hoạch bài giảng môn học.

- **Dụng cụ, nguyên vật liệu**

+ Giấy Ao, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

**IV. Các điều kiện khác:** Không.

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Hệ thống quản lý ngành điều dưỡng, nguyên tắc tổ chức và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức điều dưỡng.

- Các khái niệm về quản lý, quản lý điều dưỡng, các nguyên tắc, các biện pháp quản lý và nội dung các bước trong quy trình quản lý.

- Các khái niệm về lãnh đạo, những phẩm chất cần có và nên tránh của người lãnh đạo.

- Định nghĩa vấn đề; Nhận dạng các vấn đề trong công tác điều dưỡng, chăm sóc người bệnh.

#### **2. Kỹ năng**

- Xây dựng bảng mô tả công việc và nhiệm vụ của các chức danh chuyên môn trong chăm sóc.

- Thực hiện các bước trong quy trình quản lý điều dưỡng.

- Ứng dụng phong cách lãnh đạo điều dưỡng có hiệu quả trong công tác chăm sóc người bệnh.

- Ứng dụng quy trình để giải quyết các vấn đề ưu tiên trong công tác điều hành chăm sóc người bệnh.

### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Rèn luyện tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học trong công tác quản lý điều dưỡng tại các cơ sở y tế.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.

+ Số bài kiểm tra: 01 bài lý thuyết.

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ phải được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

### **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm

10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.
- Thời gian thi: 1 giờ.
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ V của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).
- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Quản lý điều dưỡng được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, làm mẫu, đóng vai, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên, ...

#### **2. Đối với người học**

- Sinh viên cần hoàn thành các nội dung: quy trình quản lý điều dưỡng, quy trình giải quyết vấn đề, bảng mô tả công việc và nhiệm vụ của các chức danh chuyên môn trong chăm sóc sau khi kết thúc bài học và Nhà giáo có đánh giá kết quả.

- Người học tìm hiểu trước giáo trình Quản lý điều dưỡng, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Năng lực thiết kế kế hoạch quản lý hoạt động tổ chức chăm sóc của điều dưỡng.

- Năng lực thiết kế kế hoạch nghiên cứu tìm kiếm các mô hình, các phương pháp chăm sóc hiệu quả trên lâm sàng.

### **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ môn Điều dưỡng. Quản lý điều dưỡng. Ninh Bình: Trường Cao đẳng Y tế Ninh Bình; 2019. 2-14 p.

2. Bộ Y tế. Thông tư số 31/2021/TT-BYT, ngày 28/12/2021 về Quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện. Bộ Y tế; 2021.

3. TS. Vũ Văn Đầu. Tài liệu lớp Chứng chỉ quản lý điều dưỡng. Nam Định: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định; 2020. 94-117 p.

4. TS. Vũ Văn Đầu. Tài liệu lớp Chứng chỉ quản lý điều dưỡng. Nam Định: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định; 2020. 203-16 p.

5. TS. Vũ Văn Đầu. Tài liệu lớp Chứng chỉ quản lý điều dưỡng. Nam Định: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định; 2020. 145- 57 p.

6. TS. Vũ Văn Đầu. Tài liệu lớp Chứng chỉ quản lý điều dưỡng. Nam Định: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định; 2020. 158- 75 p.

### **V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.**



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình (Family Medicine-Based Patient Care).

**Mã môn học:** 651120122.

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (Lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 30 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn tự chọn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ V.

#### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được khái niệm y học gia đình; nhiệm vụ, nguyên lý quản lý của Trạm Y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

2. Trình bày được hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình và nhiệm vụ của Bác sĩ, Y sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Dược ở Trạm Y tế hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

3. Trình bày được khái niệm, nội dung về làm việc theo đội chăm sóc ban đầu.

4. Trình bày được khái niệm, đối tượng và quy trình chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc cuối đời tại cộng đồng.

5. Trình bày được kỹ năng tư vấn, giao tiếp và giáo dục sức khỏe trong chăm sóc điều dưỡng.

## **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Thực hiện được các trường hợp chăm sóc trẻ em, người bệnh mạn tính, chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc cuối đời tại cộng đồng theo nguyên lý y học gia đình.

2. Thực hiện được kỹ năng tư vấn, giao tiếp và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà người bệnh qua tình huống cho sẵn/ trên lâm sàng hướng tới sự hài lòng của người bệnh/ người nhà.

## **III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

1. Nhận thức được sự đổi mới trong công tác y tế tại Trạm hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

2. Tuân thủ các quy định về chuyên môn trong CSNB tại Trạm Y tế xã theo nguyên lý y học gia đình.

## **C. NỘI DUNG MÔN HỌC**

### **NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN**

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                  | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                  | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Khái quát về y học gia đình và trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình                                                                                                 | 2               | 2         |                    |                       |              |
|    | 1. Đại cương về y học gia đình<br>1.1. Khái niệm y học gia đình<br>1.2. Các đặc trưng của y học gia đình<br>1.3. Các nguyên lý y học gia đình<br>1.4. Phòng khám Bác sĩ gia đình | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 2. Nhiệm vụ của Trạm Y tế xã khi hoạt động theo nguyên lý y học gia đình<br>2.1. Nhiệm vụ của Trạm Y tế hiện nay<br>2.2. Trạm Y tế khi hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình  | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 3. Phân biệt được nhiệm vụ của Bác sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh và                                                                                                                    | 1               | 1         |                    |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | <p>Dược sĩ ở Trạm Y tế hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình so với nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước</p> <p>3.1. Nhiệm vụ của các nhân viên y tế</p> <p>3.2. Làm việc theo ê- kíp chăm sóc sức khỏe</p>  |                 |           |                    |                       |              |
| 2  | Chương 2: Phương pháp làm việc nhóm                                                                                                                                                                            | 5               | 1         | 4                  |                       |              |
|    | <p>1. Giới thiệu về nhóm chăm sóc y tế</p> <p>1.1. Nhóm là gì</p> <p>1.2. Đội là gì</p> <p>2. Các loại hình nhóm trong y tế</p> <p>2.1. Nhóm nòng cốt</p> <p>2.2. Nhóm điều phối</p> <p>2.3. Nhóm lâm thời</p> | 2,5             | 0,5       | 2                  |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 2.4. Các dịch vụ hỗ trợ<br><br>3. Các giai đoạn phát triển nhóm<br><br>3.1. Giai đoạn 1: Hình thành nhóm<br><br>3.2. Giai đoạn 2: Tranh luận<br><br>3.3. Giai đoạn 3: Chuẩn mực<br><br>3.4. Giai đoạn 4: Thực hiện                                                                   |                 |           |                    |                       |              |
|    | 4. Mục đích của việc làm việc nhóm hiệu quả tại Trạm Y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình<br><br>5. Nội dung của làm việc nhóm hiệu quả tại Trạm Y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình<br><br>5.1. Đặc điểm làm việc nhóm hiệu quả<br><br>5.2. Vai trò lãnh đạo | 2,5             | 0,5       | 2                  |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                        | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                        | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 6. Kỹ thuật giao tiếp cho nhóm chăm sóc y tế<br>6.1. Kỹ thuật ISBAR<br>6.2. Nói to<br>6.3. Kiểm tra lại<br>7. Giải quyết bất đồng và xung đột                                                                                                          |                 |           |                    |                       |              |
| 3  | Chương 3: Quản lý Trạm Y tế hoạt động theo nguyên lý y học gia đình                                                                                                                                                                                    | 4               | 1         | 3                  |                       |              |
|    | 1. Nguyên tắc quản lý Trạm Y tế<br>1.1. Tổ chức hệ thống y tế ở Việt Nam<br>1.2. Tổ chức Trạm Y tế<br>1.3. Chức năng Trạm Y tế<br>1.4. Nhiệm vụ của Cán bộ y tế<br>1.5. Nhiệm vụ y tế xã phường<br>1.6. Các nội dung chính trong quản lý tại Trạm Y tế | 2               | 0,5       | 1,5                |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 1.7. Nguyên tắc quản lý Trạm Y tế<br>1.8. Quy chế làm việc của Trạm Y tế<br>1.9. Các chỉ tiêu đánh giá y tế xã                                                                                                                                                                                                                                |                 |           |                    |                       |              |
|    | 2. Hoàn thiện kế hoạch hành động thường niên của Trạm Y tế<br>2.1. Nguyên tắc<br>2.2. Các nội dung trong kế hoạch thường niên<br>2.3. Nghiên cứu khoa học<br>3. Các nội dung chính trong triển khai, giám sát, đánh giá công tác Trạm Y tế<br>3.1. Nguyên tắc<br>3.2. Công tác triển khai<br>3.3. Công tác giám sát<br>3.4. Công tác đánh giá | 2               | 0,5       | 1,5                |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 4  | Chương 4: Quản lý hồ sơ sức khỏe tại trạm y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6               | 2         | 4                  |                       |              |
|    | <p>1. Khái niệm sức khỏe cá nhân và hộ gia đình</p> <p>1.1. Sức khỏe cá nhân</p> <p>1.2. Sức khỏe hộ gia đình</p> <p>2. Quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình</p> <p>2.1. Lập hồ sơ theo dõi sức khỏe toàn diện và liên tục cho cá nhân và hộ gia đình theo quy định của Bộ Y tế</p> <p>2.2. Khám sức khỏe cho cá nhân theo nguyên lý y học gia đình</p> <p>2.3. Truyền thông, giáo dục sức khỏe cho cá nhân và gia đình theo nguyên tắc y học gia đình</p> | 2               | 0,5       | 1,5                |                       |              |



| TT | Tên chương, mục                                                                           | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                           | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 3. Quy trình quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình          | 3               | 1         | 2                  |                       |              |
|    | 3.1. Thu thập thông tin sức khỏe cá nhân, hộ gia đình                                     |                 |           |                    |                       |              |
|    | 3.2. Lập hồ sơ lưu giữ thông tin sức khỏe                                                 |                 |           |                    |                       |              |
|    | 3.3. Quản lý hồ sơ, theo dõi liên tục và thường xuyên theo nguyên lý y học gia đình       |                 |           |                    |                       |              |
|    | 4. Nội dung của hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình | 1               | 0,5       | 0,5                |                       |              |
| 5  | Chương 5: Chăm sóc người bệnh tại Trạm Y tế theo nguyên lý y học gia đình                 | 10              | 2         | 8                  |                       |              |
|    | 1. Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình                                      | 1               | 1         |                    |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | <p>1.1. Chức năng và vai trò của người Điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe gia đình</p> <p>1.2. Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình</p>                                                                                                                                                                                                                     |                 |           |                    |                       |              |
|    | <p>2. Lập KHCS theo nguyên lý y học gia đình</p> <p>2.1. Bước 1: Nhận định người bệnh theo nguyên lý y học gia đình</p> <p>2.2. Bước 2: Chẩn đoán điều dưỡng theo nguyên lý y học gia đình</p> <p>2.3. Bước 3: Lập KHCS theo nguyên lý y học gia đình</p> <p>2.4. Bước 4: Thực hiện KHCS theo nguyên lý y học gia đình</p> <p>2.5. Bước 5: Đánh giá kết quả chăm sóc</p> | 5               | 1         | 4                  |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 3. Thực hiện CSNB tại Trạm Y tế xã theo nguyên lý y học gia đình                                                                                                                                                                                                                                                               | 4               | 0         | 4                  |                       |              |
| 6  | Chương 6: Chăm sóc giảm nhẹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5               | 2         | 3                  |                       |              |
|    | 1. Khái niệm<br>2. Nguyên tắc chung trong thực hành giảm nhẹ<br>2.1. Đối tượng cần được chăm sóc giảm nhẹ<br>2.2. Lý do và nội dung chăm sóc giảm nhẹ<br>2.3. Thời điểm áp dụng chăm sóc giảm nhẹ<br>2.4. Địa điểm áp dụng chăm sóc giảm nhẹ<br>2.5. Đối tượng tham gia chăm sóc giảm nhẹ<br>3. Mục tiêu của chăm sóc giảm nhẹ | 1               | 1         |                    |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 4. Quy trình chăm sóc giảm nhẹ<br>4.1. Nhận định điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ<br>4.2. Chẩn đoán điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ<br>4.3. Lập kế hoạch chăm sóc giảm nhẹ<br>4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc giảm nhẹ<br>4.5. Đánh giá chăm sóc giảm nhẹ | 2,5             | 0,5       | 2                  |                       |              |
|    | 5. Chăm sóc giảm nhẹ giai đoạn cuối đời<br>5.1. Các nguyên lý chung trong chăm sóc giảm nhẹ giai đoạn cuối đời<br>5.2. Mục tiêu của chăm sóc cuối đời<br>5.3. Hỗ trợ tinh thần trong chăm sóc cuối đời                                                          | 1,5             | 0,5       | 1                  |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                                          | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                          | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 5.4. Giảm bớt sự đau đớn cho người bệnh<br>5.5. Quy trình chăm sóc giảm nhẹ người bệnh cuối đời<br>5.6. Chăm sóc người bệnh lúc qua đời                                                                                                                                  |                 |           |                    |                       |              |
| 7  | Chương 7: Kỹ năng giao tiếp của Điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                               | 5               | 1         | 4                  |                       |              |
|    | 1. Khái niệm<br>1.1. Khái niệm giao tiếp<br>1.2. Quá trình giao tiếp<br>1.3. Kỹ năng giao tiếp<br>1.4. Các hình thức giao tiếp<br>2. Vai trò của giao tiếp<br>2.1. Vai trò của giao tiếp trong đời sống xã hội<br>2.2. Vai trò của kỹ năng giao tiếp trong chăm sóc y tế | 2,5             | 0,5       | 2                  |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                                                                                                    | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                    | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 3. Kỹ năng giao tiếp của Điều dưỡng<br>3.1. Giao tiếp với đồng nghiệp<br>3.2. Giao tiếp với người bệnh và thân nhân<br>3.3. Giao tiếp với người bệnh và gia đình giai đoạn cuối đời                                                                | 2,5             | 0,5       | 2                  |                       |              |
| 8  | Chương 8: Kỹ năng tư vấn của Điều dưỡng                                                                                                                                                                                                            | 6               | 2         | 4                  |                       |              |
|    | 1. Kỹ năng tư vấn và giáo dục sức khỏe trong chăm sóc điều dưỡng<br>1.1. Khái niệm<br>2. Nguyên tắc tư vấn<br>2.1. Lợi ích của khách hàng là trọng tâm<br>2.2. Khuyến khích tính chủ động tham gia tối đa của khách hàng<br>2.3. Kín đáo và bí mật | 2               | 1         | 1                  |                       |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                                                                            | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                            | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 2.4. Tôn trọng nhân phẩm của khách hàng<br>2.5. Không áp đặt, phải tôn trọng sự lựa chọn của khách hàng<br>2.6. Gần gũi, thân thiện, đồng cảm với khách hàng               |                 |           |                    |                       |              |
|    | 3. Quy trình của một cuộc tư vấn<br>3.1. Các bước chung trong tư vấn và giải quyết vấn đề<br>3.2. Nguyên tắc tư vấn                                                        | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 4. Kỹ năng tư vấn cần có của điều dưỡng<br>4.1. Chủ động lắng nghe<br>4.2. Diễn đạt lại ý người bệnh, gia đình và phản hồi cảm xúc<br>4.3. Đặt câu hỏi<br>4.4. Khoảng lặng | 3,5             | 0,5       | 3                  |                       |              |
| 9  | Kiểm tra định kỳ                                                                                                                                                           | 1               |           |                    |                       | 1            |

| TT | Tên chương, mục      | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|----------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                      | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 10 | Thi kết thúc môn học | 1               |           |                    |                       | 1            |
|    | <b>Cộng</b>          | <b>45</b>       | <b>13</b> | <b>30</b>          |                       | <b>2</b>     |

### NỘI DUNG CHI TIẾT

## CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ Y HỌC GIA ĐÌNH VÀ TRẠM Y TẾ THEO NGUYÊN LÝ Y HỌC GIA ĐÌNH

(Thời gian: 2 giờ)

### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được khái niệm y học gia đình, phòng khám Bác sĩ gia đình; nhiệm vụ của Trạm Y tế xã.
2. Thực hiện được nhiệm vụ của Bác sĩ, Y sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh và Dược ở Trạm Y tế hoạt động theo nguyên lý y học gia đình so với nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước.
3. Nhận thức được sự đổi mới trong công tác y tế tại trạm hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

### II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)

#### 1. Đại cương về y học gia đình

##### *1.1. Khái niệm y học gia đình*

##### *1.2. Các đặc trưng của y học gia đình*



### ***1.3. Các nguyên lý y học gia đình***

### ***1.4. Phòng khám Bác sĩ gia đình***

## **2. Nhiệm vụ của Trạm Y tế xã khi hoạt động theo nguyên lý y học gia đình**

### ***2.1. Nhiệm vụ của Trạm Y tế hiện nay***

### ***2.2. Trạm y tế khi hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình***

**3. Phân biệt được nhiệm vụ của Bác sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh và Dược sĩ ở Trạm y tế hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình so với nhiệm vụ theo quy định của Nhà nước**

### ***3.1. Nhiệm vụ của các nhân viên y tế***

### ***3.2. Làm việc theo ê-kíp chăm sóc sức khỏe***

## **CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP LÀM VIỆC NHÓM**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, nội dung về làm việc theo đội chăm sóc ban đầu.
2. Thực hiện được các bài tập về làm việc nhóm hiệu quả tại Trạm Y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.
3. Rèn luyện được kỹ năng điều khiển, đàm phán, phân công trong hoạt động nhóm chuyên môn tại Trạm Y tế.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)**

#### **1. Giới thiệu về nhóm chăm sóc y tế**

##### ***1.1. Nhóm là gì***

##### ***1.2. Đội là gì***

#### **2. Các loại hình nhóm trong y tế**

**2.1. Nhóm nòng cốt**

**2.2. Nhóm điều phối**

**2.3. Nhóm lâm thời**

**2.4. Các dịch vụ hỗ trợ**

**3. Các giai đoạn phát triển nhóm**

**3.1. Giai đoạn 1: Hình thành nhóm**

**3.2. Giai đoạn 2: Tranh luận**

**3.3. Giai đoạn 3: Chuẩn mực**

**3.4. Giai đoạn 4: Thực hiện**

**4. Mục đích của việc làm việc nhóm hiệu quả tại Trạm Y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình**

**5. Nội dung của làm việc nhóm hiệu quả tại Trạm Y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình**

**5.1. Đặc điểm làm việc nhóm hiệu quả**

**5.2. Vai trò lãnh đạo**

**6. Kỹ thuật giao tiếp cho nhóm chăm sóc y tế**

**6.1. Kỹ thuật ISBAR**

**6.2. Nói to**

**6.3. Kiểm tra lại**

**7. Giải quyết bất đồng và xung đột**

**CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ TRẠM Y TẾ HOẠT ĐỘNG THEO NGUYÊN  
LÝ Y HỌC GIA ĐÌNH**

**(Thời gian: 4 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên tắc quản lý Trạm Y tế chất lượng, hiệu quả.
2. Thực hiện được các nội dung chính trong triển khai, giám sát, đánh giá công tác Trạm Y tế xã.
3. Tuân thủ các quy định về nguyên tắc quản lý, triển khai, giám sát và đánh giá công tác Trạm Y tế.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (3)**

### **1. Nguyên tắc quản lý Trạm Y tế**

#### ***1.1. Tổ chức hệ thống y tế ở Việt Nam***

#### ***1.2. Tổ chức Trạm Y tế***

#### ***1.3. Chức năng Trạm Y tế***

#### ***1.4. Nhiệm vụ của Cán bộ y tế***

#### ***1.5. Nhiệm vụ y tế xã phường***

#### ***1.6. Các nội dung chính trong quản lý tại Trạm Y tế***

#### ***1.7. Nguyên tắc quản lý Trạm Y tế***

#### ***1.8. Quy chế làm việc của Trạm Y tế***

#### ***1.9. Các chỉ tiêu đánh giá y tế xã***

### **2. Hoàn thiện kế hoạch hành động thường niên của Trạm Y tế**

#### ***2.1. Nguyên tắc***

#### ***2.2. Các nội dung trong kế hoạch thường niên***

#### ***2.3. Nghiên cứu khoa học***

### **3. Các nội dung chính trong triển khai, giám sát, đánh giá công tác Trạm Y tế**

### ***3.1. Nguyên tắc***

### ***3.2. Công tác triển khai***

### ***3.3. Công tác giám sát***

### ***3.4. Công tác đánh giá***

## **CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ HỒ SƠ SỨC KHỎE TẠI TRẠM Y TẾ**

**(Thời gian: 6 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được hồ sơ và quy trình quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý Y học gia đình tại xã.
2. Thực hiện được bài tập: xây dựng và quản lý sức khỏe theo nguyên lý Y học gia đình tại Trạm Y tế xã.
3. Tuân thủ các quy định của Trạm Y tế trong việc xây dựng và quản lý hồ sơ sức khỏe.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (4)**

#### **1. Khái niệm sức khỏe cá nhân và hộ gia đình**

##### ***1.1. Sức khỏe cá nhân***

##### ***1.2. Sức khỏe hộ gia đình***

#### **2. Quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình**

##### ***2.1. Lập hồ sơ theo dõi sức khỏe toàn diện và liên tục cho cá nhân và hộ gia đình theo quy định của Bộ Y tế***

##### ***2.2. Khám sức khỏe cho cá nhân theo nguyên lý y học gia đình***

##### ***2.3. Truyền thông, giáo dục sức khỏe cho cá nhân và gia đình theo nguyên tắc y học gia đình***

### **3. Quy trình quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình**

*3.1. Thu thập thông tin sức khỏe cá nhân, hộ gia đình*

*3.2. Lập hồ sơ lưu giữ thông tin sức khỏe*

*3.3. Quản lý hồ sơ, theo dõi liên tục và thường xuyên theo nguyên lý y học gia đình*

### **4. Nội dung của hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình**

## **CHƯƠNG 5: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TẠI TRẠM Y TẾ THEO NGUYÊN LÝ Y HỌC GIA ĐÌNH**

**(Thời gian: 10 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm chăm sóc người bệnh theo 6 nguyên lý y học gia đình.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh tại Trạm Y tế xã theo nguyên lý y học gia đình.
3. Nhận thức được sự cần thiết đổi mới công tác chăm sóc điều dưỡng theo nguyên lý y học gia đình.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (5)**

#### **1. Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình**

*1.1. Chức năng và vai trò của người Điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe gia đình*

*1.2. Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình*

#### **2. Lập KHCS theo nguyên lý y học gia đình**

***2.1. Bước 1: Nhận định người bệnh theo nguyên lý y học gia đình***

***2.2. Bước 2: Chẩn đoán điều dưỡng theo nguyên lý y học gia đình***

***2.3. Bước 3: Lập KHCS theo nguyên lý y học gia đình***

***2.4. Bước 4: Thực hiện KHCS theo nguyên lý y học gia đình***

***2.5. Bước 5: Đánh giá kết quả chăm sóc***

**3. Thực hiện CSNB tại Trạm Y tế xã theo nguyên lý y học gia đình**

## **CHƯƠNG 6: CHĂM SÓC GIẢM NHẸ**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm và tầm quan trọng của chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc giai đoạn cuối đời.

2. Thực hiện được việc chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc cuối đời tại cộng đồng.

3. Thận trọng, nhẹ nhàng và tự chịu trách nhiệm với việc thực hiện chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc cuối đời tại cộng đồng.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (6)**

#### **1. Khái niệm**

#### **2. Nguyên tắc chung trong thực hành giảm nhẹ**

***2.1. Đối tượng cần được chăm sóc giảm nhẹ***

***2.2. Lý do và nội dung chăm sóc giảm nhẹ***

***2.3. Thời điểm áp dụng chăm sóc giảm nhẹ***

***2.4. Địa điểm áp dụng chăm sóc giảm nhẹ***

***2.5. Đối tượng tham gia chăm sóc giảm nhẹ***

### **3. Mục tiêu của chăm sóc giảm nhẹ**

#### **4. Quy trình chăm sóc giảm nhẹ**

##### **4.1. Nhận định điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ**

##### **4.2. Chẩn đoán điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ**

##### **4.3. Lập kế hoạch chăm sóc giảm nhẹ**

##### **4.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc giảm nhẹ**

##### **4.5. Đánh giá chăm sóc giảm nhẹ**

#### **5. Chăm sóc giảm nhẹ giai đoạn cuối đời**

##### **5.1. Các nguyên lý chung trong chăm sóc giảm nhẹ giai đoạn cuối đời**

##### **5.2. Mục tiêu của chăm sóc cuối đời**

##### **5.3. Hỗ trợ tinh thần trong chăm sóc cuối đời**

##### **5.4. Giảm bớt sự đau đớn cho người bệnh**

##### **5.5. Quy trình chăm sóc giảm nhẹ người bệnh cuối đời**

##### **5.6. Chăm sóc người bệnh lúc qua đời**

## **CHƯƠNG 7: KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA ĐIỀU DƯỠNG**

**(Thời gian: 5 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được cách giao tiếp của người điều dưỡng với đồng nghiệp, với người bệnh, người nhà người bệnh đặc biệt trong trường hợp người bệnh ở giai đoạn cuối đời.
2. Thực hiện được việc giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh hướng tới sự hài lòng của người bệnh/ người nhà.
3. Thể hiện được cách cư xử tôn trọng, đúng mực trong giao tiếp.

## II. NỘI DUNG CHƯƠNG (7)

### 1. Khái niệm

#### 1.1. Khái niệm giao tiếp

#### 1.2. Quá trình giao tiếp

#### 1.3. Kỹ năng giao tiếp

#### 1.4. Các hình thức giao tiếp

### 2. Vai trò của giao tiếp

#### 2.1. Vai trò của giao tiếp trong đời sống xã hội

#### 2.2. Vai trò của kỹ năng giao tiếp trong chăm sóc y tế

### 3. Kỹ năng giao tiếp của Điều dưỡng

#### 3.1. Giao tiếp với đồng nghiệp

#### 3.2. Giao tiếp với người bệnh và thân nhân

#### 3.3. Giao tiếp với người bệnh và gia đình giai đoạn cuối đời

## CHƯƠNG 8: KỸ NĂNG TƯ VẤN CỦA ĐIỀU DƯỠNG

(Thời gian: 6 giờ)

### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe trong chăm sóc điều dưỡng.
2. Thực hiện được tư vấn sức khỏe qua một tình huống cho sẵn và trên lâm sàng.
3. Nhận thức được tầm quan trọng của tư vấn trong việc bảo vệ sức khỏe trong cộng đồng một cách đầy đủ, chu đáo.

## II. NỘI DUNG CHƯƠNG (8)



## **1. Kỹ năng tư vấn và giáo dục sức khỏe trong chăm sóc điều dưỡng**

### ***1.1. Khái niệm***

## **2. Nguyên tắc tư vấn**

### ***2.1. Lợi ích của khách hàng là trọng tâm***

### ***2.2. Khuyến khích tính chủ động tham gia tối đa của khách hàng***

### ***2.3. Kín đáo và bí mật***

### ***2.4. Tôn trọng nhân phẩm của khách hàng***

### ***2.5. Không áp đặt, phải tôn trọng sự lựa chọn của khách hàng***

### ***2.6. Gần gũi, thân thiện, đồng cảm với khách hàng***

## **3. Quy trình của một cuộc tư vấn**

### ***3.1. Các bước chung trong tư vấn và giải quyết vấn đề***

### ***3.2. Nguyên tắc tư vấn***

## **4. Kỹ năng tư vấn cần có của điều dưỡng**

### ***4.1. Chủ động lắng nghe***

### ***4.2. Diễn đạt lại ý người bệnh, gia đình và phản hồi cảm xúc***

### ***4.3. Đặt câu hỏi***

### ***4.4. Khoảng lặng***

## **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

### **II. Trang thiết bị máy móc**

- Mạng internet, máy vi tính, Tivi.

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- **Học liệu:** Chương trình và giáo trình, kế hoạch bài giảng môn học.

- **Dụng cụ, nguyên vật liệu**

+ Giấy Ao, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

+ Bảng kiểm thực hành thảo luận, các mô hình điều dưỡng đa năng, các loại dụng cụ và vật tư y tế, các loại máy móc sử dụng trong y tế: Hệ thống oxy, máy hút đờm dãi, bộ dụng cụ chăm sóc vết thương, ...

### **IV. Các điều kiện khác:**

Các cơ sở y tế, phòng khám đa khoa có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc người bệnh tại Trạm Y tế để người học rèn luyện nâng cao tay nghề.

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Các khái niệm y học gia đình, phòng khám Bác sĩ gia đình.

- Phân biệt được nhiệm vụ của Bác sĩ, Y sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh và Dược ở Trạm Y tế hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

- Nhiệm vụ, nguyên tắc quản lý Trạm Y tế chất lượng, hiệu quả; các nội dung chính trong triển khai, giám sát, đánh giá công tác Trạm Y tế xã.

- Nội dung hồ sơ và quy trình quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia của Trạm Y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

- Khái niệm, nội dung về làm việc theo đội chăm sóc ban đầu.

- Các cách giao tiếp của người điều dưỡng với đồng nghiệp, với người bệnh, người nhà người bệnh đặc biệt trong trường hợp người bệnh ở giai đoạn cuối đời.

- Khái niệm, nguyên tắc, quy trình kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe trong chăm sóc điều dưỡng

## **2. Kỹ năng**

- Thực hiện kỹ năng điều khiển, đàm phán, phân công trong hoạt động nhóm chuyên môn tại Trạm Y tế.

- Thực hiện bài tập: xây dựng và quản lý sức khỏe theo nguyên lý y học gia đình tại Trạm Y tế xã.

- Thực hiện chăm sóc trẻ em, người bệnh mạn tính, chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc giai đoạn cuối đời tại cộng đồng theo nguyên lý y học gia đình.

- Giao tiếp tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà người bệnh hướng tới sự hài lòng của người bệnh/ người nhà.

## **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Tuân thủ các quy định về chuyên môn trong CSNB tại Trạm Y tế xã theo nguyên lý y học gia đình.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01 bài.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.

- + Số bài kiểm tra: 01 bài lý thuyết.
- + Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận.
- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.
- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

## **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.
- Thời gian thi: 1 giờ.
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ V của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).
- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, làm mẫu, đóng vai, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên....

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

## **2. Đối với người học**

- Nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.

- Sinh viên cần hoàn thành quy trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh, kỹ năng tư vấn, kỹ năng giao tiếp tại Trạm Y tế sau khi kết thúc bài học và Nhà giáo có đánh giá kết quả của quy trình đó.

- Sinh viên tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc người bệnh theo nguyên lý y học gia đình, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Có kỹ năng điều khiển, đàm phán, phân công trong hoạt động nhóm chuyên môn tại Trạm Y tế.

- Thực hiện được chăm sóc người bệnh mạn tính tại Trạm Y tế xã theo nguyên lý Y học gia đình.

- Thực hiện được việc giao tiếp, tư vấn sức khỏe qua tình huống cho sẵn và trên lâm sàng hướng tới sự hài lòng của người bệnh/ người nhà.

## **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Y học; 2020. 46-63 p.

2. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Hà Nội; 2020. 64-71 p.

3. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Hà Nội; 2020. 72-81 p.

4. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Hà Nội; 2020. 82-94 p.

5. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Hà Nội; 2020. 193-205 p.

6. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Hà Nội; 2020. 220- 229 p.

7. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Hà Nội; 2020. 305- 321 p.

8. Bộ Y tế. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục "Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho Điều dưỡng làm việc tại Trạm Y tế xã". Hà Nội: NXB Hà Nội; 2020. 322- 333 p.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**

**Tên môn học:** An toàn người bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện (Patient Safety and Quality Care)

**Mã môn học:** 651120132

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 8 giờ; thực hành, thí nghiệm: 22 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ)

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn cơ sở trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ V.

#### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được khái niệm, nội dung an toàn người bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện.
2. Trình bày được nguyên tắc, biện pháp và cách phòng ngừa sự cố y khoa.
3. Phân tích được trách nhiệm của tập thể và cá nhân liên quan đến việc chăm sóc người bệnh toàn diện.

4. Phân loại được những sai sót trong việc sử dụng thuốc và sai sót sự cố y khoa trong phẫu thuật.

## II. Yêu cầu về kỹ năng

1. Thực hiện được các giải pháp bảo đảm an toàn người bệnh.
2. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh toàn diện theo tình trạng bệnh.
3. Thực hành xử lý được một số sự cố y khoa, sai sót trong việc sử dụng thuốc và sai sót trong phẫu thuật theo tình huống.
4. Ứng dụng được việc xử lý các sự cố y khoa, sai sót trong sử dụng thuốc, sai sót trong phẫu thuật vào thực tế trên người bệnh.

## III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực trong việc xử trí các sai sót thường gặp trong quá trình chăm sóc người bệnh toàn diện.
2. Rút ra bài học kinh nghiệm từ những tình huống mô phỏng, từ đó có giải pháp xử lý tình huống nâng cao hiệu quả toàn cho người bệnh.

## C. NỘI DUNG MÔN HỌC

### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên chương, mục                           | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                           | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Tổng quan về an toàn người bệnh | 1               | 1         |                    |                       |              |



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |     |     |  |  |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
| <p>1. Các thuật ngữ</p> <p>2. Phân loại sự cố y khoa</p> <p>2.1. Phân loại sự cố y khoa theo mức độ tổn thương đối với người bệnh</p> <p>2.2. Phân loại sự cố theo nhóm sự cố</p> <p>2.3. Phân loại sự cố theo nhóm nguyên nhân gây ra sự cố</p> <p>2.4. Danh mục các sự cố y khoa cơ sở y tế phải báo cáo</p> <p>3. Hậu quả của sự cố y khoa</p> | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
| <p>4. Các yếu tố liên quan tới sự cố y khoa</p> <p>4.1. Yếu tố con người</p> <p>4.2. Đặc điểm chuyên môn y tế bất định</p> <p>4.3. Môi trường làm việc nhiều áp lực</p> <p>4.4. Quản lý và điều hành dây chuyền khám chữa bệnh</p> <p>5. Giải pháp</p> <p>5.1. Thành lập Ủy ban quốc gia về chất lượng chăm sóc y tế và ATNB</p>                  | 0,5 | 0,5 |  |  |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |     |     |  |  |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|   | <p>5.2. Thiết lập hệ thống báo cáo sự cố y khoa bắt buộc và báo cáo tự nguyện</p> <p>5.3. Cải thiện môi trường làm việc của cán bộ y tế</p> <p>5.4. Xây dựng văn hóa an toàn người bệnh-tập trung giải quyết lỗi hệ thống</p> <p>5.5. Triển khai bảo hiểm nghề nghiệp theo Luật khám bệnh, chữa bệnh</p> <p>5.6. Triển khai thực hiện các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn người bệnh</p> |     |     |  |  |  |
| 2 | Chương 2: Tổng quan về công tác chăm sóc người bệnh toàn diện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1   | 1   |  |  |  |
|   | <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Nội dung chăm sóc người bệnh toàn diện</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của người bệnh</p> <p>3.1. Quyền của người bệnh</p> <p>3.2. Nghĩa vụ của người bệnh</p>                                                                                                                                                                                                        | 0,5 | 0,5 |  |  |  |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |  |  |  |  |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|
|  | <p>4. Nội dung chăm sóc toàn diện (theo Thông tư 07/2011/TT-BYT và Thông tư 31/2021/TT-BYT)</p> <p>4.1. Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe</p> <p>4.2. Chăm sóc tinh thần</p> <p>4.3. Chăm sóc vệ sinh cá nhân</p> <p>4.4. Chăm sóc dinh dưỡng</p> <p>4.4. Chăm sóc phục hồi chức năng</p> <p>4.5. Chăm sóc người bệnh có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật</p> <p>4.6. Dùng thuốc và theo dõi dùng thuốc cho người bệnh</p> <p>4.7. Chăm sóc người bệnh giai đoạn hấp hối và người bệnh tử vong</p> <p>4.8. Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng</p> <p>4.9. Theo dõi, đánh giá người bệnh</p> <p>4.10. Bảo đảm an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh</p> <p>4.11. Ghi chép hồ sơ bệnh án</p> |  |  |  |  |  |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |     |     |  |  |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|
|  | <p>5. Trách nhiệm của các cá nhân trong chăm sóc người bệnh toàn diện</p> <p>5.1. Trách nhiệm của Giám đốc bệnh viện</p> <p>5.2. Trách nhiệm của các Trưởng phòng chức năng</p> <p>5.3. Trách nhiệm của các Trưởng khoa</p> <p>5.4. Trách nhiệm của bác sĩ điều trị</p> <p>5.5. Trách nhiệm của điều dưỡng viên, hộ sinh viên</p> <p>5.6. Trách nhiệm của nhà giáo, học sinh, sinh viên thực tập</p> <p>5.7. Trách nhiệm của người bệnh và người nhà người bệnh</p> <p>6. Những điều kiện bảo đảm công tác chăm sóc</p> <p>6.1. Hệ thống tổ chức chăm sóc người bệnh</p> <p>6.2. Nhân lực chăm sóc người bệnh</p> <p>6.3. Tổ chức làm việc</p> <p>6.4. Trang thiết bị phục vụ chăm sóc người bệnh</p> | 0,5 | 0,5 |  |  |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|--|--|

|   |                                                                                                                                                                                                                                    |     |     |  |   |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | 6.5. Nguồn tài chính cho công tác chăm sóc<br><br>6.6. Đào tạo liên tục, cập nhật kiến thức y khoa liên tục<br><br>6.7. Công tác hộ lý trợ giúp chăm sóc<br><br>7. Các giải pháp tăng cường công tác chăm sóc người bệnh toàn diện |     |     |  |   |  |
| 3 | Chương 3: Phòng ngừa sự cố y khoa trong việc xác định người bệnh và cải thiện lòng tin trong nhóm chăm sóc                                                                                                                         | 6   | 2   |  | 4 |  |
|   | 1. Nguyên tắc phòng ngừa sự cố<br><br>1.1. Quản lý thông tin<br><br>1.2. Xác định người bệnh                                                                                                                                       | 3   | 1   |  | 2 |  |
|   | 1.3. Cải tiến việc trao đổi thông tin của nhân viên<br><br>2. Biện pháp                                                                                                                                                            | 3   | 1   |  | 2 |  |
| 4 | Chương 4: Phòng ngừa sai sót trong sử dụng thuốc                                                                                                                                                                                   | 3   | 1   |  | 2 |  |
|   | 1. Phân loại sai sót trong sử dụng thuốc<br><br>1.1. Phân loại theo giai đoạn                                                                                                                                                      | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |

|  |                                                                  |     |     |  |   |  |
|--|------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|  | 1.2. Phân loại theo biến cố                                      |     |     |  |   |  |
|  | 2. Phân loại theo mức độ nghiêm trọng                            |     |     |  |   |  |
|  | 3. Các yếu tố liên quan                                          | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |
|  | 3.1. Thông tin về người bệnh                                     |     |     |  |   |  |
|  | 3.2. Thông tin thuốc                                             |     |     |  |   |  |
|  | 3.3. Trao đổi thông tin                                          |     |     |  |   |  |
|  | 3.4. Tên thuốc, nhãn thuốc và dạng đóng gói                      |     |     |  |   |  |
|  | 3.5. Tiêu chuẩn hoá bảo quản, tồn trữ thuốc                      |     |     |  |   |  |
|  | 3.6. Thiết bị hỗ trợ dùng thuốc                                  |     |     |  |   |  |
|  | 3.7. Các yếu tố môi trường làm việc ảnh hưởng đến nhân viên y tế |     |     |  |   |  |
|  | 3.8. Năng lực và đào tạo của cán bộ y tế                         |     |     |  |   |  |
|  | 3.9. Đào tạo người bệnh                                          |     |     |  |   |  |
|  | 3.10. Quy trình quản lý chất lượng và rủi ro                     |     |     |  |   |  |
|  | 4. Giải pháp                                                     |     |     |  |   |  |
|  | 4.1. Giải pháp mang tính hệ thống                                |     |     |  |   |  |
|  | 4.2. Giải pháp với các đối tượng có liên quan                    |     |     |  |   |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                               |     |     |  |   |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
| 5 | Chương 5: Phòng ngừa sai sót sự cố y khoa trong phẫu thuật                                                                                                                                                                                                    | 3   | 1   |  | 2 |  |
|   | 1. Định nghĩa<br>2. Phân loại sự cố, sai sót theo mức độ nguy hại<br>3. Nguyên nhân của các sai sót, sự cố y khoa liên quan tới phẫu thuật, thủ thuật                                                                                                         | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |
|   | 4. Mục tiêu an toàn phẫu thuật theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới<br>5. Giải pháp bảo đảm an toàn người bệnh trong phẫu thuật, thủ thuật<br>5.1. Giải pháp chung phòng ngừa sự cố y khoa trong phẫu thuật<br>5.2. Áp dụng Bảng kiểm an toàn phẫu thuật | 1,5 | 0,5 |  | 1 |  |
| 6 | Chương 6: Phòng ngừa sự cố y khoa trong môi trường chăm sóc và sử dụng trang thiết bị vật tư y tế                                                                                                                                                             | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | 1. Nguyên tắc phòng ngừa<br>2. Các biện pháp phòng ngừa                                                                                                                                                                                                       | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                      |     |     |  |   |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | 2.1. Giảm nguy cơ gây thương tổn cho bệnh nhân do bị ngã                                                                                                                                                             |     |     |  |   |  |
|   | 2.2. Giảm nguy cơ cháy nổ trong phẫu thuật<br>3. Giảm nguy cơ tử vong do bị giữ chặt                                                                                                                                 | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
| 7 | Chương 7: Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện                                                                                                                                               | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | 1. Khái niệm và vai trò của kế hoạch<br>1.1. Khái niệm về kế hoạch<br>1.2. Vai trò của việc lập kế hoạch<br>1.3. Quy trình lập kế hoạch<br>2. Viết kế hoạch<br>2.1. Tên kế hoạch<br>2.2. Đặt vấn đề<br>2.3. Mục tiêu | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
|   | 2.4. Các giải pháp<br>2.5. Các hoạt động<br>2.6. Các phụ lục kèm theo                                                                                                                                                | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |



|   |                                                                                                                                                                                                                                                              |   |   |  |   |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|--|
|   | <p>3. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện</p> <p>3.1. Đối với bệnh viện</p> <p>3.2. Đối với các khoa, phòng</p>                                                                                                                |   |   |  |   |  |
| 8 | <p>Chương 8: Tổ chức phân cấp chăm sóc cho người bệnh - Chăm sóc vệ sinh cá nhân cho người bệnh</p>                                                                                                                                                          | 6 | 2 |  | 4 |  |
|   | <p>1. Mục đích</p> <p>2. Nguyên tắc trong phân cấp chăm sóc người bệnh</p> <p>3. Quy định về phân cấp chăm sóc, hỗ trợ người bệnh</p>                                                                                                                        | 3 | 1 |  | 2 |  |
|   | <p>4. Phân cấp chăm sóc</p> <p>4.1. Chăm sóc cấp I</p> <p>4.2. Chăm sóc cấp II</p> <p>4.3. Chăm sóc cấp III</p> <p>5. Chăm sóc vệ sinh cá nhân cho người bệnh</p> <p>5.1 Vệ sinh răng miệng cho người bệnh</p> <p>5.2. Gọi đầu cho người bệnh tại giường</p> | 3 | 1 |  | 2 |  |

|    |                                                                                                                                                                 |     |     |  |   |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|    | 5.3. Tắm cho người bệnh tại giường                                                                                                                              |     |     |  |   |  |
| 9  | Chương 9: Tổ chức chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh                                                                                                            | 5   | 1   |  | 4 |  |
|    | 1. Tầm quan trọng của dinh dưỡng lâm sàng                                                                                                                       | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
|    | 2. Giải pháp tăng cường chế độ dinh dưỡng bệnh lý cho người bệnh<br>2.1. Khoa dinh dưỡng<br>2.2. Khoa lâm sàng<br>2.3. Phòng điều dưỡng                         | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
| 10 | Chương 10: Tổ chức ghi chép phiếu theo dõi, chăm sóc người bệnh và bệnh hồ sơ bệnh án                                                                           | 8   | 2   |  | 6 |  |
|    | 1. Đại cương<br>2. Tầm quan trọng và trách nhiệm của điều dưỡng trong ghi chép phiếu theo dõi, chăm sóc người bệnh.<br>2.1. Tầm quan trọng của hồ sơ điều dưỡng | 4   | 1   |  | 3 |  |

|    |                                                                                                                                                                                                              |           |           |  |           |          |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|--|-----------|----------|
|    | 2.2 Trách nhiệm của điều dưỡng trong ghi chép phiếu theo dõi, chăm sóc người bệnh                                                                                                                            |           |           |  |           |          |
|    | 3. Hồ sơ điều dưỡng và cách ghi chép hồ sơ<br>3.1. Hồ sơ điều dưỡng<br>3.2. Theo dõi và ghi hồ sơ điều dưỡng<br>4. Quy trình và nội dung bình hồ sơ điều dưỡng<br>4.1. Tại khoa<br>4.2. Tại phòng điều dưỡng | 4         | 1         |  | 3         |          |
| 11 | Kiểm tra định kỳ                                                                                                                                                                                             | 1         |           |  |           | 1        |
| 12 | Thi kết thúc môn học                                                                                                                                                                                         | 1         |           |  |           | 1        |
|    | <b>Cộng</b>                                                                                                                                                                                                  | <b>45</b> | <b>13</b> |  | <b>30</b> | <b>2</b> |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ AN TOÀN NGƯỜI BỆNH

(Thời gian: 1 giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được các thuật ngữ liên quan về an toàn người bệnh và trình bày được phân loại, hậu quả, yếu tố liên quan đến sự cố y khoa.
2. Thực hiện được các giải pháp bảo đảm an toàn người bệnh.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực trong việc xử trí các yếu tố liên quan đến y khoa, bảo đảm an toàn người bệnh.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

### **1. Các thuật ngữ**

### **2. Phân loại sự cố y khoa:**

*2.1. Phân loại sự cố y khoa theo mức độ tổn thương đối với người bệnh*

*2.2. Phân loại sự cố theo nhóm sự cố*

*2.3. Phân loại sự cố theo nhóm nguyên nhân gây ra sự cố*

*2.4. Danh mục các sự cố y khoa cơ sở y tế phải báo cáo*

### **3. Hậu quả của sự cố y khoa**

### **4. Các yếu tố liên quan tới sự cố y khoa:**

*4.1. Yếu tố con người*

*4.2. Đặc điểm chuyên môn y tế bất định*

*4.3. Môi trường làm việc nhiều áp lực*

*4.4. Quản lý và điều hành dây chuyền khám chữa bệnh*

### **5. Giải pháp:**

*5.1. Thành lập Ủy ban quốc gia về chất lượng chăm sóc y tế và ATNB*

*5.2. Thiết lập hệ thống báo cáo sự cố y khoa bắt buộc và báo cáo tự nguyện*

*5.3. Cải thiện môi trường làm việc của cán bộ y tế*

*5.4. Xây dựng văn hóa an toàn người bệnh-tập trung giải quyết lỗi hệ thống*

*5.5. Triển khai bảo hiểm nghề nghiệp theo Luật khám bệnh, chữa bệnh:*

*5.6. Triển khai thực hiện các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn người bệnh*

## **CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TOÀN DIỆN**

**(Thời gian : 1 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, nội dung chăm sóc người bệnh toàn diện, quyền của người bệnh và trách nhiệm của các cá nhân trong chăm sóc người bệnh toàn diện.
2. Thực hiện được các giải pháp tăng cường công tác chăm sóc toàn diện.
3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực trong việc xử trí các sai sót thường gặp trong quá trình chăm sóc người bệnh toàn diện.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)**

#### **1. Khái niệm**

#### **2. Nội dung chăm sóc người bệnh toàn diện**

#### **3. Quyền và nghĩa vụ của người bệnh**

##### ***3.1. Quyền của người bệnh***

##### ***3.2. Nghĩa vụ của người bệnh***

#### **4. Nội dung chăm sóc toàn diện (theo Thông tư 07/2011/TT-BYT và Thông tư 31/2021/TT-BYT):**

##### ***4.1. Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe***

##### ***4.2. Chăm sóc tinh thần***

##### ***4.3. Chăm sóc vệ sinh cá nhân***

##### ***4.4. Chăm sóc dinh dưỡng***

##### ***4.4. Chăm sóc phục hồi chức năng***

##### ***4.5. Chăm sóc người bệnh có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật***

***4.6. Dùng thuốc và theo dõi dùng thuốc cho người bệnh***

***4.7. Chăm sóc người bệnh giai đoạn hấp hối và người bệnh tử vong***

***4.8. Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng***

***4.9. Theo dõi, đánh giá người bệnh***

***4.10. Bảo đảm an toàn và phòng ngừa sai sót chuyên môn kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh***

***4.11. Ghi chép hồ sơ bệnh án***

**5. Trách nhiệm của các cá nhân trong chăm sóc người bệnh toàn diện:**

***5.1. Trách nhiệm của Giám đốc bệnh viện***

***5.2. Trách nhiệm của các Trưởng phòng chức năng***

***5.3. Trách nhiệm của các Trưởng khoa***

***5.4. Trách nhiệm của bác sĩ điều trị***

***5.5. Trách nhiệm của điều dưỡng viên, hộ sinh viên***

***5.6. Trách nhiệm của nhà giáo, học sinh, sinh viên thực tập***

***5.7. Trách nhiệm của người bệnh và người nhà người bệnh***

**6. Những điều kiện bảo đảm công tác chăm sóc:**

***6.1. Hệ thống tổ chức chăm sóc người bệnh***

***6.2. Nhân lực chăm sóc người bệnh***

***6.3. Tổ chức làm việc***

***6.4. Trang thiết bị phục vụ chăm sóc người bệnh***

***6.5. Nguồn tài chính cho công tác chăm sóc***

***6.6. Đào tạo liên tục, cập nhật kiến thức y khoa liên tục***

***6.7. Công tác hợp lý trợ giúp chăm sóc***

## **7. Các giải pháp tăng cường công tác chăm sóc người bệnh toàn diện**

### **CHƯƠNG 3: PHÒNG NGỪA SỰ CỐ Y KHOA TRONG VIỆC XÁC ĐỊNH NGƯỜI BỆNH VÀ CẢI THIẾN LÒNG TIN TRONG CHĂM SÓC**

**(Thời gian: 6 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên tắc để xác định đúng người bệnh và cải tiến thông tin trong nhóm chăm sóc.
2. Thực hiện được các biện pháp để xác định đúng người bệnh và xử lý một số sự cố trong chăm sóc.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

#### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

##### **1. Nguyên tắc phòng ngừa sự cố:**

##### ***1.1. Quản lý thông tin***

##### ***1.2. Xác định người bệnh***

##### ***1.3. Cải tiến việc trao đổi thông tin của nhân viên***

##### **2. Biện pháp**

### **CHƯƠNG 4: PHÒNG NGỪA SAI SÓT TRONG SỬ DỤNG THUỐC**

**(Thời gian: 3 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được phân loại sai sót, phân loại theo mức độ nghiêm trọng và các yếu tố liên quan đến sai sót trong việc sử dụng thuốc.
2. Thực hiện được các biện pháp để phòng ngừa sai sót trong sử dụng thuốc.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

### **1. Phân loại sai sót trong sử dụng thuốc:**

#### ***1.1. Phân loại theo giai đoạn***

#### ***1.2. Phân loại theo biến cố***

### **2. Phân loại theo mức độ nghiêm trọng:**

### **3. Các yếu tố liên quan:**

#### ***3.1. Thông tin về người bệnh***

#### ***3.2. Thông tin thuốc***

#### ***3.3. Trao đổi thông tin***

#### ***3.4. Tên thuốc, nhãn thuốc và dạng đóng gói***

#### ***3.5. Tiêu chuẩn hoá bảo quản, tồn trữ thuốc***

#### ***3.6. Thiết bị hỗ trợ dùng thuốc***

#### ***3.7. Các yếu tố môi trường làm việc ảnh hưởng đến nhân viên y tế***

#### ***3.8. Năng lực và đào tạo của cán bộ y tế***

#### ***3.9. Đào tạo người bệnh***

#### ***3.10. Quy trình quản lý chất lượng và rủi ro***

### **4. Giải pháp:**

#### ***4.1. Giải pháp mang tính hệ thống***

#### ***4.2. Giải pháp với các đối tượng có liên quan***

## **CHƯƠNG 5: PHÒNG NGỪA SAI SÓT SỰ CỐ Y KHOA TRONG PHẪU THUẬT**



(Thời gian: 3 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, phân loại sự cố, sai sót, mục tiêu an toàn phẫu thuật và giải pháp bảo đảm an toàn người bệnh trong phẫu thuật.
2. Thực hiện được bảng kiểm an toàn phẫu thuật của WHO trong việc phòng ngừa sai sót, sự cố y khoa trong phẫu thuật.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

1. Định nghĩa
2. Phân loại sự cố, sai sót theo mức độ nguy hại
3. Nguyên nhân của các sai sót, sự cố y khoa liên quan tới phẫu thuật, thủ thuật
4. Mục tiêu an toàn phẫu thuật theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)
5. Giải pháp bảo đảm an toàn người bệnh trong phẫu thuật, thủ thuật:
  - 5.1. *Giải pháp chung phòng ngừa sự cố y khoa trong phẫu thuật*
  - 5.2. *Áp dụng Bảng kiểm an toàn phẫu thuật*

**CHƯƠNG 6: PHÒNG NGỪA SỰ CỐ Y KHOA TRONG MÔI TRƯỜNG CHĂM SÓC VÀ SỬ DỤNG TRANG THIẾT BỊ Y TẾ**

(Thời gian: 5 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên tắc phòng ngừa sự cố y khoa trong môi trường chăm sóc và trong sử dụng trang thiết bị vật tư y tế.

2. Thực hiện được các biện pháp để phòng ngừa sự cố y khoa trong môi trường chăm sóc và trong sử dụng trang thiết bị vật tư y tế.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

### **1. Nguyên tắc phòng ngừa**

### **2. Các biện pháp phòng ngừa:**

*2.1. Giảm nguy cơ gây thương tổn cho bệnh nhân do bị ngã*

*2.2. Giảm nguy cơ cháy nổ trong phẫu thuật*

### **3. Giảm nguy cơ tử vong do bị giữ chặt**

## **CHƯƠNG 7: LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TOÀN DIỆN**

**(Thời gian: 5 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm về kế hoạch, vai trò của việc lập kế hoạch và liệt kê đủ, đúng các bước của quy trình xây dựng một kế hoạch.

2. Lập và thực hiện được một kế hoạch tổ chức triển khai chăm sóc người bệnh toàn diện tại một đơn vị khám bệnh, chữa bệnh.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2, 3)**

### **1. Khái niệm và vai trò của kế hoạch:**

*1.1. Khái niệm về kế hoạch*

*1.2. Vai trò của việc lập kế hoạch*

### ***1.3. Quy trình lập kế hoạch***

## **2. Viết kế hoạch:**

### ***2.1. Tên kế hoạch***

### ***2.2. Đặt vấn đề***

### ***2.3. Mục tiêu***

### ***2.4. Các giải pháp***

### ***2.5. Các hoạt động***

### ***2.6. Các phụ lục kèm theo***

## **3. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện:**

### ***3.1. Đối với bệnh viện***

### ***3.2. Đối với các khoa, phòng***

## **CHƯƠNG 8: TỔ CHỨC PHÂN CẤP CHĂM SÓC CHO NGƯỜI BỆNH - CHĂM SÓC VỆ SINH CÁ NHÂN CHO NGƯỜI BỆNH**

**(Thời gian: 6 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích, nguyên tắc và những quy định về phân cấp chăm sóc cho người bệnh.

2. Thực hiện được phân cấp chăm sóc phù hợp cho người bệnh và thực hiện được: kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh hôn mê, kỹ thuật gọi đầu cho người bệnh tại giường, kỹ thuật tắm cho người bệnh tại giường theo đúng quy trình.

3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực trong việc xử trí các sai sót thường gặp trong quá trình chăm sóc người bệnh toàn diện.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)**

**1. Mục đích****2. Nguyên tắc trong phân cấp chăm sóc người bệnh****3. Qui định về phân cấp chăm sóc, hỗ trợ người bệnh****4. Phân cấp chăm sóc và ký hiệu*****4.1. Chăm sóc cấp I******4.2. Chăm sóc cấp II******4.3. Chăm sóc cấp III*****5. Chăm sóc vệ sinh cá nhân cho người bệnh*****5.1 Vệ sinh răng miệng cho người bệnh******5.2. Gội đầu cho người bệnh tại giường******5.3. Tắm cho người bệnh tại giường*****CHƯƠNG 9: TỔ CHỨC CHĂM SÓC DINH DƯỠNG CHO NGƯỜI BỆNH****(Thời gian: 5 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày tầm quan trọng của dinh dưỡng lâm sàng.
2. Thực hiện được các giải pháp tăng cường chế độ dinh dưỡng bệnh lý cho người bệnh trong bệnh viện.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, trung thực trong việc xử trí các sai sót thường gặp trong quá trình chăm sóc người bệnh toàn diện.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)****1. Tầm quan trọng của dinh dưỡng lâm sàng**

## **2. Giải pháp tăng cường chế độ dinh dưỡng bệnh lý cho người bệnh:**

### ***2.1. Khoa Dinh dưỡng***

### ***2.2. Khoa lâm sàng***

### ***2.3. Phòng Điều dưỡng***

## **CHƯƠNG 10: TỔ CHỨC GHI CHÉP PHIẾU THEO DÕI, CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VÀ BÌNH HỒ SƠ BỆNH ÁN**

**(Thời gian: 8 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được tầm quan trọng, trách nhiệm của điều dưỡng và nguyên tắc ghi chép phiếu theo dõi, chăm sóc người bệnh.
2. Thực hiện được quy trình và nội dung bình một hồ sơ điều dưỡng tại khoa lâm sàng trong bệnh viện.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, chính xác, khoa học trong quá trình ghi chép hồ sơ bệnh án.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (2)**

#### **1. Đại cương**

2. Tầm quan trọng và trách nhiệm của điều dưỡng trong ghi chép phiếu theo dõi, chăm sóc người bệnh

#### ***2.1. Tầm quan trọng của hồ sơ điều dưỡng***

- 2.2. Trách nhiệm của điều dưỡng trong ghi chép phiếu theo dõi, chăm sóc người bệnh

#### **3. Hồ sơ điều dưỡng và cách ghi chép hồ sơ**

#### ***3.1. Hồ sơ điều dưỡng***

#### ***3.2. Theo dõi và ghi hồ sơ điều dưỡng***

#### **4. Quy trình và nội dung bình hồ sơ điều dưỡng**

##### **4.1. Tại khoa**

##### **4.2. Tại phòng điều dưỡng**

### **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

#### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Tại phòng học lý thuyết trên giảng đường.
- Học thực hành: Tại phòng Thực hành điều dưỡng.

#### **II. Trang thiết bị, máy móc**

- Máy vi tính, mạng internet, máy chiếu projector, Tivi, băng video, tranh ảnh, áp phích, trang thiết bị, dụng cụ y tế có liên quan.

#### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- **Học liệu:** Chương trình và giáo trình, kế hoạch bài giảng môn học.
- **Dụng cụ, nguyên vật liệu:**
  - Học lý thuyết: Phấn, bảng, Giấy Ao, A4, bút lông, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, giáo trình và chương trình mô đun, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.
  - Học thực hành: Bảng kiểm thực hành, các mô hình điều dưỡng đa năng, các loại dụng cụ và vật tư y tế, các loại máy móc sử dụng trong y tế.

#### **IV. Các điều kiện khác**

Các cơ sở y tế, phòng khám đa khoa có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác an toàn người bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện để người học rèn luyện nâng cao tay nghề.

### **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**

#### **I. Nội dung**

##### **1. Kiến thức**

- Các thuật ngữ liên quan về an toàn người bệnh và trình bày được phân loại, hậu quả, yếu tố liên quan đến sự cố y khoa.

- Khái niệm, nội dung chăm sóc người bệnh toàn diện, quyền của người bệnh và trách nhiệm của các cá nhân trong chăm sóc người bệnh toàn diện.

- Phân loại sai sót, phân loại theo mức độ nghiêm trọng và các yếu tố liên quan đến sai sót trong việc sử dụng thuốc.

- Định nghĩa, nguyên nhân, phân loại sự cố, sai sót, mục tiêu an toàn phẫu thuật và giải pháp bảo đảm an toàn người bệnh trong phẫu thuật.

- Nguyên tắc phòng ngừa sự cố y khoa trong môi trường chăm sóc và trong sử dụng trang thiết bị vật tư y tế. Vai trò của việc lập kế hoạch liệt kê đủ, đúng các bước của quy trình xây dựng một kế hoạch.

- Mục đích, nguyên tắc và những quy định về phân cấp chăm sóc cho người bệnh.

- Tầm quan trọng của dinh dưỡng lâm sàng và nguyên tắc ghi chép phiếu theo dõi, chăm sóc người bệnh.

## **2. Kỹ năng**

- Thực hiện được các giải pháp bảo đảm an toàn người bệnh và các giải pháp tăng cường công tác chăm sóc toàn diện.

- Thực hiện được các biện pháp để xác định đúng người bệnh và xử lý một số sự cố trong chăm sóc.

- Thực hiện được các biện pháp để phòng ngừa sai sót trong sử dụng thuốc. Phòng ngừa sự cố y khoa trong môi trường chăm sóc và trong sử dụng trang thiết bị vật tư y tế.

- Thực hiện được bảng kiểm an toàn phẫu thuật của WHO trong việc phòng ngừa sai sót, sự cố y khoa trong phẫu thuật.

- Lập và thực hiện một kế hoạch tổ chức triển khai chăm sóc người bệnh toàn diện tại một đơn vị khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện được phân cấp chăm sóc phù hợp cho người bệnh và thực hiện được chăm sóc vệ sinh cá nhân cho người bệnh; các giải pháp tăng cường chế độ dinh dưỡng bệnh lý cho người bệnh trong bệnh viện.

- Thực hiện được quy trình và nội dung bình một hồ sơ điều dưỡng tại khoa lâm sàng trong bệnh viện.

### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực trong việc xử trí các sai sót thường gặp trong quá trình chăm sóc người bệnh toàn diện.

- Rút ra bài học kinh nghiệm từ những tình huống mô phỏng, từ đó có giải pháp xử lý tình huống nâng cao hiệu quả an toàn cho người bệnh.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- + Số bài kiểm tra: 01 bài.

- + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

- + Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.

- + Số bài kiểm tra: 01 bài.



+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan.

Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

## **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ V của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học An toàn người bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

## **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, làm mẫu, đóng vai, thảo luận nhóm, dụng cụ trực quan trong giảng dạy để sinh viên tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng, đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên...

## **2. Đối với người học**

- Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định.

- Nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.

- Người học tìm hiểu trước giáo trình An toàn người bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

- Người học tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Khái niệm, nội dung an toàn người bệnh và chăm sóc người bệnh toàn diện.

- Những sai sót trong việc sử dụng thuốc và sai sót sự cố y khoa trong phẫu thuật.

- Người học phải tự nghiên cứu trước bài ở nhà.

- Vận dụng được các kỹ thuật chăm sóc cho bệnh nhân trên thực tế lâm sàng.

## **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo liên tục an toàn người bệnh. NXB Y học 2014.

2. Bộ Y tế. Tài liệu đào tạo liên tục Chăm sóc người bệnh toàn diện. NXB Y học 2014.

3. Bộ Y tế. Thông tư số 31/2021/ TT-BYT, ngày 28/12/2021 quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện. Hà Nội 2021.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN**

**Tên mô đun:** Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực (Emergency and critical care nursing).

**Mã mô đun:** 651420753.

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ (lý thuyết: 14 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN**

#### **I. Vị trí:**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng, môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ III.

#### **II. Tính chất:**

Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔ ĐUN**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được đại cương, nhận định và kiểm soát ban đầu người bệnh cấp cứu.
2. Trình bày được các nguyên nhân, triệu chứng và biện pháp dự phòng một số cấp cứu thường gặp; xác định được các vấn đề cần can thiệp trong xử trí người bệnh cấp cứu.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Nhận định được các dấu hiệu, triệu chứng và xác định vấn đề ưu tiên đối với người bệnh cấp cứu.

2. Thực hiện được một số thủ thuật cơ bản trong cấp cứu nội khoa và chấn thương khi cấp cứu người bệnh.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành được thái độ đúng đắn, đạo đức nghề người điều dưỡng khi chăm sóc và theo dõi người bệnh.

2. Rèn luyện tính trung thực, khẩn trương, thận trọng, chính xác và an toàn trong quá trình xử trí cấp cứu người bệnh tại tuyến y tế cơ sở.

### C. NỘI DUNG MÔ ĐUN

#### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                         | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Bài 1: Đại cương về sơ cấp cứu                                                                                          | 1               | 1         |                    |                       |              |
|    | 1. Khái niệm tai nạn thương tích<br>2. Khái niệm về sơ cấp cứu<br>3. Mục đích của sơ cấp cứu                            | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 4. Các bước tiến hành sơ cấp cứu<br>4.1. Quy trình thực hiện kỹ thuật sơ cấp cứu<br>4.2. Ai có thể thực hiện sơ cấp cứu | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
| 2  | Bài 2: Nhận định và kiểm soát ban đầu người bệnh cấp cứu                                                                | 2               | 1         |                    |                       |              |
|    | 1. Khái niệm về cấp cứu                                                                                                 | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 2. Các đặc thù của cấp cứu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                 |           |                    |                       |              |
|    | 3. Các nguyên tắc chính khi tiếp nhận và xử trí bệnh nhân cấp cứu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |
| 3  | Bài 3: Cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5               | 1         |                    | 4                     |              |
|    | 1. Triệu chứng và xác định người bệnh ngừng tuần hoàn<br>2. Nguyên tắc chung khi xử trí, cấp cứu nạn nhân bị ngừng tim, ngừng thở                                                                                                                                                                                                                                                      | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 3. Cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản:<br>3.1. Ép tim ngoài ngực (Chest Compressions)<br>3.2. Giải phóng đường thở (Airway)<br>3.3. Thở ngạt (Breathing: hô hấp nhân tạo hay thổi ngạt)<br>3.4. Thuốc và sốc điện (Defibrillation)<br>3.5. Phá rung bằng sốc điện<br>3.6. Dấu hiệu của cấp cứu ngừng tim-phổi cơ bản có hiệu quả<br>4. Quy trình thực hành cấp cứu ban đầu ngừng tuần hoàn | 4,5             | 0,5       |                    | 4                     |              |

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                                        | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                 | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 4  | Bài 4: Sơ cứu cầm máu vết thương                                                                                                                                                                | 4               | 1         |                    | 3                     |              |
|    | 1. Phân loại chảy máu<br>1.1 Chảy máu ngoài<br>1.2. Chảy máu trong<br>2. Đặc điểm giải phẫu vết thương mạch máu<br>3. Triệu chứng lâm sàng                                                      | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |
|    | 4. Xử trí<br>4.1. Với chảy máu trong lồng ngực, ổ bụng<br>4.2. Với các vết thương mạch máu khác<br>5. Kỹ thuật sơ cứu cầm máu vết thương<br>5.1. Ấn chèn động mạch<br>5.2. Băng ép<br>5.3. Garô | 3,5             | 0,5       |                    | 3                     |              |
| 5  | Bài 5: Cấp cứu chấn thương xương, mô mềm và chi thể đứt rời                                                                                                                                     | 6               | 2         |                    | 4                     |              |
|    | 1. Đại cương<br>2. Gãy xương                                                                                                                                                                    | 1               | 1         |                    |                       |              |

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                                       | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 2.1. Nguyên tắc đánh giá và xử trí cấp cứu bệnh nhân chấn thương xương<br>2.2. Gãy xương<br>2.3. Cố định một số gãy xương thường gặp<br>2.4. Chấn thương xương chậu<br>2.5. Trật khớp          |                 |           |                    |                       |              |
|    | 3. Xử trí vết thương đứt rời<br>3.1. Phân loại<br>3.2. Xử trí cấp cứu chung<br>3.3. Xử trí cấp cứu phần mềm cụt<br>3.4. Xử trí phần chi thể đứt rời<br>3.5. Vết thương cắt cụt không hoàn toàn | 5               | 1         |                    | 4                     |              |
| 6  | Bài 6: Xử trí một số tình huống sơ cấp cứu thường gặp: tổn thương cột sống, sọ não, ngực, bụng, mắt, đột quỵ, rắn cắn, điện giật                                                               | 5               | 2         |                    | 3                     |              |
|    | 1. Chấn thương cột sống<br>1.1. Chấn thương cột sống cổ<br>1.2. Những dấu hiệu nhận biết                                                                                                       | 3               | 1         |                    | 2                     |              |



| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                                                                                                                              | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 1.3. Xử trí<br>2. Chấn thương sọ não<br>2.1. Triệu chứng<br>2.2. Xử trí<br>3. Vết thương bụng<br>3.1. Triệu chứng<br>3.2. Xử trí<br>4. Chấn thương ngực<br>4.1. Nguyên tắc sơ cứu<br>4.2. Tổn thương xương sườn<br>5. Tổn thương mắt<br>6. Đột quỵ<br>6.1. Triệu chứng<br>6.2. Xử trí |                 |           |                    |                       |              |
|    | 7. Rắn cắn<br>7.1. Giới thiệu<br>7.2. Triệu chứng<br>7.3. Xử trí<br>8. Ngạt nước<br>8.1. Triệu chứng                                                                                                                                                                                  | 2               | 1         |                    | 1                     |              |

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 8.2. Xử trí<br>9. Điện giật<br>9.1. Đại cương<br>9.2. Triệu chứng<br>9.3. Xử trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                 |           |                    |                       |              |
| 7  | Bài 7: Phòng và xử trí sốc phản vệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3               | 1         |                    | 2                     |              |
|    | 1. Khái niệm<br>2. Hướng dẫn phân loại mức độ phản vệ<br>2.1. Triệu chứng gợi ý<br>2.2. Triệu chứng của 4 mức độ phản vệ<br>2.3. Giới thiệu các bệnh cảnh lâm sàng<br>3. Phòng ngừa phản vệ<br>3.1. Khai thác tiền sử<br>3.2. Hộp thuốc cấp cứu<br>3.3. Trang thiết bị y tế và thuốc tối thiểu cấp cứu phản vệ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh<br>3.4. Quy định về thông tin cho đồng nghiệp khi gặp người bệnh phản vệ | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |
|    | 4. Hướng dẫn xử trí cấp cứu phản vệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                   | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                            | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 4.1. Nguyên tắc chung<br>4.2. Xử trí phản vệ nhẹ (Độ I)<br>4.3. Xử trí cấp cứu phản vệ mức độ nặng (Độ II) và nguy kịch (Độ III)                                           |                 |           |                    |                       |              |
| 8  | Bài 8: Chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp.                                                                                                                                 | 3               | 1         |                    | 2                     |              |
|    | 1. Định nghĩa<br>2. Triệu chứng lâm sàng và diễn biến                                                                                                                      | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |
|    | 3. Xử trí cấp cứu<br>4. Chăm sóc                                                                                                                                           | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |
| 9  | Bài 9: Chăm sóc người bệnh hôn mê                                                                                                                                          | 3               | 1         |                    | 2                     |              |
|    | 1. Khái niệm<br>2. Nguyên nhân<br>3. Các mức độ hôn mê trên lâm sàng<br>4. Một số loại hôn mê trên lâm sàng<br>5. Hồi sức bệnh nhân hôn mê<br>6. Chăm sóc bệnh nhân hôn mê | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |
|    | 5. Hồi sức bệnh nhân hôn mê<br>6. Chăm sóc bệnh nhân hôn mê                                                                                                                | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 10 | Bài 10: Sử dụng và quản lý các máy y tế: Monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy đo điện tim                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4               | 1         |                    | 3                     |              |
|    | 1. Giới thiệu<br>2. Sử dụng và quản lý máy Monitor<br>2.1. Công dụng của Monitor- máy theo dõi người bệnh<br>2.2. Bảo quản máy Monitor<br>2.3. Quy trình thực hành kỹ thuật sử dụng máy Monitor<br>3. Sử dụng máy truyền dịch<br>3.1. Nguyên tắc sử dụng máy truyền dịch<br>3.2. Bảo quản máy truyền dịch<br>3.3. Quy trình thực hành kỹ thuật sử dụng máy truyền dịch | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |
|    | 4. Sử dụng máy bơm tiêm điện<br>4.1. Mục đích<br>4.2. Nguyên tắc sử dụng<br>4.3. Bảo quản bơm tiêm điện<br>4.4. Quy trình thực hành kỹ thuật sử dụng máy bơm tiêm điện                                                                                                                                                                                                 | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                                                                                                               | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                        | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 5. Sử dụng máy ghi điện tâm đồ<br>5.1. Các chuyển đạo để đo điện tâm đồ<br>5.2. Kết quả điện tâm đồ bình thường ở chuyển đạo mẫu<br>5.3. Bảo quản máy ghi điện tâm đồ<br>5.4. Quy trình thực hành kỹ thuật sử dụng máy ghi điện tâm đồ |                 |           |                    |                       |              |
| 11 | Bài 11: Chăm sóc người bệnh mở khí quản, đặt nội khí quản.                                                                                                                                                                             | 4               | 1         |                    | 3                     |              |
|    | 1. Định nghĩa<br>2. Biểu chứng và diễn biến<br>2.1. Viêm phổi bệnh viện<br>2.2. Tắc ống<br>2.3. Rò bóng chèn<br>2.4. Tuột ống                                                                                                          | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |
|    | 3. Chăm sóc bệnh nhân<br>4. Dặn dò bệnh nhân<br>5. Giúp bệnh nhân giao tiếp<br>6. Duy trì độ ẩm không khí hít vào đầy đủ<br>7. Hút đờm                                                                                                 | 2,5             | 0,5       |                    | 2                     |              |

| TT | Tên các bài trong mô đun                                                                                                                         | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                  | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 8. Chăm sóc bóng chèn                                                                                                                            |                 |           |                    |                       |              |
| 12 | Bài 12: Chăm sóc bệnh nhân đặt catheter tĩnh mạch trung tâm                                                                                      | 3               | 1         |                    | 2                     |              |
|    | 1. Định nghĩa<br>2. Mục đích đặt<br>3. Mục đích chăm sóc<br>4. Chỉ định<br>5. Chống chỉ định                                                     | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |
|    | 6. Đường đặt<br>7. Theo dõi và chăm sóc người bệnh đặt CVP<br>8. Tai biến và biến chứng<br>9. Chăm sóc người bệnh rút catheter hoặc rút catheter | 1,5             | 0,5       |                    | 1                     |              |
| 13 | Kiểm tra định kỳ                                                                                                                                 | 1               |           |                    |                       | 1            |
| 14 | Thi kết thúc mô đun                                                                                                                              | 1               |           |                    |                       | 1            |
|    | <b>Cộng</b>                                                                                                                                      | <b>45</b>       | <b>14</b> |                    | <b>29</b>             | <b>2</b>     |

### NỘI DUNG CHI TIẾT

#### BÀI 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ SƠ CẤP CỨU

(Thời gian: 1 giờ)

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, mục đích sơ cấp cứu, nguyên tắc thực hiện kỹ thuật khi tiến hành sơ cấp cứu.
2. Thực hiện được kỹ thuật sơ cấp cứu trong các cơ sở y tế và cộng đồng.
3. Rèn luyện được tính nhanh nhẹn, chính xác, từng bước hình thành đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng khi cấp cứu người bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (1)**

### **1. Khái niệm tai nạn thương tích**

### **2. Khái niệm về sơ cấp cứu**

### **3. Mục đích của sơ cấp cứu**

### **4. Các bước tiến hành sơ cấp cứu**

#### ***4.1. Quy trình thực hiện kỹ thuật sơ cấp cứu***

#### ***4.2. Ai có thể thực hiện sơ cấp cứu***

## **BÀI 2: NHẬN ĐỊNH VÀ KIỂM SOÁT BAN ĐẦU**

### **NGƯỜI BỆNH CẤP CỨU**

**(Thời gian: 2 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm về cấp cứu.
2. Thực hiện được nguyên tắc chính khi tiếp cận và xử trí bệnh nhân cấp cứu.
3. Hình thành được đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng khi cấp cứu người bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (2) (1)**

### **1. Khái niệm về cấp cứu**

### **2. Các đặc thù của cấp cứu**

### **3. Các nguyên tắc chính khi tiếp nhận và xử trí bệnh nhân cấp cứu**

## **BÀI 3: CẤP CỨU NGỪNG TUẦN HOÀN CƠ BẢN**

(Thời gian: 5 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được triệu chứng và nguyên tắc xử trí người bệnh ngừng tuần hoàn và hô hấp.
2. Thực hiện được kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản trên mô hình.
3. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi cấp cứu người bệnh ngừng tuần hoàn.

**II. NỘI DUNG BÀI (1)**

1. Triệu chứng và xác định người bệnh ngừng tuần hoàn
2. Nguyên tắc chung khi xử trí, cấp cứu nạn nhân bị ngừng tim, ngừng thở
3. Cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản:
  - 3.1. *Ép tim ngoài ngực (Chest compressions)*
  - 3.2. *Giải phóng đường thở (Airway)*
  - 3.3. *Thở ngạt (Breathing: hô hấp nhân tạo hay thổi ngạt)*
  - 3.4. *Thuốc và sốc điện (Defibrillation)*
  - 3.5. *Phá rung bằng sốc điện*
  - 3.6. *Dấu hiệu của cấp cứu ngừng tim- phổi cơ bản có hiệu quả*
4. Quy trình thực hành cấp cứu ban đầu ngừng tuần hoàn

**BÀI 4: SƠ CỨU CẦM MÁU VẾT THƯƠNG**

(Thời gian: 4 giờ)

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được phân loại chảy máu và dấu hiệu mất máu nhiều, nguyên tắc, kỹ thuật đặt và nói ga rô.
2. Thực hiện được sơ cứu nạn nhân chảy máu vết thương trên mô hình.



3. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi thực hiện kỹ thuật sơ cứu cầm máu vết thương cho người bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

### **1. Phân loại chảy máu**

#### ***1.1 Chảy máu ngoài***

#### ***1.2. Chảy máu trong***

### **2. Đặc điểm giải phẫu vết thương mạch máu**

### **3. Triệu chứng lâm sàng**

### **4. Xử trí:**

#### ***4.1. Với chảy máu trong lồng ngực, ổ bụng***

#### ***4.2. Với các vết thương mạch máu khác***

### **5. Kỹ thuật sơ cứu cầm máu vết thương**

#### ***5.1. Ấn chèn động mạch***

#### ***5.2. Băng ép***

#### ***5.3. Garô***

## **BÀI 5: CẤP CỨU CHẤN THƯƠNG XƯƠNG, MÔ MỀM VÀ CHI THỂ ĐỨT RỜI**

**(Thời gian: 6 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên tắc chung xử trí cấp cứu gãy xương.
2. Thực hiện được một số biện pháp cố định các xương gãy, các bước xử trí cấp cứu vết thương đứt rời trên mô hình.
3. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi thực hiện kỹ thuật cấp cứu chấn thương xương, mô mềm và chi thể đứt rời cho người bệnh.

## **II. NỘI DUNG BÀI (2)**

**1. Đại cương****2. Gãy xương****2.1. Nguyên tắc đánh giá và xử trí cấp cứu bệnh nhân chấn thương xương****2.2. Gãy xương****2.3. Cố định một số gãy xương thường gặp****2.4. Chấn thương xương chậu****2.5. Trật khớp****3. Xử trí vết thương đứt rời****3.1. Phân loại****3.2. Xử trí cấp cứu chung****3.3. Xử trí cấp cứu phần môm cụt****3.4. Xử trí phần chi thể đứt rời****3.5. Vết thương cắt cụt không hoàn toàn**

**BÀI 6: XỬ TRÍ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG SƠ CẤP CỨU THƯỜNG GẶP:  
TỖN THƯƠNG CỘT SỐNG, SỌ NÃO, NGỰC, BỤNG, MẮT, ĐỘT QUY,  
RẠN CÁN, ĐIỆN GIẬT**

**(Thời gian: 5 giờ)**

**I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các tình huống sơ cấp cứu thường gặp.
2. Thực hiện được các tình huống sơ cứu thường gặp.
3. Rèn luyện tính nhanh nhẹn, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi thực hiện cấp cứu một số tình huống thường gặp.

**II. NỘI DUNG BÀI (2) (3) (4)****1. Chấn thương cột sống****1.1. Chấn thương cột sống cổ**

**1.2. Những dấu hiệu nhận biết****1.3. Xử trí****2. Chấn thương sọ não****2.1. Triệu chứng****2.2. Xử trí****3. Vết thương bụng****3.1. Triệu chứng****3.2. Xử trí****4. Chấn thương ngực****4.1. Nguyên tắc sơ cứu****4.2. Tổn thương xương sườn****5. Tổn thương mắt****6. Đột quỵ****6.1. Triệu chứng****6.2. Xử trí****7. Rắn cắn****7.1. Giới thiệu****7.2. Triệu chứng****7.3. Xử trí****8. Ngạt nước****8.1. Triệu chứng****8.2. Xử trí****9. Điện giật****9.1. Đại cương****9.2. Triệu chứng**

### 9.3. Xử trí

## BÀI 7: PHÒNG VÀ XỬ TRÍ PHẢN VỆ

(Thời gian: 3 giờ)

### I. MỤC TIÊU

1. Phát hiện sớm triệu chứng các mức độ phản vệ.
2. Thực hiện được phòng ngừa phản vệ cho người bệnh trước khi dùng thuốc.
3. Thể hiện thái độ khẩn trương, chính xác và phối hợp làm việc nhóm khi cấp cứu phản vệ.

### II. NỘI DUNG BÀI (2) (5)

#### 1. Khái niệm

#### 2. Hướng dẫn phân loại mức độ phản vệ

##### 2.1. Triệu chứng gợi ý

##### 2.2. Triệu chứng của 4 mức độ phản vệ

##### 2.3. Giới thiệu các bệnh cảnh lâm sàng

#### 3. Phòng ngừa phản vệ

##### 3.1. Khai thác tiền sử

3.2. Hộp thuốc cấp cứu; trang thiết bị y tế và thuốc tối thiểu cấp cứu phản vệ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

3.3. Trang thiết bị y tế và thuốc tối thiểu cấp cứu phản vệ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

##### 3.4. Quy định về thông tin cho đồng nghiệp khi gặp người bệnh phản vệ

#### 4. Hướng dẫn xử trí cấp cứu phản vệ

##### 4.1. Nguyên tắc chung

##### 4.2. Xử trí phản vệ nhẹ (độ I)

##### 4.3. Xử trí cấp cứu phản vệ mức độ nặng (độ II) và nguy kịch (độ III)

## **5. Dự phòng phản vệ**

### **BÀI 8: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SUY HÔ HẤP CẤP**

**( Thời gian: 1 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa, biểu hiện, nhận định và chẩn đoán điều dưỡng trong chăm sóc bệnh nhân suy hô hấp.
2. Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân suy hô hấp.
3. Rèn luyện tính phán đoán, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh suy hô hấp cấp.

#### **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

- 1. Định nghĩa**
- 2. Triệu chứng lâm sàng và diễn biến**
- 3. Xử trí cấp cứu**
- 4. Chăm sóc**

### **BÀI 9: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH HÔN MÊ**

**(Thời gian: 3 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, các nguyên nhân thường gặp, triệu chứng và các nguyên tắc xử trí cấp cứu bệnh nhân hôn mê.
2. Lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc bệnh nhân.
3. Rèn luyện tính phán đoán, nhận định, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh hôn mê.

#### **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

- 1. Khái niệm**
- 2. Nguyên nhân**
- 3. Các mức độ hôn mê trên lâm sàng**

**4. Một số loại hôn mê trên lâm sàng****5. Hồi sức bệnh nhân hôn mê****6. Chăm sóc bệnh nhân hôn mê****BÀI 10: SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÁC MÁY Y TẾ: MONITOR, MÁY TRUYỀN DỊCH, MÁY BƠM TIÊM ĐIỆN, MÁY ĐO ĐIỆN TIM****(Thời gian: 4 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được mục đích công dụng, nguyên tắc, cách bảo quản máy monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim.
2. Sử dụng các máy theo dõi và chăm sóc người bệnh (monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim) bảo đảm đúng quy trình, hiệu quả, an toàn.
3. Rèn luyện tính phán đoán, nhận định, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi sử dụng máy.

**II. NỘI DUNG BÀI (3)****1. Giới thiệu****2. Sử dụng và quản lý máy Monitor*****2.1. Công dụng của Monitor- máy theo dõi người bệnh******2.2. Bảo quản máy Monitor******2.3. Quy trình thực hành kỹ thuật sử dụng máy Monitor*****3. Sử dụng máy truyền dịch*****3.1. Nguyên tắc sử dụng máy truyền dịch******3.2. Bảo quản máy truyền dịch******3.3. Quy trình thực hành kỹ thuật sử dụng máy truyền dịch*****4. Sử dụng máy bơm tiêm điện*****4.1. Mục đích******4.2. Nguyên tắc sử dụng******4.3. Bảo quản bơm tiêm điện***

#### ***4.4. Quy trình thực hành kỹ thuật sử dụng máy bơm tiêm điện***

### **5. Sử dụng máy ghi điện tâm đồ**

#### ***5.1. Các chuyển đạo để đo điện tâm đồ***

#### ***5.2. Kết quả điện tâm đồ bình thường ở chuyển đạo mẫu***

#### ***5.3. Bảo quản máy ghi điện tâm đồ***

#### ***5.4. Quy trình thực hành kỹ thuật sử dụng máy ghi điện tâm đồ***

## **BÀI 11: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH MỞ KHÍ QUẢN, ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN (Thời gian: 4 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được quy trình chăm sóc một bệnh nhân có ống NKQ hoặc MKQ, chỉ định và chống chỉ định các bước trong quy trình chăm sóc.
2. Xử trí một số biến chứng xảy ra trong quá trình chăm sóc.
3. Rèn luyện tính phán đoán, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh mở khí quản, đặt nội khí quản.

### **II. NỘI DUNG BÀI (3)**

#### **1. Định nghĩa**

#### **2. Biến chứng và diễn biến**

##### ***2.1. Viêm phổi bệnh viện***

##### ***2.2. Tắc ống***

##### ***2.3. Rò bóng chèn***

##### ***2.4. Tuột ống***

#### **3. Chăm sóc bệnh nhân**

#### **4. Dặn dò bệnh nhân**

#### **5. Giúp bệnh nhân giao tiếp**

#### **6. Duy trì độ ẩm không khí hít vào đầy đủ**

**7. Hút đờm****8. Chăm sóc bóng chèn****BÀI 12: CHĂM SÓC BỆNH NHÂN ĐẶT CATHETER TĨNH MẠCH TRUNG TÂM****(Thời gian: 3 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được khái niệm, mục đích đặt catheter tĩnh mạch trung tâm
2. Chăm sóc được người bệnh có CVP.
3. Rèn luyện tính phán đoán, chính xác, kịp thời của người điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh đặt catheter tĩnh mạch trung tâm.

**II. NỘI DUNG BÀI (3)****1. Định nghĩa****2. Mục đích đặt****3. Mục đích chăm sóc****4. Chỉ định****5. Chống chỉ định****6. Đường đặt****7. Theo dõi và chăm sóc người bệnh đặt CVP****8. Tai biến và biến chứng****9. Chăm sóc người bệnh rút catheter hoặc rút catheter****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN****I. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.
- Học thực hành: Tại phòng Thực hành điều dưỡng.

**II. Trang thiết bị máy móc**

Máy tính, máy chiếu projector, màn chiếu, các thiết bị y tế có liên quan.



### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: Phấn, bảng, bút dạ, giấy A0, A4. Giáo trình, chương trình mô đun, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.
- Học thực hành: Bảng kiểm thực hành, các mô hình điều dưỡng đa năng, các loại dụng cụ và vật tư y tế, các loại máy móc sử dụng trong y tế.

### **IV. Các điều kiện khác**

Các cơ sở y tế, phòng khám đa khoa có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực để người học rèn luyện nâng cao tay nghề.

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Khái niệm, mục đích sơ cấp cứu, nguyên tắc thực hiện kỹ thuật khi tiến hành sơ cấp cứu.
- Các nguyên nhân, triệu chứng và biện pháp dự phòng một số cấp cứu thường gặp; xác định được các vấn đề cần can thiệp trong xử trí người bệnh cấp cứu ngừng tuần hoàn và hô hấp; cầm máu vết thương; chấn thương xương, mô mềm và chi thể đứt rời; hôn mê, suy hô hấp, ngộ độc cấp, mở khí quản, đặt nội khí quản; tổn thương cột sống, sọ não, ngực, bụng...
- Mục đích công dụng, nguyên tắc, cách bảo quản máy monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim.
- Các tình huống sơ cứu thường gặp tại trạm y tế.
- Phác đồ xử trí sốc phản vệ.
- Phân loại, áp dụng các cách di dời và vận chuyển bệnh nhân.

#### **2. Kỹ năng**

- Nhận định được các dấu hiệu, triệu chứng và xác định vấn đề ưu tiên đối với người bệnh cấp cứu.

- Thực hiện được một số thủ thuật cơ bản trong cấp cứu nội khoa và chấn thương khi cấp cứu người bệnh cấp cứu ngừng tuần hoàn và hô hấp; cầm máu vết thương; chấn thương xương, mô mềm và chi thể đứt rời; hôn mê, suy hô hấp, ngộ độc cấp, mở khí quản, đặt nội khí quản; tổn thương cột sống, sọ não, ngực, bụng...

- Sử dụng các máy theo dõi và chăm sóc người bệnh (monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim) bảo đảm đúng quy trình, hiệu quả, an toàn.

- Áp dụng được các tư thế an toàn khi vận chuyển bệnh nhân cấp cứu.

- Thực hiện được phòng ngừa phản vệ cho người bệnh trước khi dùng thuốc.

- Thực hiện được các tình huống sơ cứu thường gặp tại trạm y tế

### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Trung thực, khẩn trương, thận trọng, chính xác và an toàn trong quá trình xử trí cấp cứu người bệnh tại tuyến y tế cơ sở.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

- + Số bài kiểm tra: 01

- + Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, chấm điểm bài tập hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

- + Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ: 01 bài.

- + Số bài kiểm tra: 1 thực hành.

- + Hình thức kiểm tra: Thực hành quy trình hồi sức theo bảng kiểm.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày

trong kế hoạch bài giảng.

## **2. Thi kết thúc mô đun**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt)

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ III của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN**

### **I. Phạm vi áp dụng mô đun:**

Chương trình mô đun Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

## **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun**

### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, vấn đáp, thực hành, làm mẫu, đóng vai.

- Nhà giáo sử dụng các dụng cụ trực quan trong giảng dạy để người học tiếp thu những kiến thức liên quan một cách dễ dàng.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

## **2. Đối với người học**

- Có tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định;

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về giờ học và làm đầy đủ các bài tập về nhà;

- Sinh viên cần hoàn thành quy trình kỹ thuật về cấp cứu sau khi kết thúc một bài học và Nhà giáo có đánh giá kết quả của quy trình đó.

- Sinh viên tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực, trao đổi thảo luận tích cực, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến mô đun.

## **III. Những trọng tâm cần chú ý**

- Khi thực hiện kỹ thuật phải bảo đảm chính xác từng bước chuẩn của quy trình cấp cứu người bệnh.

## **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Phạm Đức Mục. Tài liệu đào tạo cấp cứu ngừng tuần hoàn cơ bản, Hà Nội: Hiệp Hội điều dưỡng Việt Nam; 2019.

2. Lương Ngọc Khuê. Tài liệu Đào tạo cấp cứu cơ bản, Bộ Y tế: NXB Y học; 2014.

3. Bộ Y tế. Quyết định số 1904/QĐ-BYT, ngày 30/5/2014 Quyết định về việc ban hành tài liệu "Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hồi sức - Cấp cứu và Chống độc", Hà Nội; 2014.

4. Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Tài liệu giảng dạy đào tạo liên tục Chăm sóc điều dưỡng tại trạm y tế theo nguyên tắc y học gia đình; 2020.

5. Bộ Y tế. Thông tư 51/2017/TT-BYT, ngày 29/12/2017 về hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ; 2017.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**

**Tên môn học:** Tiếng Anh nâng cao 1 (Advanced English1).

**Mã môn học:** 652820982.

**Thời gian thực hiện môn học:** 44 giờ (lý thuyết: 28 giờ; bài tập, thảo luận: 0; thực hành, thí nghiệm: 14 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn chuyên môn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ II.

#### **II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các kiến thức ngữ pháp: các thì từ cơ bản đến nâng cao; cụm động từ, các mẫu câu, từ vựng, các chủ đề bài đọc trong tài liệu;

2. Mô tả được các đề tài có liên quan đến cuộc sống hằng ngày như công việc, sở thích, trải nghiệm du lịch, văn hóa, thiên tai và các vấn đề mà thế giới đang đối mặt.

3. Phân biệt các thì cơ bản trong tiếng Anh như: thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Thực hành các kỹ năng giao tiếp như nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề quen thuộc hằng ngày như: mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình;

2. Vận dụng một số kiến thức ngữ pháp và từ vựng để giao tiếp, đồng thời phát triển kỹ năng giao tiếp linh hoạt, có khả năng đọc báo, tài liệu và viết các bài luận ngắn về chủ đề có liên quan; có thể xử lý hầu hết các tình huống phát sinh khi đi du lịch ở nước nói tiếng Anh.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành thái độ trung thực, nghiêm túc, có trách nhiệm trong học tập. Năng động, tự tin trong giao tiếp

2. Nhận thức rõ về sự cần thiết của việc học tiếng anh. Có động cơ học tập và nghiên cứu.

### C. NỘI DUNG MÔN HỌC

#### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên bài, mục                                                                                           | Thời gian (giờ) |           |                    |           |              |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------|--------------|
|    |                                                                                                        | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành | Thi/Kiểm tra |
| 1  | <b>Module 1: Work and Play</b>                                                                         | 14              | 9         |                    | 5         |              |
|    | 1. Grammar<br>1.1. Adverbs of manner<br>1.2. Simple Present/ Present Progressive<br>1.3. Stative verbs |                 | 2         |                    | 1         |              |

|   |                                                                                                                                                             |    |   |  |   |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|--|---|--|
|   | 2. Vocabulary<br>2.1. Jobs<br>2.2. Character adjectives<br>2.3. Hobbies<br>2.4. Sports<br>2.5. Student jobs                                                 |    | 2 |  | 1 |  |
|   | 3. Reading and listening<br>3.1. Hot Jobs<br>3.2. A job interview<br>3.3. Listening: multiple matching                                                      |    | 2 |  | 1 |  |
|   | 4. Speaking<br>4.1. Talking about jobs<br>4.2. Applying for jobs<br>4.3. Asking for/ giving personal details<br>4.4. Pronunciation: Intonation in questions |    | 2 |  | 1 |  |
|   | 5. Writing<br>5.1. Taking note about jobs<br>5.2. A cover letter, applying for a job                                                                        |    | 1 |  | 1 |  |
| 2 | <b>Module 2: Culture and Stories</b>                                                                                                                        | 14 | 9 |  | 5 |  |



|  |                                                                                                                                                              |  |   |  |   |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|--|---|--|
|  | 1. Grammar<br>1.1. Past Progressive<br>1.2. Past Progressive vs. Simple Past<br>1.3. Used to<br>2. Vocabulary                                                |  | 2 |  | 1 |  |
|  | 2.1. Culture activities & experiences<br>2.2. Travel experiences<br>2.3. The Internet<br>2.4. Social networking sites<br>2.5. Phrasal verbs: fall, get, give |  | 2 |  | 1 |  |
|  | 3. Reading and<br>3.1. John's Travel<br>3.2. Lady Gaga<br>3.3. Listening: multiple matching<br>3.4. Listening: identifying specific information              |  | 2 |  | 1 |  |

|   |                                                                                                                                                                             |    |    |  |     |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|--|-----|--|
|   | 4. Speaking<br>4.1. Talking about travel experiences<br>4.2. Talking about reading habits<br>4.3. Expressing opinions<br>4.4. Pronunciation: Intonation-Expressing feelings |    | 2  |  | 1   |  |
|   | 5. Writing<br>5.1. Writing a short account of a story<br>5.2. An e-mail about a concert you attended                                                                        |    | 1  |  | 1   |  |
| 3 | <b>Module 3: Helping hands</b>                                                                                                                                              | 14 | 10 |  | 4   |  |
|   | 1. Grammar<br>1.1. Present perfect / past simple<br>1.2. Present perfect vs past simple<br>1.3. -ing/-ed adjectives                                                         |    | 2  |  | 1   |  |
|   | 2. Vocabulary<br>2.1. World problems<br>2.2. Natural disasters<br>2.3. Social problems<br>2.4. Threats to animals species                                                   |    | 2  |  | 0,5 |  |

|   |                                                                                                                             |           |           |          |           |          |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|----------|-----------|----------|
|   | 3. Reading and listening<br>3.1. Haiti earthquake<br>3.2. Animal SOS<br>3.3. Listening for specific information             |           | 2         |          | 1         |          |
|   | 4. Speaking<br>4.1. Talk about disasters<br>4.2. Ask for and offer help/ Make suggestions<br>4.3. Pronunciation: homophones |           | 2         |          | 1         |          |
|   | 5. Writing<br>5.1. Write a short diary entry about a hurricane<br>5.2. Write information about the five oceans              |           | 2         |          | 0,5       |          |
| 4 | Kiểm tra định kỳ                                                                                                            | 1         |           |          |           | 1        |
| 5 | Thi kết thúc môn học                                                                                                        | 1         |           |          |           | 1        |
|   | <b>Cộng</b>                                                                                                                 | <b>44</b> | <b>28</b> | <b>0</b> | <b>14</b> | <b>2</b> |

## NỘI DUNG CHI TIẾT

### MODULE 1: WORK AND PALY

(Thời gian: 14giờ)

#### I. MỤC TIÊU

1. Trình bày được hình thức của thi hiện tại đơn và thi hiện tại tiếp diễn mang nghĩa tương lai; cách dùng trạng từ chỉ cách thức; Liệt kê các trường từ vựng về nghề nghiệp, sở thích, thể thao, tính cách.

2. Thực hành tốt các kỹ năng giao tiếp như nghe, nói, đọc, viết. Sử dụng vốn từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp để diễn đạt các vấn đề về công việc, nghề nghiệp, sở thích. Phát triển kỹ năng viết đơn xin việc.

3. Tích cực hợp tác trong học tập, phát huy tinh thần tự học, sáng tạo và ham học hỏi, trau dồi kiến thức.

## **II. NỘI DUNG BÀI(1)**

### **1. Grammar**

#### ***1.1. Adverbs of manner***

#### ***1.2. Simple Present/ Present Progressive***

#### ***1.3. Stative verbs***

### **2. Vocabulary**

#### ***2.1. Jobs***

#### ***2.2. Character adjectives***

#### ***2.3. Hobbies***

#### ***2.4. Sports***

#### ***2.5. Student jobs***

### **3. Reading and listening**

#### ***3.1. Hot Jobs***

#### ***3.2. A job interview***

#### ***3.3. Listening: multiple matching***

### **4. Speaking**

#### ***4.1. Talking about jobs***

#### ***4.2. Applying for jobs***

#### ***4.3. Asking for/ giving personal details***

#### ***4.4. Pronunciation: Intonation in questions***

### **5. Writing**

**5.1. Taking note about jobs****5.2. A cover letter, applying for a job****MODULE 2: CULTURE AND STORIES****(Thời gian: 14 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được hình thức của thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn, cấu trúc "used to"; Liệt kê các trường từ vựng về văn hóa, du lịch, Internet, mạng xã hội, các thói quen của bản thân.

2. Thực hành tốt các kỹ năng giao tiếp như nghe, nói, đọc, viết. Sử dụng vốn từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp để diễn đạt các kinh nghiệm du lịch, trải nghiệm văn hóa. Phát triển kỹ năng bày tỏ ý kiến, cảm xúc của bản thân.

3. Phát huy tinh thần tự học, sáng tạo và ham học hỏi, trau dồi kiến thức. Hình thành thái độ làm việc tích cực, có đạo đức trách nhiệm với công việc.

**II. NỘI DUNG BÀI(1)****1. Grammar****1.1. Past Progressive****1.2. Past Progressive vs. Simple Past****1.3. Used to****2. Vocabulary****2.1. Culture activities & experiences****2.2. Travel experiences****2.3. The Internet****2.4. Social networking sites****2.5. Phrasal verbs: fall, get, give****3. Reading and Listening****3.1. John's Travel****3.2. Lady Gaga**

**3.3. Listening: multiple matching****3.4. Listening: identifying specific information****4. Speaking****4.1. Talking about travel experiences****4.2. Talking about reading habits****4.3. Expressing opinions****4.4. Pronunciation: Intonation- Expressing feelings****5. Writing****5.1. Writing a short account of a story****5.2. An e-mail about a concert you attended****TEST****MODULE 3: HELPING HANDS****(Thời gian: 14 giờ)****I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày công thức và phân biệt cách sử dụng của thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn; phân biệt cách sử dụng tính từ “-ed” và “-ing”. Liệt kê, mô tả các trường từ vựng về thiên tai, về các vấn đề mà thế giới và xã hội đang phải đối mặt.

2. Thực hành tốt các kỹ năng giao tiếp như nghe, nói, đọc, viết. Sử dụng vốn từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp để nói về các thảm họa thiên nhiên hoặc các vấn đề mà thế giới đang phải đối mặt. Phát triển kỹ năng thuyết trình.

3. Nâng cao ý thức trong việc bảo vệ môi trường.

**II. NỘI DUNG BÀI(1)****1. Grammar****1.1. Present perfect / past simple****1.2. Present perfect vs past simple****1.3. -ing/-ed adjectives**

## **2. Vocabulary**

### **2.1. *World problems***

### **2.2. *Natural disasters***

### **2.3. *Social problems***

### **2.4. *Threats to animals species***

## **3. Reading and listening**

### **3.1. *Haiti earthquake***

### **3.2. *Animal SOS***

### **3.3. *Listening for specific information***

## **4. Speaking**

### **4.1. *Talk about disasters***

### **4.2. *Ask for and offer help/ Make suggestions***

### **4.3. *Pronunciation: homophones***

## **5. Writing**

### **5.1. *Write a short diary entry about a hurricane***

### **5.2. *Write information about the five oceans***

## **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

### **II. Trang thiết bị máy móc**

- Mạng internet, máy tính, máy chiếu, TV, loa,...

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- **Học liệu:** Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- **Dụng cụ, nguyên vật liệu:** Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

**IV. Các điều kiện khác:** Không.

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Nhận biết và sử dụng đúng các thì cơ bản và nâng cao trong tiếng Anh như hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, tương lai đơn, tương lai gần, tương lai hoàn thành ) thông qua các dấu hiệu nhận biết, cách chia động từ và ngữ cảnh sử dụng.

- Áp dụng linh hoạt các thì trên trong việc viết câu, đoạn văn hoặc trả lời câu hỏi có ngữ cảnh cụ thể.

- Nhận diện và sử dụng chính xác các cụm động từ thông dụng (phrasal verbs) như: look after, take off, turn on, break down, give up, v.v.

- Vận dụng được cấu trúc các mẫu câu thường gặp: câu điều kiện (loại 0, 1, 2), câu bị động, câu gián tiếp, câu so sánh (bằng, hơn, nhất), mệnh đề quan hệ, và câu với “wish”.

- Trình bày được thông tin liên quan đến các chủ đề quen thuộc như nghề nghiệp, sở thích cá nhân, hoạt động thường ngày và các mối quan hệ xã hội.

- Mô tả được trải nghiệm về du lịch, địa điểm tham quan, phương tiện di chuyển, văn hóa ẩm thực và phong tục tập quán của các vùng miền hoặc quốc gia.

- Diễn đạt được ý kiến và chia sẻ thông tin về các vấn đề toàn cầu như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, thiên tai và các hoạt động bảo vệ hành tinh.

#### **2. Kỹ năng**

- Phát triển các kỹ năng cơ bản như nghe, nói, đọc, viết, thảo luận, thuyết trình, kỹ năng vận dụng lý thuyết vào các bài tập thực hành cụ thể. Đánh giá kỹ năng của người học thông qua các bài tập trắc nghiệm và tự luận hoặc thuyết trình.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.



### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm. Nhận thức rõ về sự cần thiết của việc học tiếng Anh.

## **II. Phương pháp**

### **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết.

- Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

### **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

- Thời gian thi: 1 giờ.
- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ II của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).
- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Tiếng Anh nâng cao 1 được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực; kết hợp linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau để và phát huy tính tích cực của người học nhằm đạt được mục tiêu môn học.
- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

#### **2. Đối với người học**

- Đọc, nghiên cứu tài liệu và hoàn thành các nhiệm vụ được nhà giáo giao về nhà trước khi đến lớp. (2, 3)
- Tích cực tham gia các hoạt động được nhà giáo tổ chức trong lớp học để rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực ngôn ngữ.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

Môn học Tiếng Anh nâng cao 1 chú trọng phát triển năng lực ngôn ngữ cho người học nên cần quan tâm đến các hoạt động tích hợp để phát triển kỹ năng.

### **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Virginia Evans DJ. i- Discover 4. Hue: Hue Express Publising; 2016.
2. Virginia Evans DJ. i- Discover 3 Hue: Hue Express Publising; 2016.
3. Cambridge. A2 Key for school Trainers 2nd Edition. Cambridge: Cambridge University Press; 2020.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**

**Tên môn học:** Tiếng Anh nâng cao 2 (Advanced English 2).

**Mã môn học:** 652820992.

**Thời gian thực hiện môn học:** 44 giờ (lý thuyết: 28 giờ; bài tập, thảo luận: 0; thực hành, thí nghiệm: 14 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

**A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC****I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn tự chọn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ III.

**II. Tính chất**

Là môn học bắt buộc trong chương trình đào (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

**B. MỤC TIÊU MÔN HỌC****I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được các kiến thức ngữ pháp: các thì từ cơ bản đến nâng cao; các động từ khuyết thiếu; cụm động từ, mẫu câu, từ vựng, các chủ đề bài đọc trong tài liệu;

2. Mô tả được các đề tài có liên quan đến cuộc sống hằng ngày như thiên nhiên và môi trường, lối sống lành mạnh, trải nghiệm cuộc sống;

3. Phân biệt cách sử dụng thì hiện tại đơn và quá khứ đơn.

**II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Thực hành các kỹ năng giao tiếp như nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề quen thuộc hằng ngày như: mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình;

2. Vận dụng một số kiến thức ngữ pháp và từ vựng để giao tiếp, đồng thời phát triển kỹ năng giao tiếp linh hoạt, có khả năng đọc báo, tài liệu và viết về chủ đề có liên quan; có thể xử lý hầu hết các tình huống phát sinh khi đi du lịch ở nước nói tiếng Anh.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Hình thành thái độ trung thực, nghiêm túc, có trách nhiệm trong học tập. Năng động, tự tin trong giao tiếp.

2. Nhận thức rõ về sự cần thiết của việc học tiếng anh. Có động cơ học tập và nghiên cứu.

### C. NỘI DUNG MÔN HỌC

#### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên chương, mục                                                                     | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                     | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | <b>Module 1: Mother Nature</b>                                                      | 14              | 9         |                    | 5                     |              |
|    | 1. Grammar:<br>1.1. Will<br>1.2. Going to                                           |                 | 2         |                    | 1                     |              |
|    | 2. Vocabulary:<br>2.1. Weather<br>2.2. Types of accommodation<br>2.3. Phrasal verbs |                 | 2         |                    | 1                     |              |
|    | 3. Reading: T/F statements                                                          |                 | 2         |                    | 1                     |              |

| TT | Tên chương, mục                                                                                                              | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                                                              | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 4. Speaking:<br>4.1. Talking about the weather<br>4.2. Environmental problems                                                |                 | 2         |                    | 1                     |              |
|    | 5. Writing: global warming                                                                                                   |                 | 1         |                    | 1                     |              |
|    |                                                                                                                              |                 |           |                    |                       |              |
| 2  | <b>Module 2: Healthy mind, healthy body</b>                                                                                  | 14              | 9         |                    | 5                     |              |
|    | 1. Grammar:<br>1.1. Modal verbs<br>1.2. Past modals<br>2. Vocabulary:<br>2.1. Health problems<br>2.2. Remedies and solutions |                 | 2         |                    | 1                     |              |
|    | 3. Reading: reading for specific information                                                                                 |                 | 2         |                    | 1                     |              |
|    | 5. Writing: suggestions about health problems                                                                                |                 | 1         |                    | 1                     |              |
| 3  | <b>Module 3: Life experiences</b>                                                                                            | 14              | 10        |                    | 4                     |              |

| TT | Tên chương, mục                                                        | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                        | Tổng số         | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
|    | 1. Grammar:<br>1.1. Present perfect<br>1.2. Past simple                |                 | 2         |                    | 1                     |              |
|    | 2. Vocabulary:<br>2.1. Annoying habits<br>2.2. Problems with neighbors |                 | 2         |                    | 1                     |              |
|    | 3. Reading and listening: T/F statements                               |                 | 2         |                    | 0,5                   |              |
|    | 4. Speaking: talking about annoying situations                         |                 | 2         |                    | 0,5                   |              |
|    | 5. Writing: sentences about person you admire                          |                 | 2         |                    | 1                     |              |
| 4  | Kiểm tra định kỳ                                                       | 1               |           |                    |                       | 1            |
| 5  | Thi kết thúc môn học                                                   | 1               |           |                    |                       | 1            |
|    | <b>Cộng</b>                                                            | <b>44</b>       | <b>28</b> | <b>0</b>           | <b>14</b>             | <b>2</b>     |

### NỘI DUNG CHI TIẾT

#### MODULE 1: MOTHER NATURE

(Thời gian: 14 giờ)

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được hình thức của thì tương lai đơn (will), thì tương lai gần (be going to) và thì hiện tại tiếp diễn mang nghĩa tương lai. Liệt kê được những loại hình nhà ở, mô tả về thời tiết.

2. Thực hành tốt các kỹ năng giao tiếp như nghe, nói, đọc, viết. Sử dụng vốn từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp để diễn đạt các vấn đề môi trường;

3. Tích cực hợp tác trong học tập, phát huy tinh thần tự học, sáng tạo và ham học hỏi, trau dồi kiến thức.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

### **1. Grammar:**

#### ***1.1. Will***

#### ***1.2. Going to***

### **2. Vocabulary:**

#### ***2.1. Weather***

#### ***2.2. Types of accommodation***

#### ***2.3. Phrasal verbs***

### **3. Reading: T/F statements**

### **4. Speaking:**

#### ***4.1. Talking about the weather***

#### ***4.2. Environmental problems***

### **5. Writing: global warming**

## **MODULE 2: HEALTHY MIND, HEALTHY BODY**

**(Thời gian: 14 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày các loại động từ khiếm khuyết (Can - Can't - Could - (don't) have to - Must - Must not; should).



2. Thực hành tốt các kỹ năng giao tiếp như nghe, nói, đọc, viết. Sử dụng vốn từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp để mô tả các bệnh thường gặp, viết các bài thuốc, chia sẻ kinh nghiệm phòng, chữa bệnh.

3. Phát huy tinh thần tự học, sáng tạo và ham học hỏi, trau dồi kiến thức.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

### **1. Grammar:**

#### ***1.1. Modal verbs***

#### ***1.2. Past modals***

### **2. Vocabulary:**

#### ***2.1. Health problems***

#### ***2.2. Remedies and solutions***

### **3. Reading: reading for specific information**

### **4. Speaking:**

#### ***4.1. Talking about health problems***

#### ***4.2. Visiting the doctor***

### **5. Writing: suggestions about health problems**

## **MODULE 3: LIFE EXPERIENCES**

**(Thời gian: 14 giờ)**

## **I. MỤC TIÊU**

1. Liệt kê được công thức và phân biệt cách sử dụng của thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn đối với động từ hợp quy tắc và động từ bất quy tắc. Vận dụng vốn từ vựng để nói về các thói quen gây khó chịu cho những người sống xung quanh;

2. Thực hành tốt các kỹ năng giao tiếp như nghe, nói, đọc, viết. Sử dụng vốn từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp để viết về người mà em ngưỡng mộ nhất;

3. Tích cực hợp tác trong học tập, phát huy tinh thần tự học, sáng tạo và ham học hỏi, trau dồi kiến thức.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

**1. Grammar:****1.1. Present perfect****1.2. Past simple****2. Vocabulary:****2.1. Annoying habits****2.2. Problems with neighbors****3. Reading and listening: T/F statements****4. Speaking: talking about annoying situations****5. Writing: sentences about person you admire****D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC****I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm, có trang bị bảng, phấn, máy chiếu projector, máy vi tính, màn hình.

**II. Trang thiết bị máy móc**

- Mạng internet, máy tính, máy chiếu, TV, loa,...

**III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- **Học liệu:** Giáo trình và chương trình môn học, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.

- **Dụng cụ, nguyên vật liệu:** Giấy A0, A4, bút lông, bút dạ, phấn viết bảng, bút chì, nam châm, ...

**IV. Các điều kiện khác: Không.****E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ****I. Nội dung****1. Kiến thức**

- Sử dụng đúng các thì cơ bản và nâng cao trong tiếng Anh như: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành, tương lai đơn và tương lai gần.

- Nhận diện đúng cấu trúc và dấu hiệu nhận biết của thì hiện tại đơn (Present Simple) và thì quá khứ đơn (Past Simple) trong câu và đoạn văn.

- Áp dụng linh hoạt thì hiện tại đơn và quá khứ đơn trong bài viết và khi trả lời các câu hỏi mang tính mô tả hoặc thuật lại sự việc.

- Vận dụng chính xác các động từ khuyết thiếu thông dụng như: can, could, may, might, must, have to, should, ought to, would trong ngữ cảnh phù hợp.

- Hiểu và áp dụng được các cụm động từ (phrasal verbs) và các mẫu câu cơ bản như câu điều kiện, câu bị động, mệnh đề quan hệ, câu so sánh, trong các tình huống giao tiếp thực tế và bài đọc.

- Mô tả các hiện tượng thiên nhiên, vấn đề môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường như tái chế, tiết kiệm năng lượng, bảo tồn thiên nhiên.

- Diễn đạt được các thói quen tốt, chế độ ăn uống, hoạt động thể chất và tinh thần trong việc duy trì một lối sống lành mạnh.

- Chia sẻ và trình bày trải nghiệm cá nhân liên quan đến cuộc sống như chuyển đi, học tập, công việc tình nguyện, kỹ năng sống hoặc những sự kiện đáng nhớ.

## **2. Kỹ năng**

- Phát triển các kỹ năng cơ bản như nghe, nói, đọc, viết, thảo luận, thuyết trình, kỹ năng vận dụng lý thuyết vào các bài tập thực hành cụ thể. Đánh giá kỹ năng của người học thông qua các bài tập trắc nghiệm và tự luận hoặc thuyết trình.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả.

## **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học. Trung thực với kết quả làm việc nhóm. Nhận thức rõ về sự cần thiết của việc học tiếng Anh.

## **II. Phương pháp**

## **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên:

+ Số bài kiểm tra: 01.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 1 bài lý thuyết.

- Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

- Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

## **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian môn học; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ III của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc môn học: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ

chức hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CĐKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Tiếng Anh nâng cao 2 được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **1. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực; kết hợp linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau để và phát huy tính tích cực của người học nhằm đạt được mục tiêu môn học.

- Phương pháp hướng dẫn thực hành theo trình tự của quy trình hướng dẫn kỹ năng.

#### **2. Đối với người học**

- Đọc, nghiên cứu tài liệu và hoàn thành các nhiệm vụ được nhà giáo giao về nhà trước khi đến lớp. (2, 3)

- Tích cực tham gia các hoạt động được nhà giáo tổ chức trong lớp học để rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực ngôn ngữ.

- Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý**

Môn học Tiếng Anh nâng cao 2 chú trọng phát triển năng lực ngôn ngữ cho người học nên cần quan tâm đến các hoạt động tích hợp để phát triển kỹ năng.

### **IV. Tài liệu tham khảo**

1.Dooley VEJ. i-Discover 5: Express Publishing; 2016.

2.Virginia Evans DJ. i- Discover 4. Hue: Hue Express Publising; 2016.

3.Cambridge. A2 Key for school Trainers 2nd Edition. Cambridge: Cambridge University Press; 2018.

**V. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Chăm sóc giảm nhẹ (Palliative Care).

**Mã môn học:** 651420100.

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (lý thuyết: 13 giờ; bài tập, thảo luận: 0 giờ; thực hành, thí nghiệm: 30 giờ; kiểm tra: 1 giờ; thi: 1 giờ).

### **A. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC**

#### **I. Vị trí**

Đây là môn học thuộc nhóm các môn tự chọn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao), môn học được bố trí thực hiện trong học kỳ V.

#### **II. Tính chất**

Là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **B. MỤC TIÊU MÔN HỌC**

#### **I. Yêu cầu về kiến thức**

1. Trình bày được định nghĩa, phạm vi, nguyên tắc đánh giá của chăm sóc giảm nhẹ.
2. Trình bày được định nghĩa, phân loại, đánh giá và điều trị đau.
3. Trình bày được cách đánh giá và giảm nhẹ các đau khổ thể chất khác, tâm lý, xã hội và tâm linh.
4. Trình bày được nguyên tắc, biện pháp trong chăm sóc giảm nhẹ trong các bệnh lý cụ thể (ung thư, HIV, sa sút trí tuệ,..), bệnh cấp cứu, bệnh nhi, người bệnh cuối đời.

#### **II. Yêu cầu về kỹ năng**

1. Nhận định và xác định được những vấn đề cần ưu tiên chăm sóc giảm nhẹ trên mỗi người bệnh.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc giảm nhẹ trên người bệnh.
3. Tư vấn, hướng dẫn người bệnh và gia đình phát huy những thói quen có lợi, loại bỏ những thói quen không có lợi cho sức khỏe trong quá trình chăm sóc.
4. Lồng ghép chăm sóc giảm nhẹ vào hệ thống chăm sóc sức khỏe.

### III. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

1. Tự giác, chủ động, mạnh dạn tiếp xúc với người bệnh, với cộng đồng; tự tin trong truyền thông giao tiếp, giáo dục sức khỏe cho người bệnh.
2. Có tinh thần học tập tích cực, tự học, tự nghiên cứu, tham gia có hiệu quả các hoạt động học tập.

## C. NỘI DUNG MÔN HỌC

### NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

| TT | Tên chương, mục                                                                             | Thời gian (giờ) |           |                    |                       |              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|--------------------|-----------------------|--------------|
|    |                                                                                             | Tổng số         | Lý thuyết | Thảo luận, bài tập | Thực hành, thí nghiệm | Thi/Kiểm tra |
| 1  | Chương 1: Giới thiệu về chăm sóc giảm nhẹ                                                   | 1               | 1         |                    |                       |              |
|    | 1. Định nghĩa và phạm vi của chăm sóc giảm nhẹ<br>2. Các nguyên tắc trong chăm sóc giảm nhẹ | 0,5             | 0,5       |                    |                       |              |



|   |                                                                                                      |     |     |  |   |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | 3. Tiếp cận người bệnh cần đến chăm sóc giảm nhẹ                                                     | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
| 2 | Chương 2: Đánh giá chăm sóc giảm nhẹ                                                                 | 3   | 1   |  | 2 |  |
|   | 1. Nguyên tắc                                                                                        | 0,5 | 0,5 |  |   |  |
|   | 2. Các bước đánh giá chăm sóc giảm nhẹ                                                               | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
| 3 | Chương 3: Đánh giá và điều trị đau                                                                   | 6   | 2   |  | 4 |  |
|   | 1. Định nghĩa đau<br>2. Phân loại đau và nguyên nhân đau<br>3. Đánh giá đau                          | 3   | 1   |  | 2 |  |
|   | 4. Điều trị giảm đau<br>5. Đau ở người bệnh có tiền sử rối loạn sử dụng chất                         | 3   | 1   |  | 2 |  |
| 4 | Chương 4: Đánh giá và giảm nhẹ các đau khổ thể chất khác, tâm lý, xã hội và tâm linh.                | 6   | 2   |  | 4 |  |
|   | 1. Đánh giá và giảm nhẹ triệu chứng đau khổ về thể chất<br>2. Đánh giá và giảm nhẹ đau khổ về tâm lý | 3   | 1   |  | 2 |  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |   |  |   |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|--|
|   | <p>3. Đánh giá và can thiệp đau khổ và khó khăn về mặt xã hội</p> <p>4. Đánh giá và điều trị đau khổ về tâm linh</p>                                                                                                                                                         | 3 | 1 |  | 2 |  |
| 5 | Chương 5: Chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh với các bệnh lý cụ thể                                                                                                                                                                                                            | 6 | 2 |  | 4 |  |
|   | <p>1. Chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư</p> <p>2. Chăm sóc giảm nhẹ cho người nhiễm HIV</p> <p>3. Chăm sóc giảm nhẹ cho những người mắc bệnh lao đa kháng thuốc và siêu kháng thuốc (M/XDR-TB)</p> <p>4. Chăm sóc giảm nhẹ cho người mắc bệnh phổi giai đoạn cuối</p> | 3 | 1 |  | 2 |  |
|   | <p>6. Chăm sóc giảm nhẹ cho người sa sút trí tuệ</p> <p>7. Chăm sóc giảm nhẹ cho người cao tuổi suy yếu/dễ bị tổn thương</p> <p>8. Chăm sóc giảm nhẹ cho những người bị chấn thương hoặc bệnh hiểm nghèo</p>                                                                 | 3 | 1 |  | 2 |  |

|   |                                                                                                                                      |     |     |  |   |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|--|
|   | 5. Chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh suy tim giai đoạn cuối                                                                           |     |     |  |   |  |
| 6 | Chương 6: Những cấp cứu thường gặp trong chăm sóc giảm nhẹ                                                                           | 6   | 2   |  | 4 |  |
|   | 1. Con đau nguy cấp/cơn khủng hoảng đau<br>2. Khó thở nặng và khó điều trị ở người bệnh hấp hối<br>3. Xuất huyết ồ ạt                | 3   | 1   |  | 2 |  |
|   | 4.Chèn ép tủy<br>5. Co giật                                                                                                          | 3   | 1   |  | 2 |  |
| 7 | Chương 7: Chăm sóc giảm nhẹ nhi khoa                                                                                                 | 5   | 1   |  | 4 |  |
|   | 1. Các nguyên tắc<br>2. Các giai đoạn phát triển<br>3. Đánh giá và điều trị đau ở trẻ em<br>4. Dự phòng và điều trị đau do thủ thuật | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |
|   | 5. Đánh giá và giảm các triệu chứng khác ở trẻ em<br>6. Hỗ trợ tâm lý xã hội cho trẻ em điều trị ở người bệnh hấp hối                | 2,5 | 0,5 |  | 2 |  |

|    |                                                                                                                                                                         |     |     |  |   |   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|---|---|
| 8  | Chương 8: Điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ                                                                                                                            | 5   | 1   |  | 4 |   |
|    | 1. Đánh giá điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ<br>2. Biện hộ/lên tiếng vì lợi ích của người bệnh (health advocacy)<br>3. Liều cứu hộ morphin<br>4. Đường truyền dưới da | 2,5 | 0,5 |  | 2 |   |
|    | 5. Chăm sóc vết thương<br>6. Hỗ trợ cảm xúc cho người bệnh và người nhà<br>7. Giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người chăm sóc                                        | 2,5 | 0,5 |  | 2 |   |
| 9  | Chương 9: Chăm sóc cuối đời                                                                                                                                             | 5   | 1   |  | 4 |   |
|    | 1. Thảo luận kế hoạch chăm sóc y tế cho tương lai<br>2. Kế hoạch xuất viện                                                                                              | 2,5 | 0,5 |  | 2 |   |
|    | 3. Chuẩn bị cho các thành viên gia đình khi người bệnh ở giai đoạn cuối                                                                                                 | 2,5 | 0,5 |  | 2 |   |
| 10 | Kiểm tra định kỳ                                                                                                                                                        | 1   |     |  |   | 1 |
| 11 | Thi kết thúc môn học                                                                                                                                                    | 1   |     |  |   | 1 |

|  |             |           |           |  |           |          |
|--|-------------|-----------|-----------|--|-----------|----------|
|  | <b>Cộng</b> | <b>45</b> | <b>13</b> |  | <b>30</b> | <b>2</b> |
|--|-------------|-----------|-----------|--|-----------|----------|

## **NỘI DUNG CHI TIẾT**

### **CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ CHĂM SÓC GIẢM NHẸ**

**(Thời gian: 1 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa và phạm vi, các nguyên tắc, cách tiếp cận người bệnh trong chăm sóc giảm nhẹ.
2. Vận dụng được cách tiếp cận người bệnh cần chăm sóc giảm nhẹ.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

#### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

- 1. Định nghĩa và phạm vi của chăm sóc giảm nhẹ**
- 2. Các nguyên tắc trong chăm sóc giảm nhẹ**
- 3. Tiếp cận người bệnh cần đến chăm sóc giảm nhẹ**

### **CHƯƠNG 2: ĐÁNH GIÁ CHĂM SÓC GIẢM NHẸ**

**(Thời gian: 3 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nguyên tắc đánh giá và các bước đánh giá chăm sóc giảm nhẹ.
2. Vận dụng được đánh giá người bệnh trong chăm sóc giảm nhẹ.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

#### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

- 1. Nguyên tắc**
- 2. Các bước đánh giá chăm sóc giảm nhẹ**

## **CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU TRỊ ĐAU**

**(Thời gian: 6 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được định nghĩa đau, phân loại đau và nguyên nhân đau, đánh giá và điều trị đau.
2. Vận dụng được cách đánh giá và điều trị đau.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

#### **1. Định nghĩa đau**

#### **2. Phân loại đau và nguyên nhân đau**

##### ***2.1. Phân loại đau***

##### ***2.2. Các nguyên nhân gây đau***

#### **3. Đánh giá đau**

#### **4. Điều trị giảm đau**

##### ***4.1. Đánh giá chung***

##### ***4.2. Nguyên tắc điều trị đau bằng thuốc***

##### ***4.3. Thang giảm đau 3 bậc***

##### ***4.4. Liều dùng các thuốc giảm đau***

#### **5. Đau ở người bệnh có tiền sử rối loạn sử dụng chất**

## **CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ VÀ GIẢM NHẸ CÁC ĐAU KHỔ THỂ CHẤT KHÁC, TÂM LÝ, XÃ HỘI VÀ TÂM LINH.**

**(Thời gian: 6 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được cách đánh giá và giảm nhẹ triệu chứng đau khổ về thể chất, đau khổ về tâm lý, đau khổ và khó khăn về mặt xã hội, tâm linh.

2. Vận dụng được đánh giá và giảm nhẹ triệu chứng đau khổ về thể chất, đau khổ về tâm lý, đau khổ và khó khăn về mặt xã hội, tâm linh.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

**1. Đánh giá và giảm nhẹ triệu chứng đau khổ về thể chất**

**2. Đánh giá và giảm nhẹ đau khổ về tâm lý**

**3. Đánh giá và can thiệp đau khổ và khó khăn về mặt xã hội**

**4. Đánh giá và điều trị đau khổ về tâm linh**

## **CHƯƠNG 5: CHĂM SÓC GIẢM NHẸ CHO NGƯỜI BỆNH VỚI CÁC BỆNH LÝ CỤ THỂ**

**(Thời gian: 6 giờ)**

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nội dung chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư, chăm sóc giảm nhẹ cho người nhiễm HIV.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư, chăm sóc giảm nhẹ cho người nhiễm HIV.

3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

**1. Chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư**

**2. Chăm sóc giảm nhẹ cho người nhiễm HIV**

**3. Chăm sóc giảm nhẹ cho những người mắc bệnh lao đa kháng thuốc và siêu kháng thuốc (M/XDR-TB)**

**4. Chăm sóc giảm nhẹ cho người mắc bệnh phổi giai đoạn cuối**

**5. Chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh suy tim giai đoạn cuối**

**6. Chăm sóc giảm nhẹ cho người sa sút trí tuệ**

**7. Chăm sóc giảm nhẹ cho người cao tuổi suy yếu/dễ bị tổn thương**

## **8. Chăm sóc giảm nhẹ cho những người bị chấn thương hoặc bệnh hiểm nghèo**

### **CHƯƠNG 6: NHỮNG CẤP CỨU THƯỜNG GẶP TRONG CHĂM SÓC GIẢM NHẸ**

**(Thời gian: 6 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được nội dung cơn đau nguy cấp/cơn khủng hoảng đau, khó thở nặng và khó điều trị ở người bệnh hấp hối
2. Chăm sóc được xuất huyết ồ ạt, chèn ép tủy, co giật trên tình huống giả định.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh.

#### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

1. Cơn đau nguy cấp/cơn khủng hoảng đau
2. Khó thở nặng và khó điều trị ở người bệnh hấp hối
3. Xuất huyết ồ ạt
4. Chèn ép tủy
5. Co giật

### **CHƯƠNG 7: CHĂM SÓC GIẢM NHẸ NHI KHOA**

**(Thời gian: 5 giờ)**

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được các nguyên tắc trong chăm sóc giảm nhẹ nhi khoa, các giai đoạn phát triển của trẻ em, đánh giá và điều trị đau ở trẻ em.
2. Vận dụng được cách hỗ trợ tâm lý xã hội cho trẻ em.
3. Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh

#### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**



1. Các nguyên tắc
2. Các giai đoạn phát triển
3. Đánh giá và điều trị đau ở trẻ em
4. Dự phòng và điều trị đau do thủ thuật
5. Đánh giá và giảm các triệu chứng khác ở trẻ em
6. Hỗ trợ tâm lý xã hội cho trẻ em điều trị ở người bệnh hấp hối

## **CHƯƠNG 8: ĐIỀU DƯỠNG TRONG CHĂM SÓC GIẢM NHẸ**

(Thời gian: 5 giờ)

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được cách đánh giá điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ.
2. Vận dụng được được cách biện hộ/lên tiếng vì lợi ích của người bệnh (health advocacy), cách sử dụng liều cứu hộ morphin, cách chăm sóc người bệnh có đường truyền dưới da...
3. Nhận thức được tầm quan trọng của điều dưỡng chăm sóc giảm nhẹ

### **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

1. Đánh giá điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ
2. Biện hộ/lên tiếng vì lợi ích của người bệnh (health advocacy)
3. Liều cứu hộ morphin
4. Đường truyền dưới da
5. Chăm sóc vết thương
6. Hỗ trợ cảm xúc cho người bệnh và người nhà
7. Giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người chăm sóc

## **CHƯƠNG 9: CHĂM SÓC CUỐI ĐỜI**

(Thời gian: 5 giờ)

### **I. MỤC TIÊU**

1. Trình bày được cách thảo luận kế hoạch chăm sóc y tế cho tương lai, kế hoạch xuất viện cho người bệnh chăm sóc giảm nhẹ.

2. Vận dụng được cách chuẩn bị cho các thành viên gia đình khi người bệnh ở giai đoạn cuối.

3. Nhận thức được tầm quan trọng của chăm sóc người bệnh cuối đời.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG (1)**

### **1. Thảo luận kế hoạch chăm sóc y tế cho tương lai**

### **2. Kế hoạch xuất viện**

### **3. Chuẩn bị cho các thành viên gia đình khi người bệnh ở giai đoạn cuối**

## **D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phòng học chuyên môn, nhà xưởng**

- Học lý thuyết: Phòng học phù hợp cho hoạt động học tập theo nhóm.
- Học thực hành: Tại phòng Thực hành điều dưỡng.

### **II. Trang thiết bị máy móc**

Tivi, máy vi tính.

### **III. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

- Học lý thuyết: Phần, bảng, bút dạ, giấy Ao, A4. Giáo trình, chương trình môn, các tài liệu tham khảo chuyên ngành.
- Học thực hành: Bảng kiểm thực hành, các mô hình điều dưỡng đa năng, các loại dụng cụ và vật tư y tế, các loại máy móc sử dụng trong y tế.

### **IV. Các điều kiện khác: Không.**

## **E. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP, ĐÁNH GIÁ**

### **I. Nội dung**

#### **1. Kiến thức**

- Định nghĩa và phạm vi, các nguyên tắc, cách tiếp cận người bệnh; đánh giá và các bước đánh giá trong chăm sóc giảm nhẹ.

- Định nghĩa đau, phân loại đau và nguyên nhân đau, đánh giá và điều trị đau.
- Cách đánh giá và giảm nhẹ triệu chứng đau khổ về thể chất, đau khổ về tâm lý, đau khổ và khó khăn về mặt xã hội, tâm linh.
- Chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư, chăm sóc giảm nhẹ cho người nhiễm HIV.
- Con đau nguy cấp/con khủng hoảng đau, khó thở nặng và khó điều trị ở người bệnh hấp hối.
- Nguyên tắc trong chăm sóc giảm nhẹ nhi khoa, các giai đoạn phát triển của trẻ em, đánh giá và điều trị đau ở trẻ em.
- Chăm sóc y tế cho tương lai, kế hoạch xuất viện cho người bệnh chăm sóc giảm nhẹ.

## **2. Kỹ năng**

- Vận dụng được cách đánh giá và điều trị đau.
- Đánh giá và giảm nhẹ triệu chứng đau khổ về thể chất, đau khổ về tâm lý, đau khổ và khó khăn về mặt xã hội, tâm linh.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư, chăm sóc giảm nhẹ cho người nhiễm HIV.
- Chăm sóc được xuất huyết ồ ạt, chèn ép tủy, co giật trên tình huống giả định.
- Vận dụng được cách hỗ trợ tâm lý xã hội cho trẻ em.
- Vận dụng được cách chuẩn bị cho các thành viên gia đình khi người bệnh ở giai đoạn cuối.

## **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh nhẹn, trung thực và bảo đảm an toàn trong chăm sóc người bệnh
- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận vấn đề, tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khoa học.

## **II. Phương pháp**

## **1. Kiểm tra thường xuyên và định kỳ**

- Đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

+ Số bài kiểm tra: 01.

+ Hình thức kiểm tra: Đánh giá người học thông qua kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), kiểm tra một số nội dung thực hành, hoặc kiểm tra, đánh giá kết hợp các hình thức trên. Với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Thực hiện kiểm tra, đánh giá ngay trong quá trình giảng dạy và được ghi vào kế hoạch bài giảng.

- Đối với kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Số bài kiểm tra: 01 bài lý thuyết.

+ Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận.

+ Thời gian kiểm tra: 1 giờ.

- Đề kiểm tra, đáp án và công cụ kiểm tra, đánh giá định kỳ được trình bày trong kế hoạch bài giảng.

## **2. Thi kết thúc môn học**

- Điều kiện dự thi: Thí sinh phải tham gia học tập ít nhất 80% thời gian mô đun; hoàn thành tất các bài kiểm tra với số điểm trung bình từ 5 trở lên (thang điểm 10) và hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của nhà trường (trường hợp không thể hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời hạn thì sinh viên phải có đơn đề nghị gia hạn thời gian đóng học phí và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt).

- Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan.

- Thời gian thi: 1 giờ.

- Thời gian hoàn thành ngân hàng đề thi: Học kỳ V của chương trình đào tạo hoặc theo kế hoạch của phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (nếu có).

- Các sinh viên đủ điều kiện và đăng ký thực hiện Bài tập lớn thay cho thi kết thúc mô đun: Thực hiện theo Quy định quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa

học của học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 1573/QĐ-CDKT ngày 14/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum.

## **F. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC**

### **I. Phạm vi áp dụng môn học**

Chương trình môn học Chăm sóc giảm nhẹ được sử dụng đào tạo (chất lượng cao) ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng, hệ chính quy.

### **II. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

#### **2. Đối với nhà giáo**

- Nhà giáo sử dụng phương pháp giảng dạy: thuyết trình, vấn đáp, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm; đặc biệt chú ý liên hệ thực tế và phát huy tính tích cực của sinh viên....

#### **2. Đối với người học**

- Nghiên cứu, thảo luận nhóm, quan sát, động não trả lời câu hỏi.

- Người học tìm hiểu trước giáo trình Chăm sóc giảm nhẹ, tích cực trao đổi thảo luận, hoạt động nhóm mở rộng kiến thức và tìm hiểu thêm một số tài liệu liên quan đến môn học này.

### **III. Những trọng tâm cần chú ý: Không.**

### **IV. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế. Quyết định về việc ban hành Hướng dẫn chăm sóc giảm nhẹ. 2022.

### **V. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không.**